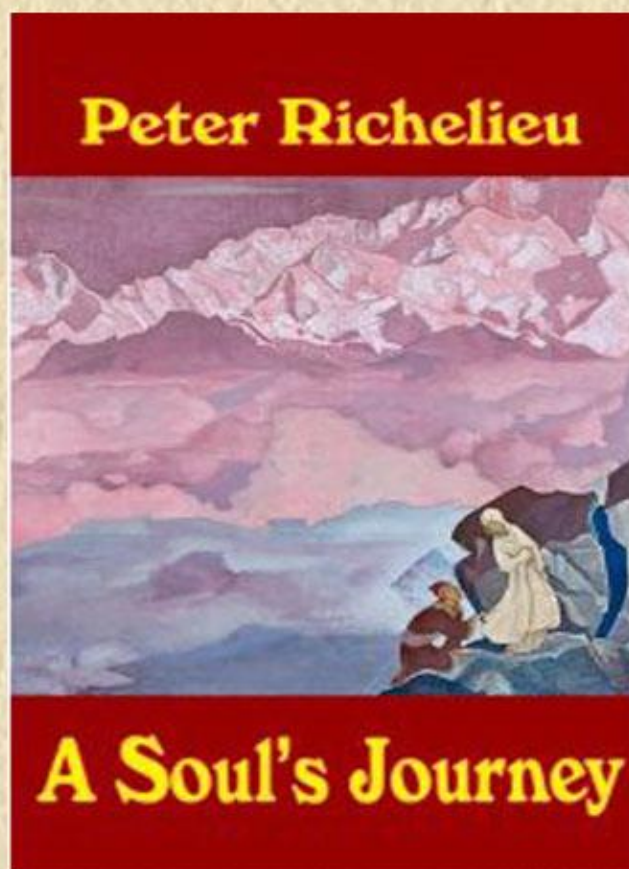


Hành trình Một Linh hồn



Peter Richelieu
Thanh Thiên dịch

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	2
DẪN NHẬP	3
LỜI GIỚI THIỆU	4
MỞ ĐẦU	5
CHƯƠNG MỘT	9
CHƯƠNG HAI	16
CHƯƠNG BA	25
CHƯƠNG BỐN	35
CHƯƠNG NĂM	49
CHƯƠNG SÁU	55
CHƯƠNG BẢY	63
CHƯƠNG TÁM.....	87
CHƯƠNG CHÍN	98
CHƯƠNG MƯỜI	118
CHƯƠNG MƯỜI MỘT	130
GHI CHÚ.....	142

DẪN NHẬP

Ấn bản thứ nhất của sách mang tên *'From the Turret'*, tác giả Peter Richelieu, phát hành năm 1953. Sau đó sách đổi tên và những ấn bản mới về sau có tựa là *'A Soul's Journey'*, và có thay đổi chút ít về nội dung so với ấn bản năm 1953. Bản dịch Việt ngữ dựa theo ấn bản đầu tiên *'From the Turret'* lẫn ấn bản *'A Soul's Journey'*, người dịch tin là độc giả sẽ mê say theo dõi cùng khám phá ra giá trị lớn lao của sách. Nội dung cho hiểu biết quý báu về đời sống sau khi chết, và do vậy làm ta bình tâm, có xử sự đúng cách với việc sẽ đến của kiếp người.

Chuyện được xuất bản nhằm giúp người Việt khắp nơi có thêm tài liệu về Minh Triết Thiêng Liêng (MTTL) còn gọi là Thông Thiên Học (Theosophia). Xin khuyến khích quý độc giả tìm đọc bản Anh ngữ *'A Soul's Journey'*, sách đã được tái bản năm 2011 và cũng có thể mượn xem trong thư viện các chi bộ hội Theosophy có rải rác quanh thế giới, nhất là tại các thành phố lớn; hoặc mua sách second hand trên internet. Hai tác phẩm khác đi kèm với quyển này cho thêm hiểu biết hữu ích về hai luật căn bản Luân Hồi và Nhân Quả là *'Vòng Tái Sinh – The Wheel of Rebirth'* (H.K. Challoner) và *'Ba Người Lính – We Know These Men'* (Winfred Brandon). Quyển trước đã xuất bản thành sách, và bản dịch hai quyển có đăng trên trang web phungsutheosophia.org. Xin mời bạn vào xem.

Sách còn đề cập tới tinh linh, tiên nữ và thiên thần. Bạn có thể tìm hiểu thêm về những sinh vật này trong hai chuyện *Thế Giới Thiên Thần*, *Cuộc Sống Ngoạn Mục của Tinh Linh*, cũng trên trang web.

Sách được phát hành không nhằm mục đích thương mại. Kính mong độc giả tiếp tay truyền bá MTTL bằng cách giới thiệu tác phẩm đến bạn hữu, thân nhân.

LỜI GIỚI THIỆU

Mặc dù tôi không phải là một nhà văn và cũng không hề có tài năng hay kinh nghiệm gì về viết văn, quyển sách này được cho ra đời không chút ngại ngùng vì tôi làm theo lệnh của một Vị mà tôi thấy cần phải vâng lời.

Phần của sách chứa đựng nhiều điều thích thú hấp dẫn người đọc nhất sẽ bắt đầu từ Chương Bốn. Cho ai không hề nhớ chút gì về những việc mình đã làm trong lúc ngủ, những chương sách này chứa đựng nhiều điều hoàn toàn mới lạ. Có điều tôi phải nói là bởi nhiều việc cần giải thích cặn kẽ, độc giả được khuyến khích là đừng đọc lướt qua một cách vội vã những chương đầu, để mong sớm tới chương hấp dẫn phía sau! Những chương mở đầu ghi lại câu chuyện với một bậc thầy người Ấn, có chứa đầy ắp những dữ kiện thiết yếu mà độc giả cần biết để hiểu rõ các chương sau, cũng như chúng là chìa khóa giải thích nhiều điều xảy tới cho chúng ta vào lúc này hay lúc kia trong đời. Ai đọc các chương mở đầu chậm rãi, kỹ càng và thường xuyên xem trở lại chúng sẽ thu thập trọn vẹn những chi tiết tổng quát, cũng như là có được căn bản vững chắc để thông hiểu dễ dàng phần chuyện tiếp theo các chương ấy.

Khi viết lại kinh nghiệm của mình tôi không tô điểm trau chuốt gì thêm, nếu những kinh nghiệm này giúp được vài người trong các bạn hiểu được ý nghĩa của cuộc sống và thấy được an ủi, nếu nó cho bạn hiểu biết về sự tiến hóa của loài thú, khiến bạn thấy có lý do để làm bạn với thú vật, thì quyển sách được viết ra không đến nỗi vô ích.

Peter Richelieu.

MỞ ĐẦU

Đó là ngày 7-7-1941, tôi vẫn còn xúc động về điện tín mà tôi nhận được ba ngày trước đây của Sở Chiến Tranh từ London, báo tin rằng Charles, người em trai yêu quý của tôi đã tử nạn trong lúc thi hành công tác ở Anh. Cậu em chỉ mới hai mươi ba tuổi, gia nhập Không Lực Hoàng Gia Anh hơn một năm trước và là phi công trong binh chủng này. Đương nhiên là chúng tôi rất hãnh diện về Charles, bởi thanh niên nào lại không muốn gia nhập không quân ở lứa tuổi hai mươi, khỏe mạnh và hăng hái đóng góp phần mình cho tổ quốc? Lẽ tự nhiên chúng tôi biết rằng cuộc đời phi công đầy bất trắc nhưng chúng tôi tin là sẽ không có gì xảy tới cho Charles. Thói thường ai cũng nghĩ như vậy cho người mình thương, và Charles với tôi thân thiết với nhau từ hồi nào đến giờ, thân hơn so với những cặp anh em khác, dù cách nhau đến mười tuổi.

Tôi còn nhớ lần đầu tiên Charles hãnh diện cho hay là vừa hạ được chiếc phi cơ địch số một của mình. Khi ấy chúng tôi không nghĩ ra rằng nỗi vui của mình là nỗi buồn của người khác, nhưng tin vừa nhận được về Charles đã bắt buộc chúng tôi nhận ra điều trên. Con xúc động ban đầu về cái chết của Charles quả thật lớn lao, và giờ đây, lần đầu tiên trong đời tôi thấy lòng cay đắng với Thượng Đế, với đấng Cha Lành mà ai cũng suýt soa nói. Làm sao Ngài có thể được gọi là Cha Lành khi để cho chiến tranh xảy ra?

Gia đình tôi theo đạo Công giáo tuy không theo sát cho lắm, và tôi chấp nhận nhiều điều một cách tự nhiên như đa số người Thiên Chúa giáo khác. Tôn giáo là một phần trong đời sống con người, thông thường ta ít suy nghĩ về chuyện là người Thiên Chúa giáo thì phải làm gì. Đây là lần đầu tiên tôi ngồi suy nghĩ về những điều ấy, và cảm thấy không muốn đi nhà thờ nữa, và càng không muốn gặp một giáo sĩ nào. Tôi không muốn cầu nguyện, tại sao chứ? Thượng đế đã lấy mất đi người mà tôi yêu quý nhất trên đời, và tuy là không nguyên rửa Thượng đế nhưng tôi gần tới mức là ghét bỏ Thượng đế. Một người bạn đã nói với tôi rằng Charles nay đã đứng ngoài cuộc chiến rồi, rằng thế giới bên kia chắc chắn là chỗ tốt đẹp hơn thế giới này hiện nay, và rằng tôi cần phải tạ ơn Trời mới đúng. Nhưng tôi không hề thấy phải cảm ơn Trời, tôi đã mong đợi biết bao để thấy lại được gương mặt rạng rỡ và tiếng cười sung sướng của em tôi trong lần về phép tới của hắn, kỳ nghỉ phép mà hai chúng tôi đã bàn tính sẽ dành thì giờ chung với nhau. Tương lai bây giờ chỉ là khoảng không trống rỗng mà thôi.

Tôi đang ở trong tâm trạng ấy vào một buổi sáng không thể nào quên được hồi vài tuần trước, đó là ngày mà *Vị* ấy tới. Vào lúc này nhìn lại những thay đổi đã xảy ra cho mình, tôi có cảm tưởng như sự việc có thể đã xảy ra trong kiếp trước tuy nhiên tôi có thể nhớ kỹ từng chi tiết một, và sẽ còn nhớ mãi tới ngày cuối của cuộc đời. Tôi sẽ ráng kể cho bạn nghe y hệt chuyện gì đã xảy ra, nhưng nếu sự trình bày không được gãy gọn cho lắm thì xin bạn hãy thứ lỗi cho, vì tôi chưa bao giờ thử viết chuyện cả, và bây giờ viết chỉ vì tôi muốn những người khác đang tìm kiếm được an ủi giống như tôi đã được an ủi vậy.

Vào khoảng 11 giờ sáng hôm đó có tiếng gõ cửa, người giúp việc cho hay có một ông chờ ở dưới nhà muốn được gặp tôi.

– Ông ta ra sao? tôi hỏi. Người giúp việc đáp.

– Thưa ông đó là người lạ, tôi đoán ông ta muốn xin xỏ chuyện gì.

Tôi bảo người giúp việc trở xuống hỏi xem ông khách muốn chi rồi lên cho tôi hay. Lúc quay trở lại người giúp việc bảo rằng ông khách lạ muốn nhắn một tin và chỉ nói thẳng với tôi mà thôi, nên tôi kêu người giúp việc mang ông khách lên mà có chút bọc bối trong lòng.

Dù là sau buổi ấy tôi đã gặp nhân vật này rất thường, tôi vẫn thấy khó mà tả về ông, nhưng tôi sẽ ráng nói cho bạn biết. Ông dong dong cao, chừng bốn mươi lăm tuổi và có râu quai nón. Ta có thể nói không sai rằng ông người miền Bắc Ấn Độ, tuy nước da ông trắng gần như da tôi. Ông mặc y phục đơn giản của người Ấn bằng loại vải có màu mà thoạt trông tưởng là bị dơ, nhưng khi nhìn kỹ thì thấy sạch bong không một vết dơ nào cả. Chân ông mang sandal và đầu quấn khăn.

Tôi cho người giúp việc đi ra và mời khách lạ ngồi. Ông ngồi xuống nhưng không ngồi vào ghế tôi đưa tay chỉ mà ngồi ngay xuống sàn thảm, xếp khoanh chân lại theo thế liên hoa. Lúc này tôi mới để ý thấy đôi mắt đầy thân thiện của ông, có vẻ như chứa đựng minh triết thâm thập được qua bao năm tháng. Ông vẫn chưa lên tiếng chi.

– Thưa ông, tôi mở lời trước, tôi có thể làm gì cho ông?

Ông có vẻ ngạc nhiên với câu hỏi của tôi, vì một vài giây sau ông mới đáp lại.

– Anh cho mời tôi đến, ông nói.

Nghe lạ quá nên tôi đáp lại:

– Ông nói vậy là sao? Tôi chưa hề gặp ông bao giờ, làm sao tôi mời ông tới được? Xin cho biết ông muốn gì vì tôi có nhiều chuyện phải làm.

– Anh cho mời tôi đến, ông nhắc lại và tôi đoán là nét mặt tôi lộ vẻ ngạc nhiên, vì ông chỉ mỉm cười và nói tiếp:

– Không phải là anh vừa mất người em trai sao? Không phải là anh đang đặt nhiều nghi vấn về Thượng đế mà anh trách móc là đã lấy mất đi cậu em trai của anh sao? Không phải anh đã hỏi nhiều lần ‘Tại sao lại như vậy? Tại sao em mình chết đi mà không phải là người khác? Tin vào Thượng đế thì có ích gì khi ta không thể hỏi và được ngài trả lời những câu hỏi vô cùng quan trọng đối với ta?’ hay sao? Vì trong ba đêm qua trong lúc ngủ, anh mơ thấy nói chuyện với em trai. Thực sự là anh có nói chuyện với cậu, đã hỏi những câu này và nhiều câu khác trong giấc ngủ chập chờn. Tôi là câu trả lời cho những thắc mắc ấy, tôi là người được gửi tới để làm những việc này sáng tỏ cho anh, bởi không phải Đức Chúa đã từng dạy ‘Ai hỏi sẽ được trả lời, ai gõ cửa thì cửa sẽ mở’?

Anh đã hỏi và anh cũng đã gõ cửa, bây giờ vấn đề còn lại là anh có vẫn muốn nghe câu trả lời ao ước đã lâu hay không mà thôi.

– Dĩ nhiên là tôi muốn nghe những câu trả lời cho các thắc mắc của tôi, tôi nói, nhưng ông là ai và làm sao tôi biết rằng ông có thể cho tôi hay những điều tôi muốn biết? Ông cũng chỉ là người phàm như tôi, bằng xương bằng thịt nhưng lại nói là biết em tôi, có nói chuyện với hấn và lại nghe cả những câu hỏi của tôi. Đây là ảo thuật hay tôi đang nằm mơ? Xin hãy giải thích cho tôi rõ. Ông sẽ thấy tôi chịu lắng nghe tuy không dễ tin lắm đâu, nhưng có vẻ như ông biết nhiều điều về tôi rồi, tôi sẽ lắng nghe chuyện ông muốn nói.

Khi ấy ông đáp:

– Tôi sợ rằng cần phải có thời gian mới làm anh hiểu được, nhưng nếu anh bằng lòng chịu bỏ thì giờ tôi sẽ đến với anh mỗi ngày chừng một hay hai tiếng cho tới khi tôi nói xong chuyện. Tôi không hứa là anh sẽ tin hết những điều mà tôi sẽ nói, nhưng tôi có thể hứa là ít nhất anh sẽ thấy vui vẻ hơn so với bây giờ, và riêng lý do ấy cũng không làm thời gian phí phạm lắm đâu. Thế thì 11 giờ sáng mỗi ngày có tiện cho anh không?

Tôi trả lời:

– Được, được chứ, và tự hỏi chuyện gì sẽ tới; nhưng cùng lúc ấy tôi nghĩ có thể xua ông đi sau ngày đầu tiên, nếu thấy có ý định gì khác trong đó.

Tôi ngẩng đầu lên để tiếp tục câu chuyện nhưng người lạ đã biến mất. Không có ai ở đó cả, ngay cả tiếng mở cửa đóng cửa tôi cũng không nghe thấy. Tôi tự hỏi mình có mơ chẳng, trí não có bị sai lạc vì lo lắng và mất ngủ chẳng. Tôi còn gọi cả người giúp việc lên và hỏi là có thật hấn đã dẫn ông khách lạ vào gặp tôi hay không thì hấn nói là có. Tôi lại hỏi có thấy ông đi ra không thì hấn đáp là không, và khẳng khẳng bảo rằng nhất định hấn phải thấy bất cứ ai rời phòng tôi đi ra cửa trước. Nghe vậy cũng không giúp gì được hơn cho tôi và tôi vẫn tự hỏi câu chuyện có phải là giấc mơ, bởi tôi vẫn có cảm tưởng không thực là đã gặp người khách lạ. Chỉ còn một cách là chờ đến ngày mai, ông hẹn 11 giờ sáng thì chắc chắn tôi sẽ có mặt trong phòng đúng lúc ấy xem ông có đến hay không.

Và cũng lạ lắm, tối hôm đó tôi đánh một giấc thật ngon như chưa bao giờ ngủ ngon giống vậy từ khi nhận bức điện tín đau lòng kia, sáng thức dậy tôi nhớ như mình có nói chuyện với Charles về người khách lạ. Trong giấc mơ Charles không tỏ vẻ gì là ngạc nhiên cả, và khi tỉnh giấc tôi tin chắc là ông bạn người Ấn sẽ tới như đã hẹn. Tôi quyết định sẽ hỏi ngay vừa khi ông đến là làm sao ông ra về mà không ai nghe hay thấy. Tôi đoán là cửa phòng tôi hấn phải hé mở sẵn, vì vừa đúng 11 giờ sáng thì một giọng nói dễ nghe đã thốt bên tai:

– Sao, anh có vẫn muốn nghe lời đáp cho những câu hỏi của anh không?

Tôi không nghe ông bước vào phòng, nhưng lạ lùng thay sự hiện diện của ông làm tôi yên tâm và đáp ngay:

– Có, tôi sẵn sàng đây.

Không nói thêm xã giao câu nào, ông ngồi ngay xuống sàn thảm còn tôi thì dựa lưng vào ghế, và ông bắt đầu kể cho tôi nghe câu chuyện lạ lùng nhất mà tôi chưa hề được nghe bao giờ – một câu chuyện mà ngay đến lúc này tôi vẫn chưa thể hiểu hoàn toàn nhưng ngay từ đầu tôi biết là nó đúng thực, và tôi nghĩ cũng đúng cho ai khác đọc chuyện này.

Trong trọn những ngày kế tiếp, chúng tôi chuyện vẫn rất ít. Ông đến y như đã tới lần đầu tiên, có khi ông nói chuyện một tiếng đồng hồ, có khi lâu hơn và khi xong phần câu chuyện cho buổi sáng hôm đó, ông chấp tay vái chào theo kiểu Á đông và đi ra. Tôi nghĩ là ông cảm biết khi nào tôi nghe đã đủ, khi đầu óc tôi căng thẳng với những dữ kiện lạ lùng tới lúc nó không thể nhận thêm được nữa. Vì tôi để ý thấy rằng đôi khi ông đột ngột ngưng lại và biến mất không lời từ giã, để lại xuất hiện vào sáng hôm sau và không có lời chào hỏi hay giải thích nào, ông bắt đầu nói như là vừa chấm dứt câu cuối của chuyện hôm qua.

Lúc ấy tôi hiểu ít biết bao về ý nghĩa của những buổi nói chuyện đó đối với tôi! Ông hứa là tôi sẽ vui vẻ hơn trước kia. Lời ấy thật khiêm nhượng biết chừng nào! Đây là lần đầu tiên trong đời tôi cảm thấy có một điều gì đó đáng cho mình sống, là quả thật cuộc sống của tôi có mục đích mà không phải chỉ ngẫu nhiên được sinh ra, lớn lên rồi chết đi thành cát bụi trở lại. Hiểu biết này là lý do vì sao tôi muốn thuật chuyện của mình theo như đã nhớ, vì hẳn có hàng ngàn người không hiểu như tôi, thấy rằng cuộc đời tàn nhẫn không công bằng, rằng nếu có Thượng đế thì đó không phải là đấng Cha Lành như tôn giáo nói, mà là đấng dùng nhân loại làm trò đùa, khiến con người bị đau khổ chỉ để xem họ phản ứng ra sao với sự khổ đau. Sự thực khác hẳn như vậy biết bao, nhưng giờ tôi sẽ kể cho bạn nghe câu chuyện của mình.

CHƯƠNG MỘT

“Tôi đến đây không phải để khuyến dụ anh thay đổi tôn giáo hay theo triết lý mới nào, tôi được Ngài – là Thầy tôi – gửi tới đây để trả lời những câu hỏi đang làm anh hoang mang. Cách duy nhất tôi có thể làm vậy là trình bày cho anh những điều căn bản của sự sống, với hy vọng chúng sẽ giúp anh có một hiểu biết nền tảng hầu xây dựng triết lý riêng cho mình. Tôi cũng sẽ giúp cho anh có kinh nghiệm thực tiễn để nhờ vậy anh có thể tự mình chứng nghiệm sự việc. Nhiều điều tôi sắp nói nghe có vẻ lạ lùng đối với anh, nhưng tôi đã học hỏi qua bao kiếp sống và có chứng cứ làm tôi tin tưởng rằng một số sự kiện là đúng thực. Tôi không hề muốn anh chấp nhận những gì tôi nói là chuyện có thật hay Chân Lý, vì anh chỉ có thể thấy như vậy khi tự mình biết chúng nhờ kinh nghiệm mà thôi.

“Có một chuyện xưa về Đức Phật mô tả ý này. Ngày nọ có đệ tử tới hỏi Ngài rằng.

– Bạch Phật, con nên tin ai đây? Có người bảo con điều này đúng, người nọ bảo điều khác, và cả hai tin chắc là họ đúng cả.

Đức Phật đáp.

– Nay con, con đừng tin vào lời nói của ai, ngay cả lời của Ta, trừ phi con thấy điều đó hợp với lòng mình. Nhưng, lúc đó cũng đừng tin nó vội mà hãy xem như là giả thuyết hợp lý cho tới khi con có thể tự chứng nghiệm lấy cho con.

“Trước hết tôi sẽ nói sơ qua con đường tiến hóa và làm thế nào mà sự sống diễn ra trong thiên nhiên.

“Nói về nguồn cội của sự sống thì tôi không thể có ý kiến gì, tôi không biết và tôi chưa gặp được ai biết. Nhưng thử hỏi chuyện ấy có quan trọng không? Tất cả ai biết suy nghĩ đều đồng ý rằng phải có một quyền năng sáng tạo đằng sau vũ trụ bao la, và dù ta gọi quyền năng ấy là Thượng đế hay là con Tạo thì cũng không có gì quan trọng. Nhiều người vẫn tin Thượng đế là ông lão quắc thước với chòm râu bạc trắng phau, là hình ảnh lý tưởng nhất mà con người có thể tưởng tượng ra được, có quyền năng vô biên, công minh vô kể không ai sánh bằng. Nghĩ như vậy thì có gì là sai? Hình ảnh đó có thể làm thỏa mãn nhiều người nhưng không có căn bản nào trên thực tế, vì chưa có ai đang sống có thể tự nhận là mình biết về sự tạo lập vũ trụ hay biết về sự sống.

“Dù không thể phân tích được sự sống nhưng chúng ta có thể tiếp xúc với nó. Có ai chưa từng thấy một người hay vật sống phút này và chết phút sau? Chuyện gì xảy ra trong phút giây đó? Chắc chắn phải có cái gì đã ra khỏi thân hình vừa mới cử động, để lại thân xác cứng đờ mà nếu nhìn kỹ thì có vẻ như nó bắt đầu tan rã để trở về với cát bụi. Vì thế ta có thể nhìn nhận sự sống như là một sự kiện cho dù ta chưa thể hiểu được, và chắc chắn ta không thể tạo ra sự sống như đã chế biết bao món trong thời buổi tiến bộ này. Trí não con người đã sinh ra nhiều vật nhân tạo, nhưng chưa hề tạo nên sự sống, đây vẫn còn là một trong những bí mật thách đố các nhà khoa học tài ba.

“Khoa học cho chúng ta biết rằng sự sống được tìm thấy trong cả bốn loài của thiên nhiên là kim thạch, cây cỏ, thú vật và con người. Chẳng cần nói ta cũng biết rằng có sự sống trong loài vật và loài người, điều đó ai cũng tự mình thấy được nhưng nói rằng cũng có sự sống trong kim thạch và thảo mộc thì khó tin hơn. Những nguồn đáng tin cậy bảo rằng ngay cả hòn đá cũng có sự sống, khi sinh lực rút lui khỏi viên đá thì nó bắt đầu tan rã dần dần thành bụi cát như thân xác con người, tuy rằng tiến trình cần thời gian dài hơn. Nói rằng thảo mộc có sự sống thì dễ được chấp nhận hơn là nói đất đá có sự sống, vì cây mất đi sự sống khi nhổ lên khỏi mặt đất, ta thấy cây khô héo, tàn tạ rồi chết đi thành cát bụi như tất cả sinh vật khác khi sinh lực rút đi.

“Triết gia còn tìm sự sống xa hơn trong một loài khác nữa mà họ gọi là thể giới của Siêu Nhân, vì khi con người đã tiến hoá qua được loài người, sự tiến bước không dừng ở đó mà hướng lên mãi cho tới khi nó đạt tới cội nguồn sinh ra sự sống. Diễn trình ấy mất bao nhiêu kiếp trước kiếp này thì không ai có thể đoán. Họ nói thêm rằng sự sống tiến hóa không ngừng giống như mọi loài trong thiên nhiên, và mục đích của sự sống là thu thập Kinh Nghiệm. Kinh Nghiệm được gặt hái khi sự sống tiến dần qua những loài trong thiên nhiên, từ hình thể thấp nhất đến cái cao nhất mà chúng ta có thể gọi là Siêu Nhân hay người toàn thiện.

“Kế tiếp là xem sự khác biệt giữa sự sống trong kim thạch và trong loài vật so với loài người là gì. Bản chất của chúng thì chắc chắn là một vì như tôi có nói, nguồn cội mọi sự sống phát xuất từ Thượng đế, chỉ khác nhau trong cách biểu lộ mà thôi. Khi sự sống bắt đầu ở những kim thạch khác nhau, nó không có cá tính riêng như ở con người. Trong các loài khoáng chất thấp, sau khi thu thập kinh nghiệm cần phải có ở đây, sự sống đi vào các loài khoáng chất cao hơn, rồi qua thảo mộc loại thấp tiến dần đến thảo mộc loại cao.

“Ngay ở mức độ này cũng vẫn chưa có cá nhân riêng biệt mà chỉ có Hồn Khóm, chung cho tất cả thú vật khác nhau cùng một loại, như hồn khóm chó berger, chó Nhật, hồn khóm mèo v.v.. và Hồn Khóm tác động, hướng dẫn con vật trong hồn khóm. Khi sự sống lên tới loài người thì mỗi thân xác có linh hồn riêng ngụ trong đó cho ra ý nghĩa và hành động riêng của mỗi người. Ở giai đoạn này của cuộc tiến hóa, hồn khóm có ảnh hưởng đối với giống dân mà không có ảnh hưởng cho cá nhân là người nay có tự do ý chí.

“Đối với loài vật thì con người là thú vật siêu đẳng, y như người toàn thiện là siêu nhân đối với chúng ta. Chuyện không may là chúng ta mang danh con vật siêu đẳng lại đối xử tàn ác với loài vật thay vì có lòng nhân và sự thông cảm, thực tế có vẻ như con người là nguyên nhân gây đau khổ cho thú vật. Nếu con người giết thú vì cần thức ăn như thú vật làm, hay phải tự vệ khi bị đe dọa đến tính mạng thì hành động này có thể xem hợp với thiên nhiên. Nhưng con người hành hạ thú vật khi đặt bẫy, dùng những bộ lông làm đẹp bạn gái của mình, và bắn giết, hành hạ loài thú trong những trò mà họ gọi là ‘thể thao’, bất kể nỗi đau khổ có thể gây cho loài thú không khôn ngoan bằng mình.

“Tất cả những việc tàn ác thiếu suy nghĩ này gây ra lòng Sợ Hãi, là cảm xúc làm trì trệ nhất trong mọi loại cảm xúc. Lòng sợ hãi con người bắt đầu từ thú vật thấp nhất và tiếp tục lan khắp loài vật cho tới khi thú được gia hóa tiếp xúc với người, khi ấy nỗi sợ hãi được thay bằng tình thương. Mức tiến hóa của con vật diễn ra chậm chạp bao lâu mà chưa đạt tới giai đoạn này.

“Tôi sẽ tả cho anh hay diễn trình của lực sống nơi loài vật. Hãy tưởng tượng lực sống như dòng nước trôi chậm chậm trong kinh đào, bờ kinh hai bên hàm ý mục đích con nước có kiểm soát. Khi dòng nước đi qua loài kim thạch và thảo mộc thì không có gì khác biệt xảy ra, nhưng có sự thay đổi rõ rệt khi dòng nước đi vào thế giới loài vật. Thế giới loài vật có cấu tạo phức tạp hơn vì có nhiều trình độ tiến hóa khác nhau, từ vi khuẩn nhỏ bé, sâu bọ, giun đến thú hoang trong rừng và lên nữa là thú nhà. Khi đi xuyên qua thế giới loài vật, sự sống thu hoạch được nhiều kinh nghiệm vì cư ngụ trong những hình thể khác nhau. Hãy thấy thí dụ như sự sống trong con nòng nọc. Sinh lực nằm trong trứng do cóc nhái sinh ra, tới ngày giờ trứng nở thành hàng ngàn con nòng nọc. Chúng chào đời là để học hỏi về sự sống, có kinh nghiệm và những kinh nghiệm này sẽ làm cho dòng sống có màu sắc thay vì trong vắt như trước kia, lúc chưa có kinh nghiệm.

“Vô số nòng nọc chết đi lúc còn bé, chưa kịp lớn lên thành cóc nhái, có kinh nghiệm rất ít nên khi trở về hồn khóm thì sinh lực gần như không có màu sắc gì. Một số trở thành cóc nhái mà vì thiếu thức ăn, đau khổ làm chúng chết. Một số khác sống lâu hơn, có cơ hội tiếp xúc với loài người, với trẻ nhỏ bắt và chọc phá chúng. Cóc nhái hóa ra sợ hãi người, tìm cách trốn lánh, bỏ chạy mỗi khi đối mặt với người.

“Rồi số cóc nhái này cũng chết đi hoặc một cách tự nhiên là điều rất hiếm, hoặc vì sự tàn ác của người, hay bị rắn bắt. Nước ban đầu hay dòng sống lúc chúng ra đi thì trong vắt nhưng khi phần sinh lực này trở về hồn khóm, kinh nghiệm đau khổ mà chúng trải qua thí dụ như lòng sợ hãi, chắc chắn làm nước nhuộm màu. Mỗi đơn vị của dòng sống trong vô số đơn vị sau kiếp sống của mình mang trở về phần kinh nghiệm riêng dù lớn dù nhỏ, và tất cả những kinh nghiệm này hòa lẫn với nhau làm cho hồn khóm có kinh nghiệm chung của tất cả đơn vị, không đơn vị nào có cá tính riêng rẽ mà tất cả là thành phần của trọn hồn khóm.

“Sau khi trải qua một hay hai kiếp ở mức tiến hóa này, sinh lực với kinh nghiệm thâm thập được đi qua một mức cao hơn, thí dụ như thay vì một đàn cả chục ngàn con nòng nọc thì nó sẽ là vài ngàn con chuột. Chuột sinh ra có lòng sợ hãi người và những kẻ thù tự nhiên của loài chuột, do kinh nghiệm từ những sự sống trước được mang theo sang kiếp này. Trong giai đoạn mới là chuột thì lòng sợ hãi tiếp tục lớn thêm. Ngay trong những ngày đầu chuột được kinh nghiệm cay đắng dạy rằng phải tránh xa người bằng mọi giá, phải sinh hoạt ban đêm lúc người đe dọa ít hơn ban ngày, và nếu có con chuột nào sống tới tuổi già, thì ta phải nói đây là tay vô địch, lão luyện, có nhiều mảnh khõe để thoát được móng vuốt kẻ thù. Khi tất cả đơn vị trở về hồn khóm chuột lần nữa thì kinh nghiệm của chúng lại nhuộm màu thêm dòng sống.”

Tôi đang mãi mê theo dõi lời của ông thì đột nhiên căn phòng im bật, ngược mặt lên thì ông không còn đó nữa. Tôi ngồi yên một lát, ráng gom các ý tưởng đó lại, một chập sau tôi đã nhớ hầu hết những điều ông nói. Tôi không còn nghĩ đến chuyện nên hay không nên tin những gì mình vừa được nghe, bởi nó không còn là vấn đề đáng quan tâm nữa. Chúng hoàn toàn mới lạ và chắc chắn là thú vị vô cùng; dù là mệt mỏi nhưng chưa gì tôi đã bắt đầu trông đợi đến ngày mai.

Ngày hôm sau tôi ngồi ở bàn giấy trong phòng, mắt cứ dán vào cánh cửa, tôi nhất định phải nhìn cho được giây phút ông vào phòng để coi xem ông mở cửa đi vào hay đi xuyên qua nó, nhưng nếu mong đợi cho có phép lạ xảy ra thì tôi đã thất vọng, vì đúng 11 giờ cánh cửa phòng bật mở nhẹ nhàng không tiếng động và ông chào tôi ngay:

– Sao, anh sẵn sàng nghe tiếp câu chuyện chứ, hay tôi đã làm anh chán rồi?

Tôi đoán là câu trả lời của tôi làm ông hài lòng, vì ông ngồi xuống thảm và tiếp tục câu chuyện bỏ dở ngày hôm qua.

– Khi dòng sinh lực của sự tiến hóa tiếp tục lên đến loài thú rừng, ta sẽ thấy đó là một bước tiến khá xa nếu kể từ các con giun dế, cũng như loài này là bước tiến xa so với cỏ cây. Thú vật sống theo định luật thiên nhiên là ‘Kẻ nào mạnh thì sống’, và đặc điểm chính của loài vật là sự sinh tồn. Con nào yếu sẽ là thức ăn cho con mạnh, và nỗi sợ hãi về sự sinh tồn nhuộm màu cho kinh nghiệm của tất cả thú vật như thế, từ ngày chúng được sinh ra tới ngày chúng chết, dù đó là cái chết tự nhiên hay bị con khác ăn hay bị người đi săn bắn chết. Như thế có gì là lạ nếu bản năng trội nhất của tất cả thú rừng là lòng sợ hãi? Sợ con thú khác mạnh hơn và sợ thú vật siêu đẳng là con người.

“Các linh hồn trong hồn khóm sống qua nhiều kiếp làm thú hoang, vì nhờ những kiếp ấy mà chúng học được những bài học về sự sinh tồn, và nhu cầu phải làm việc để sống còn, như việc tìm thức ăn mà thôi cho mỗi con thú trở thành bổn phận hằng ngày không thể nào làm lơ được. Gặp lúc thức ăn khan hiếm, bản năng con thú dạy cho nó đi tìm vùng sinh sống mới, và nhờ vậy học được tính thích nghi là một bài học quan trọng khác. Bài học này sẽ tỏ ra rất hữu ích cho linh hồn khi tới ngày giờ chúng sinh ra làm con người riêng biệt. Bản năng làm mẹ lộ ra lần đầu tiên trong giai đoạn này của hồn khóm, như ta thấy con cái là một lực phải để ý khi gia đình con thú bị lâm nguy.

“Tôi nói cũng đã đủ để anh hiểu rằng thú hoang là loài tiến hóa cao nhất so với những giống khác trong loài vật, và khi tới ngày giờ chúng sẽ được đầu thai vào những con thú có cơ hội sống gần gũi với người, cũng như con người là loài mà khi đúng thời điểm thì linh hồn lúc này trong thân xác thú vật sẽ bước qua.

“Đã thú như voi, lừa, trâu rừng sẽ chiến đấu một cách dữ dằn để chống lại sự bắt bớ của người, nhưng khi bị bắt và được đối xử tử tế thì chúng trở thành gia hóa, và sẵn lòng dùng sức mạnh tự nhiên của mình để giúp người. Tuy nhiên sau nhiều năm bị bắt giữ chúng vẫn ít khi trở thành gia hóa thực sự. Trong những kiếp sau đó chúng thường sinh ra làm thú nhà, thế nên môi trường ngay từ lúc mới sinh dạy cho chúng bỏ bớt phần nào

lòng sợ hãi tự nhiên mà những kiếp trước đã tạo nên. Loài tiến hóa nhất trong nhóm này là trâu bò, vì chúng thường được nuôi và cho ăn trong chuồng vào những tháng mùa đông. Hành động nuôi ăn làm tăng sự tin tưởng vào con người, và loại bỏ lòng sợ hãi tự nhiên của thú đối với ta.

“Tuy chậm mà chắc, dần dần lòng sợ hãi được xóa bỏ một phần, và hồn khóm sẵn sàng bước qua giai đoạn chót của kiếp thú là thành thú nhà như ngựa, chó, mèo. Ban đầu hồn khóm khởi sự học hỏi kinh nghiệm qua mười ngàn con nòng nọc, dần dần phân chia càng ngày càng ít đi, tới lúc làm thú nhà thì hồn khóm còn gồm chừng một chục con ngựa, chó, hay mèo, và giai đoạn chót thì chỉ còn hai linh hồn trong hồn khóm, là hai con ngựa, hai con chó hay hai con mèo.

“Khi hồn khóm tiến đến mức phân chia làm hai thì con thú được gia hóa thuần thực, và hiểu được con người hoàn toàn. Tới giai đoạn này thì linh hồn có thể thoát kiếp thú thành người, và việc linh hồn con thú còn phải sống bao nhiêu kiếp thú tùy thuộc hoàn toàn vào những người mà hai con thú này có liên kết. Nếu một trong hai người chủ của những con ngựa, chó hay mèo này không phải là người thương thú vật, và do vậy không đối xử với chúng tốt lành mà có sự tàn nhẫn, thì một số nỗi sợ hãi đã tan biến phần nào trong hai mươi kiếp qua sẽ trở lại nữa, và con vật phải qua thêm nhiều kiếp mới có thể thoát kiếp thú thành người. Điều chưa được nhấn mạnh đủ hay thường xuyên, là nếu người ta ý thức tầm quan trọng của việc làm bạn với thú nhà, và thực hiện phần của con người trong việc giúp thú nhà hiểu được người, thì con thú đạt tới giai đoạn chót này mau lẹ hơn.

“Xin anh nhớ rõ là *Không một linh hồn nào trong hồn khóm thoát kiếp thú thành người, cho tới khi mọi nỗi sợ hãi về con người được biến mất*. Lòng thương yêu không phải là tình cảm chỉ dành riêng cho con người, mà hình thức cao nhất của nó bao trùm muôn loài vạn vật. Thế nên phần việc của người trong sự tiến hóa của loài vật, là làm cho việc tình thương xóa bỏ lòng sợ hãi xảy ra đúng nghĩa, vì nếu không có sự thông cảm và trợ giúp, tiến trình của thú trên đường tiến hóa có thể trì trệ vô thời hạn.

“Vậy thì làm sao cho việc thoát kiếp thú thành người có thể xảy ra? Sự việc có thể diễn ra theo một trong hai cách, là bằng trái tim hay đầu óc. Phương pháp thay đổi theo loại thú sắp thành người. Ta có thể nói rằng cách thường xảy ra nhất cho con chó thoát kiếp thú là nhờ tình thương hay sự hy sinh. Thú vật thường chuyển sang làm người qua kiếp chó hơn là qua hai loài mèo và ngựa. Lý do là vì khi một con chó được coi như là thành viên trong gia đình, thì con chó ấy luôn luôn gần gũi người hơn là con mèo hay ngựa.

“Thông thường con chó thương yêu chủ hoàn toàn vô điều kiện, trong lúc có tai biến hay khẩn cấp nó quên hẳn bản năng sinh tồn và hy sinh thân mình để cứu chủ. Nếu con vật như thế đã tiến đến mức phát triển đặc biệt vào lúc chuyện nguy cấp đó xảy ra, con chó sẽ không bao giờ còn sinh làm thú. Nó trở về hồn khóm và khi con chó thuộc phân nửa kia của hồn khóm cũng phát triển bằng, có kinh nghiệm, không còn tính sợ hãi, thì

hồn khóm sẵn sàng tái sinh nhưng là làm người, có loại thân xác người và đặc tính thích hợp cho linh hồn tiếp tục đường tiến hóa.

“Con chó không nhất thiết phải hy sinh thân mình mới thoát kiếp thú thành người. Khi con chó đã học tất cả những bài học nó cần phải biết trong thế giới loài vật, và khi mọi nỗi sợ hãi về loài người được loại bỏ hẳn, thì tiếp tục đầu thai làm thú là việc mất thì giờ. Vận mạng của linh hồn nay nằm nơi khác, và do đó nó được chuyển sang một lối sống mới, có nhiều hiểu biết hơn.

“Kiếp làm người đầu tiên không bắt buộc phải là hạng người kém tiến hóa nhất trên trái đất, có thân xác ít phát triển nhất, bởi thường khi linh hồn trẻ trung này đã có nhiều kinh nghiệm trong những kiếp chót làm thú vật, nhất là con thú nào đã hy sinh bản thân để cứu người, nên nó được hưởng một thân xác người đã phát triển chút ít so với loại thân xác kém tiến hóa nhất trong thế giới.

“Con ngựa thoát kiếp thú thành người giống như cách của con chó là hết lòng vì chủ. Ta thường nghe kể là khi được chủ kêu làm việc nặng nhọc, con ngựa xả thân ra nỗ lực hết sức mình và khi xong việc thì lăn ra chết.

“Trong trường hợp con mèo thì có khác một chút, tuy phần căn bản giống y nghĩa là mèo chỉ thành người khi mất biệt lòng sợ hãi người. Mèo thành người nhờ cố gắng hiểu được người, cung cách và lễ thói của ta, và do sự hiểu biết ấy linh hồn chuyển hóa lên mức cao hơn.

“Khi xưa triết gia tìm hiểu về những việc này cho rằng con chó và con ngựa tiến hóa nhờ lòng tận tụy trung thành, còn con mèo nhờ óc tinh khôn. Óc tinh khôn được hiểu như là bước đầu tiên của khả năng suy luận, và trong sự tiến hóa của loài người, óc lý luận là khả năng phải thay thế cho bản năng nơi loài thú. Cả hai lối thoát kiếp thú thành người đều có hiệu quả như nhau, và lối này không cao hơn lối kia, vì cả hai loại linh hồn đều cần thiết cho loài người như ta sẽ thấy sau này.

“Ngoài chó, ngựa và mèo, đôi khi voi và khỉ cũng thoát kiếp thú thành người, khi đạt tới trình độ hay tiêu chuẩn căn bản của việc thoát kiếp thú là không còn lòng sợ hãi con người. Thí dụ như voi được huấn luyện làm việc cho người và khỉ nuôi ở sở thú thích hợp; trong khung cảnh không còn lòng sợ hãi, những con thú này sử dụng trí não của mình và hiểu được người tới một mức giới hạn nào đó.

“Những con thú không có cơ hội làm thú nhà cũng sẽ thành người, nhưng có thân xác của người thấp kém nhất trên trái đất. Chúng sinh vào những bộ lạc còn sống sơ khai, nhiều người còn mang thú tính. Các con vật này chuyển sang làm người sớm hơn chó mèo; dầu vậy về lâu về dài con đường này không cho ra lợi thế, vì ta có nói chó mèo khi thành người thì có thân xác phát triển nhiều hơn, không sống ở mức thấp nhất mà có thể là người của các bộ lạc nhiều đời đã góp phần cho tiến bộ của nhân loại.

“Trước khi ta qua chuyện những kiếp đầu tiên làm người với vô số khác biệt lớn lao so với kiếp thú, tôi phải nhắc đến trường hợp con thú đã thành người tuy vẫn còn mang thân xác thú. Việc chuyển từ thú sang người phải xảy ra khi tới đúng lúc, khi không còn chút sợ hãi và khi tình thương của con vật được nảy nở đầy đủ. Trong trường hợp một con chó, là phân nửa của hồn khóm chó, chết một cách tự nhiên như chết già hay bệnh, và con chó thứ hai là phân nửa kia của hồn khóm vẫn còn sống mà không cần phải học thêm bài học nào nữa cả, thì con chó này thành người về mọi mặt, có khác chăng là vẫn mang thân xác chó đến khi qua đời.

“Chắc hẳn anh đã được gặp trường hợp có con chó ‘rất là người’, nó tỏ ra hiểu người gần như là từng chữ một khi nói với nó, hiểu được ý nghĩ và hành động của anh một cách lạ lùng nhờ trực giác, vượt quá mức mà anh nghĩ là loài vật có thể hiểu được. Ai có thông nhãn có thể cho anh hay là con chó như vậy trên thực tế là ‘chó người’, mang thân xác chó nhưng có trí khôn của người, đủ sức lý luận, tự quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định ấy.

“Sự khác biệt chính giữa người và thú là óc lý luận cùng tự do ý chí đi kèm. Con người biết phân biệt phải trái, ngay cả ở giai đoạn sơ khai mới làm người họ đã có thể tự quyết định, trong khi thú vật phải tuân theo luật của thế giới loài vật. Con thú sống theo bản năng và chưa thể suy nghĩ ngoài bản năng này. Con người có thể chọn đường xấu dù biết đó là xấu và ngược với luật tiến hóa trong trời đất, nhưng con vật chỉ hành động theo bản năng thúc đẩy nó, vì đó là Luật.”

Một lần nữa ông lại biến mất mà tôi không thấy, vì đầu óc tôi còn đầy những tư tưởng lạ lùng ông vừa đưa ra. Hẳn trí não tôi đã hoá mệt và không còn đủ sức linh hoạt mau mắn nữa. Tôi quyết định viết xuống ngay lập tức những gì có thể nhớ được qua hai buổi nói chuyện vừa rồi, và định bụng sẽ dùng tốc ký ghi lại các buổi về sau. Viết lại mọi chuyện y như lời ông nói chẳng những sẽ làm tôi hiểu kỹ hơn, mà thỉnh thoảng tôi còn có thể đưa bài cho ông xem để biết là tôi ghi lời ông đúng hay sai.

Tuy khách chào tôi ra về vào khoảng trưa một chút, tôi mất trọn buổi chiều và tối mới chép hết sự việc. Trí nhớ của tôi về cuộc nói chuyện hôm nay thấy là khá rõ, nhưng chẳng mấy chốc tôi ý thức là đã quên phần nào câu chuyện hôm qua. Tôi quyết định hỏi xin ông giúp đỡ, biết rằng những cuộc nói chuyện tương lai phải được ghi xuống không sót một chữ nào. Chưa chi tôi đã cảm nhận là các bài này sẽ giúp ích chẳng những cho tôi mà cho cả nhiều người khác. Trong thế giới hiện giờ hẳn phải có bao nhiêu người đang bị đau khổ như tôi đã khổ đau.

CHƯƠNG HAI

– Anh ghi lại những gì tôi nói với anh rồi ư, vậy tốt lắm.

Hôm nay tôi cũng không thấy thầy tôi bước vào vì tôi đang mãi coi lại bài đã viết xong.

– Dạ phải, tôi đáp, nhưng tại sao thầy biết chuyện tôi đã làm?

– Anh có cho tôi hay tối qua lúc anh ngủ và ra khỏi xác thân. Ông trả lời. Anh bảo là quyết định ghi lại trọn tất cả những gì tôi nói. Tôi sẽ không giải thích thêm về việc ấy lúc này, nhưng mai sau khi mọi chuyện đã xong và tôi không còn tới đây nữa, anh sẽ hiểu tất cả thật rõ ràng đến mức có thể tự trả lời những thắc mắc đó.

Ông tỏ ra rất phấn khởi về quyết định của tôi, và cho hay ông rất vui lòng thêm vào bài ghi của tôi trong hai ngày qua. Tôi để ý thấy ông không sửa chữ nào, nhưng bỏ thì giờ điền vào những khoảng trống tôi chừa vì không chắc là mình nhớ đúng. Rồi thầy tiếp:

– Anh còn nhớ tôi nói rằng nét chính yếu của thế giới loài vật là sự sinh tồn, trong khi với con người thì lại là lòng hy sinh? Tuy nhiên có nhiều luật thiên nhiên khác ta cũng cần phải hiểu, nếu muốn học hỏi về sự bí ẩn của con đường tiến hóa, vì nay khi làm người thì những luật quản trị loài người sẽ tác động. Lẽ tự nhiên những luật này hoàn toàn khác xa với luật áp dụng cho loài vật, tuy rằng trong vài kiếp đầu tiên người chưa tiến hóa nhiều phần vẫn là thú hơn là người. Dù họ không còn chút sợ hãi về người nhưng các hành động đã làm trong kiếp thú vẫn còn nằm trong tiềm thức. Trong những kiếp đầu tiên mang thân xác người, linh hồn non trẻ sinh hoạt dựa trên bản năng mang theo từ thế giới loài vật, vì nó chưa biết gì về những luật tác động trong thế giới con người.

“Luật quan trọng đầu tiên áp dụng trong thế giới con người là luật Luân Hồi. Luật nói rằng khi linh hồn thoát kiếp thú thành cá nhân riêng biệt, nó sẽ tái sinh nhiều bận trong thân xác người, cho tới lúc nó học được tất cả những bài học có thể học được ở cõi trần, nhờ kinh nghiệm của mọi cảnh huống. Khi lực sống trải qua thế giới kim thạch và thảo mộc thì luật Luân Hồi có tác dụng giới hạn và không hiện rõ cho lắm. Luật này cũng có trong thế giới loài vật nhưng cũng chỉ hạn chế, vì linh hồn ở trong hồn khóm và chưa phải là thực thể riêng biệt. Luật sẽ tác động rõ rệt ở giai đoạn tiến hóa khi linh hồn thành cá nhân riêng biệt và bước qua thế giới con người.

“Luật quan trọng thứ hai, tác động cho con người mà không phải cho thú vật là luật Nhân Quả hay Karma. Luật khởi sự ứng dụng ngay vào lúc linh hồn trong hồn khóm trở thành cá nhân riêng rẽ. Luật nói rằng mọi tư tưởng, lời nói hay hành động phát xuất từ con người phải sinh ra kết quả rõ rệt, hoặc xấu hoặc tốt, và kết quả này phải được chúng ta giải quyết trong đời ở cõi trần. Điều này không có gì là bất công vì kinh thánh Thiên Chúa giáo có ghi ‘*Con người gieo giống nào, gặt giống đó*’ hay đông phương nói rằng ‘*Trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu*’.

“Theo luật Karma, hành động ích kỷ nào của ta gây đau khổ cho người khác thì tạo nhân xấu, và ta phải trả giá cho nhân xấu này bằng sự đau khổ do hành động tương tự của người khác, hoặc trong kiếp này hay kiếp sau. Cũng y vậy hành động tốt của ta có nghĩa là đã tạo được nhân tốt, với kết quả là hoặc xóa đi một nhân xấu ta đã gây ra, cái tốt tiêu trừ cái xấu, hoặc ta sẽ nhận được sự tốt lành cùng mức từ một nguồn khác.

“Khi linh hồn trẻ vừa thành người thì số lượng hành động hay tư tưởng, lời nói có tính khờ dại, độc ác tự nhiên vượt trội cái tốt lành, đẹp đẽ, và nếu luật tác động một cách máy móc thì đời người sẽ bị triền miên đau khổ do chính tư tưởng, hành động và lời nói của họ gây ra, mỗi cái cho kết quả đúng đắn. Người ta không sao chịu đựng và sống nổi một đời như thế, linh hồn trẻ chỉ có cách tự tử mà thôi. Vì vậy một phương pháp nhân đạo hơn được áp dụng là trong bất cứ một kiếp nào, không ai bị ép buộc phải trả hơn sức chịu đựng của mình, và số nhân xấu gây ra vì thiếu kinh nghiệm mà chưa trả hết hay chưa được quân bằng như nhân tốt, sẽ được hóa giải từ từ trong những kiếp sau.

“Kết quả của cách sắp đặt như vậy là trong hai hay ba trăm kiếp đầu tiên làm người, linh hồn tiếp tục tích lũy nhân xấu, giống như thiếu nợ ngân hàng, nhưng đồng thời họ cũng tạo nên cái mà ta gọi là tiếng gọi của lương tâm. Tiếng nói này được tạo nên nhờ kinh nghiệm thấu lợm được qua những kiếp khác nhau, trong nhiều cuộc sống như vậy tiếng nói chưa được nghe thấy vì còn rất nhỏ.

“Lấy thí dụ như có người chưa tiến hóa biết rất ít về cách sống của con người, nhưng lại nhớ rất nhiều về cách sống của loài vật, muốn chiếm hữu đồ vật của người khác. Bản năng thú tính của họ sẽ dùng lực để dành cái mà họ muốn, và nếu đủ mạnh họ sẽ tìm cách làm vậy, một trận ẩu đả sẽ xảy ra với kết quả là người kia bị chết. Khi ấy luật của con người tác động, kẻ giết người bị bắt đem ra tòa và bị kêu án tử. Ở cõi thượng trí linh hồn bắt tử ghi nhận kết quả của hành động ấy, giữ lại trong kho hiểu biết và trong một kiếp tương lai khi con người mang thân xác khác và muốn chiếm hữu vật của người khác, tiếng nói của lương tâm, của kinh nghiệm sẽ khuyến cáo họ là nếu giết người thì họ cũng chịu chung số phận theo luật pháp quốc gia. Theo cách ấy từ từ kho hiểu biết gia tăng, mỗi biến cố lớn trong những kiếp sống trải qua được ghi nhận, với mục đích là đưa ra lời cảnh giác cho người trong kiếp tương lai.

“Dựa theo lời giải thích đơn giản này, ta có thể hiểu là ai có lương tâm bén nhạy và chịu lắng nghe thì hẳn phải là một linh hồn già dặn, bởi họ không thể có một lương tâm nhạy cảm như thế trừ phi đã sống qua nhiều kiếp rồi, có đầy kinh nghiệm để nhờ vậy lương tâm hay kho hiểu biết được xây đắp.

“Trong khoảng hai trăm kiếp sống, mỗi kiếp con người tạo ra nhiều nhân xấu hơn là nhân tốt. Một số được trả ngay trong mỗi kiếp dưới hình thức đau khổ và không may mắn, số còn lại nằm trong khối nhân quả. Khi linh hồn tiến hóa hơn (thực ra là nhiều kinh nghiệm hơn), lương tri dạy anh rằng làm chuyện xấu sẽ gây khó khăn cho anh, còn chuyện tốt lành đẹp đẽ thì kết quả là hạnh phúc và có nhiều bạn.

“Theo cách đó họ tiến hóa đến mức mà nhân tốt tạo ra trong một kiếp nhiều hơn là nhân xấu; đây là giai đoạn rất quan trọng trong sự phát triển của một người, vì từ điểm này anh trở nên thực sự hữu dụng và là một thành viên giá trị cho xã hội. Trong tất cả những kiếp tương lai, mỗi khi bắt đầu một cuộc đời mới thì một phần của khối nhân xấu tích tụ lâu này được ấn định để trả trong đời ấy, và anh bắt buộc phải trả dứt phần nợ đó cộng thêm với bất cứ karma xấu nào sinh trong chính kiếp này. Hành vi tốt lành sẽ mang cho anh nhiều hạnh phúc và giúp anh đi trên đường tiến hóa.

“Với những cách làm việc như vậy ta có thể thấy là tất cả luật trong thiên nhiên tác động ăn khớp với nhau, giống như những mảnh ráp khít khao trong bảng ghép hình (puzzles). Phần việc của tôi là đưa cho anh những mảnh ráp của bảng ghép mà anh phải học, để sắp xếp thành một bảng hình. Để anh có thể hiểu làm sao con người có thể thấu đạt được mọi kinh nghiệm cần thiết, tôi muốn anh nhìn nhận rằng những điều sau đây là chuyện khả hữu:

1. Con người là linh hồn và trên đường tiến hóa từ tình trạng chưa phát triển, đã man cho tới mức là người toàn thiện, anh phải xử dụng ba thể của tâm thức gọi là thể Trí (mental body), thể Tình cảm (astral body, emotional body) và thể Xác. Cái chót là thể mà anh và tôi đang sử dụng và thấy được bằng mắt thường.
2. Ba thể này được con người sử dụng khi sinh hoạt trong ba trạng thái tâm thức khác nhau ở cõi hạ trí (hạ thiên), cõi tình cảm (trung giới) và cõi vật chất.
3. Cảnh giới của linh hồn nơi phát sinh ra những thể này là phần trên của cõi trí gọi là cõi thượng trí hay thượng thiên (Causal Level, chữ causal hay nguyên nhân được dùng để chỉ trạng thái này, vì nguyên nhân của mọi chuyện xảy ra nơi cõi trần được trữ ở cõi thượng trí, và chỉ những ai có khả năng quan sát ở cõi này mới có thể biết đích thực nguyên do chuyện ở cõi trần).

“Khi linh hồn nơi cõi thượng trí khởi sự một kiếp sống mới, nó phải có ba thể trên. Tôi muốn anh hình dung linh hồn như người không có mảnh vải che thân, chuẩn bị mặc vào ba lớp quần áo. Thể thanh nhẹ nhất là thể trí, và linh hồn tạo nó bằng cách thu hút vào mình chất liệu của cõi trí, thể này có thể ví như áo lót mặc sát người. Loại thể trí mà ai có được thì tương ứng với mức phát triển trí tuệ của họ vào lúc cuối của kiếp vừa xong, nên hiển nhiên là thể trí của người chưa tiến hóa thì rất khác với thể trí của người đã tiến hóa là linh hồn già dặn, đã trải qua vô số kiếp người và thấu đạt nhiều kinh nghiệm.

“Kế tiếp linh hồn khoác vào người một thể có chất liệu thô kệch hơn một chút của cõi tình cảm. Thể này chồng lên trên và ở bên ngoài thể trí, và thuộc loại nào thì cũng tương ứng với mức phát triển tình cảm của họ. Như vậy thể tình cảm có thể ví như quần áo bình thường của ta. Bây giờ linh hồn cần một thể đậm đặc và thô kệch hơn nữa, muốn có vậy thì phải dùng phương tiện vật chất ở cõi trần hay nói khác đi, người nữ với sự trợ lực của người nam sinh ra em bé. Thân xác vật chất mới này cũng sẽ phù hợp với nhân

quả của họ đã tạo ra trong những kiếp trước, và xác thân có thể ví như áo khoác ngoài cùng của ta.

“Vậy thì bất cứ ai mà anh gặp ở cõi trần này cũng đều mang ba thể, cái này ở dưới cái nọ nhưng bởi thể xác ngoài cùng là cái rất đậm đặc nên ta không thể thấy hai thể kia. Khi một ai chết đi thì chuyện xảy ra là họ trút bỏ chiếc áo khoác dày cộm bên ngoài tức thể xác. Con người vẫn còn đó với hai thể trí và tình cảm bao quanh, thể tình cảm đậm đặc hơn ở ngoài và thể trí ở trong bên dưới thể tình cảm. Trước khi giải thích chuyện gì thực sự xảy ra sau khi chết, tôi phải nói thêm về ba thể này.

“Thể xác mà chúng ta đều thấy bằng mắt thường được tạo bằng vật chất đậm đặc, nhưng cũng có một phần khác của thể xác không đậm đặc bằng gọi là thể sinh lực (hay thể phách the etheric body mà người Ai Cập cổ gọi là Ka), nó đóng một vai trò rất quan trọng trong suốt cuộc sống của một người và vào lúc chết của thể xác. Thể sinh lực không phải là một thể theo nghĩa thông thường, tức anh không thể sống trong đó như anh sống trong thể xác; anh cũng không thể thấy nó trừ phi anh đã mở được loại thông nhãn (clairvoyance) thấp nhất, thấy được cảnh giới ether.

“Chất liệu tạo nên thể sinh lực cũng bao bọc quanh hệ thần kinh. Ai nghiên cứu về điện hẳn biết rằng dòng điện không chạy dọc theo sợi dây như đã tưởng, mà dọc theo lớp vỏ bọc bằng chất ether bao quanh sợi dây. Thần kinh con người hoạt động cũng vậy, đường thần kinh thực sự không chạy dọc dây thần kinh màu trắng ta thấy, mà chạy dọc theo lớp khí ether bao quanh dây. Nếu lớp vỏ bọc bằng khí này bị tách rời khỏi dây thần kinh vật chất thì ta không còn cảm giác.

“Đó là chuyện xảy ra khi chụp thuốc mê, còn chích thuốc tê thì chất ether dẫn truyền cảm giác bị đẩy ra khỏi dây thần kinh chỗ ấy một quãng ngắn, sợi thần kinh màu trắng vẫn nằm y nguyên thấy rõ nhưng khi giải phẫu thì người bệnh không cảm thấy gì. Khi có cuộc giải phẫu lớn cần liều thuốc mê mạnh, để bệnh nhân bất tỉnh và không cảm thấy gì trong một thời gian dài, khi ấy thể sinh lực bị đẩy gần như ra khỏi hết cơ thể. Nếu nó bị đẩy trọn ra ngoài cơ thể thì bệnh nhân sẽ chết, và điều ấy thỉnh thoảng xảy ra khi bệnh nhân chết trong lúc bất tỉnh vì thuốc mê. Sự việc do lượng thuốc mê quá nhiều, chất ether bị đẩy ra khỏi thể xác không vào được trở lại.

“Chất ether trong suốt và hết sức dẻo dai, ngoài việc là một phần quan trọng của cơ thể nó còn có nhiệm vụ khác là làm dây nối liền giữa thể tình cảm và thể xác lúc ta ngủ. Khi anh là linh hồn tách rời khỏi thể xác nằm trên giường lúc ngủ, một sợi dây bằng chất ether nối thể xác vào thể tình cảm, với khối chất ether còn lại nằm bên trong và bao quanh cơ thể. Sợi dây này dẫn ra khi anh đi tới bất cứ phần nào khác trên quả đất mà anh muốn, dù đi xa tới đâu ta vẫn duy trì dây nối liền với thể xác nằm trên giường. Tới giờ cơ thể tỉnh dậy thì một tín hiệu S.O.S được gửi dọc theo dây ether này đến anh, cho dù đang ở đâu và anh phải về ngay lập tức, nhập vào thể xác để ‘tỉnh dậy’, tiếp tục phận sự của anh ở cõi trần.

“Lúc anh đi ngủ, linh hồn thoát ra khỏi cơ thể ngay khi nó thiếp đi, anh ở trong thể tình cảm và sinh hoạt nơi cõi tình cảm theo những điều kiện của cõi này. Anh tự do đi tới nơi nào muốn, trong khi thể xác nằm nghỉ trên giường và lấy sức lực cho công việc của ngày mai. Chỉ có thể xác là thể bị giới hạn ở điểm nó cần nghỉ ngơi, ăn uống thường xuyên để giữ gìn sức khỏe và sự sống, trong khi anh là linh hồn không cần ngơi nghỉ.

“Khi ở trong thể tình cảm anh đi lại thật dễ dàng và có thể đi xa tới bất cứ đâu. Sức trọng trường không có nơi đây nên anh lướt đi trên đất hay trên biển không có gì khác biệt cả. Khoảng đường mà anh có thể đi trong vài giờ cơ thể ngủ trên giường thì gần như là vô giới hạn, anh có thể đi vòng quanh trái đất trong khoảng hai phút rưỡi đồng hồ. Điều ấy cho anh ý niệm về tốc độ trong cõi tình cảm có thể lên tới bao nhiêu.

“Thể tình cảm làm bằng vật chất thanh nhẹ hơn thể xác, linh hồn thu hút chất liệu này bao quanh nó khi tái sinh, chứa đầy tràn khối hình bầu dục gồm sương lấp lánh gọi là căn thể (causal body). Thể xác đậm đặc hơn có ái tính rất mạnh với chất liệu tình cảm nên thu hút chất liệu tình cảm vào sát với nó, tạo thành hình người tương ứng với thể xác nằm ở giữa hình bầu dục, có đường nét y như thể xác chỉ khác ở chỗ nó thanh nhẹ hơn. Khi thể xác chết đi, thể tình cảm không cần phải uốn nắn theo thể xác nữa nên nó có khuynh hướng giữ y hình dạng vào lúc thể xác chết và không lớn thêm. Lý do của việc ngưng tăng trưởng thể tình cảm là bởi nó không có bộ phận như tim, gan hay xương, thịt, máu như thân xác mà chỉ là khối sương mờ mà thôi.

“Trong lúc sống ở cõi trần, con người có cơ hội sống trong cõi tình cảm mỗi lần thiếp ngủ, nhưng thực tế thì chỉ những ai tiến hóa trên trung bình mới sử dụng trọn vẹn cơ hội như vậy. Linh hồn non trẻ chưa tiến hóa cũng ra khỏi thân xác trong lúc ngủ vì họ không thể làm gì khác hơn, nhưng bởi trí tuệ (tức thể trí) chưa phát triển đầy đủ nên anh không sử dụng hết mọi khả năng của mình đến mức tối đa. Thế nên anh chỉ lẩn quẩn chung quanh thể xác đang ngủ, chờ tới lúc nó ngủ đủ và muốn thức dậy, gọi anh nhập vào thân xác trở lại; vì lẽ đó anh không quen với cảnh sống nơi cõi tình cảm bằng như linh hồn già dặn hơn. Khi người có trình độ thấp như vậy không còn thể xác nữa, họ cảm thấy mình bước vào một thế giới hoàn toàn xa lạ. Có những lúc ngay khi mới chết, họ muốn trở lại cõi trần là cuộc sống mà họ biết nhưng không thể làm sao trở về, bởi khi chất ether đã rút ra khỏi thể xác hoàn toàn thì không thể đem trở vào nữa.

“Thân xác chết đi vì nhiều lý do, vì bệnh tật khi cơ thể không còn hoạt động đúng mức nữa, vì tuổi già khi cơ thể rã rời, vì tai nạn khi các phần trọng yếu của cơ thể bị hư hại không chữa được. Trong tất cả trường hợp như vậy, thể sinh lực bị đẩy ra ngoài thân xác chỉ vì thân xác đậm đặc không còn hoạt động đúng mức, mà không có thể xác thì thể sinh lực không thể sống.

“Vào phút qua đời khi tim ngưng đập, thể sinh lực tỏ ra rất đối sợ hãi và quẩn lầy thể tình cảm đang bao quanh con người, vì họ bị đẩy ra khỏi thân xác lúc cái chết xảy ra. Thể sinh lực biết rằng thể xác đậm đặc chết đi có nghĩa là nó cũng chết theo, do đó ý muốn tiếp tục sống làm nó đeo theo tình cảm với hy vọng được sống lâu hơn. Chỉ cần

dùng một chút ý chí là linh hồn có thể gạt bỏ cái vướng víu ấy, bao lâu mà anh chưa làm được vậy thì anh bị kẹt giữa hai tâm thức, anh không thể hoạt động ở cõi trần được vì đã mất thể xác, mà cũng không thể sinh hoạt đúng cách ở cõi tình cảm, vì chất ether còn đeo theo khiến anh không thể nghe hay thấy rõ ràng.

“Ai sợ chết thì khi chết thường không chịu rảnh trút bỏ, dù rằng bạn bè họ gặp bên cõi tình cảm nói cho họ hay, thay vào đó họ níu kéo chút vật chất còn lại là thể sinh lực, với hy vọng tiếp tục cuộc sống cõi trần vì ấy là cảnh đời duy nhất mà họ biết. Dĩ nhiên tranh luận không ích lợi gì, bởi sớm muộn họ cũng phải bỏ thể sinh lực và cố gắng một chút như đã nói. Chồng lại cái không thể tránh được chỉ làm họ kẹt lâu hơn giữa hai cõi một cách không cần thiết thôi.

“Mặt khác ai có chút hiểu biết về cái chết nhờ học hỏi tìm tòi trong lúc sống, sẽ lập tức làm cho mình thoát ra khỏi cái vướng víu này, và khởi sự là ‘thường trú nhân’ ở cõi tình cảm. Tôi gọi là ‘thường trú nhân’ vì bây giờ họ không còn thể xác nữa, và chỉ có thân xác trở lại khi tới ngày giờ thích hợp cho họ tái sinh và sống ở cõi trần. Bây giờ họ sẽ sống ở cõi tình cảm cả ngày lẫn đêm. Ngay khi họ vừa cố gắng trút bỏ thể sinh lực thì chất ether rơi ra ngay và bắt đầu tan rã như thể xác, nhưng trong khi thể xác cần nhiều năm tháng để tan rã hoàn toàn, thì thể sinh lực vì làm bằng chất liệu thanh nhẹ hơn nên tan rã gần như tức khắc. Nay không còn vướng bận thể xác nữa, linh hồn ở trong thể tình cảm và sinh hoạt bằng thể này bao lâu nó còn ở cõi trung giới.

“Cõi này là thế giới của tình cảm và ảo ảnh, nó gồm chất liệu thanh bai hơn bất cứ khí nào ta biết và có nhiều mức độ nặng nhẹ khác nhau. Thể tình cảm là vận cụ của tình cảm, cái sinh ra nhờ sự rung động của chất liệu ở cõi này. Ai có thông nhãn sẽ thấy tình cảm cao thượng như thương yêu, biết ơn, không ích kỷ và những tính tương tự là sự rung động của chất liệu thanh bai, còn tình cảm thấp như tham lam, ganh tị, ghen tuông, yêu một cách ích kỷ (như si mê), kiêu hãnh.v.v. là sự rung động của vật chất nặng nề hơn. Người ta khi sống ra sao thì khi chết giống y vậy, chỉ có khác chăng là bây giờ họ không còn thể xác và những giới hạn của nó. Tánh xấu và tánh tốt của họ vẫn giữ nguyên nhưng vì thể tình cảm có tính tràn lan, trào dâng, nên các đặc tính con người thành lực rất tốt hay rất xấu xa.

“Như thế sự đối nghịch chút ít ở cõi trần khi qua cõi tình cảm biến thành ghét bỏ dữ dội, làm cho cả đôi bên khó chịu, còn tình thân mến bình thường ở cõi trần gây ra đáp ứng là thương yêu nồng nhiệt, sinh ra bầu không khí chứa chan hạnh phúc rất lạ lùng. Vì cõi tình cảm là cõi của ảo tưởng, mọi chuyện không cần đến thì giờ hay sức lực như cõi trần; thức ăn, y phục.v.v. đều do tư tưởng sinh ra. Cuộc sống ở cõi tình cảm có thể như là chuỗi ngày nghỉ lễ dài hạn. Ta có thể làm bất cứ điều gì từng mơ ước muốn làm, không có giới hạn nào ngăn cản ta mở mang kiến thức như không đủ giờ để học, mất kém, mệt mỏi, bởi không có gì ở cõi tình cảm làm cho ta bị mệt.

“Trong lúc cơ thể ngủ thì ta sinh hoạt ở cõi trung giới trong thể tình cảm, gặp ở đó bạn bè thân quyến đã qua đời, thế thì ráng quên những người ấy lúc ban ngày là chuyện khờ

dại vì họ luôn ở quanh chúng ta, cái duy nhất ngăn cách ta với họ là sự giới hạn tâm thức. Chuyện không may là chỉ có rất ít người nhớ lại mình làm gì lúc ngủ, nếu ai cũng nhớ thì họ sẽ bớt lo lắng về cái chết, và ý tưởng đáng sợ về địa ngục lửa cháy đời đời sẽ không còn ảnh hưởng được ai, giống như ông chàng trong chuyện thần tiên của trẻ con không còn làm người lớn sợ hãi.

“Rất ít người ý thức rằng ở cõi trần, người trung bình dành hầu hết thì giờ của mình làm việc trong văn phòng, cửa hàng hay ngoài ruộng, hay làm nghề mà họ sẽ không chọn nếu không cần phải kiếm tiền để lo ăn, mặc cho chính họ và gia đình. Có thể đó là điều hay khi có ít người nhận thức chuyện ấy, bằng không ta sẽ hết sức bất mãn. Tình cảm này sẽ gây trở ngại cho sự tiến hoá của con người và sinh rắc rối khắp nơi. Chỉ một số nhỏ người có may mắn là làm việc mà họ ưa thích. Họa sĩ hay nhạc sĩ cho dù được hưởng gia tài vẫn tiếp tục làm việc vì nói chung, việc làm là một phần của họ và thành niềm vui cho họ.

“Tôi sẽ cho anh một cái nhìn tổng quát về vài cảnh sống nơi cõi tình cảm. Ai mà trong lúc sống ở cõi trần không nghĩ gì khác hơn là chuyện buôn bán thì khi qua sống ở cõi trung giới, ban đầu họ thấy chán nhất là khi họ chỉ thích kiếm tiền. Tiền bạc là món thuần vật chất và hóa vô dụng ở cõi tình cảm. Người như vậy sẽ phải có sở thích nào đó nếu họ muốn được hạnh phúc sau khi qua đời. Giả dụ họ thích âm nhạc lúc sống thì sau khi chết họ vẫn thích nhạc, và có được nhiều cơ hội để thỏa mãn ước ao chưa được mãn nguyện lúc sống.

“Nếu muốn thì người yêu nhạc có thể dành hết thì giờ để nghe những khúc nhạc hay nhất trên thế giới. Khoảng cách không còn là vấn đề ở cõi tình cảm, anh có thể lắng nghe một vở nhạc kịch opera ở London, rồi một phút sau anh thưởng thức một buổi trình diễn khác ở New York hay Úc. Anh có thể gặp các đại nhạc sĩ thời xưa nếu họ chưa tái sinh, thấy được những hình tư tưởng vĩ đại do âm nhạc ở cõi trần tạo ra bằng chất liệu thanh bai ở cõi trung giới. Ngay cả khi còn sống dù không biết chơi nhạc nay anh có thể tưởng tượng và tạo ra nhạc. Ở cõi trần nhiều người có thể nghĩ ra các đoạn nhạc hay nhưng không diễn tả được vì thiếu kỹ thuật, khi qua cõi tình cảm thì họ đáng cho ta ước ao, bởi họ ham muốn việc không cần điều kiện vật chất để thành.

“Với ai ưa thích nghệ thuật thì có sẵn tất cả những tuyệt tác phẩm chờ họ xem, ở phòng triển lãm hay thuộc bộ sưu tập tư nhân. Nhiều người thích nghệ thuật hằng mơ ước được tới Rome, hãy thử tưởng tượng những giờ phút hân hoan mà họ một mình thưởng thức các tác phẩm nghệ thuật ở đó. Họ có thể gặp các nghệ sĩ xưa, và anh không nên nghĩ là vì những người này đã chết nên không còn hứng thú với công việc. Thay vào đó nay họ tạo nên hình tư tưởng mỹ lệ, vì không còn dùng cọ và vải để vẽ. Vẽ tranh là phương pháp duy nhất để họ biểu lộ nghệ thuật nơi cõi trần, nhưng sau khi chết thì hình tư tưởng họ tạo ra cũng giống y như tranh hiển hiện mà còn xinh đẹp hơn bội phần.

“Nhiều họa sĩ nói rằng họ không thỏa mãn với tác phẩm khi hoàn thành, ngay cả khi thế giới ca ngợi tài năng của họ. Họ thường bảo, ‘Phải chi tôi vẽ được trên khung vải

giống y như hình tưởng tượng trong đầu, nhưng chưa bao giờ hình vẽ đúng như ý'. Ở cõi tình cảm hình ảnh tạo ra hoàn toàn chính xác theo cảm nghĩ của họa sĩ, nên hình tạo ra đẹp hơn những tuyệt tác phẩm trên thế giới. Ai thích sách cũng sung sướng vì nay họ tới được các thư viện khắp nơi tha hồ tìm đọc.

“Một thí dụ về việc gì xảy ra sau khi chết cho người lúc sống chỉ biết chuyện vật chất cõi trần là như sau. Khi nói vậy tôi không hàm ý đó là chuyện xấu hay họ có tật xấu, ngược lại họ có thể là người rất nổi tiếng trong xã hội, luôn luôn có đông bạn bè và ai cũng quý mến họ. Niềm vui của họ nói chung là sống thoải mái, đi xem kịch, khiêu vũ v.v.. và làm cả ngàn chuyện ta gọi hành vi của ‘người biết sống’. Thường khi đó là một thương gia thành công, được xem là người chèo gương mẫu, nhưng sao đi nữa cuộc sống của họ gồm chuyện buôn bán và thú vui đều tùy thuộc vào vật chất cõi trần, chỉ có ở cõi trần mà thôi. Trong đời ta thấy có nhiều người giống vậy.

“Sau khi chết người thuộc loại này sẽ thấy đời sống ở cõi trung giới rất là chán, họ không thấy có chuyện gì để làm nơi ấy. Chẳng bao lâu họ thấy là tạo nên hình tư tưởng của các buổi nhậu nhẹt, hay việc mua bán phức tạp để giết thì giờ thì không thỏa mãn chút nào, vì không mang lại kết quả vật chất. Họ không có được sự thỏa mãn của giác quan như hằng có sau một bữa rượu tiệc ê hề, cho dù họ có thể tưởng tượng và thưởng thức cả món ăn ngon, rượu ngon quen thuộc. Họ không sao có được cùng cảm giác sau khi uống rượu từng uống khi sống, dù uống nhiều thế mấy, và hoàn toàn không có cảm giác hài lòng sau một bữa ăn ở cõi tình cảm, như chuyện hay có sau một bữa ăn ngon miệng cõi trần.

“Họ cũng không thỏa mãn về mặt vật chất khi tưởng tượng những vụ làm ăn buôn bán thành công, lý do là không thể sử dụng số tiền kiếm được, bởi ở cõi tình cảm người ta không thể mua hay bán vật. Họ có thể dùng tư tưởng tạo ra hàng ngàn lượng vàng tùy thích, nhưng để làm gì chứ? Không làm gì được cả! Lúc này họ giống như người bị đắm tàu lạc vào hoang đảo, chung quanh đầy của cải vô giá nếu mang về được thành thị, nhưng lại không có giá trị chi ở nơi không có ai mua, và không có vật gì để bán. Người trên hoang đảo có một lợi thế so với người chết ở cõi trung giới, là còn có thể được cứu và mang của cải châu báu về nước. Người ‘chết’ không có được hy vọng như vậy, họ đến cõi này như một đứa trẻ không có sở hữu nào ngoài kinh nghiệm từ những kiếp trước, được linh hồn cất giữ mà khi tiến hóa sẽ có thể mang xuống cõi trần.

“Họ cũng không thỏa mãn với các môn thể thao hay chơi lúc sống. Với ai chơi golf thì họ vẫn có thể tiếp tục chơi ở cõi tình cảm nếu muốn, nhưng chẳng bao lâu sẽ chán ngay, vì mỗi lần đánh là quả banh chạy ngay vào lỗ mà họ muốn, lần nào cũng thành công như lần nào không thay đổi, trúng không sai chạy. Ấy là vì họ tạo ra hình tư tưởng cho điều ao ước, vật chất mềm dẻo của cõi trung giới lập tức thành hình ngay. Anh dễ dàng tưởng tượng là cuộc chơi như vậy chán ngấy ra sao, và khác với cõi trần như thế nào, nơi mà có ngày anh chơi rất thiện nghệ mà có ngày thì chơi dở hết sức. Yếu tố không biết trước được làm cuộc chơi hấp dẫn và nó không còn nơi cõi tình cảm.

“Nay xét tới người mà cả đời được dạy là ai không toàn thiện thì bị phạt vào địa ngục lửa cháy đời đời. Sau khi chết họ khó mà vứt bỏ những tư tưởng ấy và nó làm họ khổ sở, họ tiếp tục bị dấn vấp với tư tưởng là đã bị gạt, cho dù ta bảo đảm với họ rằng điều tin tưởng đó không đúng thật. Chỉ khi nào họ loại bỏ chúng thì mới được ổn định trong đời sống mới nơi có nhiều điều để học, để xem.

“Người khác thì đau khổ bởi khi từ cõi cao nhìn lại cuộc đời ở cõi trần, họ thấy mình đã bỏ lỡ nhiều cơ hội và nhận thức này gây ra phản ứng khác nhau. Có người hối hận, kẻ khác hiểu biết hơn sẽ quyết định không bỏ qua cơ hội khi tái sinh. Ta cũng có thể gặp được người khi sống phải nuôi vợ và nhiều con, có thể họ không để lại tài sản chi và lo lắng gia đình sẽ sống ra sao khi họ chết. Đó là chuyện rất tự nhiên nhưng cũng mất thì giờ vô ích. Một khi đã chết họ không còn trách nhiệm chi ở cõi trần, và lo lắng không giúp đỡ thực tế gì cho người sống mà còn làm họ rối rắm nhiều thêm. Họ khiến người còn sống đau khổ hơn thay vì làm nhẹ gánh cho gia đình, và giải quyết cho vấn đề chỉ có được khi họ ý thức rằng người sống là linh hồn riêng biệt, đang trang trải nhân quả của mỗi người, và biết đâu các khó khăn mà gia đình đang trải qua là cơ hội trả bớt phần nào nhân quả bắt buộc phải hóa giải trong kiếp hiện tại.

“Có những người luôn luôn tự gây khó khăn cho mình vì lo lắng chuyện nằm ngoài tầm kiểm soát, hay bi quan về tương lai, tin là việc tệ hại nhất sẽ xảy ra. Sau khi chết người như vậy không thay đổi gì cả, họ tiếp tục rối rắm và tuôn ra sự lo âu ở bất cứ nơi nào họ tới. Điều không may là những ai như thế tiếp tục kết thành nhóm với nhau như ở cõi trần, vẫn tin chuyện trước đây họ đã tin cho dù có sự thực ngược lại phơi bày trước mắt. Không sớm thì muộn họ sẽ được người giúp đỡ làm cho tỉnh ngộ, có nhiều người luôn luôn tìm cơ hội để trợ giúp những trường hợp đáng buồn như vậy và phải tìm cách trám vào chỗ trống; và niềm tin sai lạc cần thay bằng cái khác hợp lý hơn, làm thoải mái hơn và giải thích được không những hiện tại mà luôn cả quá khứ, tương lai.

“Đừng bao giờ gạt bỏ một tư tưởng chỉ vì nó xa lạ với anh, mà nên lắng nghe mọi mặt của câu hỏi và tự kết luận riêng cho mình. Trí óc anh có thể tạm thời bị xáo trộn nhưng khi sự xáo trộn qua đi, anh có thể thấy được cái Ánh Sáng giúp anh đặt chân trên con đường mà cuối cùng dẫn tới Hiểu Biết, tới Minh Triết của người Toàn Thiện. Hãy gạt bỏ ý niệm về thưởng và phạt, vì không có phần thưởng hay sự trừng phạt mà chỉ có hệ quả, nhân và quả, cũng như Luật thi hành một cách công minh ở cõi cao cũng như ở cõi trần.

“Ta sống ở cõi trần ra sao thì chết ở bên kia ta cũng sẽ là con người y như vậy, cuộc sống của ta tùy thuộc vào tư tưởng mà ta phát ra ở cõi trần, vậy ta hãy quan tâm đến những chuyện cao hơn như khoa học, nghệ thuật, âm nhạc, văn chương và sự mỹ lệ của thiên nhiên, có nghĩa bất cứ điều gì không thuần vật chất. Trong cảnh giới mới ta sẽ có đời sống hạnh phúc hơn, gặp được những cơ hội mà nếu không chuẩn bị trước ở cõi trần thì chúng trở thành vô dụng.”

CHƯƠNG BA

– Hôm qua tôi có phác họa sơ qua về những điều kiện sinh hoạt ở cõi tình cảm, hôm nay tôi sẽ tiếp tục nói thêm về cõi này.

“Tòa thánh tại Rome đưa ra triết lý mà nếu tóm tắt thì đại ý là sau khi chết, ai tội lỗi hết thuốc chữa sẽ rơi ngay vào địa ngục vĩnh viễn, còn ai thánh thiện sẽ lập tức lên cõi thiên đàng. Người bình thường không tốt lắm cũng không xấu lắm, sẽ trải qua một thời gian dài hay ngắn ở khoảng lưng chừng là luyện ngục (Purgatory), để tội lỗi của họ được tiêu tan. Như tôi đã nói, không hề có địa ngục đời đời, chuyện ấy không thể có vì lý do đơn giản là một nguyên nhân giới hạn không thể sinh ra một kết quả vô hạn, và ai khi chết mang theo lòng sợ hãi như vậy qua cõi tình cảm sẽ gặp khó khăn lúc ban sơ. Với người hết sức tốt lành như các vị thánh thì triết lý trên có phần đúng một chút, vì có một trạng thái được gọi là cõi thiên đàng, và rất có thể là một hai vị đại thánh lướt qua chỗ giữa chừng là cõi tình cảm, đi thẳng lên cõi trí để tiếp tục cuộc tiến hóa của họ nơi ấy. Cho đại đa số người thì câu hỏi lên thiên đàng hay xuống địa ngục không cần đặt ra, tiến trình của họ là qua hai trạng thái mà cái thấp là cõi luyện tội nên sáng nay tôi sẽ bắt đầu nói về nơi ấy.

“Giáo lý của Công Giáo La Mã có một phần sự thật khi nói rằng cõi luyện tội là trạng thái chuyển tiếp, trong đó tội lỗi con người được tiêu trừ một cách đau đớn, biểu hiện với hình ảnh bị thiêu trong lửa; nhưng nó không còn đáng được tôn trọng khi có giáo lý về xá tội, dạy là người ta có thể bỏ tiền ra mua sự xá tội để tránh được trạng thái luyện tội, không cần bài học của cõi này. Dĩ nhiên không thể có chuyện đó, không số lượng tiền bạc nào có thể thay đổi mảy may chuyện sẽ xảy tới cho một ai sau khi chết. Tiền bạc có thể khiến người ta qua mặt được luật pháp lúc sống ở cõi trần, nhưng khi ta rời bỏ cõi đời này thì tiền không còn giá trị, và bạn bè hay thân quyến có cúng bao nhiêu tiền để mua việc xá tội cho anh cũng phí của mà thôi. Tôi luôn luôn nghĩ thật là khờ dại khi cho rằng tiền bạc có thể thay đổi được luật của trời đất. Anh không thể thay đổi được sức hút của quả đất bằng cách cho nó tiền bạc, thì việc thấp nển, cầu kinh, cúng dường cũng không sửa được luật công bằng thiêng liêng.

“Cõi luyện tội được kêu như vậy không phải là không đúng, vì nó là một trạng thái tâm thức nhằm thanh lọc và cải thiện con người, nằm ở những cảnh thấp của cõi tình cảm, đây là nơi mà vừa mới chết thì gần như ta lập tức bước qua đó. Ở đây con người tẩy sạch những ham muốn thấp kém làm trí não mê muội, và khiến họ bị cột chặt vô hạn vào thể tình cảm. Sự tiến hóa đòi hỏi linh hồn phải đi sang nơi cao hơn, mà muốn làm vậy, họ phải trải qua những cảnh giới ở đó họ bị đau khổ y hệt như đã làm người khác điều đúng lúc họ còn sống ở cõi trần, vì gian dối, tàn nhẫn v.v. Nhờ thời gian và sự đau khổ họ học được tính thành thật, công bằng, khoan hòa v.v. và khi học xong thì tiến sang bước khác.

“Kiếp tới khi trở lại cõi trần họ sinh ra là trẻ con vô tội tuy khuynh hướng chịu theo cùng loại dục vọng vẫn còn nằm đó, và mỗi điều xấu phạm trong kiếp ấy là do tự ý muốn làm. Con người sẽ tiếp tục như thế cho tới khi nhờ kinh nghiệm luyện tội cay đắng, họ học được rằng phải có tánh khoan hòa và làm điều thiện cho kẻ khác bất kể mình được đối xử ra sao. Trời đất đã đặt ra một số luật lệ vĩnh cửu mà chúng ta phải ráng hiểu cách luật tác động. Nếu thiên nhiên không có những luật này thì sự việc sẽ hóa hỗn loạn và ta không biết trông cậy vào điều chi, may thay có những luật trong trời đất và chúng là biểu lộ của Thiên Ý.

“Tôi sẽ ráng giải thích việc gì xảy ra trong cõi luyện tội bằng cách cho anh vài thí dụ. Thí dụ luôn luôn đưa ra đầu tiên – vì nó dễ hiểu nhất – là trường hợp người say sưa nghiện rượu. Ai cũng biết nghiện rượu tai hại như thế nào, quá nhiều trường hợp xảy ra với con người làm tan nát đời mình, bỏ đói vợ con và còn gây ra vô số tội phạm khác chỉ để thỏa mãn việc thèm khát cảm giác mà rượu mang lại. Nếu một ai uống chỉ để hết khát thì họ sẽ không ham muốn việc uống rượu sau khi chết, bởi không có cái khát hay cái đói ở cõi trung giới, nhưng nguyên do của dục vọng không phải là cái khát mà là *sự thèm muốn một khoái cảm*.

“Sau khi chết cũng sự thèm muốn mà khi sống đã thúc đẩy họ làm bao chuyện tệ hại sẽ hóa mạnh mẽ gấp bội, nhưng nay họ không cách nào thỏa mãn ham muốn ấy khi đã mất thân xác vật chất. Dục vọng không phải chỉ thuộc về thân xác mà nó còn thuộc về thể tình cảm, và là một trong những cách sinh hoạt của thể này. Tên khác của cõi tình cảm là cõi dục vọng, ở nơi đây những ham muốn với cảm xúc lộ ra trọn không chút suy giảm, lòng ham muốn với trọn lực của nó bây giờ dầy vò xâu xé con người cả trăm lần hơn khi còn sống. Đó là sự đau khổ mà không ai có thể phủ nhận, nhưng cũng không ai có thể nói rằng người nghiện rượu đang bị trừng phạt. Việc xảy ra chỉ là luật nhân quả tác động và con người gặt cái đã gieo, nay họ nhận lãnh kết quả của hành vi trong kiếp vừa qua nhưng họ không bị trừng phạt.

“Họ tạo cho mình lòng ham muốn nên bây giờ đau khổ, thời gian mà nỗi vò xé này diễn ra có vẻ như vô tận đối với họ nhưng trên thực tế nó chỉ kéo dài vài ngày, vài tuần hay vài tháng. Họ có thể tưởng tượng để thỏa mãn cơn thèm được rất ít, như tạo hình tư tưởng về rượu và tưởng tượng như đang uống. Họ cũng có thể tưởng tượng hương vị của rượu nhưng không sinh ra được kết quả, tức không cách chi họ có được sự khoái lạc như khi uống rượu ở cõi trần. Họ có thể có được khoái lạc gần giống bằng cách tới nơi người sống uống rượu và thu lấy hơi rượu nồng bay lên, hơi rượu sẽ cho họ thỏa mãn rất ít ỏi. Họ không thấy khoái lạc mấy nhưng có còn hơn không, và đó là cái khá nhất có được lúc này khi họ không còn thân xác.

“Vậy đây là trường hợp của người có thể nói là đã rơi vào địa ngục. Dĩ nhiên là không kéo dài đời đời nhưng đủ lâu làm người ta điêu đứng khổ sở và cho là vô tận. Cái đáng nói là không ai có thể giúp được họ tức ngăn không cho chuyện như vậy xảy ra. Điều duy nhất có thể làm là giải thích cẩn thận cho họ biết chuyện gì đang diễn ra, lý do của

sự việc và cho hay cách giải quyết duy nhất là mất đi lòng thèm khát, vì bao lâu dục vọng còn chưa dứt bỏ hay tàn lụi thì còn đau khổ. Sớm hay muộn họ sẽ nhận thức được việc này và giai đoạn luyện tội chấm dứt.

“Kế tiếp thử xét trường hợp người hà tiện rít róng, thu góp vàng bạc trong đời và dấu nó ở nơi chỉ có họ biết. Hãy tưởng tượng đến sự hài lòng vui thích của họ lúc còn sống khi tới chỗ bí mật này, vốc tiền trên tay cho từng đồng vàng hay giấy bạc rơi xuống đồng tiền bên dưới. Hãy tưởng tượng họ kêu lên khoái trá ‘Tiền của ta, của ta hết thấy, không ai đụng vào được ngoài ta’. Rồi hãy nghĩ cảm tưởng của họ ra sao khi ở cõi tình cảm, họ thấy có người may mắn tìm ra chỗ cất dấu vàng bạc này, và không chùng xài phung phí tiền ấy. Người hà tiện không thể làm gì được, tuy rất có thể anh lẫn lộn một thời gian lâu sau khi chết quanh chỗ dấu tiền.

“Anh có thể dụ người tìm vàng đi chỗ khác, chắc chắn anh làm hết sức mình để đuổi họ đi, nhưng anh không biết cách nào để nói với họ ngoại trừ lúc họ ngủ và tạm thời bước qua cảnh giới của anh. Trong đa số trường hợp không ai nhớ những buổi nói chuyện như thế khi thức dậy, nên cố gắng của anh không chi phối được ai. Thế nên ta lại thấy tuy không ai trừng phạt người này, nhưng anh đau khổ vì lòng thèm muốn và tham lam không được kèm chế. Anh chỉ có được sự an vui khi bỏ được lòng ham thích những gì thuần vật chất.

“Một trường hợp khác rất hay thấy là của người hết sức ghen tuông, tưởng mình thương yêu ai đó nhưng thực ra tất cả điều họ muốn là chiếm hữu phần hồn lẫn phần xác của đối tượng để có thỏa mãn riêng tư. Ai thực tâm thương yêu sẽ hân hoan thấy người mình yêu được kẻ khác ái mộ, chú ý nhưng người ghen tuông thì khác. Lúc còn sống mà ghen tuông thì khi chết anh vẫn giữ tính đó, tự dằn vặt mình không ngưng và vô ích khi lom lom trông chừng và ghét bỏ ai đến tán tỉnh người anh nghĩ là anh thương yêu, tìm đủ cách để ảnh hưởng họ nhưng chỉ tốn công vô hiệu. Cũng như trước không ai trừng phạt người hay ghen như thế, họ chỉ nhận lấy kết quả của sự khờ dại của mình do luật nhân quả hay karma mang tới, theo tác động không thể kèm chế được của luật. Cách duy nhất có thể giúp họ là khuyên nhủ hợp lý, tìm cách cho thấy là họ đang hành động điên rồ, giải thích rằng chuyện duy nhất phải làm để được bình an là gạt bỏ tánh ích kỷ khi thương yêu, và cần nhận thức là không ai có thể chiếm hữu linh hồn cũng như thân xác người khác, dù muốn tới đâu đi nữa.

“Ta qua thí dụ chót ở cõi luyện tội. Có nhà doanh thương lần kia làm tiêu tan sự nghiệp của người cạnh tranh với mình, khi bạn hữu chỉ trích thì anh nói mạnh tay hành động là tốt cho việc kinh doanh, và kẻ bị thiệt hại có được bài học mà sau này sẽ hữu ích cho họ. Đúng thế, vài năm trôi qua, kẻ bị thua khi trước nay vươn lên, thành công nhiều lần hơn người đã hại anh, và kẻ nhẩn tâm lấy đó làm chuyện để chứng tỏ mình đúng, rằng cạnh tranh tàn nhẫn thực ra là phước lớn cho người bị thua. Kẻ này không nghĩ gì thêm về chuyện ấy trong kiếp đó, nhưng khi qua đời sang cõi luyện tội thì họ thấy sự việc khác hẳn.

“Ở đó anh được cho thấy là sau khi tiêu tan sự nghiệp, kẻ bị hại về cho vợ hay việc bất hạnh của mình. Con trai người này bắt đầu vào đại học phải bỏ ngang đi tìm việc, nhận làm chân thư ký nhỏ. Người cha bắt đầu trở lại và như đã nói, ông trở nên giàu có về sau nhưng lúc đó đã quá trễ để giúp con. Và chuyện gì xảy ra cho cậu trai? Cậu cho rằng định mạng đùa giỡn với mình, hóa ra cay đắng nên thay vì tận dụng tối đa hoàn cảnh mới, cậu lại chơi với bạn xấu, kiếm tiền bằng cách bắt chính để cuối cùng vào tù. Sự việc gây khổ não cho mẹ anh làm bà đau buồn rồi chết.

“Trọn câu chuyện thấy từ đầu tới cuối là một thảm kịch to tát, và ta có thể tưởng tượng ra nỗi đau khổ của thương gia nhấn tâm, khi họ ý thức rằng lòng tham lam thiếu suy nghĩ của họ lúc ấy, không những đã tạm thời làm tiêu tan sự nghiệp của kẻ cạnh tranh với mình, mà còn gây ra cái chết của một người đàn bà và hại cuộc đời của cậu trai trẻ.

“Ở cõi bên kia con người thấy được trọn vẹn kết quả mọi hành động của mình, và ít ai không bị đau khổ khi nhìn lại cùng tự hứa là trong kiếp mai sau họ sẽ xử sự khác đi. Cõi luyện tội là nhằm làm ta thay đổi quan niệm với những việc như thế, và khi quan niệm đổi khác thì ta học xong kinh nghiệm của cõi này. Thông thuộc bài học bảo đảm rằng trong những kiếp sau khi qua đời và bước sang những cảnh thấp của cõi tình cảm, ta chỉ phải dùng chân ngón ngửi với những kinh nghiệm tương tự như thí dụ ở trên. Ta chỉ phải học bài học một lần mà thôi, và nếu nhờ vậy tâm tính thay đổi thì tránh được nhiều nỗi khó khăn, đau lòng trong tương lai.

“Kinh nghiệm về cõi tình cảm của người trung bình và dưới mức trung bình tương ứng với đời sống của họ ở cõi trần, chuyện cũng vậy cho người trí thức trên trung bình và phù hợp theo cách sống của họ. Người như thế đi qua những cảnh thấp của cõi tình cảm mau hơn rồi vào cảnh cao, nơi chẳng những họ có thể tiếp tục bất cứ cuộc thí nghiệm nào ưa thích, mà còn có thể qui tụ thêm những ai cùng sở thích quanh họ. Ta thường thấy những tụ tập như thế giữa khoa học gia với sinh viên, nhà toán học với nhóm nhỏ hơn. Cả hai nhóm thấy cõi tình cảm thích hợp để làm việc hơn là cõi trần, vì nay họ có thể nghiên cứu không gian bốn chiều và có cơ hội thí nghiệm.

“Nghệ sĩ thì có nhóm học trò chăm chú bắt chước tài nghệ của ông, và nhạc sĩ cũng vậy. Người sau thật là hạnh phúc vì họ có cơ hội được nghe âm nhạc của thế giới mà luôn cả âm nhạc của thiên nhiên từ biển, gió, không gian, vì quả là có âm nhạc của các hành tinh khi chúng di chuyển trong không gian lồng lộng. Âm nhạc và màu sắc nối kết với trọn không gian bao la, nhưng ta ý thức về nét vinh diệu của sự sống trong vũ trụ ít như con kiến hiểu về cuộc sống của con người, với biết bao sinh hoạt. Nhạc sĩ có thể gặp các đại thiên thần âm nhạc, các ngài biểu lộ qua âm nhạc, bằng âm nhạc và âm nhạc đối với các vị này thì như ngôn ngữ đối với ta. Về sau anh sẽ được nghe thêm về sinh hoạt của các ngài.

“Với người thiên về tinh thần, suy gẫm sâu xa điều thanh cao thì họ bước vào nơi an lạc vô tận. Trong suốt cuộc sống ở cõi trần họ phải dựa vào niềm tin và khả năng lý luận của mình, nay họ có thể chứng minh được sự thật của những thuyết lý mà họ đã nghiên

cứu dưới thế, ta không thể tưởng tượng hết được niềm vui và an lạc mà hiểu biết này mang lại cho người như vậy, họ đã phấn đấu trong cảnh tối tăm và bây giờ phần nào tìm ra ánh sáng.

“Có lẽ người từ tâm với ý tưởng, mục tiêu duy nhất trong đời muốn giúp đỡ đồng loại là người có cơ hội tốt đẹp hơn hết thảy, vì nay họ được tự do để dành trọn thì giờ cứu giúp, an ủi kẻ nào cần đến họ. Nếu làm phần việc đặc biệt là giúp ai vừa qua đời thì họ sẽ còn bận rộn trong suốt khoảng thời gian ở cõi tình cảm. Trong thời chiến có nhu cầu rất lớn cho việc này, vì người không hiểu biết thì nhiều mà người cứu trợ lại ít. Ai làm công tác đó là nắm lấy cơ hội bằng vàng để tạo nhân quả hết sức tốt đẹp cho mình.

“Vậy hãy học hỏi không phải để giúp riêng mình mà vì nhờ hiểu biết này, anh có thể giúp người khác lúc nguy khó, cũng như anh có thể dự phần vào cơ tiến hóa vĩ đại và trở thành, như ai biết suy nghĩ nên thành người dẫn đường, giúp đỡ kẻ chưa hiểu biết.”

“Hôm nay ta đi tới một trong những chuyện lý thú nhất về cõi tình cảm là Trẻ Con, vì nói cho cùng không phải trẻ con thực ra đã làm nên thế giới sao? Chỉ cần dự lễ Giáng Sinh trong gia đình không có trẻ con là sẽ thấy giọng nói vui vẻ, chơi đùa nhộn nhịp làm cho Giáng Sinh là lễ tết bừng nhất trong năm; thiếu trẻ con thì trong nhà hóa trống vắng và thế giới như không có hạnh phúc chút nào. Tiếng cười của trẻ thơ là điều tuyệt vời nhất trên thế gian, và ai từng chăm lo cho trẻ nhỏ sẽ là người thấy mất mát nhiều nhất, khi chúng trưởng thành bước vào vòng đời quay cuồng người lớn. Dường như trẻ con là kẻ hồn nhiên nhất trong nhân loại, là kẻ duy nhất biết vui sống là gì.

“Lý do nằm ở sự kiện là khi trở lại cõi trần, chúng vẫn còn nhớ cuộc sống tuyệt diệu ở cõi thiên đàng vừa rời bỏ, còn giữ lại phần nào ký ức về cảnh đời cao đẹp nhất với thiên thần, tinh linh, nơi có nét mỹ lệ mà ta không sao mơ tưởng nổi khi ta trưởng thành nhiễm tính duy vật, tập cư xử cho hợp thói đời. Loài thú cho thấy điều tương tự, ngay cả sư tử con cũng dễ yêu như các em bé, khi mới sinh ra chúng chưa biết sợ vì chúng vừa từ cõi tình cảm xuống là nơi không có lòng sợ hãi. Nhưng sau vài tháng hay một năm, bản năng là một phần của hồn khóm mà chúng thuộc về, nay từ từ thấm vào, sư tử con nảy lòng sợ hãi và nghịch với người khiến chúng không được xem là thú nhà an toàn nữa.

“Quan niệm chung cho rằng không có gì đáng buồn hơn việc trẻ chết sớm, vào bất cứ lúc nào trong giai đoạn thơ ấu nhất là khoảng chúng được ba tuổi. Tính thơ ngây của trẻ không thuộc vào tuổi tác, có trẻ mất tính này khi bắt đầu vào trường, có trẻ vẫn giữ được tới tuổi thiếu niên. Ai chưa rõ phần sơ đẳng của luật tiến hóa cho rằng trẻ chết sớm là chuyện không nên có, vì lẽ tự nhiên là người đời thắc mắc tại sao cha mẹ phải bị đau khổ như vậy, và trẻ ra đời quá sớm thì có lợi gì.

“Tuy nhiên ai hiểu luật tiến hóa hẳn ý thức rằng trẻ con là cá nhân riêng biệt, xuống cõi trần để học kinh nghiệm và có vận mạng riêng của chúng. Nếu chết sớm trẻ có ít kinh nghiệm và chỉ cần ít thì giờ để chuyển hóa số kinh nghiệm này sau khi rời cõi trần, nên trẻ chết yểu thường trở lại ngay để bắt đầu kiếp khác. Trẻ không bị mất mát hay đau khổ

gì vì chết non. Nếu người trung bình chịu bỏ công học hỏi để có hiểu biết này thì đời sẽ vui hơn biết bao.

“Khi em bé sắp sửa qua đời thì nên có nghi lễ tôn giáo để bảo vệ em, tạo nên một làn rung động có ảnh hưởng rõ rệt để không gì có thể gây nguy hại cho em. Khi trẻ qua cõi tình cảm chúng có cuộc sống thật hạnh phúc vì không có gì cấm đoán ngăn cản. Chúng không hề bị bỏ rơi vì luôn luôn có những bà mẹ đã qua đời sẵn lòng chăm sóc cho trẻ thơ chết sớm. Các bà vẫn giữ tình mẫu tử ở cõi tình cảm như lúc sống ở cõi trần, và các bà mẹ này không còn phải lo về cái nghèo, sự thiếu ăn, thiếu mặc, lạnh giá.

“Ngủ cũng không còn cần thiết nên bà mẹ có thật nhiều giờ để lo cho trẻ mà bà nhận vào lòng. Ngoài nỗi hân hoan sinh ra do việc trông nom chơi đùa với trẻ, bà có thể dạy em học, chỉ cho thấy bao nét mỹ lệ dưới nhiều hình thức khác nhau ở cảnh giới này. Việc dạy dỗ như vậy có thể lưu lại trong tiềm thức của trẻ, khiến chúng quan tâm đến nét mỹ thuật của sự sống trong kiếp sau. Ngoài các bà mẹ nuôi lúc nào cũng sẵn đó, còn rất đông người cứu trợ ở cõi tình cảm sẵn sàng chỉ dẫn ai chân ướt chân ráo mới qua đời bước lên cõi tình cảm.

“Giống như người lớn, trẻ con không thay đổi khi qua cảnh bên kia. Lúc nào cũng có nhiều người muốn chơi đùa cùng em, có cả tinh linh dự vào nhiều trò chơi của trẻ nơi này. Thử nghĩ đến trẻ nhỏ giàu tưởng tượng tạo ra trong trí của mình khung cảnh tuyệt vời của chuyện thần tiên em đọc trong sách. Sang cõi tình cảm em không còn phải giả bộ chơi, vì ở đây hề vừa tưởng tượng chuyện gì thì nó hiện ngay lập tức cho thấy, bởi vật chất cõi tình cảm được nhào nặn theo tư tưởng, bao lâu trẻ còn tưởng đến chuyện gì thì chuyện sẽ còn đó. Thay vì ngồi trong bồn tắm cũ kỹ với hai khúc cây là mái chèo, em nhỏ muốn chèo thuyền trên sông chỉ cần nghĩ đến dòng sông, đến con thuyền, mái chèo là tất cả có ngay cho em sử dụng.

“Trẻ nào thích làm anh hùng trong chuyện thì chỉ cần nghĩ đến một cách mạnh mẽ rằng mình là anh hùng, và lập tức em trở thành người hùng theo óc tưởng tượng của em. Chất liệu mềm dẻo của cõi tình cảm được uốn thành bất cứ hình dạng nào, nên trong khoảng thời gian đó em nhỏ y hệt là điều mà em tưởng tượng. Em có thể thành vua Quang Trung, Batman diệt bạo trừ gian, Harry Potter. Nghĩ tới cái gì là em thành cái đó, và khi chơi chán một trò em chỉ cần nghĩ tới nhân vật khác là chất liệu tuân theo ý em ngay. Điều học hỏi này hết sức bổ ích cho trẻ, vì bằng cách ấy em học được nhiều điều không thể có trong điều kiện ở cõi trần.

“Chúng ta đều biết rằng trẻ con hỏi luôn miệng và biết bao lần ta không trả lời được câu hỏi của em, vì có những điều trẻ không hiểu được do trí óc còn non nớt, thơ dại. Đôi khi ta còn la rầy không muốn trẻ hỏi, chẳng phải vì muốn ngăn cản sự tiến bộ của em, nhưng không đáp xem ra tốt hơn là đáp lại mà tạo cảm tưởng sai lầm. Sang cõi tình cảm những điều kiện nơi đây thay đổi tất cả, thắc mắc của em được trả lời bằng hình ảnh hiện ra ngay trước mắt, hình còn đó sống động bao lâu ta còn tập trung tư tưởng vào nó, và hình giải đáp thắc mắc tuyệt hơn là cắt nghĩa dài dòng.

“Người ta hỏi ‘Trẻ có nhớ cha mẹ, bạn bè hay không?’ Không, chúng không nhớ vì khi ngủ ai cũng sang cõi tình cảm là nơi trẻ qua đời đang sống. Cha mẹ thương tiếc con vì nghĩ là đã mất nó, nhưng họ gặp con trở lại khi vừa thiếp ngủ, tách ra khỏi xác thân; họ có thể nói chuyện và chơi với con, tiếp tục dạy con.v.v. Thực tế là có thể tiếp tục làm cha làm mẹ như ở cõi trần, nhưng tiếc là cha mẹ không nhớ chút gì khi tỉnh giấc vào buổi sáng.

“Trẻ khi chết trở thành vô hình với cha mẹ bình thường chưa có thông nhãn (clairvoyance), trong khi đó em luôn thấy cha mẹ tức thể tình cảm bao quanh xác thân họ. Cha mẹ không hề vô hình đối với trẻ nên thường khi, lúc họ khóc thương con đã chết thì chính trẻ ấy đang đứng ngay bên cạnh, tìm đủ mọi cách để nói chuyện với họ. Lúc đó trẻ thấy cha mẹ sao lạ lùng kỳ cục, bởi không hiểu rằng tuy em thấy cha mẹ nhưng họ lại không thấy em.

“Thắc mắc khác cũng thường nêu ra là ‘Trẻ có lớn lên ở cõi tình cảm không?’ Khó mà trả lời câu này vì nếu ta hỏi trẻ thì em hay đáp ‘Có, em lớn nhiều lắm’. Như đã nói, thể tình cảm không tăng trưởng sau khi chết, và tuy trẻ nảy nở tâm trí, học hỏi nhiều hơn nhưng thể tình cảm vẫn y như lúc em qua đời. Sự nảy nở của cơ thể chỉ cần thiết ở cõi trần, sau khi chào đời cơ thể lớn từ từ cho tới khi cao lớn trọn vẹn, và khi chết vào bất cứ lúc nào thì sự tăng trưởng tự động ngưng lại. Nay không còn thân xác cho thể tình cảm tượng hình theo thì nó cũng dừng, không lớn nữa. Khi trẻ bảo em có lớn, nó muốn nói là trẻ ‘nghĩ’ em có lớn, thể tình cảm lập tức đáp ứng theo tư tưởng đó nên trong một lúc nó lớn hơn, nhưng khi em nghĩ sang chuyện khác thì thể tình cảm trở lại kích thích cũ. Chuyện không có gì là bí ẩn mà chỉ là tác động của luật thiên nhiên, và vật chất cõi cao hay thấp đều tuân theo luật.

“Có lần tôi gặp chuyện rất lý thú về việc này. Có cặp vợ chồng cùng thiệt mạng trong tai nạn xe hơi, mười năm trước họ mất con gái nhỏ năm tuổi. Người chồng từng học hỏi về huyền bí học thì tin là sẽ thấy con gái y như lúc còn sống, nên khi gặp ông đưa tay bế con lên như khi xưa hay làm vậy lúc ở sở về. Người vợ không học về những chuyện này nên tự nhiên tính là con gái bây giờ phải mười lăm tuổi, và tin rằng một thiếu nữ dậy thì sẽ đón mình ở thế giới bên kia. Bà không bị thất vọng chút nào, vì gặp cô gái xinh xắn có gương mặt và đôi mắt quyến rũ như bà thường tưởng tượng là vóc dáng của con mình khi em lớn lên. Bà đón con và nói ‘Chao ơi, con của mẹ lớn mau quá, sắp thành một thiếu nữ rồi!’

“Người chồng biết về đặc tính mềm dẻo của vật chất cõi tình cảm nên không ngạc nhiên chi hết, không giải thích làm bà cụt hứng rằng điều bà thấy chỉ là hình tư tưởng, do bà tự tạo ra về con gái mà họ vẫn gặp mỗi đêm lúc ngủ trong mười năm qua. Thí dụ này cho thấy tuy sự thực là thể tình cảm của ta không lớn lên ở cõi đó, nhưng với ai không tin hay thấy sự việc khó hiểu thì ảo tưởng của họ cũng làm thỏa mãn, và chuyện không có hại cho ai.

“Trước khi chấm dứt phần nói về trẻ con ở cõi tình cảm, xin đưa thí dụ cho thấy cái chết trẻ của một em bé có thể có lợi đáng kể cho em. Có cặp vợ chồng tuy sống trong cảnh thiếu thốn nhưng mong ước có con, chẳng bao lâu bà sinh bé trai nhưng em chỉ sống được hai năm rồi chết. Hai người đau đớn vì mất con không sao nguôi được. Cuộc đời khi trước hạnh phúc bao nhiêu thì nay trống rỗng, lạnh lẽo và bầu không khí trong gia đình sầu thảm cực độ. Theo với thời gian họ nguôi ngoai dần nhưng nỗi buồn mất con vẫn còn đó, và họ làm chuyện tệ hơn cho nhau do việc không ai nhắc tới điều ấy nữa, có nghĩa trong lòng hai người càng thương nhớ con hơn. Đứa trẻ mà cả hai cùng thương yêu và cùng hoạch định tương lai cho con, nay đã rời bỏ họ. Sự mất mát, nỗi đau khổ thật lớn lao và họ tự hỏi làm sao gọi Thượng Đế là Cha Lành cho được, khi ngài bắt họ phải chịu số phận ấy.

“Hai vợ chồng phản ứng khác nhau với chuyện đau lòng, trong lúc người vợ lo công việc nhà và cầu Trời rằng ngày kia mình sẽ có em bé khác thì người chồng vui đầu vào chuyện làm ăn, tin rằng miệt mài như vậy sẽ làm anh quên sự mất mát to lớn kia. Năm năm sau cái chết của con đầu lòng, người vợ sinh một bé trai khác và không gì làm họ vui sướng hơn. Bé trai này cũng chính là bé trai đã mất cách đây năm năm. Kết quả bao năm cần cù làm ăn của người cha khiến gia đình khá giả hơn và tới lúc con đi học, anh có khả năng cho con học hành đầy đủ, trong khi năm năm trước anh sẽ không có đủ tài chính để lo.

“Kết quả của cái chết có vẻ như vô ích là trước tiên cặp vợ chồng trả bớt một số nhân quả khi mất con và đau khổ, kế đó đứa trẻ mà linh hồn có quyền hưởng một nền học vấn tốt đẹp nhờ hành động kiếp trước, phải rút lui khỏi thân xác của đứa con đầu, chờ năm năm để trở lại sinh làm đứa con thứ hai. Linh hồn không bị thiệt hại gì do những chuyện này, mà được lợi nhờ vào những cơ hội có đó khi tái sinh lần thứ hai. Sinh trẻ vài năm không có nghĩa lý gì trong cuộc tiến hóa, nhưng có khi sớm hay trễ vài năm cho ra khác biệt to tát trong cảnh nhà một gia đình ở cõi trần, và có thể mang lại hệ quả sâu xa cho linh hồn nào sinh vào khung cảnh ấy.

“Tóm tắt lại, nói chung là con người cần lên cõi thượng trí là nơi cư ngụ của linh hồn nếu anh đã sống một kiếp dài trung bình. Muốn lên nơi ấy con người phải qua cõi tình cảm, sống một lúc ở chỗ đó rồi bỏ thể tình cảm để sống trong thể trí ở cõi thượng giới. Tại đây anh đúc kết mọi kinh nghiệm trí tuệ và nỗ lực học hỏi ở cõi trần. Làm xong việc này anh cũng thải bỏ thể trí, và chỉ tạo thể tình cảm và thể trí mới khi đến ngày giờ tái sinh. Nói như vậy để anh thấy rằng đôi khi trẻ nào chỉ sống một kiếp ngắn ở cõi trần rồi chết đi, em sẽ có rất ít kinh nghiệm để đúc kết nên chỉ sống vài năm ở cõi tình cảm mà thôi, rồi có thân xác mới nhưng giữ y thể tình cảm và thể trí của kiếp ngắn ngủi trước.

“Hẳn anh bắt đầu hiểu rằng cuộc tiến hóa là tiến trình chậm chạp, ta sẽ hiểu được nó dễ hơn nếu có thể nhìn được trọn cơ trời thay vì chỉ một phần mà đa số chúng ta thấy sơ qua khi ở dưới trần.

“Còn nhiều điều tôi sẽ phải chỉ dẫn anh về cuộc sống ở cõi tình cảm và anh sẽ có dịp hỏi về những chuyện chưa thông suốt. Trước khi chia tay tôi đề nghị một thí nghiệm mà tôi tin là anh rất muốn làm. Tối qua tôi được phép của Chân Sư cho anh cơ hội để thấy tận mắt những gì tôi trình bày với anh trong mấy ngày qua. Ngài là Vị gửi tôi đến nói chuyện cùng anh và là một trong những đáng cao cả giúp chăm sóc địa cầu.

“Việc tôi đề nghị là anh làm một cuộc hành trình qua cõi tình cảm, và nếu anh theo đúng lời chỉ dẫn, tôi có thể giúp anh nhớ được nhiều việc anh thấy và làm trong lúc rời khỏi xác. Sáng mai tôi không tới đây như thường lệ, anh có thể dành trọn buổi sáng coi lại tất cả bài đã ghi trong sáu ngày qua, xem kỹ chi tiết càng nhiều càng tốt vì nếu muốn cuộc thí nghiệm này có lợi, anh sẽ phải nhớ nhiều chuyện tôi đã nói với anh. Điều anh nhớ được sẽ khiến những gì bây giờ còn mù mờ hóa rõ ràng, dễ hiểu.

“Anh không được ăn thịt hay uống rượu hôm nay và ngày mai. Tôi biết anh ăn rất ít thịt và hiếm khi uống rượu nhiều, nhưng một chút rượu cũng gây khó khăn cho tôi, vì phần việc của tôi là gây ấn tượng lên tế bào não của anh để anh nhớ lại đã làm chuyện gì nơi cõi tình cảm khi trở về thân xác. Có thể ta không thành công 100% nhưng cứ thử và bởi Chân sư thỏa thuận chương trình, tôi tin là Ngài sẽ giúp tôi thực hiện.

“Tối mai anh phải ăn tối lúc 7 giờ, về phòng sau khi ăn và lên giường ngủ lúc 9:45. Tôi có viên thuốc anh cần uống khi đi ngủ để giúp anh ngủ say hồi 10 giờ là lúc tôi tới. Trước khi ngủ hãy ráng tưởng tượng anh nằm trên giường trông ra sao. Cách đơn giản nhất là tưởng tượng có một tấm gương thật lớn ở trần nhà ngay bên trên giường, và anh sẽ thấy gì trong gương khi lên giường. Tôi muốn anh giữ hình ảnh này trong trí khi thiếp ngủ, vì đó là cái anh sẽ thấy ngay khi rời khỏi xác.

“Mới đầu anh sẽ ngạc nhiên khi thấy có vẻ như anh đang nằm trên giường, trong khi anh là người thật đang nhìn xuống thân hình, nên tự nhiên anh cảm thấy sợ hãi và muốn vội vã trở về thể xác, làm vậy sẽ khiến anh thức dậy ngay. Tôi cho anh hay trước điều này để tránh không cho nó xảy ra. Tuy mỗi đêm anh rời khỏi xác nhưng anh không nhớ gì cả, bởi anh không tỉnh thức khi lìa xác thân, bây giờ tôi giúp để không có gián đoạn nào trong tâm thức lúc anh bắt đầu thiếp đi và ý thức mình đang tách khỏi cơ thể. Tôi sẽ giúp anh duy trì sự liên lạc tâm thức đó, từ khi chìm vào giấc ngủ tới lúc trở về với xác thân vào buổi sáng, như thế anh sẽ không gặp chút khó khăn nào trong việc hồi nhớ và có thể tả lại chi tiết mọi chuyện anh làm khi ở trong thể tình cảm, lúc cơ thể nằm ngủ trên giường.

“Nếu không có sự liên tục về tâm thức đó anh sẽ nhớ chút ít hay không nhớ gì cả, chỉ nhớ loáng thoáng phần nào một hay hai chuyện xảy ra và xem đó là giấc mơ. Giấc mơ của đa số người là những phần rời rạc của chuyện gì họ làm trong lúc ngủ và thường bị tế bào não biến đổi. Nhớ lại chính xác tất cả chi tiết là chuyện không dễ, mà phải mất nhiều năm học hỏi, tập trung tư tưởng và thực hành mới đạt kết quả hoàn hảo. Cho nên tôi không dám bảo đảm là anh sẽ nhớ hết mọi điều ngay cả khi được Thầy tôi giúp. Bằng

giả dụ được thành công hoàn toàn thì anh không nên thất vọng khi trong những dịp tới lúc thức dậy, anh không nhớ lại chút gì. Đây là điều chắc chắn sẽ xảy ra.

“Bây giờ tôi phải đi, xin hẹn gặp anh tối mai. Ngày mốt tôi cũng không đến gặp anh vì tôi muốn anh viết lại tất cả những gì nhớ được về kinh nghiệm ở cõi tình cảm. Ta sẽ thảo luận các chuyện này khi tôi đến ba ngày sau, cũng vào giờ thường lệ. Hãy tự tin và mọi chuyện sẽ tốt lành.”

CHƯƠNG BỐN

Một trong những chỉ dẫn cho tôi làm là ghi xuống tất cả những gì nhớ được về chuyện gì xảy ra hồi tối qua. Nghe thì đơn giản nhưng tôi có thể nói ngay với độc giả rằng cuộc thí nghiệm thành công mọi mặt. Không biết tôi có nhớ hết mọi việc xảy ra hay chẳng, tôi mong thầy sẽ cho tôi rõ khi ông đến hôm nay, nhưng tôi nhớ nhiều tới mức phải xếp đặt tư tưởng thật cẩn thận để ghi xuống.

Đó là một đêm tối không trăng, tôi lên giường lúc 9:45 tối như đã dặn, uống viên thuốc mà thầy đưa và chú tâm tưởng tượng xem mình sẽ thấy gì trong chiếc gương bên trên giường. Cạnh giường có cái đồng hồ quả lắc nhỏ của Pháp, nó là một bảo vật của tôi vì nó khá đắt tiền lúc tôi mua nó, hồi còn là sinh viên nghèo ở đại học Cambridge. Nó gõ tiếng thánh thót nhẹ nhàng mỗi khắc và đúng mỗi giờ, tiếng gõ này chưa hề làm tôi mất ngủ hay khó ngủ.

Khi nghe chuông gõ khắc cuối trước mười giờ tôi uống thuốc ngay; vào đúng lúc nghe chuông thánh thót đầu tiên chuẩn bị cho tiếng gõ lớn đúng mười giờ, tôi cảm thấy có gì rất lạ xảy ra trong cơ thể. Có cái gì đó trong người như lơ lửng, và tôi cảm thấy như mình đang tuột ra khỏi thân xác, vì trước khi quả lắc khởi sự gõ mười tiếng tôi thấy mình lơ lửng trong không nhìn xuống thân thể nằm trên giường y như đã được cho hay trước, chỉ có điều tôi không đứng trên sàn nhà mà cách sàn khoảng ba tấc (về sau tôi mới thấy vậy). Khi ý thức là mình đứng ngoài cơ thể tôi thấy tim mình hồi hộp nhưng không sợ lắm, và chắc chắn là tôi không muốn vội vã nhập trở vào. Chẳng những ngạc nhiên mà tôi còn thấy rộn ràng, hứng chí mà cũng hơi sờ sờ, sợ cái bất thường.

Tôi lạ lùng thấy trời sáng như ban ngày! Đây là lần đầu tiên tôi cảm thấy là ánh sáng ở khắp nơi, bất cứ lúc nào ở cõi tình cảm, và tuy lúc đó tôi không để ý tính chất của nó về sau tôi thấy nó có màu xám xanh. Để bạn tưởng tượng căn phòng của tôi thấy ra sao thì nó giống như trời sáng lúc rạng đông, chỉ có điều sáng hơn nhiều lần. Tôi nghe có tiếng cười hân hoan sau lưng, lạ cái là nó không làm tôi giật mình chi hết. Tôi quay lại thấy Charles y hệt như lần cuối tôi gặp em. Rõ ràng là hấn thích thú thấy tôi ngạc nhiên và vẻ sửng sốt trên mặt tôi, hấn toét miệng cười với những vết nhăn quen thuộc mà trước kia tôi biết rất rõ. Tôi tự động chộp lấy tay Charles, và cảm ngay là bàn tay rắn chắc, rất thực như ngày nào. Vị thầy Ấn Độ nầy giờ vẫn hiện diện trong phòng mà tôi không để ý, lên tiếng:

– Phải, Charles vẫn là anh ta như tôi đã nói với anh, và bởi bây giờ anh dùng một thể y như Charles, tự nhiên là hấn thành chuyện thực đối với anh như anh đối với hấn.

Nỗi vui lớn lao được gặp Charles khiến tôi bắt tay hấn phải lâu tới một hay hai phút, đặt tay lên vai em để biết chắc là em tôi quả thật đang đứng trước mặt, bằng xương bằng thịt. Tôi thấy khó hiểu là tuy thể tình cảm có đường nét y hệt thân xác mà nó không phải là vật chất, không xương không thịt; nhưng Charles là thật đối với tôi, tôi hỏi em đủ thứ

chuyện như khi ta gặp người thân vắng mặt đã lâu, muốn biết hần làm gì, có vui không v.v. và khi Charles có thể xen vào giữa những câu đồn dập của tôi thì hần chỉ ôn tồn nói:

– Anh đừng lo, em mạnh và vui lắm như anh sẽ thấy.

Tôi nhận xét là hần vẫn mặc quân phục thì Charles đáp, ‘Ừa, vậy ư?’ và thêm rằng hần không nhớ là mình đang mặc gì. Vị thầy Ấn Độ mới giải thích là tôi thấy Charles trong quân phục vì đó là quần áo Charles mặc lúc tôi gặp em lần cuối ở cũi trần, tối nay trong tiềm thức tôi tạo hình tư tưởng về Charles mặc quân phục nên chất liệu mềm dẻo nơi cũi tình cảm lập tức uốn theo tư tưởng của tôi. Thầy cũng nói là cho dù trước khi gặp tôi Charles có nghĩ xem sẽ mặc gì, tôi cũng không thấy được y phục đó trừ phi em nói cho tôi hay. Tôi sẽ luôn luôn thấy em mặc như là tôi nghĩ thôi.

Khi ấy vị thầy Ấn Độ hỏi tôi muốn làm gì. Charles đề nghị là chúng tôi bắt đầu bằng bữa ăn tối ở cũi tình cảm, hần hỏi tôi có muốn đến nhà hàng Trocadero Grill là chỗ chúng tôi thích tới lúc còn ở Anh với nhau. Tự nhiên là tôi nói ‘Đi’, tuy thắc mắc không biết làm sao đi; nhưng đã thấy Charles sống động, rất linh hoạt là khác, tôi nghĩ chuyện gì cũng làm được. Charles nói:

– Vậy ta đi ngay, và bắt đầu ra khỏi phòng.

Tôi bước tới mở cửa nhưng Charles chọc ghẹo tôi, em cắt nghĩa rằng tôi cần quen với cách đi đứng ở cũi tình cảm là đi xuyên qua cửa không cần mở. Nghe có vẻ lạ lùng nhưng tôi thấy quả thật là vậy, cánh cửa không còn là chướng ngại cản tôi đi qua. Phòng ngủ của tôi ở trên lầu nên tôi khởi sự xuống thang theo cách bình thường. Charles đi trước và tôi để ý thấy hần không đặt chân lên nấc thang mà lướt xuống trong không bên trên nấc thang chừng ba tấc, nên tôi bắt chước làm theo. Mới đầu tôi thấy lạ, nhưng việc không còn sức hút trái đất mà ta chịu ảnh hưởng ở cũi trần chẳng bao lâu trở thành lợi điểm và ta quen rất mau.

Chúng tôi đi khá nhanh, tôi theo sát em tôi và vị thầy Ấn Độ đi ở bên kia của tôi. Tôi hỏi Charles làm sao hần biết đường tới Anh quốc thì hần đáp chẳng bao lâu tôi sẽ biết cách tìm đường dễ dàng. Chúng tôi băng qua hải cảng, lướt cách mặt biển chừng mười thước. Nhìn quanh tôi thấy đèn ở Colombo mờ xa dần rồi trong vài giây xem ra chúng tôi không băng ngang qua vật nào cả. Khó mà nhận ra nơi chốn thực sự chúng tôi đi ngang qua, vì chúng vừa mới ló dạng ở chân trời thì bọn tôi đã vượt qua chúng. Ngoài ra cảm giác lướt nhanh vùn vụt cũng không có, vì không có gió thổi tốc vào mặt như khi ta lái xe với vận tốc cao ở cũi trần. Thấy như không có cản trở chút gì và về sau tôi khám phá là đúng vậy, bởi chất liệu cũi tình cảm rất thanh nhẹ nên khi lướt qua nó với vận tốc ghê gớm so với cũi trần thì cũng không gây ra xáo trộn chi.

Trong phút chốc bọn tôi vào đất liền và Charles bảo đây là nước Anh. Hần nói chúng tôi đi một mạch theo đường thẳng tới đây, tự nhiên là không cần phải lượn quanh chướng ngại nào, vì ở cũi tình cảm đi trên biển hay đất liền không có gì khác nhau. Tôi nhận ra mình tới Anh khi bắt đầu đi chậm lại ngang qua Dover, và thấy mê say với việc di chuyển

dễ dàng. Khó mà mô tả theo ngôn ngữ thông thường nhưng nếu bạn tưởng tượng là có thể đi theo bất cứ vận tốc nào, chỉ bằng cách nghĩ tới là được, thì đó là cách sự việc diễn ra. Khi gần vào đất liền chúng tôi lướt cao hơn và bây giờ chúng tôi lướt cách nhà cửa cao nhất ở London chừng vài thước.

Lúc chúng tôi rời Sri Lanka là hơn mười giờ đêm một chút, tức là chừng 5:30 chiều ở Anh. Chúng tôi hạ xuống mặt đất khi tới công viên Hyde Park. Tôi biết trời vẫn còn sáng vì không thấy có đèn bật lên chung quanh, nhưng ánh sáng ở cõi tình cảm hiện giờ nơi đây thì y hệt như ở Sri Lanka đang là ban đêm. Tôi thắc mắc về điều ấy thì được cho hay là vì thể tình cảm không hề cần nghỉ ngơi nên cõi này không có buổi sáng hay tối. Đây là một trong những điểm thú vị đầu tiên về sự khác biệt giữa hai cõi làm tôi rất chú ý. Charles đề nghị là tôi đi bộ dọc theo đường Oxford và Regent để xem đi bằng thể tình cảm thì thấy ra sao. Đi bộ trên đường Oxford nơi tôi vắng xa từ năm 1939 ngay trước chiến tranh quả thật là điều lạ lùng. Đường chật người vì là giờ tan sở, tuy vỉa hè đông người nhưng chúng tôi không gặp khó khăn nào, vì chúng tôi đi xuyên qua thân xác của người đi ngược lại.

Không phải chúng tôi không biết mình đi xuyên qua họ vì tôi thấy như thể mình đi vào khối sương nhỏ, bị bao trùm trong đó một lúc rồi vượt ra ngoài và mọi vật sáng sửa trở lại. Lớp sương không làm cản trở chút nào bước đi của tôi, nhưng tôi cảm biết có nó, và chuyện cũng tương tự vậy khi tôi đụng người khác cũng đang dùng thể tình cảm của họ, tôi cảm biết họ một chút tuy thể của họ không ngăn trở gì chúng tôi cả. Ở cõi trần ta hay nghe ai đó rùng mình nói là dường như có người trong phòng mà họ không thấy, nay tôi biết cảm giác đó hẳn phải sinh ra khi người trong thể xác đụng chạm người trong thể tình cảm; vật chất cõi tình cảm rất đổi thanh nhẹ không gây ra trở ngại gì khi thể xác đi xuyên qua nó, nhưng sự đụng chạm này cũng để lại một cảm giác phớt qua.

Tôi nghĩ vị thầy Ấn Độ của tôi nhìn hẳn là khác người chung quanh vì y phục theo lối đông phương của ông. Tôi nói lên điều này và ông bảo:

– Chắc anh không để ý là tôi đã thay đổi cách ăn mặc, nếu bây giờ nhìn lại anh sẽ thấy tôi có y phục tương tự như người Âu châu quanh đây.

Tôi nhìn lại thì quả thực vậy, ông không còn khăn đội đầu và bởi màu da của ông trắng gần như da chúng tôi, trông ông giống như các sinh viên Ấn Độ hay gặp ở London. Bởi được ông cho hay nên tôi nhìn ông theo hình dạng mà ông tưởng ra cho mình. Ông giải thích là ta sẽ quen với việc thay đổi trang phục của mình khi khung cảnh khiến ta nên làm vậy, chất liệu mềm dẻo của cõi tình cảm sẽ lập tức uốn theo tư tưởng phát ra.

Tôi tỏ ý muốn được đi vào thương xá Selfridges nơi chúng tôi đang ngang qua lúc ấy. Không ai phản đối nên chúng tôi vào và tôi đi tới khu bán sách. Tôi luôn luôn thích sách và đưa tay lấy một quyển sách mới lật xem. Khi làm như thế tôi để ý thấy là trên kệ nơi tôi lấy sách không có khoảng trống nào cả. Ngạc nhiên hỏi tại sao thì tôi được giải thích

là vật tôi cầm trong tay là hình tư tưởng của cuốn sách muốn xem, còn cuốn sách bằng vật chất không hề di chuyển đâu cả. Lại thêm một hiểu biết lạ lùng!

Tôi đi dạo trong thương xá rộng lớn vắng vẻ vì dĩ nhiên giờ này tiệm đã đóng cửa, và tôi nghe rõ ràng tiếng chuông gõ sáu giờ trong khu hàng gần đó. Biết bao chuyện đã xảy ra trong vòng nửa tiếng đồng hồ từ lúc tôi ra khỏi thể xác ở cách đây gần mười ngàn cây số. Charles và vị thầy Ấn Độ rất thú vị khi thấy tôi kinh ngạc với sự việc, nhưng rõ ràng là Charles hân hoan trong địa vị độc đáo làm người hướng dẫn cho tôi, y như ta vui sướng chỉ đường cho bạn hữu từ xa đến nơi đây bí ẩn với họ nhưng lại là đất nhà đối với ta.

Charles bảo muốn chỉ cho tôi các nơi bị tàn phá ở London trong những trận oanh tạc, hấn dẫn tôi đi tới nhiều chỗ khác nhau như vương cung thánh đường St. Paul, làm ta thấy rất rõ là dân chúng London phải chịu đựng ra sao trong mấy lần dội bom dữ dội. Để thấy rõ sự hủy hoại chúng tôi phải bay lên khỏi những cao ốc chính của thành phố, nhưng làm vậy không khó chút nào bằng thể tình cảm. Chúng tôi đang thả bộ trên đường thì Charles nói.

– Đi nào,

và hấn lập tức bay bổng lên trên đầu của dòng người. Tôi thấy làm theo em rất dễ dàng, vì ngay khi tôi nghĩ trong trí là muốn làm như vậy là thấy mình bay cạnh Charles một cách thông dong, tự nhiên vượt lên trên thành phố London đông đúc. Em đề nghị đến xem ngôi nhà xưa của chúng tôi ở Warwickshire, bao nhiêu năm rồi tôi chưa thấy lại nó và dường như chỉ trong vài giây Charles đã dẫn tôi tới nơi. Tôi hỏi em làm sao hấn rành đường như vậy khi chỉ mới qua cõi tình cảm sống trong một thời gian ngắn. Charles nói hấn làm bạn với nhiều người ở cõi này và họ sẵn lòng chỉ bảo cho hấn đường đi nước bước ở đây, thêm vào đó việc huấn luyện phi công trong Không lực Hoàng gia Anh mà hấn theo học, đã dạy cho Charles nhiều điều về việc đi tới chỗ theo đường chim bay. Nhìn dòng sông Avon chảy uốn lượn qua miền đồng quê xinh tươi của Warwickshire thật là dễ chịu, chẳng bao lâu chúng tôi đáp xuống đất gần nơi nhà cũ của chúng tôi tọa lạc. Nơi này quen thuộc với tôi biết bao, cho dù kể từ lúc tôi thấy nó lần chót tới nay đã có nhiều căn nhà nhỏ mọc lên chung quanh. Ngôi nhà vẫn vậy, ngay cả hai sân cỏ trước và sau nhà thấy vẫn y hệt như khi Charles và tôi chơi đùa ở đó hồi nhỏ. Tôi tự hỏi bây giờ ai đang sống trong đó, bởi nó không còn thuộc về chúng tôi nữa; nhà đã bán đi sau khi ba tôi qua đời vì mẹ tôi không đủ tài chánh để chăm lo ngôi nhà lớn như thế, còn tôi là con trai lớn thì làm việc ở Đông phương lập thân.

Tôi bước vào nhà, đây là lần đầu tiên tôi bắt đầu ý thức là cánh cửa đóng không còn là trở ngại, và thấy người lạ cư ngụ trong những phòng mà chúng tôi yêu mến thuở xưa. Tôi biết nghĩ như vậy là điên, nhưng tôi thấy họ giống như ai đó đột nhập vào nhà mình không xin phép, và với bàn ghế khác lạ bày chung quanh, không khí căn nhà đã thay đổi hấn.

Chúng tôi không nán lại đây lâu mà chẳng mấy chốc quay về London. Đứng ở giữa khu Piccadilly Circus thật là rộn ràng háo hức, đây là nơi mà các cô gái bán hoa tươi lúc thời bình, nay tượng Eros đã bị dời đi vì lý do an ninh. Đám đông vẫn còn đó với xe bus, xe taxi tiếp tục chạy đường thường lệ của chúng, cái khác biệt duy nhất và rõ rệt là số đông người nam và nữ mặc quân phục. Thực vậy số quân nhân xem ra đông hơn dân sự, và cảnh tượng làm tôi hiểu rằng Anh quốc không những là nước đang có chiến tranh, mà còn là quốc gia mong muốn rằng mỗi ai khoẻ mạnh nam hay nữ góp phần vào việc bảo vệ quê hương yêu mến của mình.

Khoảng gần 7 giờ Charles đề nghị ăn tối ở nhà hàng Trocadero Grill. Chúng tôi vào tiệm và thấy đa số các bàn nhỏ dọc theo tường đã có người ngồi. Khi ấy vị thầy Ấn độ nói rằng ông để Charles lo cho tôi trong lúc hai chúng tôi ăn tối vì ông có chuyện khác phải làm, và sẽ gặp chúng tôi sau đó. Ông đoán chắc với tôi rằng Charles dư sức chỉ dẫn tôi về loại giải trí ở cõi tình cảm, và rời chúng tôi với lời nói thân ái.

– Chúc các bạn ăn ngon.

Charles giải thích một trong những điểm rất quan trọng mà ta cần phải hiểu, khi ăn uống ở cõi tình cảm trong nhà hàng có thật ở cõi trần, so với cũng việc này nhưng trong nhà hàng mà ta tạo ra bằng óc tưởng tượng hay tư tưởng. Hắn nói rằng không bao giờ nên ngồi vào bàn thực sự có ở cõi trần vì tuy chúng vô hình, người khác vào nhà hàng thấy bàn trống nhưng không thấy được chúng tôi sẽ đương nhiên chiếm bàn, làm chúng tôi bị khó chịu một chút. Khi ngồi xuống họ sẽ không cảm thấy sự hiện diện của chúng tôi, nhưng chuyện sẽ xảy ra cho bọn tôi y như khi đi ngang qua đám đông trên đường. Lúc người sống mà ngồi vào ghế bạn đang ngồi trong thể tình cảm, tự nhiên bạn cảm thấy có gì đó, và tuy chuyện không cho cảm giác khó chịu nhưng nó cũng không hoàn toàn dễ chịu. Charles bảo ta có thể tránh được bằng cách dùng tư tưởng tạo ra bàn cho mình ở chỗ mà không có bàn nào tại cõi trần. Hắn làm vậy tức thì ngay giữa nhà hàng Trocadero và kêu tôi ngồi xuống.

Em bảo tôi rằng hắn cũng dùng tư tưởng sinh ra một người hầu bàn mà chúng tôi sẽ thấy y hệt như những người hầu bàn khác đang đi lại tới lui lo công việc của họ, nhưng các khách hàng bằng thể xác đang ở trong tiệm sẽ không thấy người hầu bàn này. Hắn thực hiện như lời và lập tức tôi thấy một người hầu bàn đi tới bàn chúng tôi, hỏi xem chúng tôi muốn uống gì, y như cách mình nghĩ sẽ có nếu là người bình thường trong thể xác. Charles kêu một ly dry sherry còn tôi là whisky với soda, vì hắn bảo việc tôi được dặn đừng uống rượu trong hai ngày trước khi có cuộc thí nghiệm này thì không áp dụng ở đây. Rượu được mang tới cho Charles và tôi, ném thì thấy y như tôi đã tưởng. Chuyện được giải thích cho tôi là nếu ngoài đời chưa từng ném whisky, tôi sẽ không thể nào biết được vị của nó ở cõi tình cảm, tuy đương nhiên tôi sẽ cho chất lỏng mà mình ném ở cõi tình cảm là whisky.

Charles kể là khi vị thầy Ấn độ giảng cho hắn về những chuyện này, ông bảo hắn kêu thức uống. Ông chỉ kêu ly nước và giải thích với Charles là ông kêu rượu whisky, vodka

hay sherry chỉ vô ích, bởi ông không hề nếm những thức này trong đời hiện tại ở cõi trần, ông không thể tưởng tượng ra được vị của các rượu ấy và sẽ không thấy vui thú chi. Sự việc cũng y vậy với chuyện hút thuốc. Vị thầy Ấn độ không hề hút thuốc nên ông luôn luôn từ chối khi được mời thuốc lá ở cõi tình cảm, tưởng tượng việc hút thuốc vào và phả khói ra không thú vị gì đối với ông. Nghe hợp lý và tôi mừng là mình biết uống rượu, hút thuốc và đó là hai thú vui giản dị tôi thích hưởng lúc này.

Chúng tôi nhấm nháp rượu và ngắm nhìn khách trong tiệm, nghe được cả tiếng trò chuyện rì rào chung quanh, tôi nghiệm ra nó đúng như lời nói rằng mỗi âm thanh cõi trần có âm tương ứng ở cõi tình cảm, mà ai trong thể tình cảm đều có thể nghe được. Nhìn đủ loại người khác nhau tới rồi đi không ngớt, tôi thấy khó mà tin là bấy giờ nước Anh đang bị dồn vào chân tường phải chiến đấu dữ dội để sống còn. Ai nấy đều có vẻ rất yêu đời, cười đùa rộn rã lẫn với tiếng nói huyền thuyên không dứt.

Charles gọi to một thanh niên mặc đồ không quân vừa tới, cả hai mừng rỡ chào hỏi nhau. Charles đưa anh ta lại bàn chúng tôi và giới thiệu đó là Roy Chapman, một phi công tử trận trong cuộc oanh tạc dữ dội nước Anh mùa thu năm trước. Anh chàng dễ thương và khi tôi hỏi anh thấy cảnh sống ở cõi tình cảm ra sao, câu đáp của anh giải thích sự việc thật rõ. Anh nói:

– Sống được lắm, nhưng sau một thời gian thì đâm chán. Mới đầu mình hứng chí là muốn gì được đó khỏi phải trả tiền, nhưng mãi thì cũng quen không còn lạ lẫm nên nói thật, tôi vẫn muốn sống với phi đội của tôi.

Tôi nghĩ đây là cơ hội độc đáo để tìm hiểu về sự việc nên hỏi anh làm gì cho hết ngày giờ, Roy đáp là hứng gì làm nấy, rồi nói tiếp hiện anh đang chờ cô gái mà anh quen để đi ăn tối. Tôi hỏi cô bạn sống hay chết. Anh bảo:

– Dĩ nhiên là chết nếu anh muốn dùng chữ cổ lỗ sĩ ấy. Hẹn hò với người còn ở cõi trần chỉ vô ích, bởi giữa chừng câu chuyện thích thú thì họ phải quay trở về xác thân.

Trong vài phút trước khi bạn gái của anh đến, tôi hỏi chuyện và được nghe là anh đã chơi hết tất cả những trò thường có và thấy chán ngấy. Thí dụ như chơi golf thì chẳng bỏ công (trước khi qua đời Roy là tay chơi golf hạng khá), khi tất cả việc bạn phải làm chỉ là tưởng tượng mình đánh trúng vào lỗ và chuyện xảy ra y hệt như thế. Không còn phải tranh tài, vì bạn chỉ cần nghĩ ra hình tư tưởng đối thủ bị đánh bại là đủ biến nó thành sự thật. Chơi bi da cũng thế, nghĩ là được khiến chơi không còn gì vui. Yếu tố may rủi không còn đã biến mọi trò chơi cần tài năng hóa ra hết lý thú. Tôi nhìn ra việc ấy và thấy là vị thầy Ấn Độ nói đúng, khi ông dạy rằng đời sống ở cõi tình cảm có thể buồn chán cho ai mà thú vui hoàn toàn dựa vào cảnh sống cõi trần.

Tôi hỏi Roy lúc còn sống anh có thích nhạc hay nghệ thuật chẳng và anh trả lời là không. Anh biết khiêu vũ và thỉnh thoảng nghe nhạc nhưng không để ý tới nhạc cho lắm. Tôi nghĩ là về sau, khi đã mệt với cảnh gặp bạn bè chơi bời và sống bên lề cuộc sống cõi trần, anh sẽ tìm ra được chuyện khác làm anh vui hơn, bằng không cuộc đời khi ấy

sẽ chán hết sức. Tới đây thì bạn gái của anh đến và anh chàng quả có mắt tinh đời. Cô bạn thật xinh đẹp, đẹp thiệt tình, hai người tạo nên một cặp lý tưởng khi họ xuống cầu thang ra phòng ăn, nơi tôi chắc họ định ăn tối. Tôi bảo Charles là muốn hỏi hấn cảm thấy gì khi mới bước qua cõi tình cảm, hấn nói không muốn nhắc tới chuyện cũ cho lắm.

– Không ai trong bọn em thích nói về chuyện đó, anh à.

Tôi thắc mắc tại sao nhưng không muốn hỏi thêm lúc ấy.

Chúng tôi đi xuống phòng ăn và chọn chỗ gần góc phòng không có bàn, và Charles tạo ra cái bàn bằng hình tư tưởng cho hai chúng tôi. Vừa an vị thì một người hầu bàn tới và hỏi chúng tôi muốn ăn gì. Charles bảo tôi gọi bất cứ món gì tôi thích. Phải nói thật là tôi không đói cho lắm nhưng kinh nghiệm độc đáo này làm tôi gọi món cá chiên ròn, món gà hấp rượu, tráng miệng và tách cà phê đen. Charles kêu hai ly sherry và một chai Chambertin 1933, bảo đây là năm hấn biết có rượu ngon. Tôi hỏi chúng có thuộc những rượu được bán trong thời chiến và Charles đáp không biết, tuy nhiên chuyện không quan hệ vì ở cõi trung giới bạn gọi gì thì có nấy bất kể cõi trần có hay không. Tôi ăn ngon với món ăn nấu y như tôi tưởng, đương nhiên rồi. Dầu vậy tâm trí không sao quên được cảnh mình như đang ngồi trong nhà hàng Trocadero, ăn một bữa tối thật là bình thường với Charles thân yêu, chung quanh là hạng người tôi biết sẽ có mặt nơi đây gần như mỗi tối trong tuần.

Ngay khi đó tôi nhận ra một người bạn cũ không gặp từ nhiều năm qua. Lần chót chúng tôi gặp nhau là trên tàu năm 1935, lúc tôi quay trở lại Sri Lanka sau kỳ nghỉ phép còn anh đi Malaya. Tôi đi về phía anh để Charles ngồi lại một mình. Bạn tôi trong nhóm bốn người thấy đang hứng chí hết sức, vì anh kể chuyện hăng say theo cách của anh từ hồi nào đến giờ. Tôi đập nhẹ vai anh và hỏi:

– Bạn làm gì ở đây?

Nhưng anh không để ý gì đến tôi cả mà tiếp tục câu chuyện của mình, thấy anh đang vui lắm vì tôi có thể nghe rõ từng chữ anh nói, và mấy bạn của anh có những tràng cười vui thích. Tôi ý thức là không thể nào làm cho anh biết là có tôi nên bực bội quay trở về bàn, thấy Charles thú vị với sự bất mãn của tôi. Tôi hỏi:

– Làm sao biết là anh ta thực hay không thực?

Charles đáp là hấn thấy ngộ nghĩnh với việc tôi dùng chữ ‘thực’ và ‘không thực’ vì hai chữ ấy không áp dụng ở đây. Em giải thích là mới đầu thì khó mà nói nhưng có sự khác biệt: với ai còn dùng thân xác vật chất thì thể tình cảm mà chúng tôi thấy không có đường nét rõ rệt cho lắm, còn ai đã mất thân xác và ở thường xuyên nơi cõi tình cảm cũng như ai qua cõi tình cảm lúc ngủ, thì thể tình cảm của họ có đường nét rõ ràng hơn. Ngoài ra còn một khác biệt nữa cần để ý, là sợi dây bạc mờ bằng chất ether luôn luôn dính vào người chỉ tạm thời sang cõi tình cảm một lúc, trông họ không hề sống động bằng người

thường trực ở đây. Chẳng bao lâu bạn sẽ quen phân biệt ngoại trừ khó mà thấy sợi dây bạc.

Em kêu tôi so sánh Roy Chapman với những thực khách khác trong phòng ăn. Quả thực có sự khác biệt vì đường nét thể tình cảm của anh chàng thấy rõ rệt hơn so với những người khác. Lý do của việc có thể là khi thể tình cảm được dùng làm thể chính nơi người đã mất xác thân vật chất, linh hồn trong thể này không còn sống hai nơi như trong trường hợp của người còn ngụ ở cõi trần.

Bữa ăn của chúng tôi đã xong và khi nhấm nháp ly rượu ngọt tôi thấy một màn vũ sắp bắt đầu. Tôi thấy tầm quan trọng của việc ai đang bị căng thẳng vì sống trong cảnh chiến tranh cần được giải khuây khi nào có dịp. Thấy rõ ràng là cảnh trong phòng trước mắt tôi không có chút gì là chiến tranh, nhưng người ta có thể thấy sự căng thẳng đằng sau cuộc vui ngoài mặt lúc này, vì những ai hiện diện đều biết là tương lai hết sức bấp bênh, và chuyện gì cũng có thể xảy ra cho họ hay cho người thân bất cứ lúc nào. Màn vũ có những vũ viên ăn mặc thật khéo gợi, và trong lúc vũ họ tiến tới tiến lui tròn những khoảng trống giữa mấy bàn ăn, tức chỗ có bàn của chúng tôi ở cõi tình cảm. Thế nên chúng tôi lại có cảm giác lạ lùng khi người trong thân xác vật chất đi xuyên qua thể tình cảm của tôi.

Sau màn vũ Charles đề nghị dẫn tôi đến một hộp đêm nhỏ mà hẳn là hội viên trước khi bị bắn rơi. Tôi không nhớ con đường có hội quán này nhưng tôi biết nó nằm giữa công trường Leicester và Soho. Chuyện diễn ra y hệt như tại nhà hàng Trocadero, Charles tạo ra cái bàn cho chúng tôi và người hầu bàn lấy rượu theo ý hai tôi, chắc người này cũng là do sự tưởng tượng của cậu em mà ra.

Chuyện quan trọng kể hẳn phải xảy ra lúc 10 giờ đêm tại Anh. Hộp đêm chật nghẹt người vừa quân nhân vừa một số dân sự. Thành linh còi báo động vang lên cho biết có phi cơ địch tới dội bom. Chứng kiến cảnh ai nấy đi ra có trật tự hoàn toàn không hốt hoảng là kinh nghiệm lý thú. Tất cả khách trong hộp đêm vội vã tới những hầm trú ẩn nằm ở đủ chỗ lạ lùng, ngoại trừ đường xe điện ngầm là nơi đóng vai trò hết sức quan trọng cho sự an toàn của dân chúng tại London trong những cuộc oanh tạc. Chúng tôi ra khỏi hộp đêm và đi về Piccadilly. Lúc này trời đã tối nhưng đối với chúng tôi ánh sáng vẫn là màu xanh xám như khi bắt đầu đi ở Sri Lanka. Chưa gì chúng tôi đã nghe tiếng bom rơi, tiếng súng nổ 'tạch tạch' như xé không khí lúc bấy giờ. Rồi tới một lúc yên lặng và nghe có tiếng gầm thét của chiến đấu cơ thuộc phi đội nhà bắt đầu phản công.

Vào khoảng này tôi thấy vị thầy Ấn Độ trở lại với chúng tôi, ông đề nghị chúng tôi đi xem có thể giúp được gì. Tôi không hiểu ý ông lúc đó nhưng cũng làm theo, chúng tôi lập tức bay bổng lên khỏi các cao ốc, lượn quanh thành phố London với oanh tạc cơ của địch và phi cơ chiến đấu của Anh đông đầy quanh chúng tôi. Tôi để ý thấy Charles đâu mất nên tỏ thắc mắc, không biết em có lạc chúng tôi chăng. Tôi được giải thích là hẳn luôn luôn biến dạng khi phi cơ quần thảo nhau, vì ký ức bị bắn rơi không lâu trước đó vẫn còn quá sống động trong trí. Vị thầy Ấn Độ bảo:

– Chắc lát nữa ta sẽ gặp lại anh chàng.

Nhưng sau đó tôi cũng không thấy em đâu dù rằng cho tới bây giờ tôi mới nhận ra điều ấy.

Chúng tôi bay lượn giữa biển lửa đang hoành hành, tai nghe tiếng bom và súng máy trong suốt khoảng thời gian ấy. Đó là lần đầu tiên tôi thực sự cảm biết đời phi công và oanh tạc là sao, và nhận thức là vài hành động vô trách nhiệm mà bọn họ làm lúc nghỉ ngơi giữa hai phi vụ chỉ là kết quả đương nhiên, sinh ra do sự căng thẳng họ gặp phải khi lâm trận. Nay tôi hiểu rất rõ câu nói xưa.

– Ăn chơi cho thỏa đi vì ngày mai ta sẽ chết.

áp dụng rất đúng cho họ, và ai có thể trách được nếu họ tìm mọi cách để xả hơi trong thời gian ngắn ngủi dành cho việc giải trí? Vị thầy Ấn Độ bay theo một chiếc phi cơ chiến đấu đặc biệt dường như đang ở giữa cuộc không chiến xảy ra lúc ấy, có vẻ như ông biết chuyện sắp diễn ra và chỉ vài giây sau một tràng súng máy làm phi cơ đâm xuống đất. Chúng tôi bay theo với cùng vận tốc còn phi cơ vừa rơi vừa lộn nhiều vòng, tôi thấy lửa phát ra từ động cơ rồi dần dần bao phủ lấy trọn phi cơ. Phi cơ trúng mặt đất với tiếng động lạnh mình, và viên phi công bị bắn tung ra khỏi phòng lái giữa các mảnh vụn. Trong vài khoảnh khắc nó đúng là biển lửa và tuy xe cứu thương đến gần như là tức thì, thấy rõ là không còn có thể làm gì cho người phi công kém may mắn. Vị thầy Ấn Độ nói:

– Bây giờ anh sẽ thấy người có hiểu biết giúp được ra sao.

Khi chúng tôi đáp xuống mặt đất thì thấy tuy thân xác của người phi công bị cháy nám ghê gớm, gần như không còn hình thù nhận ra được là của người, nhưng con người thật trong thể tình cảm đang đứng cạnh thể xác nằm trên đất, trông anh đầy vẻ kinh hãi và tội hết sức. Khi vị thầy đi lại và nói chuyện với anh, làm như anh không nghe hay để ý chuyện chi. Tôi thấy vật giống như tấm áo khoác bằng vật chất đặc tìm cách quán quanh thể tình cảm của viên phi công đang đứng trước mặt chúng tôi. Trông nó giống như chất thun dày và bao trùm gần kín hết thể tình cảm có hình dạng rõ nét. Việc phủ trùm này chỉ diễn ra vài giây là xong. Tôi chỉ có thể mô tả nó như bóng ma phát xuất từ thể xác nằm trên mặt đất, và làm như bóng bị thu hút bằng từ lực vào người phi công đứng gần đó. Về sau tôi được dạy sự việc đúng là như thế, và được giải thích là thể sinh lực (thể phách), vật bị đẩy ra khỏi thể xác vào lúc ta qua đời, quán quanh thể tình cảm để tìm cách giữ lại sự sống cho nó, vì cái chết của thể xác cũng có nghĩa là chấm dứt sự sống của thể sinh lực, vốn là một phần của thể xác.

Vị thầy Ấn Độ khi ấy cố gắng hết sức để làm anh mất sự kinh hoảng đang có, vì tôi có thể nghe anh được khuyên nhủ rằng không có gì phải sợ hãi mà mọi việc rồi sẽ tốt lành. Cậu nhỏ – vì anh rất trẻ – làm như mê mẩn với hoạt động rộn ràng đang xảy ra chung quanh anh ở cõi trần. Anh thấy nhân viên cứu thương sau khi dập tắt phần sót lại của ngọn lửa đã thiêu rụi chiếc phi cơ chiến đấu, nhấc lấy thể xác của anh và kính cẩn mang ra xe cứu thương đang chờ. Tôi thấy cậu nhỏ thỉnh thoảng rung mình vì xem ra bom nổ

gần chúng tôi. Anh muốn đi theo thể xác của mình, nhưng vị thầy khuyên can, nói hoài trong lúc này bằng giọng êm ái, tìm cách làm cho anh hiểu ra là khó khăn của anh đã xong rồi. Vài người cư ngụ thường trực ở cối tình cảm có mặt ở đó, và dễ nhận ra họ ngay so với nhân viên cứu thương hay ai tới phụ ở cối trần, tiến lại hỏi chúng tôi có cần họ giúp chẳng. Vị thầy bảo họ đi giúp kẻ khác vì ông sẽ ở đây lo cho ‘trường hợp’ của chúng tôi.

Tôi không nghe hết tất cả những lời mà ông nói, nhưng sau một lúc tôi thấy dường như mặt cậu nhỏ lóe lên chút hiểu biết, ngay lúc đó chất liệu đeo dính bao phủ anh một phần bắt đầu rã ra và rơi xuống đất. Việc được giải thích là sự phân rã này do chính cậu nhỏ làm, khi cậu được kêu dùng ý chí tách rời mình với chất liệu. Sau một lúc nó rơi hết xuống đất và có vẻ như tan biến thành khói bụi. Về sau tôi được dạy là thể tan rã rất mau lẹ, vì chất ether tạo nên thể là chất tương đối thanh nhẹ so với vật chất của thể xác đậm đặc. Khi đó cậu nhỏ như choàng tỉnh, cậu ngồi bệt trên đất lấy hai tay ôm đầu và khóc sụt sùi. Vị thầy để cậu khóc một lúc, vì ông giải thích là thể tình cảm của cậu bị căng thẳng rất mực, nên cần để cho phản ứng tự nhiên diễn ra.

Cậu nhỏ có vẻ như nghĩ rằng mình không làm tròn được bổn phận, và ngay cả khi đó làm như vẫn chưa ý thức rằng mình đã chết, đã rời khỏi cảnh sống ghê gớm như địa ngục mà mình đã biết. Vị thầy Ấn Độ nói:

– Nào, anh đi với tôi rồi mình sẽ nói về chuyện này.

Ông nắm lấy tay anh, và với cậu nhỏ dường như không để ý, chúng tôi bay vút đi khỏi cảnh tượng đó, chỉ vài giây sau chúng tôi đã ở xa chỗ ấy tiến vào vùng quê. Vị thầy đưa anh đến một chỗ xinh đẹp gần cánh rừng, có dòng suối uốn lượn chảy vào con sông lớn bên dưới, chúng tôi ngồi yên lặng bên bờ suối và so với cảnh địa ngục cháy nóng vừa bỏ đi thì nơi đây như cảnh thiên đàng. Vị thầy bắt đầu nói và dần dần làm biến đi cảm giác sợ hãi, kinh hoàng còn vương vấn, trong khi ấy cậu nhỏ lắng nghe lời giải thích ngắn gọn về chuyện đã xảy ra.

Ban đầu cậu không tin là mình đã chết và cứ hỏi:

– Làm sao tôi có thể chết được khi thấy mình đầy sức sống?

Chúng tôi mới hỏi nhà cậu ở đâu và cậu cho biết.

– Vậy đi nào, mình tới coi ba má em đã ngủ chưa.

Cậu nhỏ không hiểu chi cả nhưng cậu chỉ căn nhà mà gia đình cư ngụ, ở quá Finchely một chút. Tới đó chúng tôi thấy cả nhà vừa mới lên giường nhưng chưa thiếp ngủ. Cậu nhỏ dường như không ý thức là có người lạ đi lại trong nhà nhìn ngắm ba má mình, còn vị thầy tiếp tục nói chuyện để làm cậu phân tâm không nhận ra chuyện đúng ra lạ lùng đối với cậu.

Sau một lát ba cậu thiếp ngủ trước rồi kế đó là mẹ cậu, vừa khi hai ông bà tách ra khỏi thân xác họ tỏ ra mừng rỡ vì gặp con trai. Vị thầy bắt đầu kể cho hai người nghe chuyện

đã xảy ra, tìm cách chuẩn bị họ về tin báo tử ngày mai sẽ đến. Đương nhiên ban đầu họ kinh sợ với chuyện nhưng khi nhận ra rằng mình không hề mất con trai, mà có thể gặp và tiếp xúc con bất cứ khi nào họ ngủ và ra khỏi thể xác, phần lớn nỗi đau khổ ập xuống họ bất chợt lúc ban đầu nay biến mất.

Đáng tội là người ta không nhớ điều mình đã thấy và được chỉ dẫn lúc ngủ, và thường thường họ không nhớ gì cả. Nay tôi có thể hiểu tại sao nhiều người có cảm tưởng lo lắng trước khi tin dữ đến, hay trước khi có tai nạn, có ai qua đời trong nhà. Ấy là vì họ được cho biết trước ở cõi tình cảm, và sáng hôm sau lúc thức dậy còn hồi nhớ một chút trong tâm não.

Sau khi nán lại với họ một lúc, giải thích rất nhiều về cái chết thực sự nghĩa là gì, vị thầy đề nghị cậu nhỏ đi với ông để được giới thiệu với một bà đang làm việc ở cõi tình cảm, và rất sẵn lòng chỉ dẫn cho cậu cách thích nghi với cuộc sống trong điều kiện mới. Thế rồi chúng tôi rời cha mẹ cậu ra đi, để hai ông bà vẫn còn ngồi trong căn nhà ở cõi trung giới, bàn luận với nhau về chuyện họ vừa được nghe. Cặp vợ chồng này chưa tiến hóa mấy nên họ không đi xa cho lắm khỏi xác thân vật chất đang nằm ngủ trên giường, không hay biết điều mà chủ nhân của xác sẽ phải gặp vào sáng hôm sau.

Vị thầy Ấn Độ khi ấy đứng lặng yên một lát rồi cất tiếng phát ra nốt đặc biệt, nó không phải là tiếng huýt sáo mà tương tự như vậy. Lập tức sau đó một thiếu phụ chừng ba mươi lăm tuổi có vẻ như từ đám sương mù hiện ra với chúng tôi, đáp lại nốt kêu gọi đó. Vị thầy giải thích là muốn tiếp xúc với ai ở cõi tình cảm thì người ta chỉ cần nghĩ thật mạnh mẽ về họ, và nếu đó là chuyện khẩn cấp thì để phụ vào tư tưởng ấy, ta cũng làm vang lên cái 'nốt thật' của cá nhân này. Tôi nghe là mỗi người có cái gọi là 'nốt thật' của mình khác với nốt của bất cứ ai khác, làm vang lên nốt ấy trong trường hợp khẩn cấp khiến mang được người mà ta cần đến một chỗ trong thời hạn ngắn nhất. Họ nghe được nốt ấy và sẽ bị thu hút bằng từ lực đến người gọi.

Thiếu phụ đáp lời kêu gọi của ông là một trong những người cứu trợ vô hình, tận tụy làm việc giúp đỡ những ai vừa rời bỏ cõi trần mà ta gọi là cái chết, và nay tôi có thể ý thức trọn vẹn là công việc này cần thiết lẫn tuyệt diệu ra sao. Nếu không có những người tình nguyện như thế, điều dễ thấy là ai qua đời phải mất nhiều thì giờ hơn để thải ra thể sinh lực quán vào thể tình cảm của họ – vì đời sống ở cõi tình cảm không thể thực sự bắt đầu bao lâu chưa làm vậy. Cái lợi còn là có người chỉ dẫn họ những điều kiện khác biệt ở cõi này.

Chẳng mấy chốc thiếu phụ được cho hay hết mọi chi tiết về 'trường hợp' của chúng tôi, bà tỏ ra đầy thông cảm làm cậu trai thấy tự nhiên dễ chịu, và bà đưa cậu đi nơi khác để chỉ dẫn về lối sống ở cõi trung giới. Tôi được cho hay là chuyện như vậy luôn luôn xảy ra, không ai bị để bơ vơ phải tự mình tìm hiểu sự việc nơi đây, mà luôn luôn có người được giao nhiệm vụ thực hiện phần việc này. Theo cách đó người mới tới chẳng bao lâu bắt đầu hiểu cảnh sinh hoạt, và bước vào cuộc đời mới thay cho đời cũ ở cõi trần anh đã bỏ lại sau lưng.

Khi ấy vị thầy hỏi tôi giờ, nhìn vào đồng hồ gần đó tôi thấy hai giờ khuya. Nó có nghĩa bốn giờ đã trôi qua từ lúc có còi báo động, vậy thì tại Sri Lanka đã 6:30 sáng rồi. Ông bảo chúng tôi chỉ còn hơn một tiếng đồng hồ vì tôi phải trở về thân xác lúc 8 giờ sáng ở Colombo. Ông đề nghị là sẽ giới thiệu cho tôi những cảnh đời khác có thể sống ở cõi tình cảm, cho ai không bị ràng buộc vì lòng ham muốn vật chỉ có căn bản vật chất mà thôi. Thế nên ông bảo tôi hãy theo sát và vút đi. Chúng tôi bay ngang qua biển không thấy bến bờ đâu cả, ông hỏi tôi có bao giờ tò mò muốn biết dưới nước có chi, tôi thú thật là chưa hề nghĩ nhiều về việc ấy. Vị thầy mới bảo rằng ở cõi tình cảm người ta có thể tiếp xúc với những thực thể thuộc về đường tiến hoá song song với người, thí dụ cá và chim không đi theo đường nhân loại để tới sự toàn thiện mà tiến hóa theo một cách riêng, khác hẳn, là đường thiên thần. Tuy nhiên trước khi tới đẳng cấp thiên thần, chúng phải tiến hóa qua những chặng là tinh linh (elementals), tiên nữ và loài tượng tự, và nếu tôi muốn hiểu đôi điều về đường tiến hóa này, tốt hơn tôi nên bắt đầu từ dưới đáy và đi dần lên trên theo thứ tự đúng cách.

Ông đề nghị mang tôi xuống nước, khuyến cáo rằng dù có chuyện gì xảy ra tôi phải không được kinh hoảng, bằng không nó có nghĩa tôi bị lập tức trở về thể xác và không còn nhớ chút gì chuyện đã thấy đã làm tới nay. Vị thầy nhắc lại lần nữa việc cần phải mất lòng sợ hãi đối với tất cả những vật liên hệ tới cuộc sống ngoài cõi trần, và hỏi xem tôi thấy mình làm được như thế không. Tôi luôn luôn là người cái gì cũng thích làm một lần cho biết, nên tỏ ý sẵn lòng đi theo ông. Tôi được dặn là đi xuống nước không ảnh hưởng chút gì đến thể tình cảm của tôi, vì thể ấy không cần thờ nên ở trên hay ở dưới mặt nước cũng không có chi khác biệt.

Chúng tôi đi xuống nước và tuy biển có vẻ hơi động nó không gây cản trở gì cho chúng tôi. Cảm giác về nước khác hơn một chút so với khi trên đất liền. Nhiệt độ có vẻ không thay đổi và khi chúng tôi từ từ chìm xuống, chìm rất chậm để tôi không phải lo lắng, tôi không thấy có gì khó chịu. Khi đầu tôi chìm sâu dưới những lượn sóng, tôi mừng thấy ánh sáng không thay đổi, nó vẫn là màu xám xanh mà tôi bắt đầu quen thuộc. Chung quanh tôi nhiều sinh vật di động tới lui và tôi nhận ra đó là mấy con cá, nhưng với số lượng không ngờ. Xuống sâu hơn thì số cá ít đi, và cá mà tôi thấy thì to hơn đáng kể, di chuyển chậm hơn nhiều so với cá trên mặt. Cũng có những khối rất lớn trông như đá nổi nhưng lại gần hơn tôi thấy chúng có mắt lân tinh, muốn nói có sự sống nào đó. Vị thầy giải thích quả đây là sinh vật sống động, chúng ở giai đoạn từ cá sang tinh linh, chúng không hề đi lên mặt nước mà cũng chưa hề thấy người vì sinh sống ở độ sâu quá tầm thả lưới của ngư phủ.

Sau một lúc rất ngắn theo cách tính thời gian của người, chúng tôi xuống tới đáy biển và đi trên đất vững chắc trở lại, mà không giống như mặt đất vì nó đầy đá và gồ ghề. Nhưng cảnh tượng mới lạ lòng làm sao! Trọn đáy biển là một cảnh vườn, có bụi cây đầy hoa, hoa biển đủ loại và đá lấp lánh muôn ngàn màu sắc. Rải rác đó đây tôi thấy có hang động, chúng không tối nhưng hiển nhiên không ánh sáng như bên ngoài và tôi được dẫn

vào một hang như thế. Đó là nơi cư ngụ của tinh linh biển, thấy có nhiều hang như vậy trên đáy biển.

Mới đầu tôi rụt lại khi nhìn vào vật to bằng con voi mới lớn phân nửa, có mắt lân tinh chiếu sáng nhấp nháy trong bóng tối của hang khiến nó giống như đầy sức thu hút. Tôi được dạy là quả thật các sinh vật này quyến rũ con mồi của chúng như cá và hải vật đến với mình bằng từ lực trong mắt. Tôi cảm thấy sự lôi kéo và trong một phút chốc có hơi sợ hãi, nhưng vị thầy Ấn Độ không hề đi xa tôi, trấn an rằng vật không thể làm hại tôi và tôi không có gì phải sợ. Thấy rõ là sinh vật mà chúng tôi nhìn vào biết có sự hiện diện của chúng tôi, tôi được dạy rằng hình mà chúng tôi thấy là thể tình cảm của vật.

Chúng tôi ra khỏi hang và tôi lại một lần nữa nhìn cảnh trí tuyệt đẹp chung quanh thật mãn nhãn. Trong lúc ấy tôi nghe có tiếng động trầm, rập rình hơi giống tiếng nhạc một chút. Chúng tôi đứng yên trong lúc nó tiến lại gần hơn và chẳng bao lâu tôi thấy có một nhóm chừng hai mươi sinh vật lạ lùng, không phải cá mà cũng không phải người hay thú vật. Chúng có đầu người, theo nghĩa có đường nét giống người nhưng thân hình lại hoàn toàn được cái trông như rong biển quấn quanh lượn lờ, xinh đẹp hơn bất cứ vật gì khác tôi đã thấy trước đây. Khi trôi đi chỉ bên trên đáy biển một chút, chúng hát một điệu hát trong khi vài sinh vật chơi nhạc cụ giống như cái ống kỳ dị, phát ra âm vi vút như tiếng gió. Kết quả là âm điệu tuyệt hay và tôi được dạy rằng chúng là hải tiên sống ở chỗ nào có biển sâu. Tôi có thể lắng nghe nhạc của chúng một lúc rất lâu, vì nó giống như điệp khúc tới rồi lui, nốt không phân biệt rõ từng cái một mà quyện lẫn vào nhau ít nhiều thành khúc nhạc du dương êm ái. Quả đó là khúc hoà tấu của trùng dương mà tôi muốn nghe thêm. Tôi được dạy là có thể dễ dàng làm vậy vào một dịp khác nếu muốn, nhưng nay đã tới lúc chúng tôi phải về.

Tôi đi theo sát vị thầy, chẳng bao lâu chúng tôi trôi lên mặt biển và không cần cố gắng chi, phóng lên không tiếp tục cuộc hành trình. Một lần nữa chúng tôi lại đi với tốc độ thật mau lẹ xét theo tiêu chuẩn trên mặt đất, tuy thực ra không có cảm giác nào về vận tốc, vì chỉ trong vài phút có vẻ như chúng tôi đi chậm lại và tôi thấy chúng tôi bay ngang qua cảng Colombo. Chốc lát sau chúng tôi lướt qua cửa sổ phòng ngủ trong căn nhà mà tôi rời đi gần mười tiếng đồng hồ trước đó.

Thân xác tôi như còn say ngủ trên giường, nhưng ngay cả khi chúng tôi đứng nhìn nó, tôi để ý thấy nó cử động và xoay người đang nằm nghiêng thành nằm ngửa. Vị thầy chỉ cho tôi coi và giải thích rằng trong tiềm thức, nó bắt đầu cảm nhận là gần tới giờ để phải dậy trở lại, và trong vài phút một tín hiệu S.O.S sẽ được phát ra, để cho dù có cách xa vạn dặm tôi cũng trở về lập tức, vì tín hiệu này có nghĩa là xác thân đã có giấc ngủ đầy đủ và muốn trở dậy làm tiếp công chuyện của nó ở cõi trần.

Tôi hỏi làm sao có thể bảo đảm là thân xác sẽ luôn luôn ngủ một số giờ nhất định nào đó thì ông đáp khó mà bảo đảm như vậy, nhưng với tập luyện và chú tâm nhiều thì có thể điều khiển cơ thể khiến nó hành động theo ý muốn của ta, tuy vậy tôi đoán là cần nhiều thì giờ và huấn luyện mới làm được đúng cách. Tôi hỏi phải chăng viên thuốc mà

tôi uống trước khi đi ngủ tối qua có ảnh hưởng đến việc ấy, thì câu đáp là đúng vậy trong trường hợp này. Viên thuốc là loại thuốc ngủ đặc biệt được chế theo công thức mật, chẳng những bảo đảm là người ta ngủ liền tức thì, mà còn làm cho cơ thể ngủ một lúc mười tiếng đồng hồ trừ phi có tiếng động lạ thường khiến tỉnh dậy, hay có gì đụng chạm vào.

Tôi được dặn kỹ là nếu tôi muốn nhớ lại hết trong trí não của thân xác chuyện đã làm trong lúc rời cơ thể, thì điều thiết yếu là tôi huấn luyện người giúp việc trong nhà không bao giờ đánh thức tôi dậy, hay gây ra tiếng động lớn gần phòng ngủ trong lúc tôi muốn cơ thể vẫn còn ngủ. Rồi vị thầy Ấn Độ bảo rằng đã tới lúc tôi trở vào thân xác, và ông sẽ cố gây ấn tượng lên tế bào não của xác việc cần nhớ lại chuyện gì đã xảy ra trong đêm, để không có gián đoạn tâm thức lúc thức dậy. Ông dặn là ngay khi vừa tỉnh giấc trong thân xác vật chất, tôi hãy ghi ra liền chuyện đã làm hồi đêm, và lập tức sau khi tắm và ăn sáng, tôi không bỏ phí thì giờ mà viết ra ngay chi tiết tất cả những gì tôi nhớ.

Ngay khi vị thầy vừa nói xong tôi cảm thấy mình trượt từ từ vào thân xác trở lại, và thức giấc mà không có gián đoạn nào trong tâm thức như ông hy vọng. Tôi ngồi dậy trên giường, kéo lại gần tập giấy và cây viết chì mà tôi đã đặt cạnh giường, và bắt đầu ghi lại tất cả những gì đã xảy ra trong đêm. May mắn là tôi được dặn phải ghi xuống ngay, vì tôi thấy rằng dù đã viết những tiểu đề, tôi vẫn khó mà nhớ lại chính xác chuyện gì đã xảy ra khi về sau tôi viết bài thuật lại đầy đủ chi tiết. Tuy nhiên, tôi sẽ biết trí nhớ mình theo sát được tới đâu khi tôi đưa cho thầy vào ngày mai, vì ông nói là sẽ trở lại để tiếp tục câu chuyện.

CHƯƠNG NĂM

Chẳng ăn thua gì, đêm qua tôi chuẩn bị mọi việc và tập trung vào việc nhìn thấy chính mình trong gương, nhưng sáng nay tôi không nhớ chút nào. Tôi thiếp ngủ gần như ngay khi đặt đầu xuống gối, tôi đoán là vì mệt mỏi sau khi chú tâm viết bài kể lại chuyện ngày hôm qua, và dường như tôi chỉ mới ngủ một lúc ngắn là thức dậy sớm sáng nay, tươi tỉnh sau giấc ngủ đêm không mộng mị. Phải, không có giấc mơ nào trong lúc ngủ và tôi phải nói là mình thất vọng, tuy có thể là tôi đã mong đợi quá nhiều. Trong một tiếng nữa vị thầy Ấn độ sẽ tới đây, và không chừng ông sẽ giải thích cho nghe tại sao đêm qua tôi đã thất bại ê chề như vậy.

Đúng 11 giờ, lúc tôi nhìn vào bài viết lòng không chắc là ông sẽ nghĩ sao về chúng thì ông mở cửa. Rõ ràng là ông biết tôi có chút hồi hộp, tự hỏi có quên nhiều chuyện chẳng trong chuyến du hành cõi tình cảm, vì mắt ông hóm hỉnh lúc hỏi tôi là bài viết đã xong chưa. Dường như không bao giờ thấy ông cười tuy mắt ông thỉnh thoảng cười, và ta nhận ra ngay là ông có óc khôi hài phát triển rất cao độ.

Đọc xong bài viết của tôi ông khen là tôi nhớ nhiều lắm, và bảo nỗ lực lần đầu mà được như vậy thì quả là trên trung bình. Tôi hỏi thầy là mình có quên nhiều chẳng, thì được trả lời là chắc chắn tôi không để ý một vài chuyện khi tôi xuống biển, cũng như không nhớ nhiều việc xảy ra khi chúng tôi tìm cách giúp chàng phi công trẻ tuổi ngay sau khi anh bị bắn rơi; những thiếu sót này không quan hệ, điểm chính là tôi đã tự chứng tỏ cho thấy có thể nhớ được điều gì làm bên ngoài xác thân, và nay việc nhớ lại chỉ là vấn đề thời gian cùng định trí. Tôi hỏi.

– Nhưng tại sao tôi không nhớ gì sáng nay?

Ông cười và vạch cho tôi thấy là đừng mong được thành công ngay tức khắc, và tôi phải chuẩn bị cho việc có nhiều thất vọng sau này, tuy nhiên nếu tôi nhất quyết muốn thành công thì ông sẽ giúp tôi bằng mọi cách. Ông nói tiếp:

– Cuộc đi chơi tối hôm kia của anh làm việc của tôi là mô tả cõi tình cảm cho anh trở thành dễ dàng hơn trước, vì nay nhờ kinh nghiệm anh biết đòi điều về sự việc mà tôi chỉ giải thích được bằng lời. Vì vậy anh học được bài học đầu tiên của cái chúng tôi gọi là Minh Triết Bí Truyền, nó nói rằng anh phải chớ hề tin một cách mù quáng bất cứ chuyện gì nghe nói, và anh cũng đừng không tin vì như vậy là khờ dại. Phương pháp duy nhất áp dụng là chấp nhận điều anh được nghe như là chuyện khả hữu, rồi tìm cách tự chứng minh những điều ấy.

“Nào, tới bây giờ chúng ta đã chứng minh được gì? Đó là điểm tôi muốn bắt đầu. Anh đã chứng tỏ rằng có thể có kinh nghiệm bên ngoài thể xác, rằng cái chết không phải là điều như anh vẫn tưởng xưa nay, vì anh đã thấy em trai Charles cùng biết rằng hắn đang linh hoạt dù vô hình đối với anh trong khi anh linh hoạt trong thể xác; anh đã nói chuyện với em, và điều này đủ là bằng chứng rằng hắn hiện hữu ở cõi mà anh có thể đến gặp

vào thời điểm ấn định. Anh ý thức rằng tuy Charles vẫn còn biết rất ít về cảnh sống ở cõi tình cảm, anh không thể nói rằng hắn đang khổ sở hay cảnh đời của hắn tệ hại và là điều người ta tự nhiên muốn tránh. Vì vậy anh đã tiến thêm một bước tới việc loại trừ lòng sợ chết, nỗi sợ hãi ăn sâu vào tâm thức của biết bao người sống trên thế gian.

“Ngay cả với kiến thức hiện có anh biết rằng chết không phải là thảm kịch như người ta hay gọi, và trong vài trường hợp dễ thấy nó chẳng những là việc trút gánh nặng mà còn là đại ân phước. Anh đã tự mình thấy là cuộc sống sau khi chết nhiều phần bị lỗi sống khi trước ở cõi trần chi phối, anh có thể thấy ai có khuynh hướng nghệ thuật hay ưa thích những ngành nghệ thuật như nhạc, họa, văn chương, triết học, hay ngay cả sở thích đặc biệt là du lịch đều được chăm lo về mặt này sau khi chết. Về mặt khác anh cũng thấy ai có cuộc sống thuần vật chất, ai mà có trò giải trí và sở thích tùy thuộc vào thân xác vật chất, ai chú trọng chính yếu vào thể thao, ăn ngon mặc đẹp, các hình thức thương mại có mục đích làm giàu, sẽ thấy thời gian trôi qua nặng nề sau khi chết cho tới khi họ thức tỉnh là mình có thể tạo sở thích mới.

Tôi hỏi.

– Nhưng làm sao người ta tạo nên sở thích mới sau khi chết?

– Làm được y như cách anh có thể tạo ra trong lúc sống nếu có đủ thì giờ và tài chính cho học phí. Ở cõi tình cảm tuy anh chưa thấy nhưng có trường dạy, do nhu cầu lớn lao là cần huấn luyện cư dân thường trú ở đó những điều mà họ thiếu cho cuộc sống trước mặt. Những trường này có hai mục đích, chúng không những giảng dạy cho học viên về cách sống ở cõi tình cảm, và làm thế nào tận dụng những điều kiện nơi đây cho lạc thú và việc giáo dục họ, mà còn có những khóa học chỉ dẫn đủ các môn khác nhau, những môn thực hiện được không cần tới điều kiện ở cõi trần.

“Đa số các nhạc sĩ, họa sĩ, triết gia chân chính và những ai là giáo sư, thầy dạy ở cõi trần rất đối sung sướng khi chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm của họ cho ai không có nhưng ham thích muốn học. Việc thời gian không thành vấn đề ở đây cũng giúp chuyện một cách đáng kể vì ta không còn cần phải ngủ tám tiếng một ngày nữa. Nếu chuyên gia một ngành bỏ ra một ngày chỉ ba hay bốn tiếng để dạy học trò, thì thời gian mất đi này không làm họ khổ sở, vì họ vẫn còn hai mươi tiếng mỗi ngày để làm chuyện riêng.

“Trên thực tế cái diễn ra là nhiều giáo sư và chuyên gia trong ngành nghệ thuật của họ, rất hài lòng khi uốn nắn vật chất mới thành hình, nên họ tự nguyện dạy học ở những trường này, và thường khi dành hơn nửa đời ở cõi tình cảm để dạy phần nhập môn nghệ thuật của mình cho người khác. Hay trong một số trường hợp giúp đỡ ai có năng khiếu trở thành chuyên nghiệp tinh xảo, nhờ sự chỉ dẫn chuyên tâm có sẵn nơi cõi này.

“Không những các trường ấy đóng một vai trò lớn lao trong cuộc sống ở cõi tình cảm, mà chắc chắn nó còn có ảnh hưởng tới những kiếp tương lai của học viên. Nếu ở cõi trung giới một người sinh lòng yêu thích bất cứ nghệ thuật hay ngành khoa học nào thì vào kiếp sau ở cõi trần, họ sinh ra với ước muốn tiếp tục việc học hỏi đó. Vì vậy ta có thể

nhỏ lộ năng khiếu về điều này điều nọ mà cha mẹ không có đặc tính ấy. Ta nên luôn luôn khuyến khích khuynh hướng về nghệ thuật như vậy.

“Cha mẹ thường khi biện luận rằng cần gạt bỏ ưa thích đó, vì họ đã thành công trong đời mà đâu cần biết tới nghệ thuật. Dầu vậy đó là lỗi lầm tai hại và nếu cha mẹ nhận ra đó là ham muốn thật tự nhiên, và thực tình là trẻ chỉ mong ước được tiếp tục việc huấn luyện đã bắt đầu trong thời gian vô tư lự vừa qua ở cõi tình cảm, có lẽ cha mẹ sẽ hiểu rằng nên khuyến khích lòng ham muốn ấy thay vì bác đi như vẫn thường làm. Ở cả hai nơi cõi trần và cõi tình cảm, chúng ta đang luôn luôn học hỏi và làm cho những kiếp tương lai của ta được trọn vẹn và hạnh phúc hơn.

“Người cư ngụ thường trực ở cõi tình cảm tìm ra những trường này theo nhiều cách khác nhau, và luôn luôn vào lúc nó có ích nhất cho họ. Ban đầu khi họ mới ý thức là đang sống ở cõi trung giới, nói về những trường này chỉ mất công vì họ sẽ lập tức cho anh hay rằng chán đi học lắm rồi, họ chỉ muốn vui chơi. Trong vài tháng đầu tiên, có cơ hội du lịch vòng quanh thế giới đi thăm những nơi muốn đi mà lúc còn sống ở cõi trần không đi được, thường đủ làm họ thỏa mãn.

“Anh còn nhớ Roy Chapman, bạn của em anh, nhìn nhận là có lúc hẳn thấy nhàm chán? Anh ta đã làm hết mọi chuyện vừa nói, dĩ nhiên là kết được bạn bè cùng với họ đi ăn tối, coi show, đi picnic và những trò giải trí như vậy, nhưng sau một thời gian sự việc không còn hứng thú. Hồi còn sống Roy ham thích chơi golf, nhưng ở cõi tình cảm golf không còn là trò thú vị như ở cõi trần. Người như Roy chắc chắn sẽ mệt mỏi với những chuyện anh làm trong sáu tháng qua, và khi chán chường như thế anh sẽ không ngần ngại nói cho ai mà anh gặp ở cõi đó biết.

“Tới một ngày có người mà anh được giới thiệu, sẽ đề cập về những cơ hội có ở đây để mở mang kiến thức hay phát triển về một ngành nghệ thuật, khoa học. Mới đầu Roy sẽ không hào hứng mấy nhưng chẳng bao lâu, anh ý thức rằng học một việc gì đó hoàn toàn mới thì sẽ lấp được ngày dài dằng dặc. Về sau anh thấy hứng chí, và như vậy ta có thêm một người chuyển từ khuynh hướng duy vật sang cảnh sống làm thời gian ở cõi tình cảm hóa ra thật ngắn ngủi.

“Có những người khác mà chuyện vừa kể không hấp dẫn họ chi hết. Thường khi đó là cặp vợ chồng lớn tuổi thích cuộc sống gia đình. Mơ ước của họ chỉ là có căn nhà, mảnh vườn sống đời yên ổn giữa thân hữu. Họ thích nghe radio, xem truyền hình và những điều tương tự. Họ có được hạnh phúc khi sống gần kề nhau, và có thể sống đời như vậy ở cõi tình cảm không chút khó khăn nào. Nếu người chồng chết trước, ông lang thang rầu rĩ cô đơn trong những giờ khắc bà vợ sinh hoạt ở cõi trần, có mặt chờ sẵn ngay khi cơ thể bà ngủ thiếp và người vợ bước ra khỏi thể xác.

“Đề nghị với ai như vậy là có trường cho họ tới học thường chỉ ưởng công, họ sẽ gạt phăng vì chuyện họ cần chỉ là căn nhà êm ấm với người bạn đời. Ông có ý định và nay tìm cách thực hiện cuộc sống sao cho bà và ông sẽ vui hưởng khi hai người tái hợp. Ông

học được rằng tạo căn nhà và mảnh vườn theo đúng ý là chuyện dễ dàng, chỉ cần tỏ ý muốn trong trí là có ngay. Người chồng mới đi tìm mảnh đất thơ mộng nhất có được, khi bà qua đời sang cõi tình cảm hai người xây căn nhà trong mộng, và trang trí y hệt như cách họ muốn có ở cõi trần nếu có phương tiện.

“Ở đây tư tưởng tạo ra ngay vật mà ta muốn, và thường khi họ nghĩ ra đồ gia dụng kỳ diệu tiết kiệm được sức lao động. Có thương gia thấy các vật dụng đó, để ý ghi nhớ và trong kiếp tới ở cõi trần họ sáng chế ra vật tương tự. Cặp vợ chồng lớn tuổi này có đàn âm thanh nổi rất hiện đại, và dùng tư tưởng tạo ra một số người giúp việc nhà cho mình, làm ra khu vườn đầy hoa trái mà họ thích vì không còn bị giới hạn về khí hậu nơi đây. Họ mở tiệc thết đãi bạn bè, thích trưng cho thấy những sáng chế của họ và sống rất hạnh phúc nơi cõi tình cảm. Thường thường họ tái hợp lại với những con thú đã nuôi ở cõi trần hoặc nuôi những con khác.

“Không phải cảnh sống êm đềm an nhàn của cặp vợ chồng lớn tuổi vừa nói là chuyện hay thấy ở đây. Người ta lập gia đình vì nhiều lý do, có khi vẻ hấp dẫn bên ngoài mang họ đến với nhau, khi khác là tiền của, và ngay cả sự cô đơn cũng kết hợp hai người lại. Hiếm khi ta có được cặp vợ chồng lý tưởng, là hai người nam nữ có cái nhìn về cuộc đời phù hợp nhau, có trình độ tiến hóa tương tự, mỗi người có đủ thông minh để hiểu được vấn đề của người kia. Những cuộc tình duyên như vậy thường hiếm, và nhìn theo huyền bí học thì nó không đáng ao ước, như khi một người tiến hóa cao bị hấp dẫn tới người có trình độ thấp hơn về một mặt nào đó.

“Khi ta nghe nói:

– Tội nghiệp cho John lấy Mary, thiệt không xứng chút nào.

Thì ta thấy ngay nếu người nói câu này có chút kinh nghiệm, hẳn họ sẽ hiểu là định mạng xếp đặt cho cặp thanh niên thiếu nữ ấy có lợi đáng kể trong vài năm ngắn ngủi chung sống bên nhau. Kết quả đầu tiên của cuộc tình duyên có vẻ không xứng này luôn luôn là một loạt khó khăn cho cả đôi bên, không ngừng có xung đột quyền lợi. Mới đầu có thể chàng thanh niên bị thu hút bởi diện mạo, thân hình của thiếu nữ. Sau một thời gian sức thu hút này giảm dần tuy không chắc là nó sẽ biến mất luôn, rồi hai người chỉ còn ràng buộc vào nhau như là bạn đường nhưng tình nghĩa vợ chồng khó mà đậm đà mãi khi thị hiếu và ước vọng của hai cá nhân khác nhau.

“Trong trường hợp người chồng có trình độ hiểu biết cao hơn vợ, anh thích đọc sách, nghe nhạc, chú tâm đến những mặt quan trọng của cuộc đời, trong khi người vợ thích đến những chỗ vui chơi mà bạn bè nhất thời của cô có mặt. Vậy là có xung đột ý tưởng và tranh cãi bất đồng ý. Nếu không có con thì đôi khi cuộc hôn nhân tan vỡ chỉ vì tính khí không hợp, nhưng đó là chuyện hết sức đáng tiếc khi sự việc xảy ra như thế, vì đôi bên có thể học được nhiều hiểu biết và kinh nghiệm nhờ sự bất bình đẳng giữa hai người. Người chồng cần học cách chia xẻ phân nửa trách nhiệm, khi tìm cách thực hiện thì anh thấy là phải khởi sự bằng việc nâng thị hiếu của vợ lên tới trình độ của mình, mà cùng

lúc tính kỹ sao cho cô không nhận ra là anh đang cố công làm thế, bằng không cô sẽ lập tức có mặc cảm tự ti.

“Anh phải học kiên nhẫn khi do thiếu kinh nghiệm, cô đòi hỏi những điều mà anh biết là không khôn ngoan hay không cần thiết. Dù biết làm vậy không đúng nhưng có khi anh phải chịu ý để cô thấy được kết quả của lỗi lầm đã phạm. Người vợ không phải lúc nào cũng thích được chỉ bảo, ngay cả khi trong thâm tâm biết là bạn đời khôn ngoan hơn mình. Chuyện ngược lại cũng đúng khi người vợ là linh hồn tiến hóa hơn người chồng. Nói chung nếu hai người như thế có thể sống đời với nhau thì họ sẽ được lợi ích to tát, vì một người có lợi thế là trí tuệ trội hơn và nhiều kinh nghiệm hơn để hướng dẫn người kia, giúp phát triển cá tính của bạn đời. Trong khi đó họ cũng phải học giá trị của sự kiên nhẫn, tế nhị, sự cần thiết phải nhìn theo quan điểm của bạn mình, cái quan điểm bị giới hạn nhiều lần hơn so với của họ vì bạn đời thiếu kinh nghiệm.

“Sau khi chết hai người như vậy không nhất thiết sẽ tiếp tục sống chung với nhau nữa, người tiến hóa hơn trong lứa đôi có thể cảm thấy muốn dành thì giờ với những ai hiểu biết hơn họ; trong khi người thấp hơn sau nhiều năm ở cõi trần bị thúc đẩy phải sống ở mức quá khả năng của mình, bây giờ sẽ muốn xả hơi, nhàn hạ một thời gian cho khỏe.

“Thường thường sau một thời gian ngắn tương đối thành thoi, người sau thấy mầm mống gieo trong lúc sống ở cõi trần nay sinh ra lòng ước ao mãnh liệt, muốn tiếp tục việc phát triển có thêm hiểu biết đã bắt đầu trong đời vừa qua. Họ thấy mình không còn thỏa mãn hoàn toàn với những trò giải trí giả tạo mà khi xưa mơ ước, và tạo áp lực với chồng/vợ mình để đòi cho bằng được. Khát khao về trí tuệ được khơi dậy, và họ thấy không thể nào sống trở lại cái tiêu chuẩn đối với họ là tự nhiên trong đời sống lứa đôi khi xưa. Họ sẽ cho anh hay rằng cuộc đời ấy không hạnh phúc cho lắm, nhưng nay việc đã xong thì họ lấy làm mừng là định mệnh đã xếp đặt cho họ có kinh nghiệm như vậy.

“Chuyện thường xảy ra là hai người đã sống chung với nhau trọn cả đời không tiếp xúc với nhau nữa, hoặc sau khi chết hoặc trong những kiếp tương lai. Người này đã giúp người kia, cả hai đều có lợi qua việc ở cạnh nhau một khoảng thời gian, nhưng quan điểm của họ về cuộc đời quá khác biệt khiến cho người này không tự nhiên hấp dẫn được người kia. Trong trường hợp như vậy rất có thể một bên đã sống nhiều hơn bên kia ít nhất 50–100 kiếp, lẽ đương nhiên mức hiểu biết của họ về thiên cơ sẽ nhiều hơn người bạn, kho kiến thức được thu thập từ kinh nghiệm những kiếp qua sẽ lớn lao hơn, và họ là linh hồn vượt trội hơn bạn đời của mình về mọi mặt. Tuy thế ta đừng quên rằng cách đây 100 kiếp họ ở cùng vị trí như chồng/vợ mình hiện nay, và không chừng đã có lợi nhờ bị ép phải sống đời với ai đó có mức tiến hóa cao hơn họ bội phần.

Chắc anh có nghe nói là mỗi ai cũng đều có bạn tâm đầu ý hợp với mình (soul mate), và phải luôn luôn cảnh giác để nhận ra người đó. Chuyện ấy rất đúng vì khởi thủy khi lực sống tủa ra từ Thiên Lực (Divine Power), nó hiện ra trong cuộc sống dưới hình thức song đôi một nam một nữ. Cả hai dạng này tiến hóa riêng biệt nhau, mỗi bên có số lượng kiếp ấn định trong thể xác nam và thể xác nữ, nhưng trong những cơ hội đặc biệt lúc có việc

trọng đại cần thực hiện thì khi ấy hai linh hồn được mang lại với nhau, vì hứng khởi của người này khiến người kia hoàn thành được công tác vĩ đại phải làm.

“Nhân vật cao cả nào đạt tới mục đích của mình, thường nói rằng họ không thể làm được chuyện ấy nếu không có sự giúp đỡ, cố vấn và trợ lực của chồng/vợ mình. Nó không nhất thiết muốn nói rằng đó là hai người tri âm tri kỷ với nhau, nhưng nó có thể muốn nói điều ấy và nếu đúng vậy thì hai người hành động như là một đơn vị tuyệt vời, chẳng những họ suy nghĩ như nhau mà còn tự động cảm biết chuyện gì thích hợp cho cả hai bên.

“Dĩ nhiên đó là sự hòa hợp tuyệt diệu của âm và dương, nam và nữ trong thiên nhiên, nhưng kiếp nào cũng sống chung với người tri âm tri kỷ thì lại không phải là điều tốt, vì trong hoàn cảnh như vậy ta có khuynh hướng trở nên rất ích kỷ. Ta sẽ không hề học cách nhìn sự vật theo quan điểm của người khác, đối phó với tư tưởng nghịch ý, nhường nhịn hầu đạt được chuyện thay vì khẳng khẳng giữ ý riêng mà không đạt kết quả chi.

“Ngày mai tôi sẽ nói cho anh nghe vài điều về những sinh vật không phải là con người ở cõi tình cảm. Sau đó tôi sẽ đưa anh đi thăm cõi ấy một lần nữa, để anh tự thấy rằng người ở cõi tình cảm sinh hoạt bình thường giống như ở cõi trần.”

CHƯƠNG SÁU

Viễn ảnh được đi chơi lần nữa ở cõi tình cảm mà vị thầy Ấn độ nêu ra làm tôi hết sức hớn hờ, nghĩ tới chuyện gì có thể xảy ra làm tôi quên đi phần nào nỗi thất vọng là chưa đạt được kết quả khi tập một mình. Tối qua tôi tập trung tư tưởng thấy trong trí là mình nằm trên giường, giống như tôi đã làm vào tối được giúp đi sang cõi bên kia. Sáng thức dậy tôi thấy khoẻ khoắn, nhớ là phải lâu lắm mới thiếp đi nhưng chuyện gì xảy ra lúc tôi say ngủ thì không nhớ được chút nào. Tôi phải tìm cho ra cách nhớ lại mới được. Tôi biết rằng lo lắng vì không học được ngay tức thì việc ấy chỉ vô ích, bởi âu lo thường gây trở ngại hơn là trợ giúp. Tôi nghĩ có lẽ chuyện duy nhất tôi có thể làm là kiên tâm trì chí với cách tập trung tư tưởng này, tôi nghe nói đây là một phần rất quan trọng của sự việc cho tới khi tôi có chút tiến bộ để từ đó tiến thêm.

– Thất vọng chỉ vô ích thôi.

Vị thầy Ấn độ đã tới đứng sau lưng lúc tôi đang viết. Tôi không nghe thấy ông mở cửa.

– Đó là cái xảy ra trong rất nhiều trường hợp. Con người được cho thấy thoáng qua chân lý và vì họ không thể lập tức làm ngay được chuyện biết là người khác có thể làm, họ thấy nản lòng và buông xuôi không cố công nữa. Có khi họ nói ‘Thấy rõ là cảnh sống huyền bí không dành cho tôi,’ trong khi đó để đạt tới kết quả thì chỉ cần kiên nhẫn một chút, và quyết tâm phá bỏ bức tường ngăn cách giữa cuộc sống cõi trần và cuộc sống ta bước qua lúc ngủ. Anh đừng mong ước nhiều. Hãy nhớ lại gần hai tuần trước khi anh ngồi đây đau khổ trong lòng, không biết rõ cả việc cái chết là diễn tiến hợp lý của cuộc sống. Nay ít nhất anh biết được vài điều, chẳng bao lâu sau anh sẽ được cho cơ hội để biết thêm nữa.

“Anh nghĩ ‘Tại sao không có thêm nhiều người biết về những chuyện này?’ Có lẽ họ không hỏi xin để có hiểu biết, giúp đỡ như anh đã hỏi, có lẽ họ thấy thỏa mãn hoàn toàn với tôn giáo của mình trong số các tôn giáo, nói rằng hãy có niềm tin, và tin rằng mọi chuyện là do ý Trời. Chắc chắn tất cả những gì xảy ra là do Trời sắp đặt, nhưng chuyện sẽ dễ dàng hơn nếu ta biết tại sao nó lại như thế. Chuyện dễ hơn nếu có câu trả lời hợp lý cho mỗi câu hỏi, và cũng dễ hơn nếu ai chịu khó thì tự mình chứng nghiệm được sự việc, và do vậy không cần chấp nhận các ý niệm nhờ có đức tin. Có đức tin luôn luôn là chuyện tốt nhưng có kiến thức hiểu biết thì tốt hơn nữa. Anh phải có đức tin trong lúc thâm nhập kiến thức, và dù có chuyện gì xảy ra anh phải không được ngã lòng. Cuộc tiến hóa là diễn trình chậm chạp và ít khi thúc hối được, tuy ta có thể gây hứng khởi cho hành động của cá nhân bằng việc khuyến khích, và bằng sự hỗ trợ đưa ra đúng lúc.

“Cho tới nay anh mới thấy một phần rất nhỏ của cõi tình cảm, chỗ mà ai vừa mới qua đời thường đến cư ngụ. Khi là cư dân của cõi này rồi thì ít khi anh đến những chỗ như vậy nữa nhưng anh có thể đi nếu muốn. Thành thạo anh ghé như để gặp thân hữu và bà con vừa chết, cần người cư ngụ thường trực ở đây giúp đỡ, y như anh cần được bạn

bè ở ngoại quốc giúp khi anh tới nước ấy như là du khách hoặc như là người mới định cư.

“Cõi tình cảm được chia làm nhiều cảnh (subplanes, spheres) hay các bầu mà ta cần biết các nơi ấy, bằng không anh sẽ không thể hiểu lối hoạt động của cõi này. Đa số các vị thầy mô tả sự việc bằng cách kêu học viên tưởng tượng cảnh thấp nhất của cõi tình cảm, là khung cảnh hiện hữu ngay trên mặt đất ta đang đứng. Trong cảnh này có thể tình cảm tương ứng của mọi vật ở cõi trần, thí dụ nơi nào ở cõi trần có thị trấn hay cao ốc thì ở cõi tình cảm cũng có thể tương ứng bằng vật chất trung giới của thị trấn hay cao ốc đó, anh có thể thấy thật rõ khi hoạt động ở cõi tình cảm trong thể vía. Thể này là phản ảnh của vật ở cõi trần. Hãy tưởng tượng phản ảnh ở cõi tình cảm của khu Piccadilly Circus tại London mà anh đến thăm mấy đêm trước, như là tượng trưng cho cảnh giới thấp nhất ồn ào nhất.

“Kể đó tưởng tượng một nơi tương tự cao hơn cảnh thấp nhất đó khoảng một dặm (1.6km), nơi mà chỉ cần phát ra ý muốn là ta đến được ngay trong tích tắc. Đó là cảnh thứ hai từ dưới đếm lên của cõi tình cảm, nó bớt trọng trược hơn cảnh đầu nhưng vẫn còn nặng phần vật chất và giống điều kiện ở cõi trần. Nếu vượt lên trên thành phố London thêm một dặm nữa, anh có thể vẫn còn nghe mơ hồ tiếng huyên náo của xe cộ lưu thông, và tiếng động ấy luôn luôn là một phần của cuộc sống trong một thành phố lớn. Nhưng nó chỉ là tiếng rì rầm so với tiếng động inh tai mà anh nghe khi đứng ngay tại chỗ trên mặt đất.

“Bây giờ nghĩ tới cảnh giới thứ ba của tâm thức, cũng cao khoảng một dặm bên trên cảnh thứ hai này. Khi sinh hoạt ở đây anh cách xa sự ồn ào náo nhiệt của thành phố London tới mức chẳng những anh không bị nó ảnh hưởng, mà cũng không còn ý thức về nó cho lắm.

“Có bảy cảnh hay bảy bầu tâm thức ở cõi tình cảm, mỗi cảnh bớt đi tính vật chất so với cảnh ‘thấp’ hơn dưới nó, và thường trú nhân ở đây có thể dành khoảng đời của họ ở cõi tình cảm trong bất cứ cảnh nào, theo ý thức tự nhiên của người đó. Lấy thí dụ người ta có thể sống vài tuần ở cảnh thứ nhất, rồi hai năm kế đó ở cảnh thứ hai, sau đó qua cảnh thứ ba hay thứ tư, khi từ từ thói quen và ham muốn của họ bớt nét vật chất và thiên dần về nghệ thuật, trí tuệ hay tinh thần hơn. Bởi vậy không hề có việc chật chội sống chen lấn nhau ở cõi này.

“Ở cõi trần ta bị giới hạn trong việc chọn lựa nơi sinh sống. Do công ăn việc làm một người có thể bị buộc phải sống ở chỗ mà nếu được quyền chọn thì anh sẽ không ở nơi ấy. Mặt khác nhiều nơi không thể cư ngụ được vì khí hậu hay những khó khăn khác. Người ta không thể sống ở bắc hay nam cực vì giá lạnh quá mức hay những hạn chế khác nhau, như thiếu ánh mặt trời một thời gian trong năm. Ta không sống được trong sa mạc vì thiếu nước, hay sống trong rừng già dày đặc có thú dữ vì ta phải giết thú trước khi an toàn xây cất nhà cửa cư ngụ.

“Nơi cõi tình cảm ta không bị những giới hạn ấy. Khí hậu chỗ nào cũng y như nhau, dù nam hay bắc cực hay bất cứ nơi nào ở cõi này, cũng không có giới hạn về nắng trong ngày nhiều ít vì nơi đâu cũng luôn luôn sáng 24 tiếng một ngày. Trong sa mạc thì anh không cần nước để sống, nếu anh muốn sống trong rừng già ở cõi tình cảm thì cũng được, ở đó không có dã thú tấn công anh. Bởi cũng y như con người học và hiểu rằng mình không thể hại được thú ở cõi tình cảm, thì thú cũng khám phá là chúng không thể hại được người.

“Thêm vào đó có bấy cảnh tâm thức để chọn nơi cư trú nên ta luôn luôn có thể chọn điều kiện cần thiết cho lối sống muốn có, trong khung cảnh hợp với mức phát triển tình cảm, trí tuệ và tinh thần của mình. Một khi anh có được ý niệm về những cảnh sống khác nhau sau cái chết, anh sẽ dễ dàng thấy là mọi chuyện có thứ tự lớp lang, ý nghĩa đầy đủ cả, và Con Đường Tiến Hóa thành diễn biến hợp lý của những chuyện do luật thiên nhiên kiểm soát, đúng về cả lý thuyết và thực hành.

“Tất cả những sự việc này được giải thích và giảng dạy ở những trường thuộc các cảnh trung giới, và thường người ta nghe nói về chúng bằng cách này hay cách kia ở các trường đó, nhờ vậy sinh ra thúc giục hay lòng mong muốn sang một cảnh khác. Ở những trường ấy người đã chết được dạy cách đi từ cảnh này sang cảnh nọ, bằng việc dùng ý chí một cách đặc biệt, bởi cho dù vật chất mỗi cảnh có cấu tạo khác nhau, thể tình cảm của chúng ta có vật chất tương tự với vật chất của mọi cảnh, và vấn đề chỉ là làm linh hoạt những nguyên tử trong thể của ta tương ứng với cảnh liên hệ, để cho phép ta hoạt động trọn vẹn ở nơi đã chọn.

“Điểm kế nữa được chỉ dạy cho người cõi này là ai ở cảnh thứ hai không thể tiếp xúc hay liên lạc với người ở cảnh thứ nhất (từ dưới đếm lên), hay cảnh thứ ba với cảnh thứ hai. Nếu người ở cảnh thứ ba vì lẽ nào đó muốn tiếp xúc với người ở cảnh thứ nhất thì họ phải trở xuống cảnh này nhờ vào ý chí, việc như tôi đã nói là làm cho vật chất thuộc cảnh thứ nhất trong thể của anh linh động trở lại. Đi ‘lên’ hay ‘xuống’ đều dùng cách thức này. Sự sống biểu lộ ở mỗi cảnh đều riêng biệt với nhau và gói trọn đầy đủ trong cảnh ấy, y hệt như cuộc sống tại Anh riêng biệt và khác với cuộc sống ở Ấn Độ. Giống như cả hai nước đều là thành phần của thể giới vật chất thì các cảnh đều là những phần của cõi tình cảm, nhưng chúng sinh hoạt riêng rẽ vì nhiều nguyên do rất chính đáng.

“Phần vật chất của cõi trung giới, tức đậm đặc nhất, là khoảng bao chung quanh anh ngay sau khi chết, và trong lúc sống ở khoảng đậm đặc nhất này anh thấy chung quanh có mọi vật như đã từng thấy ở cõi trần. Lấy thí dụ lúc sinh tiền anh cư ngụ tại London thì khi qua đời nhiều phần là anh vẫn ở trong vùng tương ứng với London ở cõi trung giới, hay vùng là phản ảnh của thành phố này, chỉ vì anh muốn giữ liên lạc với cái mà anh quen biết. Anh muốn thấy có người chung quanh anh và muốn có căn nhà tuyệt hảo để tiếp đãi bạn bè như trước.

“Rồi tới ngày kia, có thể một người bạn chỉ cho anh thấy rằng cuộc sống trong thành phố không có lợi mấy ở cõi trung giới, và đề nghị anh nên đi xem cảnh đẹp miền quê.

Anh dễ dàng tưởng tượng ra sự khác biệt của bầu không khí giữa cảnh sống chung đụng với hàng triệu người ở đô thị, và sự tương đối thanh tịnh của thôn làng, nơi chỉ có vài chục thay vì hàng ngàn hay hàng triệu cư dân. Đây là cảnh thứ hai mà không có cách để diễn tả đúng hơn nên tôi gợi ý là nó ở phía trên cảnh thứ nhất chừng một dặm. Ở đó anh có thể thấy nhiều gia đình vui sống hạnh phúc, giao hảo với nhau và cuộc đời diễn ra êm đềm trong thôn trang diễm ảo.

“Anh có thể sống ở những cảnh này bao lâu tùy thích. Loại người rất trọng trước nặng phần vật chất thì thích sống nhất ở cảnh đậm đặc hết thảy ở cõi trung giới, vì phần này sát cõi trần mà anh gần bó chặt chẽ, nên anh tiếp tục sống đời thật hạn chế ở đây. Đây không phải là nơi mà người đã tiến hóa có phần tinh thần nảy nở một chút thấy vui sống, nếu bị ép phải ở đó lâu.

“Họ không bị ép buộc như thế. Sau khi qua giai đoạn mà Thiên chúa giáo gọi là luyện ngục (purgatory) tức được cho thấy kết quả của hành vi tốt và xấu trong đời vừa qua, mà nhận thức về chúng sẽ ảnh hưởng đến cá tính tương lai của họ, con người bắt đầu cảm thấy sự thúc giục muốn lánh xa những gì tương tự với cảnh đời vừa xong. Họ khám phá là có biết bao cơ hội để được những kinh nghiệm thích thú, ích lợi đang chờ đón họ ở những cảnh cao hơn và ít đậm đặc hơn của cõi trung giới.

“Cuối cùng họ định cư ở cõi này trong điều kiện phù hợp với mức phát triển thực sự của họ. Đó có thể là ở cảnh thứ ba, nơi họ gặp loại người có óc sáng tạo như nhạc sĩ, họa sĩ, khoa học gia v.v., hay ở cảnh thứ tư nơi họ có thể thảo luận những vấn đề thế giới với người có hiểu biết sâu rộng hơn chính họ. Khi lên tới những cảnh đó con người ý thức là còn có những thực thể khác cư ngụ nơi đây không phải là người. Chuyện quan trọng là anh nên biết vài điều về các thực thể này và nguồn gốc của họ, trước khi có thêm kinh nghiệm ở cõi trung giới, vì vậy bây giờ tôi sẽ nói với anh một chút về những nhân vật ấy.

“Họ thuộc về đường tiến hóa song song với người gọi là thể giới thiên thần (Deva). Họ tiến hóa theo cách tương tự như loài người, theo đó thay vì thoát kiếp thú làm người thì những thực thể này từ côn trùng, cá hay chim, thoát kiếp thú thành tinh linh (elementals), tiên nữ và thiên thần. Tới ngày giờ cho cá hay chim tiến hóa sang giai đoạn kế thì chúng trở thành tinh linh hay tiên nữ tùy theo loài của chúng ở cõi trần.

“Anh nhớ là khi tôi đưa anh xuống biển trong lần đi thăm đầu tiên cõi trung giới, tôi cho anh thấy vài tinh linh sống ở đáy biển. Thuở ban đầu chúng là cá và trên đường tiến hóa tới đích toàn thiện, chúng phải đổi từ cá sang tinh linh, y như chó, mèo, ngựa v.v. chuyển sang người dã man trong thế giới. Lấy thí dụ chim biển thành tiên nữ, và cả hai loại tinh linh với tiên nữ sau nhiều kiếp đạt tới giai đoạn ta gọi là thiên thần.

“Có sự khác biệt lớn lao giữa hai đường tiến hóa của người và thiên thần, theo đó sau khi cá hay chim tiến đến mức thành tinh linh hay tiên nữ, chúng không sống trong cõi trần mà chỉ sống trong cõi tình cảm và cõi trí, từ cảnh thứ ba trở lên của cõi trung giới (từ

dưới đếm lên), ngoại trừ tinh linh bậc thấp và tiên nữ rất trẻ hay chưa tiến hóa. Ấy là lý do tại sao con người ở cõi vật chất biết rất ít về đường tiến hóa này. Chúng gần như không tiếp xúc với ta, tuy rằng người nào có thông nhãn (clairvoyance) thấy được các thực thể đó ở cõi trần, bởi giữa cõi trung giới và cõi trần không có gì ngăn cản cho ai có khả năng ấy. Nhưng như tôi đã nói, người trung bình thường không có hiểu biết đó và họ hay chế nhạo chuyện thần tiên trong dân gian về các loài này, kể rằng chúng có thật.

“Chỉ ở những nước như Ái Nhĩ Lan nơi mà dân chúng gần với thiên nhiên hơn mức trung bình, thì tiên nữ, tinh linh mới được công nhận. Ở đó tuy đa số người không hề thấy chúng nhưng họ tin là chú lùn có thật. Tới ngày nay vẫn còn nhiều nông gia không chịu cày bừa một khoảng đất đặc biệt trong ruộng, vì dân gian tin là có tiên nữ cư ngụ nơi ấy. Lắm chuyện kể lại là chủ trại đương thời thiên về vật chất, cười chê chuyện cổ là hoang đường mê tín đã gặp tai họa, với cư dân trong vùng cho đó là vì họ khinh thường tiên nữ, tinh linh.

“Tôi không có ý nói là những chuyện bị tai họa này có căn bản đúng thật hay không, vì nói thực thì không thể nào cho ý kiến tổng quát về đề tài ấy. Mỗi trường hợp phải được xem xét riêng rẽ để biết hư thực ra sao, và hiện tại đó không phải là chuyện của tôi phải làm. Tuy nhiên tôi muốn nói với anh rằng ở cõi trung giới chẳng những có loài này, mà chúng còn đóng một vai quan trọng trong cuộc sống nơi đây. Sau cái chết khi lên tới cảnh thứ ba và những cảnh cao hơn, anh sẽ chính mắt thấy và còn tiếp xúc được với chúng như tôi sẽ mô tả.

“Khi lên đến cảnh thứ tư, mới đầu người ta thấy lạ lùng vì việc hoàn toàn thiếu vắng sinh hoạt chỗ ấy. Dĩ nhiên là họ sẽ gặp người ở đó và nếu chưa từng gặp kẻ ấy ở đời sống cõi trần vừa qua, họ sẽ được giới thiệu cho nhau y như cách ở cõi trần. Họ cũng được cư dân thường trú ở cảnh này tiếp đón như là người đồng sở thích, vì người ở đây biết rằng anh không thể tiến lên được cảnh thứ tư trừ phi có lòng ước ao và khả năng cần thiết để sinh hoạt chỗ này.

“Thay vì có sinh hoạt thể chất anh sẽ thấy nó là sinh hoạt trí tuệ, vì mối ưa thích chính của cư dân cảnh này là thảo luận các vấn đề của thế giới và đường tiến hóa, thảo luận liên hệ đến sự phát triển của khoa học, đường tiến hóa song song của thế giới thiên thần với những khác biệt lớn lao so với đường tiến hóa của người v.v., hay việc lập những thuyết mà họ muốn thử nghiệm.

“Những chuyện này có thể rất nhàm chán với anh nhưng với người trí thức thì nó không nhàm chán chút nào. Dĩ nhiên người mà ta gặp có trình độ trí tuệ thay đổi, và ai có trí não tinh anh nhất, ai thực sự là linh hồn già dặn nhiều kinh nghiệm hơn, sẽ hướng dẫn cuộc thảo luận vì đó là chuyện tự nhiên đối với họ. Trong nhiều trường hợp các thiên thần tham gia cuộc tranh luận với việc trao đổi tư tưởng diễn ra không phải bằng lời. Tuy họ chưa phải sống ở cõi trí nơi mà tư tưởng quản trị mọi việc, ta thấy rằng ở những cảnh cao của cõi trung giới việc trò chuyện có thể diễn ra không thực sự dùng lời. Cuộc sống

ở đây bớt phần vật chất rất nhiều nên việc trao đổi tư tưởng xảy ra tự nhiên, và chuyện như vậy không được xem có gì là kỳ diệu hay lạ lùng.

“Ta cần nhớ rằng thiên thần ở cảnh thứ tư của cõi trung giới cũng là linh hồn tiến hóa cao, khác với tinh linh bậc thấp và tiên nữ, giống như người tiến hóa khác với người phụ khuân vác thuộc hạng thấp kém ở cõi trần. Quan điểm của thiên thần khác hẳn quan điểm của người, đó là thiên thần chú tâm chính yếu vào tiến trình trong thiên nhiên. Cuộc sống của họ hoà hợp mật thiết với các phần của thiên nhiên như biển cả, núi đồi, cây cỏ, hoa lá, mưa gió.v.v., tới mức dường như họ không bị ảnh hưởng mấy may về những vấn đề của cuộc sống mà con người bận tâm, ngoại trừ trường hợp đặc biệt cần sự trợ giúp của các vị.

“Sự thăng trầm của các quốc gia không động chạm gì đến thiên thần nhưng sự tăng trưởng của sức sống trong cây, khảo cứu khoa học về việc thiên nhiên cung ứng cho nhu cầu của người làm họ hết sức chú ý. Mỗi loài cây, cỏ hay hoa khác nhau đều có một thiên thần tiến hóa cao chăm sóc. Dưới quyền ngài có hàng ngàn phụ tá làm việc, mỗi kẻ xem ra có nhiệm vụ riêng của mình. Khi lối sống mà loài người gọi là nền văn minh làm chặt đi thật nhiều cây, các thiên thần cố gắng tạo ra cây mới trám chỗ những cây bị hủy hoại. Thiên thần rất quan tâm đến các thí nghiệm của khoa học như sinh ra mưa nhân tạo, và bằng phương pháp riêng của mình các ngài tìm cách ảnh hưởng con người để theo đúng đường trong việc nghiên cứu.

“Thế giới thiên thần thể hiện bằng màu sắc, ai ưa thích lập cảnh vườn (landscape gardening) sẽ thấy được kết quả tuyệt vời do hoạt động của thiên thần tạo ra ở cảnh thứ tư và thứ ba cõi trung giới. Cũng y như người làm vườn có đầu óc khoa học ở cõi trần nỗ lực để tạo hoa có màu sắc khác nhau, bằng cách ghép cây hay gieo phần hoa có chọn lọc, thiên thần cũng thí nghiệm và bởi họ gần thiên nhiên hơn loài người nên có hiểu biết sâu rộng hơn, các ngài cho ra kết quả đẹp đẽ hơn bội phần. Ta không thể nào dùng lời để mô tả vẻ diễm lệ của bông hoa do thế giới thiên thần tạo nên, vì hoa có hàng trăm màu sắc trong khi con người chỉ có vài chục màu, và ta không có tên cho những khác biệt rất tinh tế của các màu ta gọi là đỏ, xanh và tím hồng.

“Thiên thần dường như cũng biểu lộ bằng âm thanh nhằm ảnh hưởng sinh hoạt của sự sống. Ta thường nói câu ‘tạo bầu không khí thích hợp’ với hàm ý là khiến người khác có tâm trí thuận hòa. Thiên thần biểu lộ đường tiến hoá của họ theo một cách vang lộng hơn với kết quả là âm nhạc thiên thần. Nhiều thiên thần tụ họp lại trong rừng, đồng cỏ, dùng nhạc cụ bằng gỗ có hình dạng lạ lùng sinh ra những âm thanh du dương nhất, luôn luôn hòa điệu nhịp nhàng.

“Giọng của họ hình như cao hơn nhiều so với giọng con người mà êm nhẹ hơn, họ không dùng lời như ta biết. Thiên thần thường tụ thành ban hợp ca đồng đảo, nhưng cũng có người thỉnh thoảng đơn ca với ban hợp ca giữ im lặng trong suốt đoạn họ hát. Thiên thần đơn ca như vậy thường ngồi trên cây cao tách khỏi ban hợp ca một quãng, cho kết quả vô cùng kỳ diệu đối với tai người.

“Không lời nào mô tả được trọn vẹn những buổi ‘hòa ca’ này cho ai chưa được nghe nó, nhưng chắc chắn là chúng sinh ra bầu không khí mà thiên thần nói ảnh hưởng khắp cả thế giới con người. Có lẽ đó là cách họ biểu hiện sự bình an dưới thế cho người thiện tâm, vì không làm sao họ hiểu được sự khác biệt tư tưởng trong thế giới lại có thể dẫn đến chiến tranh ngày nay.

“Thiên thần không có tài sản riêng theo kiểu ta hiểu, mà họ cũng không cần gì. Từ thuở là tinh linh, thiên thần không phải làm lụng để kiếm tiền sinh sống nên về một mặt, ta có thể xem thiên thần may mắn hơn con người. Tuy thiên thần có vẻ không cười đùa hân hoan theo cách ta hiểu, họ lại rất thân thiện và sẵn lòng trợ giúp con người khi cần. Nhìn theo vài khía cạnh thì thiên thần có vẻ không quan tâm lắm đến chuyện của người, nhưng trong vài trường hợp đặc biệt như khi có động đất hay núi lửa bùng nổ, thì làm như họ có phần việc riêng phải thực hiện vì bất cứ việc gì liên quan đến thiên nhiên, đất đai, biển cả, hoa trái hay thú vật là chuyện của họ..

“Động đất hay núi lửa bùng nổ là hiện tượng thiên nhiên ảnh hưởng đến mặt đất, khi tai biến như vậy xảy ra có một số đông thiên thần được gửi tới để trợ giúp theo sức của họ. Tôi không thể nói chính xác cho anh hay là họ làm gì, nhưng chắc chắn họ có phần việc của mình trong diễn biến chung, và có thể ngày kia ta sẽ biết về thiên thần nhiều hơn hiện giờ.

“Các ngài làm phận sự của mình bằng cách giúp đỡ con người về mặt tình cảm. Ở cõi trung giới không có bệnh tật cho thân thể nhưng có sự xáo trộn tình cảm lúc con người bị u uất, sầu não quá độ. Cõi trung giới là cõi của tình cảm, và thể vía là vận cụ cho ý thức về mặt tình cảm. Trong trường hợp như thế có vẻ như thiên thần săn sóc người sầu não, giúp cho tình cảm lành mạnh trở lại. Họ an ủi con người, làm họ nghe được âm nhạc cõi trời mà thiên thần tạo ra. Đối với ai buồn rầu thì nhạc này cho ảnh hưởng rất đáng kể. Ít khi ta thấy ai thực sự đau khổ ở cõi trung giới vì điều kiện nơi đây khó mà làm con người không vui, nhưng có vài trường hợp người ta thấy lo buồn và khi đó thiên thần xử sự như y sĩ và điều dưỡng viên hết sức hiệu quả.

“Tôi đã trình bày đủ cho anh suy ngẫm trước khi đưa anh đi thăm cõi tình cảm lần thứ hai. Vì vậy ngày mai tôi sẽ không đến đây nhưng sẽ trở lại trong ba ngày nữa. Tôi để lại cho anh một viên thuốc, hãy uống nó như kỳ vừa rồi, khi anh đi ngủ vào tối mai để chắc chắn anh sẽ thiếp ngủ lúc 10 giờ tối. Tôi sẽ gặp ngay lúc anh thiếp ngủ. Từ đây tới đó đừng ăn thịt hay uống rượu, và khi anh tỉnh dậy vào sáng hôm sau tức ngày mốt, hãy lập tức viết ngay những gì anh vẫn còn nhớ được. Tôi sẽ giúp để anh nhớ như tôi đã làm kỳ trước. Hôm nay anh hãy viết lại buổi nói chuyện này, ngày mai coi lại tất cả bài đã ghi từ đầu tới nay và tối mai chúng ta sẽ cùng đi bằng thể tình cảm. Tôi sẽ gặp anh lúc 11 giờ sáng ngày mốt, và hy vọng là anh sẽ có sẵn bài viết đầy đủ về kinh nghiệm của chuyến đi. Bây giờ, xin từ biệt anh. “

Sáng nay thật là hứng thú! Trời nóng bức, ẩm, và vị thầy Ấn Độ nói chuyện lâu hơn mọi hôm, tuy những chuyện ông nói lại đầy thú vị hơn các hôm trước. Ông mở ra một

viễn ảnh mới về cuộc sống ở cõi bên kia sau cảnh đời này, và nếu đúng thực thì chắc hẳn sẽ khiến việc tiếp xúc với cõi ấy lại càng hứng thú hơn. Chẳng những tôi thấy hào hứng về việc sắp đi chơi cõi trung giới lần thứ hai, mà nếu nó thích thú y như cuộc đi chơi hồi tuần rồi thì tuyệt biết mấy. Từ đêm đáng nhớ đó tôi không gặp lại Charles nhưng chẳng hiểu sao tôi không lo lắng chi cả, vì nay tôi biết là em được bình an. Sự thiếu vắng Charles bằng xương bằng thịt không làm tôi đau khổ nữa, tôi không còn buồn rầu mà cảm thấy rằng bất cứ lúc nào tôi cũng có thể tiếp xúc được với em nếu thật cần, và tôi cũng tin chắc rằng em không mất biệt trong cõi đời mà vẫn còn hiện hữu giữa người sống. Khó mà diễn tả thành lời chuyện như vậy có nghĩa gì đối với tôi, nhưng tôi bắt đầu muốn nói chuyện với những ai đau khổ vì cùng lý do như tôi đã đau khổ để an ủi họ, và giải thích đôi điều về cơ trời cai quản vũ trụ. Có lẽ đó là một trong những lý do tại sao tôi được giúp đỡ, vì tôi có sự thúc đẩy rất mạnh mẽ trong lòng muốn truyền đạt hiểu biết này cho người khác, và muốn có khả năng đưa ra chứng cứ như vị thầy Ấn Độ đã cho tôi. Có thể một ngày kia tôi sẽ thực hiện được ao ước này.

Tối hôm đó tôi đi coi chiếu bóng loại phim hồi hộp làm tôi mê say vài tiếng. Về nhà tôi đi ngủ ngay và làm theo lời dặn là tưởng tượng có tấm gương bên trên giường khi thiếp đi. Tôi nhớ rõ rệt là bắt đầu mở cửa phòng ngủ, ngay khi đặt tay lên nắm cửa tôi thấy đã bước nửa chừng xuyên qua cánh cửa, và sực nhớ rằng cửa nẻo không còn là trở ngại cho thể tinh cảm nên tôi lướt đi.

Tôi bay là là xuống cầu thang cách nấc thang chừng ba tấc, tôi nhớ điều này vì tôi cúi đầu để không bị cộc lúc cầu thang quẹo góc. Lẽ dĩ nhiên cúi đầu không cần thiết chút nào nhưng tôi tự động làm. Tôi đi xuyên qua cửa trước và nhẹ nhàng lướt ra cảng rồi biển. Chuyện kể tôi nhớ là thức dậy sáng nay vào giờ thường lệ, tôi nằm yên rảnh nhớ lại sâu trong tâm tưởng mình, nhưng chỉ khơi được vài chi tiết ban đầu của việc rong chơi đêm qua. Vậy cũng không sao, nhớ được bấy nhiêu là chuyện đáng nói và tôi thấy phần khởi là để tự mình thì tôi đã có thể giữ cho tâm thức được liên tục lúc thiếp ngủ, và lại còn nhớ được khúc đầu của cuộc đi chơi sang cõi trung giới.

Bây giờ là 9:30 tối, tôi đã xong bữa tối nhẹ, lấy viên thuốc uống và lên giường. Chuyện gì sẽ xảy ra trước sáng mai đây? Chỉ có trời biết.

CHƯƠNG BẢY

Làm như tôi không có ngủ chút nào hết! Khi sáng nay thấy mình ở trong thể xác trở lại, trí não tôi nhớ rõ ràng mọi chuyện đã xảy ra, giống như tôi đi xem kịch và được yêu cầu viết lại mọi tình tiết của vở kịch ấy. Thế nên tôi có thể ngồi xuống cầm giấy bút và ghi lại trung thực tất cả những gì đã diễn ra.

Sau khi uống viên thuốc tôi nhìn cái đồng hồ nhỏ của Pháp thấy kim chỉ 9:42 tối. Tôi không ráng ngủ nhưng trong vài phút thấy mình thoát ra khỏi xác thân và đứng cạnh giường có thể xác nằm ngủ trên đó. Tôi nhìn giờ nữa thì thấy là 9:55. Không có ai chung quanh nên tôi tới lui trong phòng, lạ lùng rằng chuyện đơn giản biết bao, trong khi lần đầu tiên đi chơi cõi trung giới tôi lại thấy nó hết sức phức tạp. Tôi không muốn ra khỏi phòng vì nhớ thật rõ là vị thầy Ấn Độ có nói ông sẽ lại đây lúc 10 giờ, thế nên tôi chờ ông tới, chắc dạ rằng ông sẽ không sai lời.

Lát sau tôi nhìn đồng hồ thì đã 10 giờ, vẫn không có gì xảy ra. Năm phút nữa trôi qua và tôi tự nhủ không chừng chuyện hồng bát. Thời khắc trôi đi và tôi càng lúc càng bồn chồn lo lắng, nhưng không muốn tự đi chơi một mình. Khi tôi sắp nhìn đồng hồ nữa thì nghe có tiếng nói nay trở nên quen thuộc ở sau lưng tôi cất lên:

– Anh có nghĩ là tôi làm anh thất vọng không?

Vị thầy Ấn Độ bảo rằng ông đến trễ vì phải giúp một người bạn của ông vừa qua đời hồi sáng. Người này rất sợ chết và tuy đau ốm từ mấy tháng nay, vẫn cố chống chọi tử thần cho đến cùng. Ông giải thích rằng làm vậy chỉ vô ích khi ngày giờ tới, và tuy ông bạn có thể duy trì sức sống trong thể xác thêm được vài tuần bằng ý chí cứng cỏi của mình, cuối cùng thì thần chết vẫn thắng. Căn bệnh mà người này mắc phải từ nhiều tháng qua làm thể xác họ bị yếu tới mức thể sinh lực không sao ở lại trong đó được nữa. Vị thầy nói rằng ông giúp người bạn thải bỏ thể sinh lực, tuy người này muốn giữ nó lại vì nó là cái gần gũi nhất với sự sống cõi trần, là sự sống duy nhất mà người bạn hiểu được.

Làm cho người bạn chịu có ý chí cần thiết để thải bỏ thể sinh lực khỏi thể tình cảm, khi cái trước quán lấy cái sau, mất nhiều thì giờ hơn mọi khi.

– Bạn tôi yên chuyện rồi, ông nói, tôi giao anh bạn cho vài người cứu trợ ở cõi trung giới. Chắc họ muốn ở cạnh bạn tôi cho tới khi nhờ kinh nghiệm rõ ràng anh sẽ học được đôi chút về Luật.

Tôi hỏi kỳ này đi chơi sẽ làm gì, ông đáp chuyện cần là trước tiên tôi nên có kinh nghiệm của việc đi từ cảnh thấp lên cảnh cao. Ông giải thích kỹ với tôi là tuy dùng chữ cảnh cao nhưng chúng không thực sự ở bên trên nhau xếp thành tầng, tầng này chồng lên tầng kia, mà đúng ra là ở quanh chúng ta, chỉ khác nhau ở mức đậm đặc nhiều hay ít.

Ông đề nghị khởi sự chuyển đi từ London nên cả hai chúng tôi vút đi như lần trước. Chẳng mấy chốc chúng tôi bay chậm lại, thấp xuống đất liền và tôi nhận ra gần như trong tích tắc thành phố London rộng lớn nằm dưới kia. Tôi không nhìn rõ những vật mà chúng tôi vút qua trên đường, tôi chỉ phân biệt được giữa đất liền và biển mà thôi, nó làm như chúng tôi xem xi nê về phong cảnh được chiếu rất mau. Tôi không thấy mình phải ráng sức để bay đi và tuy đến nơi gần như chưa đầy một phút sau, chúng tôi không thở hổn hển chi cả.

Như lần trước chúng tôi đáp xuống Hyde Park, tôi được cho hay đây là chỗ tốt nhất để đáp xuống bởi chúng tôi sẽ đi ra Piccadilly Circus, đáp xuống ngay nơi đó để làm tôi kinh hoảng vì xe cộ qua lại như mắc cửi, và cho cảm giác (rất sai lầm) là tôi có thể bị xe cán dẹp. Nếu bị kinh hoảng như vậy thì nỗi hoảng sợ đó truyền về thể xác của tôi đang nằm trên giường ở Colombo, nó sẽ lập tức kêu chủ nhân quay lại nhập xác. Khi trong thể tình cảm vội vã trở về thể xác theo cách đó, tôi sẽ choàng tỉnh với tim đập thình thịch như trống làng và chắc sẽ tin là vừa có ác mộng bị xe cán dẹp lép, với ác mộng này không nhất thiết phải giống chuyện thực đã xảy ra. Nỗi kinh khủng sinh ra do ác mộng tưởng tượng như thế có thể làm tim tôi đánh loạn xạ, vì đó là phản ứng mà lòng sợ hãi thường gây ra cho thể xác.

Xuống tới mặt đất tôi gặp lại khung cảnh quen thuộc mà tôi rất thường nhìn thấy khi xưa. Trời chiều có nắng đẹp với nhiều người đi tản bộ. Trẻ con với mẹ hay bà vú đang chơi đùa như thường lệ, và cách đó không xa cho lắm tôi thấy được dòng xe cộ tuôn chảy không ngừng, xe hơi, xe taxi, xe bus trên đường Park Lane về Piccadilly và Hyde Park.

Tôi đề nghị đi bộ dọc theo đường Oxford, và tuy vỉa hè đông chật người đi sắm hàng trễ nay vội vã ra về cùng nhân viên cửa hàng vừa đóng cửa tan việc, chúng tôi đi không bị cản trở chi. Như lúc trước tôi cảm thấy có sự chạm phớt thoáng qua mỗi lần tôi đi xuyên qua một thể xác, và khó mà không lên tiếng xin lỗi. Vị thầy không thích đám đông, ông lướt trên đầu khách bộ hành khoảng gần hai thước; chẳng mấy chốc tôi cũng làm thế và cả hai chúng tôi đáp xuống đất trở lại ở Piccadilly Circus. Ông hỏi:

– Anh có muốn nhìn lại cảnh lần trước ta đến London, và coi xem anh nhận diện được ai đã gặp trong nhà hàng Trocadero không?

Tôi đồng ý và chúng tôi bước vào. Phòng ăn đầy chật với người ta đợi bạn, với người hầu bàn lảng vảng tới lui lấy đơn gọi món ăn và mang thức ăn ra cho khách. Tôi không thấy ai quen ở đó cũng không thấy bóng dáng của Charles hay Roy Chapman. Tôi tự hỏi anh chàng sau này có chán chường việc gọi những bữa ăn rượu thịt ê hề mà không phải trả tiền, nhưng tôi không lên tiếng. Vị thầy ra dấu gọi và tôi hiểu là ông muốn lên lầu. Tôi đi theo không thắc mắc gì cả, chẳng bao lâu chúng tôi đến một hành lang có nhiều cửa phòng dọc hai bên. Ông vào một phòng hoá ra là phòng ngủ bỏ trống. Tự nhiên là hai chúng tôi lướt qua cửa mà vào không cần chìa khóa.

– Bây giờ, ông nói, ta làm việc đây. Tôi đến phòng này để chúng ta được yên tĩnh, vì tôi muốn anh biết rằng việc đi từ cảnh thấp nhất lên cảnh ít đậm đặc hơn là chuyện rất giản dị, chỉ cần có ý chí một chút là nó diễn ra ngay. Tôi muốn anh nắm lấy tay tôi và có ý muốn làm điều tôi làm. Anh sẽ không cảm biết gì hết nhưng sẽ thấy rằng khung cảnh chung quanh từ từ thay đổi. Tường phòng có vẻ bao bọc chúng ta ở đây sẽ dường như tan biến, bàn ghế anh thấy quanh đây sẽ chậm chạp nhạt nhòa dần biến thành sương khói, trong khi đó anh phải giữ cho trí bình lặng để cái trí của tôi chế ngự anh. Chuyện gì xảy ra cũng đừng sợ hãi vì nếu kinh hoàng thì anh sẽ tỉnh giấc ngay ở Colombo. Nào, anh sẵn sàng chưa?

Tôi đáp rồi và không thấy sợ hãi chi hết mà chỉ thấy hứng thú. Tôi nắm chặt bàn tay của ông và cố hết sức mình để ý chí của ông kiểm soát tôi, tường phòng gần như lập tức hóa mờ đi thành hư ảo, bàn ghế cũng vậy, và kể thì lâu nhưng mọi việc diễn ra rất mau, chúng tôi thấy mình đứng ngoài trời giữa cánh đồng nhỏ, xa xa trông giống như có ngôi làng tiêu biểu của Anh.

– Nào anh hãy nghe đây, ông nói, anh sẽ nghe rất rõ tiếng rì rào từ đằng xa. Đó là âm thanh rộn rịp huyền ảo của thành phố London, anh nghe được vì anh chỉ ở cảnh hay bầu ngay bên trên cảnh vừa rồi mà thôi, cái là phản ảnh của cõi trung giới của London hồng trần mà anh biết rõ. Đây là cảnh thứ hai của cõi trung giới, và anh thấy ngay là nó bớt đi rất nhiều nét vật chất so với cảnh đậm đặc nhất, nơi mà anh bước qua ngay sau khi chết. Ta hãy đi quanh một chút để anh hiểu tôi muốn nói gì.

Chúng tôi cất bước, lại bay nhẹ trên không cách mặt đất chừng một thước cho tới khi tới ngôi làng mà tôi thấy từ xa. Nó rất giống ngôi làng bình thường vì có mấy cửa hàng, hai rạp chiếu bóng, một khách sạn sang trọng thấy quá lớn so với tầm vóc của làng, và ở ngoài bìa làng có ít nhất ba tòa nhà lớn rõ ràng là các nhà thờ. Chung quanh làng và kéo dài ra xa tôi thấy nhiều ngôi nhà tuyệt đẹp. Cái to, cái nhỏ nhưng cái nào cũng có vườn hoa đầy màu sắc bao quanh, trong đó có đủ loại hoa nở rộ.

Tôi thấy cả đàn ông, lẫn đàn bà đang làm vườn, nhưng hiển nhiên họ làm là để vui chứ không vì bắt buộc phải làm. Nhiều giống chó khác nhau chạy tung tăng trong sân cỏ, đi ngang qua đó chúng tôi nghe loáng thoáng tiếng trẻ con. Cái khác biệt giữa nơi đây và nhà tương tự ở cõi trần là không thấy có nhà để xe, tôi để ý là không có xe hơi trên đường. Sự việc được giải thích là không cần có phương tiện di chuyển, vì người ta đi từ nơi này sang nơi kia bằng những cách dễ dàng hơn, tức chỉ cần có ý trong đầu muốn đi đâu thì lập tức họ lướt nhẹ lên không tới nơi muốn đến.

Tôi hỏi tại sao có cửa hàng khi người ta không cần tiền, thì được cho hay là ai cảm thấy hạnh phúc ở chốn này thích sống cảnh giống với đời lý tưởng mà họ luôn tưởng tượng lúc dưới thế. Vị thầy nói:

– Có người dùng tiền, họ tạo ra bằng óc tưởng tượng rồi mua thực phẩm, rồi nấu nướng và cũng ăn như thật tuy tất cả đều là chuyện tưởng tượng, vì họ muốn thế.

Tôi hỏi.

– Nhưng tất nhiên ta không cần có tiệm bán hàng khi chỉ cần nghĩ mình muốn gì là tạo ra ngay trong nhà vật mà ta muốn có?

Ông đáp:

– Những cửa hàng này có là do trí tưởng tượng của dân cư ở đây, không cái nào có thật và người bán trong tiệm cũng không có thật. Một khi dân cư nghĩ chuyện gì nó lập tức biến thành sự vật ở cảnh huyền mộng này. Cửa hàng đều là một phần của óc tưởng tượng cùng với tạp hóa bán trong đó, nhưng bao lâu mà người ta muốn có tiệm gần nhà thì họ có chúng, vì họ tưởng tượng ra chúng.

Ông nói tiếp:

– Nhà thờ cũng vậy. Người ta thích tiếp tục thờ phượng dù rằng sau khi chết, họ có thể khám phá là nhiều chuyện mà giáo sĩ đoan quyết khi xưa, nay không hoàn toàn đúng nữa. Dân cư cõi này tạo ra nhà thờ, chùa miếu và mục sư, linh mục, tăng sĩ đã qua đời tiếp tục làm việc của họ, thu hút tín đồ lại với họ y như lúc ở cõi trần.

“Xi nê cũng rất được ưa chuộng, nhưng trong khi cảnh thứ nhất có biết bao phim kể không hết thì cảnh thứ hai không giống thế. Ở đây rạp chiếu phim không phải là thể vĩa của rạp ở cõi trần, mà là hình tư tưởng của dân cư thường trú nơi đây. Ta luôn luôn có những nhà sản xuất phim đã chết, hay nhà làm phim tài tử, sáng tạo ra phim mới theo óc tưởng tượng của họ, và hình tư tưởng những phim ấy hiện lên màn ảnh cho mọi người cùng xem. Các phim đó hay hơn phim làm ở cõi trần hay ở cảnh thứ nhất cõi trung giới về nhiều mặt, vì với điều kiện ở đây nhà sản xuất có thể cho óc tưởng tượng hoạt động thả dãn. Họ không lo lắng đến chi phí cuốn phim.

“Kịch nghệ cũng rất phổ thông ở cảnh thứ hai, ai thích đóng kịch tài tử thường cùng với diễn viên chuyên nghiệp dựng hết vở kịch này tới vở kịch kia cho bạn bè thân hữu xem, và họ có thể làm vậy thật dễ bởi có được y trang thích hợp, phong cảnh hay dàn nhạc là việc không khó. Chỉ cần tưởng tượng là tạo ra được và không tốn một xu.

“Có người vẫn còn thích sống trong khách sạn. Chắc đó là người luôn luôn cho rằng ở trong khách sạn sang trọng đắt tiền lúc sống họ không thể ở được là chuyện rất tuyệt, nay họ có thể sống trong đó. Ấy là lý do tại sao khách sạn trông quá lớn so với tầm cỡ của làng. Khách sạn như vậy không thể hiện hữu trong ngôi làng bình thường dưới thế, nhưng ở đây nó không cần sinh lời. Người ta ở trong khách sạn và có mọi dịch vụ, chăm sóc chỉ bằng cách tưởng tượng, nên họ được hạnh phúc trong một thời gian.

Tôi hỏi:

– Nhưng chắc rồi sau một lúc mọi chuyện này sẽ hóa nhảm chán chứ?

– Phải rồi, nó sẽ đi tới việc đó, ông đáp, khi ấy con người đi tìm chuyện khác làm họ thoả mãn hơn trong đời như anh sẽ thấy về sau. Vì khi ao ước nào đó mất đi họ có thể

chuyển sang ao ước điều khác và đạt được nó. Nhiều người hoàn toàn hạnh phúc với cảnh sống thiên đàng ở đây, nhất là những ai có đời không may dưới thế. Người như vậy thường dành 90% quãng đời của họ ở cõi trung giới sống trong khung cảnh này, nơi họ có bè bạn, chó mèo, nhà cửa đẹp đẽ với vườn tược làm họ mãn nguyện. Họ chỉ đi sang cõi trí khi chân nhân của họ thúc đẩy kêu đi, vì chân nhân muốn tiến bước trên đường Tiến Hoá.

Vị hướng dẫn nay kêu tôi nắm lấy tay ông lần nữa và muốn như ông, là đi từ cảnh thứ hai sang cảnh thứ ba. Tôi làm y như lời dặn, lập tức khung cảnh chung quanh hai chúng tôi bắt đầu mờ dần và từ từ nhường chỗ cho cảnh mới. Cảnh trí nay khác lạ hẳn, chúng tôi đứng ở khoảng trống ngoài trời làm như có hàng chục cánh rừng thưa bao bọc. Nếu bạn tưởng tượng ra một công viên khổng lồ có cây cao bóng cả khắp nơi, vườn cỏ, gò đất xen lẫn với lùm cây thì nó giống như chỗ này. Dưới trần không có chỗ nào giống như nơi đây, nhưng tôi nghĩ là nếu nhìn từ trên xuống thì có thể trọn cảnh trông giống như rừng Sherwood mênh mông. Những khoảng vườn trống thì to nhỏ thay đổi, rộng từ hơn một mẫu tây (một hectare 10.000m²) cho tới 15 mẫu, rất thơ mộng vì đâu đâu cũng có bụi hoa, và chỗ cỏ mọc xanh rì có hoa thủy tiên với hoa lưu ly lấm tấm nở rộ. Mới thoát nhìn thì không có nhà nào, nhưng về sau tôi thấy mấy toà nhà rất lạ, rất to, trông giống như dinh thự của nhà quý tộc hồi xưa ở Anh.

Chúng tôi lướt đi và tôi thấy ở những khoảng đất trống vừa nói có nhiều nhóm tụ họp. Lại gần một nhóm như thế, tôi thấy có khoảng trăm người đang theo dõi một họa sĩ vẽ tranh trên khung vải, kích thước khoảng 17 m x 10 m. Thấy ngay là họ mê mẩn với hình đang ngấm vì không ai để ý tới việc có hai chúng tôi ghé vào nhóm. Họa sĩ không dùng cọ mà trong tay có một thanh dài giống như cần câu cá, khi ông chỉ thanh này vào những nơi khác nhau trên khung vải thì hình hiện ra, ban đầu đường nét thô sơ rồi chi tiết rõ dần.

Trong lúc vẽ họa sĩ lên tiếng giải thích hình ảnh đang sáng tạo, ông tạo nên thật rõ ràng ấn tượng mà ông muốn người đang đứng xem cảm biết, và có lần ông bôi bỏ một khoảnh của bức họa, một phần của tranh bị xóa mất, và giải thích rằng hình tư tưởng trước của ông chưa có đủ chi tiết để cho ra tác động muốn có. Họa sĩ dường như tập trung tư tưởng nữa, cái thanh vung lên xuống, đi ngang và lập tức một chi tiết mới thành hình, hòa hợp với những phần khác của tranh. Việc vẽ lại này nhấn mạnh ngay điểm mà ông vừa trình bày một phút trước.

Tôi không hiểu về mấy lời mà họa sĩ giảng giải, vì nó dùng danh từ kỹ thuật chỉ có nghệ sĩ trong ngành mới thấu đáo. Nghe nói ông là một trong những nhà danh họa ngày xưa. Vị hướng dẫn cho hay ai là họa sĩ khi qua đời sẽ tiếp tục sáng tác, vì động cơ thúc đẩy họ làm việc lúc sống sẽ tiếp tục sau khi chết. Họ không cần dùng cọ và sơn ở cảnh giới này, vì có thể dùng màu biểu lộ ý mình, chỉ bằng cách phóng ra tư tưởng. Chất liệu mềm dẻo của cõi trung giới đáp ứng ngay với hình tư tưởng, bức tranh hiện ra như có phép thuật khi tư tưởng nảy sinh.

Tuy khung vải xem ra rất lớn so với những bức tranh thấy trong các phòng trưng bày họa phẩm ở cõi trần, nó không kèn càng khó vẽ ở cõi trung giới, bởi chỉ cần tập trung tư tưởng vào một phần của khung vải là hình trong trí họa sĩ hiện ra trên khung. Tôi không sao diễn tả được màu sắc lộng lẫy vẽ nên tranh, vì chúng ta không có chữ để gọi tên bao nhiêu sắc đậm nhạt của màu được dùng. Khi nói rằng tôi thấy ít nhất ba mươi sắc khác nhau của một màu, mà nếu phải tả một sắc nào trong số đó tôi chỉ có một chữ ‘đỏ’ để dùng, thì bạn hiểu là tôi chỉ có thể tả lại rất khiếm khuyết hình mà tôi nhìn ngắm thật rõ ràng ở đây.

Vị thầy Ấn Độ giải thích là nhiều nhà danh họa ngày xưa mà vẫn còn ở cõi trung giới, sống ở bầu này và dùng cả đời để vẽ lên tranh những ý tưởng đầy ắp trong trí họ. Cùng lúc ấy họ chỉ dạy cho ai chịu lắng nghe, quan sát, phương pháp tạo nên hình. Tôi nghe chỉ cần vài giờ là họ tạo được một trong những bức tranh khổng lồ, và chuyện thường thấy là khi họa sĩ xong bức này thì lập tức bắt tay vẽ bức khác. Tôi hỏi.

– Nhưng một khi họa sĩ không còn chú tâm vào khung vải nữa thì hình ảnh trong bức tranh đầu có mờ đi không?

Ông trả lời.

– Không, nó vẫn y như anh thấy lúc này bao lâu còn có ai nhìn vào tranh. Sự việc là khi bức tranh được tạo bằng chất liệu cõi trung giới thì nó ngưng đọng cho mọi người xem, bao lâu còn một tư tưởng trụ vào nó. Khi mọi tư tưởng rút khỏi tranh thì nó hoàn toàn tan rã trở về bầu không khí cõi trung giới và mất hẳn, hay cho tới khi một tư tưởng mới tạo nó trở lại thành bức tranh mới.

Tôi đứng xem cho tới khi tranh hoàn tất, mê mẩn với tài khéo léo của nghệ sĩ sáng tạo và kết quả đạt thành. Khi họa sĩ đi ra xa và trò chuyện với vài người trong đám đông ngồi quanh xem ông vẽ, tôi thấy mấy người khác đích thị là học viên mỹ thuật, bắt đầu vẽ tương tự mô phỏng theo bức họa chính. Tôi vẫn đứng nhìn và thấy ngay sự khác biệt lớn lao giữa tranh của họ và của họa sư. Việc được giải thích là có sự khác biệt một trời một vực như thế vì học viên thiếu hiểu biết so với sự hiểu biết của họa sư. Học viên không thể biểu lộ bằng tư tưởng rõ ràng trong sáng điều họ muốn hiện lên khung vải, thế nên kết quả rất là thiếu sót, vụng dại.

Hiển nhiên khung vải chỉ trưng ra hình mà họ có thể biểu lộ bằng tư tưởng và tôi thấy rất rõ tại sao như thế. Ngay cả trong các phòng triển lãm tranh ở cõi trần, nếu nhìn vào một bức tranh thường khi ta có thể cảm nhận đôi chút về điều mà họ cố gắng công diễn tả. Cảm nhận ấy được nhấn mạnh ngàn lần hơn nơi cõi trung giới, và nhìn vào bức họa tuyệt mỹ này tôi hiểu ngay không có gì nghi ngờ điều họa sĩ muốn thể hiện bằng hình và màu sắc.

Chúng tôi đi khỏi nơi ấy và gặp nhiều nhóm tụ quanh những người làm việc tương tự, nhưng bởi vùng quê này có hơi nhấp nhô lên xuống nên khó mà thấy hai nhóm cùng một lúc. Trong một thung lũng với dòng suối trôi lững lờ, có nhóm ngồi bên bờ suối dường

như không làm gì cả, tuy nhiên khi đến gần tôi thấy nhóm này không nhìn ngấm họa sĩ làm việc, mà đang phát ra âm thanh giống như một hòa tấu khúc đẹp đẽ do một trong những giàn nhạc nổi tiếng của thế giới trình diễn. Chỉ khi đến thật gần nhóm tôi mới nghe được, và khi ấy tôi thấy không khí chung quanh tràn đầy loại âm nhạc tuyệt vời nhất mà tôi chưa từng được nghe. Ở giữa nhóm là một người đàn ông có gương mặt xem ra quen thuộc, nhưng tôi biết là mình chưa hề gặp ông ngoài đời. Tôi hỏi vị hướng dẫn về người này thì ông nói nhỏ:

– Đó là nhà soạn nhạc tài danh Johann Strauss.

Lúc đó nhạc sư đang trưng ra cách diễn tả âm thanh của nước chảy róc rách bằng tiếng nhạc, tôi nhớ ra ông là người soạn bản nhạc ‘Dòng Sông Xanh, Blue Danube’, và tiếng nhạc nơi đây dường như có nhiều âm hưởng của bản valse từng bừng ấy, mà còn tươi vui hơn nữa.

Trong khi đứng sững mê mẩn nghe, tôi thấy bên kia bờ suối có những hình người như sương khói mà về mặt nào đó là một phần của tấu khúc đầy thi vị tôi đã nghe. Vị thầy Ấn Độ bảo tôi quan sát kỹ những người mới này, ông nói:

– Họ thuộc về loài thiên thần, theo đường tiến hóa song song với con người như tôi đã giải thích với anh.

– Nhưng họ đang làm gì vậy? tôi hỏi, và sao thấy họ khác với đám đông ở bờ suối bên này phía chúng ta.

Tôi được dạy là trông họ khác vì quả thực họ dị biệt với loài người. Thể của họ thanh nhẹ, mờ ảo hơn; họ thuộc đường tiến hóa khác nên cơ thể khác với ta, dù làm bằng chất liệu cõi tình cảm nó vẫn ít cô đặc hơn với thể tình cảm của người. Đây là những thiên thần âm nhạc có sự sống của họ thể hiện bằng âm thanh, và họ đang trợ giúp nhà soạn nhạc ngồi bờ suối bên này biểu lộ ý mình đúng như ông muốn. Tôi không thể nói được là họ giúp như thế nào vì họ không hề thốt lời, nhưng có vẻ như thiên thần tập trung vào nhạc sư và qua tư tưởng của họ, cho phép nhạc sư biểu lộ nhiều chi tiết hơn điều ông nỗ lực sáng tạo bằng âm thanh. Âm lượng có đó và mỗi nốt được nghe rõ ràng, nhưng tôi thấy là khi đi ra xa khỏi chừng 50 thước thì không còn nghe gì cả.

Khó mà diễn tả cho dễ hiểu bằng lời các nhân vật thuộc thế giới thiên thần. Hình dạng họ tuyệt đẹp nhưng khi di động thì giống như họ bốc hơi nhòa ra, khi đứng yên như cũ thì hình dạng có đường nét rõ ràng trở lại. Tôi nghĩ cách diễn tả hay nhất là nói rằng thân thể họ giống như sương khói, chỉ tụ thành hình khi thiên thần đứng yên một chút. Chúng tôi đi sang bờ bên kia nhưng khi tiến lại gần thì có vẻ như thiên thần lướt tránh ra xa, tựa như thú vật nhút nhát. Họ không sợ hãi chúng tôi nhưng tuyệt không có ý mời gọi chúng tôi tiếp xúc, và tôi cảm nhận là nếu chúng tôi muốn đến gần họ với ý định trò chuyện (bằng cách nào thì lúc ấy tôi không biết), hẳn họ sẽ biến mất trong không. Vị thầy Ấn Độ nói rằng cảm nghĩ ấy khá đúng.

Ông ra dấu cho tôi theo ông đi tiếp. Chẳng mấy chốc tôi thấy là ông hướng về một trong những toà nhà đồ sộ mà tôi nghĩ như là dinh thự của một trang trại. Tiến đến gần tôi thấy kiến trúc rất thanh tú, có cửa kính mở ra hàng hiên nhìn bao quát vùng đồng quê chung quanh. Sân cỏ rộng từ tòa nhà đứng trên đỉnh đồi chạy thoải dốc xuống, những khóm cây trở hoa bao quanh nhà và nếu nhìn kỹ, ta có thể thấy biển ở ngoài xa cách đây chừng 15 cây số. Chỗ này thật nên thơ, tôi tự hỏi ai sống ở đây và để làm gì. Chúng tôi đáp xuống đất trong sân trước và đi qua cánh cửa rộng vào gian phòng thênh thang, trần thiết giống như tôi nghĩ nhưng với một khác biệt đáng nói, đó là trong phòng có cây nhỏ và bụi hoa, chính yếu là hoa hồng đang nở rộ với rễ mọc xuyên qua sàn nhà. Cảnh vật không có gì là giả tạo mà thật sự ta thấy mình đang đứng ở vườn trong nhà, rất hài hòa đẹp mắt.

Không thấy có ai chung quanh và không có âm thanh nào cho biết là có người, nhưng vị hướng dẫn lập tức đưa tôi vào một cánh cửa thông với gian phòng; khi cửa mở tôi nghe có tiếng nhạc văng đến. Chỉ có một người trong phòng và ông đang dạo nhạc trên cây đại dương cầm, cách thức cho thấy ngay ông chẳng phải là nhạc sĩ tầm thường. Ông không để ý gì đến chúng tôi mà tiếp tục chơi đàn và chúng tôi lắng nghe, mê say với tài nghệ của nhạc sĩ trên cây đàn. Có vài chiếc ghế dựa đầy vẻ mời mọc và chúng tôi ngồi xuống, nghe nhạc sĩ tấu nhạc khoảng hơn một khúc đồng hồ. Sau một lúc tôi thấy bản nhạc tương tự như bản *Prélude* của Chopin, và tôi thì thầm hỏi vị thầy hướng dẫn rằng nhạc sĩ là ai. Ông đáp:

– Anh không nhận ra sao, đó là nhà soạn nhạc nổi tiếng Chopin, ông vẫn tiếp tục dùng âm nhạc để biểu lộ tâm hồn cao cả của mình giống như ông thường làm lúc còn sống. Anh để ý thấy là ông không có vẻ ốm yếu nơi đây, vì hồi còn ở cỗi trần nhạc sĩ bị nhiều bệnh và trong phần lớn kiếp đó ông không phải là người mạnh khỏe. Bây giờ mọi việc đều thay đổi, ở đây không còn sự mệt nhọc quá nhiều ông, và ông sáng tác càng ngày càng nhiều âm nhạc đẹp để mà thỉnh thoảng ông cho các nhạc sĩ khác thưởng thức.

“Ở cảnh này lúc nào cũng có hòa nhạc thế nên dự những buổi ấy không có gì là khó khăn, nếu anh thực sự ưa thích và có thể thưởng thức vẻ mỹ lệ trong thiên nhiên mà nhạc sĩ gắng công diễn tả bằng âm thanh.”

Tôi nhìn chăm chú nhạc sĩ hơn, thấy không có nét nào giống với vị đại nhạc sĩ mà tôi đã xem hình, nhưng chắc ký ức của tôi mơ hồ về những đại nhạc sĩ và có lẽ tôi không nhìn hình họ kỹ cho lắm. Lát sau nhạc sĩ ngưng chơi đàn và quay sang chúng tôi, không tỏ vẻ gì là bị phá rối hay bức bối vì sự hiện diện của hai chúng tôi. Ông cho rằng chúng tôi là người yêu nhạc nên giải thích việc ông đang nỗ lực diễn tả, và tuy ông dùng vài chữ kỹ thuật tôi vẫn hết sức hứng thú với lời ông nói. Nhạc sĩ nhấn mạnh rằng theo ý của ông, mỗi âm thanh là sự diễn tả của hoặc màu sắc hoặc sự chuyển động. Các hợp âm, hòa âm là bức tranh bằng âm thanh của khu vườn diễm lệ, và khi có giai điệu thì người ta phải có thể lập tức ‘cảm’ ngay một dòng suối trôi êm nhẹ, thí dụ giữa hai khu vườn với cây hoa được xếp đặt tuyệt hảo, và ráng thấy bức hình mà nhạc sĩ ra công diễn tả.

Tôi thường tự cho mình có khiếu về âm nhạc, nhưng nhận ra ngay là mình hiểu về nghệ thuật này ít biết chừng nào, và hứa với lòng rằng sau khi qua đời tôi sẽ là một trong những người miệt mài theo đuổi việc học nhạc. Điều không may là ở cuộc sống dưới trần, những đại nhạc sư này trong đa số trường hợp nằm ngoài tầm tay và cơ hội của người bình thường phải đi làm mưu sinh.

Chúng tôi rời y như khi đến không chào hỏi cáo biệt ai, và lúc chúng tôi đi ra thì Chopin quay trở lại dương cầm của ông bắt đầu chơi tiếp. Khi đóng cửa và bước ra hành lang, không còn âm thanh nào vẳng qua cánh cửa. Chỉ có tiếng chim, nhiều loại lông cánh đủ màu bay lượn đó đây không những chỉ trong vườn mà cả trong nhà. Vị thầy nói rằng dinh thự rộng lớn này là một trong những Trường Mỹ Thuật lớn ở cảnh thứ ba cõi tình cảm, và hằng trăm cư dân thường trú nơi đây dành phần lớn thì giờ của họ để học nghệ thuật mà họ đặc biệt ưa chuộng. Tôi nghe là luôn luôn có sẵn lớp chỉ dẫn, vì tất cả những bậc sư trong ngành đều sẵn lòng dạy ai hăng hái muốn học, và cơ hội lúc nào cũng có đó vì không còn ngày hay đêm hay sự mệt nhọc làm bận trí người, nhưng tôi hỏi:

– Tuy nhiên người ta đâu thể học và thực hành sáng trưa chiều tối liên tục, tuần này sang tuần kia, tháng này sang tháng nọ, năm nay rồi năm sau không ngừng nghỉ?

– Có chứ, và như tôi đã nói với anh, họ không thấy mệt hay thấy ngày giờ dài lê thê, trôi qua nặng nhọc khi họ yêu thích và mê say với việc họ làm. Nếu phân tích phản ứng của anh ở cõi trần, anh sẽ thấy thời giờ không hề dài dằng dặc khi anh làm chuyện muốn làm. Thường thường người ta mệt nhọc và phải ngưng lại nhưng ở đây không phải thế, vì không ai biết mệt và cũng vì không có ngày giờ theo như ta hiểu ở cõi trần, anh không phải về nhà ăn cơm, không có vợ con chờ ở nhà và không có trách nhiệm hay bổn phận chi hết. Những giới hạn đó không có ở cõi tình cảm nên con người làm việc hay nghỉ ngơi theo ý họ muốn, không phải bận tâm là có được bao nhiêu thì giờ dành cho chuyện học hay giải trí này.

Rồi vị thầy hướng dẫn bảo ông có chút việc phải làm, nhã nhận xin phép được rời trong một lúc ngắn, ông nói:

– Anh cứ đi chơi nơi nào anh muốn, không ai ngăn trở chi và tôi đề nghị anh thả bộ vào thăm các gian phòng khác nhau, vì tôi có thể bảo đảm là anh sẽ không gặp cấm cản nào. Tòa nhà này rất giống những dinh thự ở nơi đây, đáng bỏ công đi thăm cho biết thêm chuyện gì xảy ra tại các chỗ này. Tôi sẽ trở lại với anh khi xong việc riêng của tôi, và tôi chắc là anh sẽ không thấy chán trong lúc tôi vắng mặt.

Nhìn từ bên ngoài tôi đã thấy tòa nhà cao ít nhất là ba tầng, nên tôi quyết định sẽ đi xem sơ qua một chút như ông đề nghị. Để bắt đầu tôi vào một số phòng ở tầng dưới, trong một phòng tôi thấy có điêu khắc gia và lớp đầy học trò, ông đang giải thích làm sao để tạc một đường cong đặc biệt. Tôi đứng nghe giảng một lát, vài học viên không nói năng gì mà mỉm cười với tôi trong lúc tôi đang nghe, hiển nhiên muốn nói không phản đối gì về sự hiện diện của tôi. Ở phòng khác một ban tứ tấu đang dượt, phòng khác một

nhạc sĩ vĩ cầm chơi tới chơi lui một khúc nhạc với bản nhạc trên giá trước mặt anh. Khung cảnh rất giống như học viện mà tôi thấy ở cõi trần, chỉ có cái khác biệt lớn lao là không có ai hối thúc hay đòi hỏi gì, thấy có đủ mọi ngành nghề thuật, và cũng thấy rất rõ là những người tham dự tuy học tập rất mực chăm chú nhưng tỏ ra thật hân hoan, không căng thẳng chút nào như các sinh viên mà tôi gặp lần chót ở Viện Hoàng Gia Âm Nhạc Anh.

Hồi sau tôi vợ vẫn đi lên lầu và gặp chuyện ngạc nhiên đầy thú vị. Khi mở một cánh cửa (tôi thích thú ghi nhận là ở nơi đây người ta mở cửa chứ không đi xuyên qua nó, giống như đi xuyên qua cửa ở cõi trần) và đi vào trong các phòng của tầng này, tôi thấy một thiếu nữ ngồi trên ghế dựa gần cây đại dương cầm mở nắp. Nàng cầm trên tay một nhạc phổ và đang chăm chú đọc. Lúc tôi bước vào nàng ngẩng lên và tức khắc tôi nhận ra đó là Daphne Hillier, tôi gặp nàng lần chót tại Anh năm 1935 ở một hội quán chơi golf.

Đối thủ của tôi hôm ấy quen thân với nàng, anh giới thiệu chúng tôi với nhau và chẳng bao lâu hai chúng tôi trò chuyện vui vẻ. Tôi gặp nàng nhiều lần trong kỳ nghỉ phép ấy và hai chúng tôi trở nên rất thân thiết với nhau. Mấy lần tôi muốn ngỏ lời cầu hôn vì nghĩ là mình yêu nàng nhưng chẳng biết sao tôi không nói. Phần vì tôi nghĩ mình chưa đủ tài chánh để thành hôn, và tôi cũng muốn lên tới bậc cao nhất trong ngành trước khi cưới vợ.

Tôi quay về Sri Lanka và trong hai năm chúng tôi trao đổi thư từ thường xuyên, rồi chuyện chấm dứt với việc nàng bị sưng phổi và tôi thương tiếc vô cùng khi mẹ nàng viết thư cho hay Daphne đã mất. Tôi đáp lại với thư chia buồn rồi dần dần mất liên lạc với gia đình nàng. Nay Daphne ngồi trước mặt tôi, trông rất sống động và đáng vẻ y như khi tôi gặp lần cuối mà lại có nét tươi vui hơn trước, quả thật trọn gương mặt nàng sáng rỡ hân hoan thư thái, và tôi hãnh diện thầm rằng một phần của niềm vui là do nàng gặp lại tôi.

– Daphne em yêu, có thật em đấy không?

– Vâng, chính em đây, nàng nói. Nhưng anh làm gì ở đây? Theo em biết anh chưa rời cõi trần mà, vậy chuyện gì mang anh tới đây?

Tôi ráng giải thích đôi điều về việc đã xảy ra và tại sao tôi ở đây cho nàng nghe. Nàng bảo rất ngạc nhiên khi gặp tôi, vì dù có nhiều người tiến hóa đi vợ vẫn nơi cõi tình cảm trong lúc cơ thể họ say ngủ để lấy lại sức lực cho hôm sau, nhưng hiếm người còn sống lên tới cảnh thứ ba của cõi trung giới. Trong đa số trường hợp họ không biết cách lên nơi đây, và rất ít người biết có những cảnh khác nhau. Nàng nói tiếp.

– Nhưng anh yêu, bây giờ tới đây thì anh có thể trở lại nữa và đôi ta phải gặp nhau nhiều lần về sau, có nhiều điều em có thể chỉ cho anh. Tuy anh không hề cầu hôn lúc còn sống, nhưng em biết anh yêu quý em và em cũng yêu quý anh.

Khi đó tôi ý thức rằng nàng gọi tôi là ‘Anh yêu, Darling’ thì không có gì lạ cả, vì hồi xưa tôi thường gọi nàng là ‘Em yêu’ và nàng gọi tôi lại tương tự như thế. Tuy đó là chuyện

mấy năm trước nhưng nó trở lại trong chớp mắt và tôi lại cảm thấy bị nàng thu hút, có sự rung động thích thú ở cạnh nàng y như tôi cảm biết trong những ngày tháng xa xưa. Tôi nói:

– Thật tuyệt quá, mà nếu anh không thường gặp em về sau thì chắc chắn không phải tại anh. Không chừng em có thể giúp anh trong việc này vì anh không rõ là tự mình có thể tới đây được hay không, cho dù lần này chuyện xem ra thật dễ dàng nhờ có người hướng dẫn.

Tôi kể cho nàng hay về những nỗ lực của tôi trong thời gian vừa qua, và làm sao ngoại trừ cuộc đi chơi sang cõi tình cảm lần đầu, tôi vẫn chưa thể hồi nhớ mọi chuyện tuy đã cố hết sức.

– Mai sau anh rất muốn nhớ lại chúng ta đã làm gì và nói gì. Không biết anh sẽ làm được chăng.

Tôi vừa nói mấy lời này thì vị thầy Ấn Độ bước vào phòng, ông nói:

– Vậy là hai bạn đã gặp lại nhau, tôi nghĩ chuyện sẽ xảy ra như thế nếu tôi để cho anh có đủ thì giờ, mà anh gặp lại Daphne là chuyện hay lắm, vì cô giúp anh được rất nhiều và do tình thương hai bạn có với nhau, nhiều chuyện khi trước khó khăn nay trở thành khả hữu. Một là anh sẽ có mối liên lạc rõ ràng ở cảnh này, nó là cái anh có thể tập trung tư tưởng ngay vừa khi anh ra khỏi thân xác lúc thiếp ngủ. Việc anh nghĩ đến Daphne sẽ lập tức khiến cô biết vì tư tưởng là vật rất mạnh, và tư tưởng được tập trung không bị vật chất khác nhau của những cảnh ngăn trở, thế nên Daphne – nếu cô cho phép tôi gọi cô như vậy – sẽ biết ngay khi anh chú tâm vào cô, y như thể người ta biết anh muốn nói chuyện với họ khi anh gọi điện thoại.

“Daphne không dễ gì gặp anh khi anh ra khỏi thể xác và ở cảnh thấp nhất hay là cảnh đầu tiên của cõi tình cảm, nhưng cô có thể là trụ liên lạc cho anh đi từ cảnh đó lên cảnh thứ ba nơi anh hiện có mặt, theo cùng cách thức như nắm tay tôi là cái trụ cho anh, khi tôi bảo là anh dùng ý chí đi từ cảnh thấp nhất lên cảnh thứ hai, và sau đó cảnh thứ hai lên thứ ba. Anh sẽ thấy là khi sử dụng ý chí của mình, cộng thêm với việc có người tiếp xúc biết đường đi nước bước thì không có khó khăn chi cả.

Ông nói tiếp:

– Anh thấy chăng, anh chưa biết mấy về luật Karma, cái luật đóng vai trò rất lớn trong việc khiến anh có được tiếp xúc và mang lại cơ hội vô cùng quan trọng cho việc tiến hóa của anh. Luật Karma hay nhân quả quản trị từng lời nói, tư tưởng và hành động của anh ở cõi trần. Việc anh yêu quý Daphne ở nơi ấy và cô đáp trả tình thương này, dù không dẫn tới kết quả là thành hôn như cuộc đời gọi, có nghĩa là hai người có dây kết nối với nhau mà sớm hay muộn cả hai phải giải quyết.

“Có nhiều chuyện đáng nói khi người ta biết yêu, vì khi ở trong tâm trạng ấy hoặc tưởng rằng mình đang yêu, con người muốn cho ra và trong một thời gian ngắn không

muốn đòi hỏi được trả lại cho cái mà họ cho ra. Nói khác đi họ phát ra rung động cao nhất mà họ có thể làm được. Sự cho ra ấy là nguyên do bắt buộc phát sinh hệ quả tức luật Karma tác động một cách tự nhiên. Khi có tình thương chân thật trao đổi giữa hai người thì nó tạo nên sự hợp tác lý tưởng cho việc tiến bộ trong bất cứ chuyện gì, vì mỗi bên chỉ muốn và sẵn sàng giúp người kia bằng bất cứ cách nào, thế nên tôi rất mừng là hai bạn liên lạc được với nhau và xin thú thật là tôi đã mong có việc ấy.

“Tôi không thể chủ ý mang hai bạn lại với nhau, vì làm vậy là can thiệp vào cách luật Karma diễn ra tự nhiên như tôi đã nói. Có lẽ phần số hai bạn là gặp nhau trở lại trong điều kiện khác biệt như vậy, và nay hai bạn tự quyết định sẽ tận dụng ra sao cái lực đã khiến có sự tái ngộ này. Cách Thượng đế và số mạng làm việc thật lạ lùng. Nếu Charles không bị thiệt mạng hẳn anh sẽ không sầu não đến mức tôi được chỉ định tới gặp và giúp anh. Nay nhờ nỗ lực tìm hiểu đôi phần về Cơ Tiến Hóa, anh đã được cho phép gặp trở lại người mà anh tưởng là đã mất luôn, hay mất trong phần đời còn lại của anh ở cõi trần.

“Tôi không thể bảo đảm là mỗi lần hai chúng ta sang cõi tình cảm, sáng ngày hôm sau anh sẽ luôn luôn nhớ lại hết mọi kinh nghiệm, vì việc phát triển ký ức trọn vẹn để ghi nhận tất cả những gì anh làm trong lúc rời thể xác, đòi hỏi rất nhiều thực tập mà lúc này anh chỉ mới là học viên rất trẻ. Tôi sẽ giúp anh nhớ lại điều anh thấy tối nay, và khi ghi lại chuyện gì xảy ra trong đêm, anh sẽ ý thức việc não bộ nhớ lại kết quả của cuộc du hành là quan trọng tới bậc nào. Có thể anh sẽ gắng công hơn trong tương lai, nó sẽ dần dần cho phép anh có được tâm thức liên tục là điều thiết yếu.

“Việc anh tìm được ở cõi tình cảm người mà anh yêu quý ở cõi trần, sẽ khuyến khích anh cố gắng tận lực để vượt qua giới hạn của anh. Daphne cũng có thể giúp anh nhiều lắm, vì đã sống ở nơi đây vài năm cô biết quyền lực của tư tưởng, cô cũng biết chuyện gì có thể làm ở cõi tình cảm và chuyện gì không thể làm. Nếu tiếp tục gắng sức nhớ lại việc anh làm khi rời khỏi thân xác lúc ngủ, anh sẽ có thể có cuộc sống thứ hai, cảnh đời mà anh chỉ sống được khi thể xác say ngủ.”

Khi ấy Daphne quay sang vị thầy của tôi và nói.

– Nhưng Acharya, thầy nói tôi có thể giúp ích nhiều cho Henry, tuy nhiên sao tôi không thể tiếp xúc với anh trước đó? Tôi đã ráng hết sức sau khi lên tới cảnh này, dầu vậy trong những ngày đầu khi mới lên cảnh thứ nhất của cõi tình cảm, tôi vẫn không thể gây ấn tượng gì cho anh ấy cả.

Trước khi ông có thể đáp, tôi ngắt lời và hỏi.

– Hai vị nghe đây, hai vị có biết nhau à? Em gọi thầy là Acharya mà thầy chưa hề cho tôi biết tên của thầy, dù tôi đã gặp thầy nhiều lần trong mấy ngày qua. Tên thầy là Acharya ư?

– Phải và không phải. Vị thầy Ấn Độ trả lời. Nó quả là một phần của tên tôi, và ai tiếp xúc với tôi ở cảnh này hay gọi tôi như vậy. Tên đó dùng được cho chuyện của chúng ta

vậy anh gọi tôi như thế nếu muốn nhưng về sau anh sẽ thấy rằng tên, hay ít nhất, họ của chúng ta trong đời không quan trọng chút nào. Cô Daphne không thể tiếp xúc với Henry – anh có để ý rằng đây là lần đầu tiên tôi gọi tên anh? – là vì Henry khi ấy chưa thức tỉnh theo nghĩa tinh thần, do đó anh không nhớ lại chuyện gì đã làm khi xuất ra khỏi thân xác, ngoài những giấc mơ không đầu đuôi, nửa chừng lộn xộn chẳng có nghĩa lý. Thế nên lần sau khi ra khỏi thân xác anh không có kế hoạch để định trí là mình muốn làm gì.

“Cô có nói chuyện với anh, tôi biết, nhưng như cô nói anh không có vẻ thích thú như khi nói chuyện ở cõi trần; khi cô nghĩ là anh sẽ nhớ lại những gì cô nói trong mấy đêm trước, anh lại tỏ ra mơ mơ màng màng không hứng thú. Ấy là vì anh chưa thức tỉnh, cần phải có một thử thách lớn lao như việc người em yêu quý của anh là Charles qua đời, mới làm anh quyết tâm đi tìm sự sáng, muốn có hiểu biết tinh thần. Cần phải có một khủng hoảng để nhờ vậy sinh ra ý muốn được giác ngộ, và cái gì mà con người muốn thì họ có thể đạt được miễn là họ sẵn lòng và hăng hái tìm kiếm. Đức Chúa có nói:

Hãy gõ, cửa sẽ mở, và

Hãy tìm, sẽ gặp.

“Những lời ấy đúng từng chữ một. Nhưng chúng ta phải tiếp tục việc làm tối nay, còn có nhiều việc tôi muốn chỉ cho anh trước giờ anh phải quay về thể xác. Cô Daphne có muốn đi với chúng tôi?”

Daphne nói.

– Vâng, tôi rất muốn vì tôi biết với sự hiểu biết và giúp đỡ của thầy, tôi có thể đến những chỗ mà tôi chưa đủ sức tới theo sự hiểu biết giới hạn của tôi.

– Trước hết hãy xem giờ, Acharya bảo tôi, coi là anh đã rời xác bao lâu.

Tôi nhìn đồng hồ tay, thấy mặt kính đồng hồ hóa mờ mịt thật lạ lùng. Tôi ráng nghĩ xem bây giờ là mấy giờ, mỗi lần tôi đoán thì kim đồng hồ thay đổi hợp với ý nghĩ của tôi. Tôi đáp:

– Chịu thôi, tôi không biết, vì đồng hồ có vẻ như thay đổi giờ theo tư tưởng phát ra trong đầu tôi.

Acharya nói tiếp:

– Đúng lắm, vì anh thấy không anh đang nhìn không phải vào thể tình cảm của một cái đồng hồ, mà là cái đồng hồ anh tưởng mình có trên cổ tay. Anh thường đeo đồng hồ nên anh tự động đưa tay lên mỗi lần muốn biết giờ, sự việc anh tin là có đồng hồ ở cổ tay làm cho một cái đồng hồ hiện ra trên cổ tay, bởi đây là cõi ảo tưởng và điều gì anh nghĩ hiện giờ thì cho phút này thôi. Bây giờ quý vị chờ ở đây để tôi đi xem giờ cho chắc, vì chúng ta chỉ muốn biết giờ ở nơi thể xác anh đang ngủ và khi nào thì anh phải trở về với nó. Ta không cần quan tâm đến giờ khắc ở những nơi khác trong trường hợp này.

Nói xong làm như ông biến mất hút trong không. Tôi chưa kịp hết ngạc nhiên thì thầy đã trở lại đứng cạnh tôi. Ông tiếp:

– Tôi quay về thể xác của anh đang ngủ trong phòng ở Colombo, thấy đồng hồ trên tay anh chỉ 11:30.

– Như vậy là đồng hồ tôi đứng rồi, tôi nói. Có vẻ như chúng ta ở cõi trung giới đã mấy tiếng đồng hồ rồi chứ không phải chỉ mới một tiếng rưỡi.

Acharya giải thích:

– Anh sẽ mau lẹ khám phá là thì giờ ở cõi tình cảm khác với cái anh quen thuộc ở cõi trần. Quả đúng là chỉ mới một giờ rưỡi trôi qua khi anh ra khỏi xác và chúng ta bắt đầu cuộc du hành này. Anh sẽ hiểu thêm về sau điều tôi nói đây, khi ngày mai anh viết lại kinh nghiệm này và ý thức mình đã làm được gì chỉ trong một giờ rưỡi ở cõi trần. Hẳn anh đã có kinh nghiệm sau, nơi cõi trần khi anh thức dậy buổi sáng và thấy mới 6 giờ, anh biết mình có thể ngủ thêm một tiếng nữa. Anh lăn qua bên ngủ tiếp và mơ một giấc mơ dài nhiều tình tiết tưởng như dài trọn một ngày. Rồi choàng tỉnh và đồng hồ chỉ là anh mới ngủ có hai mươi phút. Điều tôi vừa kể với anh là sự thực ở cõi trung giới, anh cần nhớ rằng thời gian không có ở đây.

Chúng tôi rời phòng tập của Daphne đi trở ra hành lang, lướt xuống cầu thang vào tiền sảnh và ra vườn. Không thấy có ai chung quanh tuy chúng tôi đi ngang qua một người đang đi vào học viện để tiếp tục việc học của mình, bởi thấy anh kẹp nách một cái hộp giống như hộp đựng cây sáo. Anh cười khi chúng tôi đi ngang qua tuy không nói chi.

Acharya bảo muốn đưa chúng tôi đến nghe một buổi hoà nhạc đặc biệt mà thiên thần sẽ tấu sâu trong rừng, ở nơi hẻo lánh của cõi trung giới chỗ con người ít khi đến. Ông bảo đã được phép cho tôi và ông tới rồi và tin rằng không có gì trở ngại với Daphne đi theo, nhất là khi nàng dành phần lớn thời gian ở cõi trung giới để học nhạc. Ông giải thích là buổi hòa nhạc này sẽ khác hẳn với tất cả những gì chúng tôi đã nghe trước đó, vì nó không phải chỉ nhắm tới việc tạo ra âm nhạc tuyệt vời mà có mục tiêu đặc biệt là sinh ra xoáy lực, có thể dùng để ảnh hưởng một hội nghị đặc biệt quan trọng đang diễn ra ở cõi trần lúc bấy giờ.

Ông không nói đó là hội nghị gì nhưng hàm ý nó có liên quan đến cuộc chiến, và quyết định đạt tới trong hội nghị sẽ có ảnh hưởng đến kết quả sau này của thế chiến, cũng như thời điểm mà một khi thế giới ngưng chiến và quyết định dàn xếp những dị biệt của mình, bằng sự thương thảo thay vì bằng súng đạn. Ông giải thích rằng lực như vậy có thể tạo ra theo hai cách, một là tập trung tư tưởng mãnh liệt và hai là qua âm thanh. Sự hòa lẫn các hợp âm sinh ra do việc mỗi cá nhân đóng vai trò của mình trong buổi hòa tấu, tập trung rất mực vào mục tiêu muốn đạt tới, sinh ra một xoáy lực mà khi tư tưởng chuyển đi tới địa điểm của hội nghị, sẽ thực sự chi phối người tham dự cuộc họp đó.

Thí dụ ông đưa ra là thử xem một nhóm người mà ai nấy cũng bức bối cáu kỉnh, có người giận dữ và ai cũng bị căng thẳng ít nhiều. Trước khi khai mạc cuộc họp như vậy người chủ tịch dàn xếp cho mọi người có trà nước, cùng lúc ông xem chắc là ai cũng có ghế ngồi thoải mái, nhiệt độ trong phòng dễ chịu. Khi buổi họp mở đầu thì người chủ tịch có thể kể một câu chuyện vui, có trà nước lần nữa rồi những chi tiết quan trọng của nghị trình được thảo luận. Kết quả là sao? Tham dự viên chỉ mới vài phút trước cau có sẵn sàng bất đồng ý với nhau, sẽ nảy sinh tình liên đới khiến có thể có cuộc thảo luận hợp lý và công việc của người chủ tịch hóa dễ dàng hơn. Cũng vậy mà ở mức độ lớn hơn, lực sinh ra do gắng sức của thiên thần tối nay, có thể được dùng để ảnh hưởng nhóm người mà thể lực mạnh mẽ của họ có thể chi phối vận mạng của hàng triệu sinh linh. Điều gì họ quyết định sẽ thực sự ảnh hưởng nhân loại trong tương lai, nên nỗ lực của thiên thần chắc chắn đáng công sức.

Không bàn thảo gì thêm chúng tôi cất bước lên đường, lướt trên mặt đất chừng năm thước và đi với tốc độ khoảng 80km/giờ. Chỗ này của cõi trung giới xem ra không có người ở, tôi không nhớ khi lướt đi bọn tôi có gặp ai hay nhóm người nào. Tôi để ý là vùng quê nơi đây thật diễm lệ, thỉnh thoảng chúng tôi bay ngang qua những tòa nhà gần hay xa có vẻ giống như Học Viện mà chúng tôi vừa rời vài khoảnh khắc trước. Chỗ nào cũng có hoa nở rộ và nhiều cây mọc khắp nơi. Rải rác đó đây tôi thấy có những khoảng rừng rậm giữa đồng quê, nhưng chúng tôi đi quá mau nên không ghi nhận được gì đặc biệt về mấy cánh rừng này. Tôi nghĩ là Acharya nói nhiều nhất, mô tả vùng mà chúng tôi đi ngang qua, nhưng trí tôi đầy hình ảnh lạ lùng của cuộc du hành lần sự mong chờ chuyện sắp tới, nên tôi không thể nhớ điều gì đặc biệt để ghi lại.

Sau khi đi chừng một khắc, tôi thấy phía trước có khoảng giống như khu rừng dày, và nhớ là Acharya đưa tay chỉ mốc đất này khi chúng tôi đến gần lúc cuối chuyến đi, nhưng chúng tôi không hạ xuống ở đầu cánh rừng mà vẫn lướt bên trên ngọn cây khoảng vài thước một quãng chừng 8 cây số, rồi với vận tốc chậm lại như đi bộ Acharya dẫn chúng tôi đi xuyên qua một khoảng trống giữa mấy cây, và tôi thấy một cánh đồng cỏ xinh đẹp trống trải, hình tròn đường kính khoảng 50 thước.

Khi chúng tôi hạ xuống đất, không có dấu hiệu nào cho thấy có sinh hoạt gì, mà tôi cũng không thấy ai hay thấy vật chi di động trong khoảng đất trống trước mặt. Chúng tôi được dẫn tới một cây cỏ thụ, rồi nó làm chỗ ngồi hết sức thoải mái và được dọn ngồi yên lặng. Có lẽ cũng nên nói tới cảm tưởng của tôi về ánh sáng ở đồng cỏ này. Nơi đây có cây mọc dày bao bọc chung quanh giống như rừng già ở Ấn Độ, ngọn cây đâm nhánh nên khoảng trống trên đầu ngọn cây hẹp hơn rất nhiều, so với khoảnh đất trống ở dưới mà chúng tôi ngồi ngoài bìa.

Như đã nói, ở cõi tình cảm ánh sáng có màu xám xanh, trong trẻo hơn ánh sáng trắng rằm tuyệt mỹ, nhưng nó không chói hay có ảnh hưởng trực tiếp như ánh nắng mặt trời. Hãy thử tưởng tượng vùng đất trống này được chiếu sáng tròn vẹn, nếu có con thỏ chạy ngang qua vòng tròn trống thì ai cũng thấy cho tới khi nó mất tăm vào rừng dày. Thế nên

chúng tôi nhìn thấy hết mọi việc xảy ra nơi đây, và cùng lúc có rừng rậm vây quanh mà không có hay có rất ít ánh sáng lọt qua được.

Ngồi chừng vài phút tôi để ý thấy một nhóm người thấp bé như các chú lùn, từ trong rừng títt đầu mé trái của tôi đi ra, họ ngồi xếp bằng theo hình bán nguyệt. Tôi nhớ là có khoảng mười người và mỗi người cầm theo một nhạc khí nửa như cái trống tròn, nửa như cái trống cơm. Họ mặc bộ quần áo màu nâu, giày nhỏ, mũ bằng vải màu xanh lục sáng hơn lá cây, diện mạo họ giống như của người dân ông trung niên, trong khoảng từ 40 đến 70 tuổi xét theo tiêu chuẩn cõi trần. Ai đã xem phim “Bạch Tuyết và Bảy Chú Lùn” của Walt Disney sẽ có ý niệm rõ rệt về hình dạng của những chú lùn này. Họ không nói mà cũng không phát ra âm thanh nào.

Một lát sau có nhóm người cao hơn từ rừng đi ra gồm cả nam lẫn nữ, thuộc loại khác hẳn. Họ giống người nhưng bề ngoài thực là thanh nhẹ. Người nữ là các cô gái tuổi từ 18 đến 25 đều có tóc dài, hoặc buông lơi hoặc cột lại với dải băng màu xanh dương hay xanh lục. Cả nam lẫn nữ đều tuyệt đối yên lặng, nhóm này có tổng cộng khoảng 35 người, và họ cũng mang theo vật thấy ngay là nhạc khí nhưng có khác chút ít với vĩ cầm, trung hồ cầm (cello), hắc tiêu (clarinet) và sáo mà ta thấy trong một dàn nhạc tây phương. Họ không ngồi xuống, mà xếp sao cho ai có cùng nhạc cụ thì ít nhiều tụ chung với nhau, và tất cả xếp thành một nhóm sát vào nhau, đứng cách nhóm đầu tiên là các chú lùn chừng 20 thước.

Nghe như không có tiếng gió nào vậy mà cảnh trên đầu của những cây cổ thụ đong đưa rất nhẹ. Một sự yên lặng lạ kỳ tràn ngập khoảng hai phút rồi cùng một lúc những chú lùn khởi sự chơi trống. Gần như đồng loạt họ bắt đầu hát bằng giọng thật trầm, hòa vào tiếng nhạc nền là tiếng trống mà không làm mất đi nét đẹp của những nốt từ miệng họ phát ra. Hiển nhiên đây là một chú ngữ huyền bí hay mantra, ta thấy rõ họ đang cố gắng tạo một lực tuôn tràn thấm nhuần trong không khí. Sau khoảng năm hay sáu câu xướng lên thì nhóm thứ hai hay dàn nhạc chính bắt đầu chơi.

Không làm sao tả hết nét mỹ lệ của nhạc được tấu, nó hòa hợp hết sức tuyệt vời vào chú ngữ đang xướng lên và tiếng trống nhẹ. Âm thanh không lớn lắm nhưng nó làm say mê tâm hồn do nét thanh khiết và diễm lệ của nhạc. Bài đang chơi là một bản hòa tấu, vì nó có những hành âm riêng rẽ và khác biệt với nhau, với chủ đề thỉnh thoảng được nhắc lại.

Hai hành âm trọn vẹn được tấu xong và khi dàn nhạc chơi hành âm thứ ba được nửa chừng, bất thình lình có âm nghe như giọng người mà đẹp đẽ kỳ lạ vang lên trong không. Có vẻ như nó phát từ trên cao nên tôi lập tức ngó lên, mới đầu tôi không thấy gì và không thấy ai, một lát sau Acharya kêu tôi nhìn về một cây ngoài xa phía đối diện của cánh đồng, và tôi thấy títt trên ngọn có người giống như một thiếu nữ trẻ hết sức kiều diễm, ngồi trên cành lá với tóc xỏa sau lưng, đơn ca trong buổi hòa tấu tuyệt diệu. Cô có giọng kim thuần túy, tiếng hát không lớn nhưng nét trong trẻo của mỗi nốt cất lên làm tim tôi thổn thức tới nỗi muốn bật khóc.

Bài hát kéo dài chừng mười phút, ban nhạc chơi vài trường canh rồi cô gái hát một mình không có nhạc đệm, sau đó chuyển qua lối thường là hát với dàn nhạc phụ họa, tăng dần sức mạnh mà dàn nhạc hòa theo. Hành âm thứ tư có vẻ là thể hiện tinh thần của ba hành âm trước đó và trọn ban nhạc kết thúc buổi trình diễn. Bản hòa tấu tản dần trong không, và đột nhiên ta nhận thấy sự tĩnh lặng rất đối chú ý lúc ban đầu nay lại bao trùm lẫn nữa. Tôi nhìn lên ngọn cây nơi cô ca sĩ ngồi trước đó thì không thấy cô đâu, nhóm gồm ban nhạc và những chú lùn vẫn ở vị trí của mình nhưng nay các nhạc sĩ ngồi trên mặt đất.

Có một ông lão thật già bước ra khỏi khu rừng, ông có chòm râu dài phát phơ và trên người ông là một bộ lễ phục. Ông bước chậm rãi từ tốn vào giữa cánh đồng, giơ tay lên trong dáng điệu cầu khẩn thần linh, khởi sự cái giống như lời triệu thỉnh vì hai nhóm nhạc sĩ cúi đầu và lắng nghe tiếng ông thốt ra. Tôi không hiểu chữ nào trong lời của ông nhưng tôi biết đó là kinh cầu, xin cho công việc vừa hoàn tất được thành công. Đó là một nỗ lực bằng ý chí vì mỗi thành viên của cả hai nhóm đều tập trung tư tưởng tối đa, mong cho mục đích được thành tựu. Sự việc chấm dứt đột ngột và lão ông nhẹ nhàng khuất dạng vào rừng già, rồi nhóm nhạc sĩ đang ngồi nay đứng dậy, đi ra ngoài cánh đồng, biến mất khỏi tầm nhìn của chúng tôi. Tôi bị mê mẩn tốt độ với bài đã nghe tới mức không muốn nhúc nhích, và lời nói của Acharya làm tôi giật nẩy mình:

– Nào, đêm nay có bấy nhiêu. Tôi rất muốn biết sáng mai anh sẽ nhớ được bao nhiêu chi tiết.

Tôi vẫn còn như người trong mộng khi chúng tôi đứng dậy, lướt qua khoảng trống giữa những cây, bắt đầu con đường trở về. Acharya cho chúng tôi một vài ý niệm về mục đích của nghi lễ vừa được chứng kiến, nhưng tôi không hiểu rõ cho lắm lời ông nói, vì trí não tôi vẫn còn quay mòng mòng, và tôi nghĩ mãi về ảnh hưởng tinh thần tuyệt diệu có vẻ như là một phần nổi bật của buổi hoà nhạc từ đầu tới cuối.

Tôi nhớ là ông mô tả những nhạc sĩ khác nhau, ông nói các chú lùn là tinh linh còn ban nhạc gồm nhân vật thuộc thế giới thiên thần, là đường tiến hóa song song với loài người. Những thiên thần này có mức phát triển theo đường của họ, tương đương như Daphne và tôi có mức phát triển trong thế giới nhân loại. Nhân vật đơn ca thuộc hạng khác hẳn vì cô là một thiên thần tiến rất cao trong loài ấy, tương đương với một người hết sức tiến bộ theo đường tiến hóa của chúng ta. Lão ông có thể mô tả như một giáo sĩ, vì ông chuyên về phần việc tế tự trong đường tiến hóa của chư thiên, theo cách thức rất giống như nghi lễ của loài người.

Thời khắc trôi qua và chúng tôi về đến Học Viện, ngừng trên sân cỏ ngay trước cổng vào, vì Acharya nói là tôi cần in trong trí hình ảnh rõ ràng của tòa nhà này cho những dịp về sau. Tôi hỏi Daphne làm sao có thể tìm lại nàng lần nữa, với giả dụ là tôi có thể tự mình đến được tòa nhà này. Acharya trả lời thay cho nàng, bảo tôi có thể tin chắc là tìm được Daphne trong cùng gian phòng mà nàng đã ngồi khi tôi mới gặp lần đầu vì cõi tình cảm không bị đông người chật chỗ nên đa số có thể giữ một nơi làm việc riêng biệt cho

minh. Tuy nhiên ông đề nghị là Daphne nên chỉ cho tôi căn nhà nhỏ nơi nàng đang sống. Daphne sung sướng với đề nghị này và kêu chúng tôi đến xem.

Nàng dẫn đường bằng cách lướt lên trên mái của Học Viện, và tôi kinh ngạc thấy một hình ảnh giống như ngôi làng nhỏ, nép mình trong thung lũng cách phần sau của dinh thự rộng lớn chừng một cây số. Các ngôi nhà nhỏ nằm rải ra nên mỗi căn có ít nhất một mẫu ta đất (400m²). Thấy rõ là chủ mỗi căn nhà chẳng những vẽ kiểu lấy nhà của mình mà luôn cả khu vườn, theo tâm tính riêng và sở thích cá nhân, cho ra kết quả xinh đẹp bội phần. Có những ngôi nhà trông như từ các vùng thơ mộng miền quê của Anh được mang tới, ngôi khác làm nhớ lại những biệt thự nhỏ ở miền nam nước Pháp, cái khác nữa thì thuần kiểu Ý trong khi tôi để ý có ít nhất hai ngôi nhà xây giống đền thờ phượng Đông. Acharya quan sát thấy tôi chú tâm đến những kiểu kiến trúc khác nhau, nên chỉ cho xem hai ngôi nhà có mái vòm tương tự như đền thờ Hồi giáo mà tôi đã thấy, ông nói chủ nhân của chúng đặc biệt muốn có phòng với âm vang hoàn hảo.

Tuy muốn có giờ để nhìn lâu cảnh trí hết sức thanh tú này, tôi cảm nhận rằng Daphne nóng lòng muốn chỉ nhà riêng của nàng cho chúng tôi xem nên với Daphne dẫn đường đi trước, chúng tôi đi bộ dọc theo con đường làng khoảng 200 thước. Nàng đưa chúng tôi qua cánh cổng vào vườn có hoa nở muôn hồng nghìn tía thật rực rỡ. Ngôi nhà tự nó chỉ có thể tả là ngôi nhà trong mơ, kiểu nhà lập tức làm tôi ưa thích ngay. Trước hàng hiên là một hàng cỏ nhỏ, ở giữa có cây cho bóng mát, vài chiếc ghế mây đặt dưới tàng lá xòe quanh, trông thật thoải mái và tươi mát với gối êm bọc màu sáng. Tôi ý thức ngay lợi điểm của cõi tình cảm, ấy là ta không sợ trời mưa hay ăn trộm nên bàn ghế có thể đặt ngoài sân vô hạn kỳ.

Chúng tôi đi vào nhà và Daphne chỉ cho xem trước tiên căn phòng rộng nhất trong bốn phòng của ngôi nhà. Nó được trang trí làm phòng khách với ghế bọc nệm, ghế dựa, bàn đó đây, mấy cái ghế nhỏ và một cây dương cầm nhỏ trong góc. Không có vẻ gì là khoe khoang nhưng rõ ràng là chủ nhân bày biện hoàn toàn theo ý của mình, điều hiếm khi bất khả trong thế giới của chúng ta do giá tiền của những món mà ta muốn có. Ở đây không bị giới hạn như vậy và nhìn căn phòng, nó muốn nói chủ nhân có khiếu thẩm mỹ mà không có ý phô diễn dưới bất cứ hình thức nào. Có nhiều cửa sổ lớn chiếm gần hết chiều dài của phòng khách, ánh sáng trong trẻo ở cõi tình cảm chiếu xuyên qua đó, làm nổi bật màu sắc hòa hợp thanh nhã của khăn trải phủ mấy cái ghế và ghế dài, cũng như màu sắc của chiếc thảm Ba Tư rất ăn ý với vải bọc ghế, bọc nệm và màn cửa.

Tôi thấy ngay ở cảnh này rất dễ có được sự toàn hảo nếu người ta biết phải làm gì. Nơi cõi trần ta phải mất nhiều năm mà có thể vẫn không tìm được tấm thảm Ba Tư hòa hợp tuyệt diệu với màu sắc dùng để trang trí căn phòng. Tường có màu ngà và để trần, chỉ có một hai bức họa màu nước lý thú và vài bức tranh khảm (etchings). Đây là gian phòng làm người ta muốn vào ngồi, nó trông như nhà ở chứ không phải là gian phòng được trưng bày để phô diễn. Chỉ bước vào mấy gian phòng là bạn biết ngay chủ nhân

thuộc loại người nào, và tôi có thể hiểu được tại sao Daphne muốn dẫn chúng tôi đến xem nhà của cô.

Gian phòng rộng thứ nhì được trần thiết làm phòng ngủ đầy nữ tính, có chiếc divan ở một góc và những bàn ghế khác mà người ta thường thấy trong căn phòng trang hoàng đầy đủ loại này. Tôi ngạc nhiên là tại sao lại cần phòng ngủ ở cõi tình cảm, nơi mà đời sống hằng ngày không cần phải ngủ. Dầu vậy Daphne giải thích bằng cách hỏi tôi rằng không phải có những lúc tôi muốn ngồi dựa lưng, hoặc chỉ để nghỉ ngơi hoặc đọc sách hay sao. Tôi phải nhìn nhận rằng có, và Daphne bảo tôi nàng trải qua nhiều giờ khác hạnh phúc trong lúc ngồi xả hơi trên divan, suy nghĩ, đọc sách và vẽ ra kế hoạch cho tương lai.

Hai phòng còn lại là phòng đọc sách và bếp. Thư viện được trần thiết đầy vẻ mỹ thuật và cho cảm tưởng thoải mái như hai phòng kia, kệ đầy sách đóng bằng da của Nga đặt kín hai bề của gian phòng. Chỉ bề ngoài của sách là đủ mời gọi ta ngồi xuống mở ra đọc. Bếp có đủ mọi tiện nghi hiện đại và dù tôi tưởng là căn bếp không cần ở cảnh này, Daphne bảo nàng vẫn thích làm bánh cho các buổi tiệc. Acharya nhận xét thêm là con người bỏ thói quen rất chậm, và thường phải mấy chục năm trôi qua trong cảnh sống ở cõi trung giới mới làm người ta mất hẳn, và quên hoàn toàn những thói quen đó. Tôi muốn ở lại lâu hơn nhưng có thể thấy là Acharya nghĩ đã tới giờ về. Tôi ngỏ ước muốn chót là được dành vài phút ngoài sân. Thật vui thích được đi thơ thẩn giữa những luống hoa, ngửi hương của từng bông hoa đặc biệt và thấy rằng hoa nào cũng có hương giống như ở cõi trần, nhưng có lẽ nồng đậm hơn. Acharya giải thích điểm này là tôi chỉ có thể nhận ra được hương hoa nếu biết trước nó là gì, lấy thí dụ nếu có bông hoa mà tôi chưa từng thấy và mùi hương xa lạ với tôi, tôi chỉ ngửi được hương mà tôi tưởng tượng là nó có xét theo hình dạng bề ngoài của hoa, trong khi mùi hương thực sự có thể khác xa với cái tôi tưởng tượng.

Daphne đưa chúng tôi ra cửa và chúng tôi chào từ giã nàng. Tôi đoán chắc với nàng là thể nào tôi cũng trở lại thăm lần nữa nếu tìm được đường lên. Chúng tôi lướt trên không băng qua mái của Học Viện, đáp xuống đất lần nữa ở chân đồi mà toà nhà tọa lạc trên đỉnh, Acharya nhắc tôi ghi nhớ hình dạng dinh thự vào trí tưởng tượng của mình, để tôi có thể tạo ra một hình tư tưởng đúng y về nó mỗi lần muốn đến nơi đây. Tôi làm theo như ông dặn. Xong Acharya bảo là đã tới giờ trở về thể xác của tôi ở Sri Lanka, và cách thức quay về thì y hệt như cách chúng tôi dùng khi đến cảnh này của cõi trung giới. Ông bảo tôi đừng lo lắng chi mà chỉ dùng sức mạnh ý chí, cố gắng tạo hình tư tưởng của vườn cỏ bên ngoài căn nhà của tôi ở Colombo. Ông nắm lấy tay tôi như đã làm trước đó, nhưng nói đó chỉ là để cho tôi tự tin hơn và thật ra không cần thiết chút nào.

Tôi bắt đầu tập trung tư tưởng với hết sức mình và khi làm vậy, tôi để ý là cảnh chung quanh lập tức mờ nhạt dần và tuy thực tế là không có sức gió cản đáng kể, tôi có cảm tưởng là mình đang di chuyển trong không gian. Theo bản năng tôi nhắm mắt và có lẽ vài giây sau cảm giác di động dường như ngưng lại. Mở mắt ra tôi thấy Acharya đứng

cạnh tôi trên sân cỏ bên ngoài nhà ở Colombo, mỉm cười với sự ngạc nhiên thấy rõ của tôi. Hai chúng tôi lập tức đi vào nhà qua cánh cửa khóa, lên cầu thang và xuyên qua cửa phòng ngủ, tôi không còn ngạc nhiên là không cánh cửa nào cho ra chút cản trở.

Lẽ tự nhiên thể xác mà tôi để lại mấy giờ trước đó vẫn còn nằm say ngủ trên giường, nhưng có vẻ như nó lộ ra vài dấu hiệu nhỏ không yên. Acharya giải thích đó là phản ứng tự nhiên của cơ thể khi sắp tới giờ thức giấc. Ông nói chỉ vài phút ngắn thôi là tôi sẽ dậy, và nhấn mạnh chuyện cần thiết là tôi phải ngồi xuống ghi lại tức thì những chi tiết của việc xảy ra trong đêm vừa rồi. Ông đặt tay lên trên đỉnh đầu của tôi và làm như định tằm vào những tế bào não để chúng giúp tôi nhớ lại. Tôi không nhớ là mình có chào Acharya và có thấy ông rời khỏi phòng hay không, vì chỉ trong vài giây tôi cảm nhận một thôi thúc rất mạnh trong lòng muốn trở về thân xác, và với cử động trườn người đã để ý trong một dịp trước, tôi chuôi vào nó trở lại và lập tức thức giấc.

Tạ ơn trời, ký ức đêm trước vẫn còn ở trong đầu nên tôi ra khỏi giường ngay tức khắc, mặc áo ngủ và lại bàn viết khởi sự ghi xuống chi tiết chuyến đi. Lúc đó là 5:45 và tôi thấy cần phải bật đèn vì trời chưa đủ sáng ở đây để viết hay đánh máy. Phải mất một lúc lâu mới ghi xong bài viết nhưng bởi đã cẩn thận xếp đặt trước để không bị quấy rầy, tôi có thể làm xong việc một cách yên ổn mà không có gì bên ngoài làm chia trí.

Ăn sáng xong tôi đọc lại bài viết của mình để xem chắc là không bỏ sót điều chi. Tối nay tôi dự tính tự nỗ lực một mình trở lại cảnh thứ ba, dùng Học Viện nơi Daphne làm việc là mốc điểm để tới.

Sáng Hôm Sau.

Lần này tôi thật sự thấy hăm hở vì có chuyện để tường thuật. Không phải tôi làm được việc gì rất tuyệt vời nhưng ít nhất tôi đã thành công một chút. Trở về nhà sau một vòng đi dạo, tôi thấy mệt và chuẩn bị đi ngủ. Tôi đọc sách vài phút sau khi lên giường rồi tắt đèn và chìm vào giấc ngủ. Tôi còn nhớ thật rõ ràng là thấy cơ thể nằm ra sao trên giường, nên không còn cần phải tượng hình trong đầu thấy mình trong tấm gương giả tưởng, như được dạy làm vậy trong những ngày đầu. Tôi không nhớ có trườn mình ra khỏi cơ thể, nhưng hiển nhiên là tôi đang ở trong phòng của mình, với thân xác nằm trên giường như đã thấy nó mấy lần trước. Tôi ra khỏi phòng xuyên qua cửa, xuống cầu thang và theo cửa trước đi ra sân cỏ, nơi Acharya và tôi đã đứng vài giờ trước đó. Chỉ mới chừng mười giờ rưỡi vì vẫn còn người qua lại, đi bộ và lái xe trên đường; tôi nhận ra là cái mình thấy là thể tình cảm của xe cộ và người ta, và tôi hiện đang ở cảnh thấp nhất của cõi trung giới.

Bây giờ là lúc ra sức để đi khỏi cảnh thứ nhất đó và lên cảnh thứ ba nơi Daphne sống. Nay tôi phải tập trung trọn năng lực ý chí của mình, tạo nên hình tư tưởng của Học Viện mà Acharya đã dạy tôi tượng hình thật cẩn thận hồi sáng. Tôi nhắm mắt và dùng tất cả sức mạnh ý chí có được, và quả nhiên cảm giác di chuyển không có gió cản trở thấy vẫn y như trước. Tôi giữ hình tư tưởng của Học Viện thật rõ ràng trong trí, nhất quyết phải đi

tới đích và lập tức tôi thấy như cảm giác chuyển động ngưng lại, rồi tôi mở mắt ra. Tạ ơn Trời, tôi đã thành công! Kia là Học Viện đứng trên đỉnh đồi, y như tôi đã thấy nó tối qua. Nỗi kích động gần như quá sức chịu đựng của tôi. Thực vậy hẳn tôi đã mất hết sức kiểm soát quan năng của mình, vì đột nhiên mọi việc quanh tôi kể cả Học Viện nhòe nhạt đi, và chuyện kể đó mà tôi nhớ là thức dậy trên giường trong thẻ xác ở Colombo, tìm động thành thích như trống làng.

Ôi Trời, tôi đã làm hư hết chuyện! Tôi đã tới đó! Đúng là tôi đã tới nơi muốn đến, vậy mà do sự kích động và thiếu kiểm soát tôi đã rút trở lại chỗ khởi đầu, tỉnh hẳn dậy. Tôi nằm tỉnh giấc đến hai tiếng đồng hồ là ít, rửa thẳm sự ngu dại và thiếu tự chủ của mình, rồi có vẻ như tôi nguôi ngoai và thiếp dần đi. Tôi quyết định thử lần nữa và lần này kiểm soát chặt chẽ quan năng của mình, để không quay về thẻ xác trước khi nó ngủ đủ giấc.

Một lần nữa tôi lại tập trung tư tưởng để ra khỏi thẻ xác, mà cùng lúc tôi giữ trước mặt mình hình tư tưởng của nhà Học Viện. Lần này việc ra khỏi thân xác có khác một chút so với lần đầu. Tôi không nhớ chút nào là mình có đứng trong phòng ngủ hay không như đã làm trước đó hồi đêm, nhưng tôi kinh ngạc và rất đổi vui sướng thấy mình ở đúng chỗ mà đã bị hun hút kéo lui, không sao cưỡng lại được khi mất kiểm soát mấy giờ trước. Lần này tôi nhớ là cần phải có tự chủ và và chẳng biết sao giữ được bình tĩnh. Tôi biết là tôi ngồi xuống cỏ mà không tìm cách đến gần Học Viện chi hết, chỉ tập trung mạnh mẽ để hạ bớt nhịp tim và được an nhiên, tỉnh trí.

Rồi tôi đứng dậy và bay lên cổng chính của toà nhà, lên cầu thang qua cửa vào phòng mà tôi nhớ rõ là Daphne ở trong đó hồi đêm qua. Lần này tôi ý thức là không thể nào đi xuyên qua cửa theo cách ta làm ở cõi trần, vì toà nhà này làm bằng chất liệu của cõi tình cảm thể nên cánh cửa nơi đây cản trở cho bước đi của người, bởi tôi cũng đang trong thể bằng chất liệu tình cảm. Tôi gõ cửa và đứng đợi nhưng không có trả lời. Tôi gõ cửa lần nữa, tự hỏi tiếng động có đủ lớn cho người trong đó nghe, nhưng sự yên lặng vẫn bao trùm và cửa không mở ra. Đợi một lát tôi cẩn thận quay nắm cửa và len lén thò đầu vào nhòm. Tôi không cần phải lo vì không có ai trong đó cả nhưng nhận ra gian phòng là nơi đã gặp Daphne tối qua, vì vậy chẳng lười thôi gì nữa tôi đóng cửa lại, lướt xuống thang và ra khỏi cửa trước. Vọt lên trên không tôi băng qua mái nhà, và đi theo đường của mình với hy vọng Daphne có ở nhà nàng. Tôi đáp xuống đất trước khi đến thành phố đầy vườn hoa và ngắm nhìn lần nữa cảnh trí xinh đẹp của nó. Quả như được thấy cảnh Thiên Đường. Hèn gì tối qua tôi muốn đứng lại ngắm nó lâu hơn. Có nhiều loại nhà hơn tôi tưởng, và tôi hết sức hân hoan với hình ảnh trước mắt, chỉ ước rằng phải chi mình là họa sĩ để sau khi trở về thẻ xác, biết đâu tôi có thể vẽ lại hình giống với cảnh mà tôi thấy rất chi tiết lúc này.

Thành phố hoa viên chiếm một thung lũng uốn khúc và ở mọi bên vách, mặt đất thoải thoải dốc dần lên tới một dãy đồi thấy rõ ở đằng xa. Tôi mê say ngắm những khu vườn xinh đẹp chỉ có được ở nơi mà không có giới hạn về công lao hay tiền bạc. Vun trồng óc tưởng tượng khi sống ở cõi trần là chuyện rất đáng nói, vì tuy việc mơ màng dật mộng

không sinh ra kết quả thiết thực nào trong lúc ta sống, nhưng khả năng tưởng tượng chi tiết là điều rất cần ở cõi tình cảm. Ở đây người ta chỉ cần tượng hình một vật và suy nghĩ mạnh mẽ về nó thì lập tức tư tưởng biến thành vật, và vật còn đó bao lâu mà tâm trí vẫn còn tiếp tục giữ ý tưởng ấy.

Ai ở đây thật có điểm phúc, và tôi thoáng có ý nghĩ là nay đã biết thêm một chút về chuyện gì sẽ đến với mình, tôi sẽ không lo lắng nếu được cho hay là sẽ qua đời nay mai; những điều đã thấy và biết làm tôi nhận thức rằng luôn luôn có thể làm người đi khỏi thế giới này được sung sướng, nếu họ thực sự muốn có hạnh phúc. Tư tưởng chót tôi có trước khi gián đoạn bất ngờ xảy ra, là tạo một hình ảnh trong trí về hầu hết các sở hữu chủ của các ngôi nhà thật dễ dàng biết bao. Ở cõi trần thì xét đoán một ai qua khu vườn của họ sẽ bị sai lầm, vì có lẽ họ chẳng có liên quan gì hay hoàn toàn không dính tay trong việc tạo nên cảnh vườn. Còn ở đây thì không cần người làm vườn, mỗi khu vườn là sáng tạo của chủ nhân, và nhìn nó người ta có thể đoán khá đúng về đặc tính nổi bật của cá nhân. Tôi ước chi có cơ hội thử nghiệm giả thuyết của mình.

Ngay khi ấy tâm trí tôi bị thu hút bởi một bóng dáng màu trắng đang chạy lại phía tôi trên đường quê, vừa chạy vừa gọi to. Chính là Daphne và thấy rõ là nàng xúc động lắm.

– Anh tới rồi, Henry, em mừng quá. Máy giờ qua em ráng giúp anh hết sức rồi em nghĩ bao cố gắng chỉ hoài công. Hồi nãy em cảm được ngay là anh đến gần và em gần như chắc chắn là anh đã qua được bức màn, nhưng cảm tưởng dần dần phai đi và em mất hết hy vọng, nhưng rồi lại cảm thấy là anh ở gần đây. Em phải đến chỗ này, em không biết tại sao, và khi thấy anh đứng đây, tưởng như mơ nhưng thực sự có đây, em mừng quá lắm tim muốn ngưng đập.

Tôi ngắm nhìn hình dạng yêu kiều trước mặt tôi. Trông nàng như chỉ là thiếu nữ nhỏ bé, mặc áo mỏng để lộ thân hình nhỏ nhắn với đường nét thật quyến rũ và tôi mê mẩn với sắc đẹp của nàng. Tóc nàng màu nâu đậm có ánh vàng xen lẫn, làm thành cái khung tuyệt hảo cho nét biểu lộ sống động trên gương mặt xinh xắn, mắt lộ ra tình yêu vô cùng thanh khiết mà ít người nam được thấy trong đời. Tất cả những gì đẹp đẽ trong lòng tôi dường như toát ra ngoài mặt, và tôi cảm thấy cái động lực cổ xưa muốn bảo vệ, ôm chặt và giữ lấy, là cái cảm xúc đích thực của người nam đối với bạn đời mà anh đã chọn.

Tôi không muốn nói gì mà nhẹ nhàng ôm chặt Daphne trong tay, kính cẩn hôn lên mặt và tóc nàng. Nụ hôn của tôi không có chút si mê, dường như không có chỗ cho sự si mê, mà là niềm ao ước sâu kín trong lòng muốn được tiếp xúc cận kề hơn với người trong mộng của tôi, nỗi ước ao muốn biết nàng nhiều hơn và nếu được thì thêm vào niềm hạnh phúc mà nàng đã có. Nàng hôn trả lại, tỏ ra không ngạc nhiên gì về hành động của tôi. Trong một chốc mắt nàng đầy lệ mà tôi lập tức hôn chặn ngay, gần như trước khi nó ứa ra. Rồi nàng dấu mặt đi khi chúng tôi quay ra, tay tôi choàng qua eo Daphne, chậm rãi đi về hướng nhà nàng.

Khi tới nơi tôi đưa nàng vào phòng khách đến cây đàn dương cầm. Tôi nói:

– Chơi cho anh đi cưng, lúc này anh thấy cần có nhạc.

Tôi kéo chiếc ghế lại và ngồi xuống cạnh Daphne. Nàng dạo khúc nhạc tôi không nhớ là gì nhưng biết nó là bản tả nỗi hân hoan vui vẻ. Tôi ngả người ra sau, nhắm mắt lại trong sự lâng lâng ngây ngất, và trong một lúc cảm biết sự bình an không gì tả được, điều khi đã kinh nghiệm rồi thì bất cứ cảm xúc nào khác cũng hóa ra trống rỗng, bất toàn.

Tôi không biết cả hai nói chuyện bao lâu, nhưng nhớ là kể cho nàng nghe hết mọi chuyện về nỗi đau khổ tôi có sau khi Charles bị thiệt mạng và làm sao Acharya đến với tôi, luôn cả những kinh nghiệm tôi có tới tối hôm trước, khi nhờ sự giúp đỡ của ông tôi đã gặp lại nàng. Chúng tôi quyết định là cho dù cả hai bị chia cách phải sống trong những cõi tâm thức khác biệt, làm cho không thể sống đời bình thường cùng nhau, hai tôi sẽ tạo một đời sống chung với nhau cùng với mọi chuyện đang có, và chứng tỏ rằng cái chết không hề là hàng rào ngăn cản sự tiến bộ hay hạnh phúc. Cả hai chúng tôi tin chắc rằng sự thương yêu của chúng tôi với nhau phải đủ sức khiến tôi vượt qua được bức màn bất cứ khi nào cần, và tôi sẽ đến với nàng, ngay cả khi nàng không thể đến với tôi.

Nàng kể tôi nghe đôi điều về người sống trong thung lũng. Nhiều kẻ là thân hữu của nàng và nàng muốn tôi gặp họ. Nàng giải thích là người ở cảnh này liên kết với nhau khi có cùng sở thích, nhưng không có hôn nhân theo nghĩa thông thường của chữ ấy. Người ta gọi nhau bằng tên ở đây, là tên riêng hay tên thân mật mà không bao giờ dùng họ. Nàng cho tôi vài thí dụ, kể rằng có cô gái luôn mỉm cười và vui vẻ nên có tên là Sunbeam. Người khác luôn luôn mặc y phục màu xanh thì được gọi là Bluebell, còn một người dành cả đời ở đây để giúp kẻ khác được cho tên là Y sĩ.

Tôi bảo tôi rất mong được gặp những người bạn của nàng, nhưng họ sẽ đón nhận tôi ra sao, người không thuộc về cảnh giới này theo nghĩa thông thường của nó? Nàng bảo.

– Rồi anh sẽ thấy, ở cảnh này anh chỉ thấy khía cạnh đẹp đẽ của người khác, vì có rất ít lòng ganh tị nhỏ nhen như trên cõi trần; ai cũng có thể có vật mà người khác có nếu họ muốn, chỉ bằng cách tạo nên hình tư tưởng là được, thành ra không cần phải nỗ lực để sống theo mức của người khác. Người ở đây trở thành chính họ và chẳng bao lâu anh sẽ ý thức – khi anh biết họ như họ thực sự là – câu nói sau đây rất đúng, ‘Kẻ tệ nhất trong chúng ta có bao tính thiện còn kẻ tốt nhất thì có bao tính xấu.’

Tôi không để ý chút nào là cuộc nói chuyện kéo dài bao lâu, nhưng nhớ là bắt đầu cảm thấy có sự chộn rộn trong lòng, nó cho tôi biết rõ là cơ thể đã ngủ trọn giấc của nó. Tôi chỉ đủ thời giờ chào từ giã Daphne rồi không báo thêm chi, những bức tường quanh phòng chúng tôi đang ngồi có vẻ như tan loãng thành sương khói bốc lên ngay tức khắc, và tôi cảm thấy trở lại cảm giác di chuyển trong không. Lập tức tôi tỉnh dậy trong thân xác ở Colombo, lần này không có giai đoạn chuyển tiếp – tôi không thấy mình ở trong phòng ngủ với thể xác nằm trên giường trước mặt; tôi tỉnh ngủ hẳn và nhìn đồng hồ tay, thấy nó là 7 giờ và mặt trời đang chiếu vào phòng. Tôi ra khỏi giường ngay, thiếu điều chạy ào

tôi bàn viết để bắt đầu bài thuật lại những chuyện xảy ra trong đêm, và nay tôi đã làm xong.

Đồng hồ chỉ 10 giờ, tôi chỉ có giờ cạo râu, tắm gội và ăn sáng một chút trước khi chờ Acharya đến. Tôi tự hỏi phản ứng của ông sẽ ra sao đối với tất cả những điều tôi cho ông xem. Ông có hài lòng chẳng với tiến bộ mà học trò của ông đã có, hay ông sẽ cho tôi hay rằng ấy chỉ là may mắn, rằng khó mà tôi có thể tự mình đi du hành trong tương lai, và còn phải gắng công và học hỏi thêm nhiều trước khi tôi có thể dong ruổi mà không cần hướng dẫn. Tí nữa đây sẽ biết. Hình ảnh Daphne vẫn còn rất thật. Có lẽ tôi đã bỏ lỡ hạnh phúc của mình khi không thành hôn với nàng ở Anh lúc có cơ hội. Tôi không biết, nhưng tôi không có ý hối tiếc việc đã rồi. Tôi nghĩ có lẽ tương lai trước mặt chúng tôi sẽ vô cùng hào hứng và đẹp đẽ hơn bất cứ gì khác có thể có trong đời này.

CHƯƠNG TÁM

Hắn phải là 11 giờ, trong mười phút qua tôi ngồi ở bàn giấy xem lại bài ghi chép về chuyện xảy ra tối hôm trước khi giọng nói dễ nghe mà nay rất quen thuộc, bất thành linh phá vỡ cơn mộng mơ của tôi.

– Nào, anh bạn Henry, chót hết rồi anh cũng đã làm được việc đáng kể đó. Nay có lẽ anh sẽ nhìn nhận là có thể tự chứng thực những điều tôi nói với anh hồi đầu rằng chúng là sự kiện thật đối với tôi.

Ấy là Acharya vào phòng tôi theo cách lặng lẽ bình thường của ông.

– Vâng, Acharya, tôi phải nhìn nhận việc đó. Tôi bắt đầu ý thức là ngay cả những việc mà thầy dạy tôi hồi trước và tôi chưa thể chứng minh rõ ràng, hẳn sẽ chứng tỏ được khi tôi có thêm kinh nghiệm. Tôi nghĩ thầy đã biết rõ chuyện gì xảy ra tối qua và tôi không cần đưa thầy coi bài tường thuật của mình, nhưng tôi muốn thầy đọc nó để xem tôi có quên điều gì quan trọng chẳng.

Acharya trả lời rằng ông rất sẵn lòng đọc bài viết, và cũng muốn xem bài ghi lại cuộc du hành lần thứ hai ở cõi trung giới của hai chúng tôi. Ông thêm rằng ông muốn nói về chúng một lát trước khi sang chỉ dẫn mới. Sau khi xem xong những bài này, gương mặt ông lộ vẻ khen ngợi nỗ lực của tôi, thấy rõ là ông rất vui với việc tôi có thể thực hành vài chỉ dạy mà ông đã kiên nhẫn giảng cho tôi trong hai tuần qua. Tôi bảo mình mang ơn ông biết chừng nào với sự trợ giúp rất cần và không ích kỷ của ông, nhưng ông trấn an, bảo tôi không cần phải thấy chịu ơn gì cả, vì phần việc của ông là đáp ứng lại những trường hợp trong đời như tôi, cũng như ông được đáp lại rất hậu nếu ai mà ông chỉ dạy nhờ đó có lợi một cách thực tế và đúng nghĩa.

Rồi ông bắt đầu nhận xét về hai tối qua, còn tôi lắng nghe hết sức chăm chú. Ông nói như vậy:

– Trước tiên tôi phải giải thích tại sao tôi mang anh lên cảnh thứ ba của cõi tình cảm từ London, vì anh biết nó không cần thiết chút nào. Lý do là để anh ý thức rằng bất cứ thành phố nào mà anh đi tới bằng thể tình cảm sẽ thấy y hệt như thành phố mà anh quen thuộc ở cõi trần, tuy cái anh thấy không phải là vật chất mà là phản tương ứng bằng chất liệu tình cảm của đô thị vật chất, nằm ở cảnh thứ nhất của cõi trung giới. Trong tương lai tốt hơn là anh bắt đầu du hành từ Colombo. Anh sẽ thấy đi lên những cảnh cao hơn cảnh thứ ba cũng dễ dàng y thế, nơi mà anh tiếp xúc với Daphne, vì nguyên tắc làm việc giống nhau, nhưng muốn làm vậy anh cần phải có một nơi chốn rõ ràng ở mỗi cảnh, cho anh tượng hình nó trong trí và thể tình cảm của anh sẽ được mang lên tới đó chỉ vài giây theo cách tính ở cõi trần.

“Tôi hơi ngại là anh có thể e sợ một chút khi khung cảnh chung quanh mờ dần và anh có cảm giác di chuyển. Tôi phải khen anh là đã không thất bại lần đầu, chuyện tôi để ý

thấy đôi khi xảy ra cho học trò của tôi. Họ bị hoảng vía và gần như thức dậy tức khắc trong thể xác, tim đập muốn tung khỏi lồng ngực vì sợ hãi. Anh cảm thấy điều ấy thực vì đêm rồi anh quay trở về thể xác mà không chủ đích làm vậy, khi hăng hái quá mức trong lúc nỗ lực đi gặp Daphne và không cần tôi trợ giúp.

“Không có gì cần để nói về cảnh thứ hai của cõi trung giới vì nó rất giống với cảnh thứ nhất, chỉ có điều bớt đông đảo hơn và ít ồn hơn. Trong hai cảnh gần cõi trần nhất, dân cư thường trú nơi ấy sống đời sống luôn luôn có hấp dẫn họ ít nhiều khi còn ở cõi trần. Trong đa số trường hợp người như vậy không ở đó trọn cuộc sống ở cõi trung giới, tuy có ngoại lệ cho ai có ràng buộc quá nhiều vào cuộc sống vật chất.

“Họ không muốn tiến lên những cảnh cao hơn của cõi tình cảm, nhưng họ bắt buộc phải làm vậy sau một thời gian chừng hai ba trăm năm. Lúc đó chân nhân thúc giục họ ‘chết lần thứ hai’ để lên cõi trí. Phương pháp tiến bước này không phải là điều thường áp dụng, và không phải là cách của anh khi ngày giờ đến cho anh sang cõi trung giới. Anh đã ý thức khi thấy sinh hoạt của một số người sống ở cảnh thứ ba, là đời sống ở đó lôi cuốn anh nhiều lần hơn chuyện đi ăn nhà hàng rồi xem hát hay xi nê.

“Tôi đã cho anh thấy cả họa sĩ và nhạc sĩ làm việc ở cảnh thứ ba, nhưng anh cần nhận thức là cảnh này không chỉ giới hạn cho họa sĩ hay nhạc sĩ. Cho anh thấy các kỹ sư tài giỏi, kỹ thuật viên chăm chú vào công việc mà họ ưa thích là chuyện rất dễ dàng, tức bất cứ loại người nào mà sở thích sâu đậm hồi còn sống không kết chặt với trò vui vật chất hay theo đuổi cái thuần vật chất.

“Khi lắng nghe nhóm chơi nhạc dưới sự điều khiển của Johann Strauss anh đã thấy vài cá nhân thuộc thể giới thiên thần có sự tiến hóa song song với loài người. Sau này khi có kinh nghiệm với những cảnh cao hơn cảnh thứ ba, anh sẽ nhận thấy là không những thiên thần đông hơn mà họ hợp tác càng nhiều hơn với con người khi ta càng vượt xa cảnh đời vật chất. Anh có thể thích lối sống của họ hơn của chúng ta, và muốn tiến hóa từ cá, bướm, chim sang tinh linh, tiên nữ rồi chót hết là hàng ngũ thiên thần như anh thấy, kể luôn cả ban nhạc chơi trong rừng. Chúng ta không thể thay đường tiến hóa của mình trừ một số trường hợp rất đặc biệt. (Ghi chú: một số nghệ sĩ tài danh môn vũ được cho là từ đường tiến hóa thiên thần chuyển qua người, thí dụ cho vũ ballet là Anna Pavlova và Nijinsky người Nga hồi đầu thế kỷ 20).

“Có thể anh tự hỏi tại sao tôi dành nhiều thì giờ ở Học Viện, chỉ cho anh thấy việc diễn ra trong những toà nhà loại ấy. Tôi làm thế vì hai lý do.

– Thứ nhất là để anh ý thức rằng nơi đó là một trong nhiều trường hiện hữu ở cõi trung giới, chỗ người ta có thể học về ngành nghệ thuật mà họ ưa thích. Việc học tập này khiến cho khi tái sinh lần kế tới, họ có mong ước tiếp tục theo đuổi ngành ấy để ít nhất một số người có thể trở thành bậc thầy trong nghệ thuật của họ, và giúp cõi trần tiến bộ về cả văn hoá và học hỏi.

– Lý do thứ hai thì anh phải tự suy ra. Nhờ có hình ảnh thật rõ ràng của Học Viện trong trí sau khi trở về thể xác ở Colombo, anh có thể quay lại chỗ ấy rất dễ mà không cần phải cố gắng nhiều; từ đó tiếp xúc được với Daphne và tiếp tục kinh nghiệm về cõi trung giới. Trong tương lai đừng quên việc ấy. Hãy chấm một tòa nhà hay nhìn ngắm nó trong trí, rồi anh có thể dùng nó như hình tư tưởng để định tâm vào, khi muốn đi lên tới cảnh giới đó.

“Tôi hy vọng anh đã ý thức sâu sắc nhu cầu phải biết cách mà thời giờ ảnh hưởng đến việc du hành của anh ở cõi trung giới. Tôi đã đi vào chi tiết về điểm quan trọng này để anh có thể hiểu cách xem xét nó khi có cơ hội.

“Về chuyến đi tới chỗ diễn ra nghi lễ ở cõi trung giới thì không có gì phải bàn. Anh nhớ là sau khi chúng ta đến nơi, ngồi lên rễ cây mọc ở bìa khoảng trống, tôi dặn anh giữ yên lặng hết mức. Lý do là cho dù người thuộc thể giới thiên thần không thực sự phản đối việc loài người xem họ làm việc, họ không thích có bất cứ gián đoạn nào. Hẳn anh còn nhớ sự nghiêm trọng của mục đích bao trùm mạnh mẽ trọn buổi lễ ra sao. Những chú lùn từ trong rừng bước ra ở hồi đầu và khởi sự nghi thức với giọng hát, tiếng trống của họ, có mức tiến hóa thấp hơn cả anh và thành viên ban hòa tấu rất xa.

“Tuy nhiên một điều thấy được rõ ràng là tất cả bọn tập trung hết sức mình vào việc làm của họ. Không có đùa giỡn, pha trò cợt nhả như ta hay thấy trong buổi hoà nhạc ở cõi trần. Sự khác biệt đáng nói ấy là điều tôi muốn anh chú ý, vì nếu muốn thấu hiểu thể giới thiên thần và – tôi tin – khi ngày giờ tới làm việc chung với họ, anh phải ý thức rằng sự sống là chuyện rất nghiêm trọng đối với thiên thần, và việc đùa cợt thường không có trong cung cách họ hành sự. Không phải là họ không thể cười to, thiên thần thực ra rất đổi hạnh phúc, biết thưởng thức những niềm vui đơn sơ của thiên nhiên, nhưng họ không để cho ảnh hưởng bên ngoài gây xáo trộn sự hoàn hảo của công việc họ làm.

“Để anh hiểu chuyện hơn sau đây tôi phải ra ngoài đề một chút. Chắc anh đã nghe tới các vị Đạo đồ (Initiates), La hán (Arhats) và Đạo sư (Adepts) trong đường tiến hoá của chúng ta. Những danh hiệu này ta hay thấy trong sách huyền bí nhưng không có mấy điều được viết về chúng. Lúc này tôi có thể nói vắn tắt cho anh hay như sau. Khi con người tiến hóa theo đường vạch ra cho họ, cuối cùng họ sẽ được các Đạo sư kiểm soát và hướng dẫn, các ngài là người toàn thiện nhưng ở mức tiến hóa giống anh cách đây hàng ngàn năm về trước.

“Những Vị này đã hoàn tất cuộc sống phải trải qua ở cõi vật chất, vì họ đã học trọn những bài học có ở cõi trần. Do lòng từ đối với toàn thể nhân loại, họ đã chọn ở lại thế gian (đây là một hy sinh cho các ngài như anh sẽ rõ về sau) trên quả địa cầu, để giúp nó tiến và trợ lực cho sự phát triển của nó. Các vị Đạo sư này đôi khi được gọi là các Chân Sư (Masters) vì một số Vị nhận đệ tử tức người sống trong đời nhưng chưa toàn thiện, để phụ lực với các ngài trong việc phải làm. Những đệ tử này được cho nhiều cơ hội phát triển mà nói chung người thường không có, nhưng anh có thể tin chắc là họ đã phải ra

công mới được cho cơ hội như thế, mà không phải là thiên vị riêng tư khiến họ được chọn trong khối đông nhân loại cho công việc đặc biệt này.

“Đó là công tác khó nhọc và thường có nghĩa là ai như vậy phải từ bỏ nhiều điều thường làm ở đời, để dành trọn con người học cách phụng sự nhân loại mà không nhận lãnh lợi lộc vật chất đáp lại cho việc ấy. Họ thực hiện việc phụng sự vô ngã, và phần thưởng duy nhất là họ được phép tiếp xúc với những đấng toàn thiện họ đã thuận phục vụ, trong lúc ngủ khi dùng thể tình cảm của mình.

“Các đệ tử ấy sau nhiều kiếp làm việc và có huấn luyện đặc biệt, được chuẩn bị cho các lễ Chứng Đạo (Initiation, thường được dịch là Điểm Đạo). Nghi lễ ấy cho họ quyền năng làm họ khác biệt với người thường, như chỉ dạy họ cách đọc được tâm trí con người bởi khi một ai phát triển đến mức này, họ sẽ không hề dùng quyền năng ấy cho việc gì ngoài việc giúp đỡ kẻ khác. Họ được dạy cách giữ tâm thức liên tục ở mọi cảnh giới – như tôi chỉ dẫn anh có tâm thức liên tục ở cõi trung giới và cõi trần mà thôi, vào lúc này sự việc có hơi khó hiểu cho anh một chút.

“Khi cần, những người như vậy có thể làm điều mà thế gian gọi là phép lạ nhưng họ không hề làm nó, trừ phi theo lệnh của một trong các vị đạo sư giúp quản trị thế giới. Có năm giai đoạn hay năm lần chứng đạo, chỉ khi đạt tới lần thứ năm con người mới trở nên toàn thiện và không phải tái sinh trở lại cõi hồng trần. Đôi khi đời sống của vị đạo đồ được kéo dài lâu hơn mức trung bình, nhưng họ chỉ làm vậy cho mục đích đặc biệt hay vì họ cần đến ở một quốc gia nào trong thế giới, nhằm tạo ảnh hưởng cần thiết cho các thế hệ mai sau.

“Trong nghi lễ của thiên thần mà anh có mặt, anh để ý thấy thiếu nữ trẻ tuổi giữ phần đơn ca trong bản hoà tấu, ngồi trên ngọn của một trong những cây cao nhất ở bìa rừng mà không hề lại gần các thành viên của ban nhạc, hay đi xuống mặt đất. Lý do của nó như sau. Những cô gái ấy được huấn luyện đặc biệt cho việc họ làm, họ sống tách rời khỏi khối thiên thần nói chung và trên thực tế, hiến dâng mình cho công chuyện đặc biệt của họ. Muốn vậy họ phải phát triển để có những thể hết sức nhạy cảm, cùng tâm trí có thể hòa nhịp với phần việc chuyên biệt đang được thực hiện. Lấy thí dụ thì cô gái ấy là nhân vật tiến hóa cao, cô là một vị đạo đồ theo đường tiến hóa của thiên thần, và tới mức có quyền năng lẫn hiểu biết vượt xa hẳn các thiên thần loại trung bình mà anh thỉnh thoảng sẽ gặp.

“Rồi còn vị giáo sĩ hoàn tất nghi lễ và triệu thỉnh các Đấng kiểm soát vũ trụ để giúp cho việc đang làm. Ông cũng là một nhân vật tiến hoá cao nhưng chưa phải là một đạo đồ, và có lẽ cũng chưa phải là đệ tử của một trong những vị toàn thiện. Vai trò của ông là giáo sĩ, được chỉ dạy để thấu năng lực do âm nhạc có định lực và tư tưởng chú mục của người tham dự tạo ra, cùng chuyển nó đi nhờ quyền năng tư tưởng đến hội nghị đang diễn ra trên trái đất. Có thể anh không tin là chuyện như thế khả hữu và anh không cần phải tin, nhưng nói ‘Làm sao có chuyện ấy xảy ra’ thì cũng đại khờ y như tin nó chỉ vì ai đó bảo đảm với anh rằng cái này hay kia là chuyện có thật.

“Tôi mừng khi Daphne cho chúng ta cơ hội đến thăm nhà cô, vì biết rằng có những lúc cô không có mặt trong phòng của Học Viện. Mà tôi cũng mừng cho anh được dịp thấy có nhiều người sống trong thung lũng chỗ nhà của Daphne, vì muốn anh gặp và nói chuyện với vài người ấy. Chuyện của anh và nỗ lực anh làm để sống một đời sống khác bên ngoài thể xác trong khi vẫn sống ở cõi trần, chẳng những sẽ khiến vài người trong bọn chú ý mà còn giúp cho họ nữa.

“Một số chưa tiến như anh và trong những kiếp qua không có cơ hội để tiến như anh có, chuyện khiến anh được chỉ dạy đặc biệt trong kiếp này. Vì hưởng đặc ân được chỉ dạy anh cũng phải sẵn sàng và mau mắn truyền bất cứ kiến thức nào mà anh có cho người khác. Ý định xuất bản thành sách những bài nói chuyện của tôi với anh và việc anh ra khỏi thể xác đi du hành là chuyện rất hay, không phải nó chỉ giúp những ai còn đang sống trong thế giới mà thôi. Điều tôi nói với anh bây giờ và những câu chuyện ta sẽ có về sau, thì không phải chỉ nói riêng cho anh nghe mà còn cho những ai quan tâm đủ tới mức muốn tìm hiểu thêm về chuyện. Khi anh được cho hay những điều cần giữ kín thì thường là vì việc có hiểu biết loại ấy sẽ cho phép người ta gây hại cho kẻ khác, nếu hiểu biết đem dùng vào mục đích ích kỷ, nhưng tôi có thể bảo đảm là anh không có gì phải nghi ngờ về những chuyện đó, khi tới mức phát triển khiến được truyền loại hiểu biết như vậy.

“Nay nói về đoạn cuối của bài anh viết về chuyến du hành lần thứ hai sang cõi tình cảm, tôi phải khen ngợi về những chi tiết anh nhớ được để ghi lại. Lòng quyết tâm muốn nhớ là lý do khiến anh thành công, và nếu biết được rằng năng lực ý chí phần lớn là thần chú dọn đường cho đa số những khó khăn của mình, anh sẽ tiếp tục được thành công trong tương lai.

“Chi tiết quan trọng duy nhất có vẻ như anh không nhớ, và chắc anh không nhận ra lúc ấy, là khi nghi lễ diễn ra ở khoảng đất trống trong rừng, có hàng trăm thiên thần bay lượn nhẹ nhàng, vờn qua vờn lại ít nhiều ngay trên đó, chừng 5 – 7 thước bên trên những ngọn cây bao quanh khoảng đất. Họ không phải chỉ là khán giả hay đám đông tụ hội như ta thấy trong thánh đường lớn ngoài đời, mà họ là người tham dự nghi lễ tích cực nhất, nhờ nỗ lực của họ mà lực cần thiết tôi đã nói được sinh ra. Nếu anh thấy được họ thì hay biết mấy, vì anh sẽ để ý là vào cuối bài kinh cầu mà giáo sĩ xướng lên, có vẻ như họ thu lấy lực thiện sinh ra và sau đó lập tức kéo đi thành một đoàn, hẳn là để bảo đảm cho kết quả được như ý. Đừng bận tâm là đã quên chi tiết ấy, tôi có thể đoán chắc với anh là bài viết rất khá.

“Cái thúc giục anh tự làm thử lấy chuyện vào tối hôm sau là điều hết sức tự nhiên, trong tương lai khi có thúc đẩy tương tự đến hãy luôn luôn hành động ngay tức thì. Động lực ấy đến từ linh hồn là chính anh và linh hồn luôn mong mỗi anh có được thêm hiểu biết loại này. Hoạt động ở những cõi cao hơn cõi trần tỏ ra thú vị hơn đối với chân nhân, khi so với giải trí phù phiếm và sinh hoạt thường lệ ta phải làm trong đời. Dĩ nhiên chân nhân ý thức rằng cuộc sống ở cõi trần cần thiết cho sự tiến hoá của ta, nhưng mục tiêu

của ý muốn này luôn luôn giữ nguyên là để con người thăng hoa chính mình, học càng mau càng tốt những bài học mà vô số kiếp sống là nhằm để dạy ta. Khi làm vậy ta sẽ mau lẹ thoát khỏi việc phải tái sinh lần nữa, và có thể có cuộc sống khác thú vị hơn nhiều, việc chỉ có thể xảy ra cho ai đã học hết tất cả những bài học cần thiết nhờ sống dưới thế.

“Anh có thể thấy là bây giờ tôi giải thích sự việc dễ dàng hơn ra sao, vì anh đã có đôi chút ý niệm về cuộc sống của người ở cảnh thứ nhất, thứ hai và thứ ba sống ở cõi trung giới, ngay bên trên cõi trần. Cảnh thứ ba như anh biết có đa số các trường để dạy học viên những ngành nghệ thuật khác nhau, không lâu đâu tôi sẽ cho anh thấy cảnh thứ tư là cảnh nối tiếp của cảnh thứ ba. Cảnh thứ nhất và hai tạo thành mức một, cảnh thứ ba và tư tạo thành mức hai, cảnh thứ năm và sáu tạo thành mức ba, và cảnh thứ bảy là ranh giới giữa cõi tình cảm và cõi trí.

“Ở cảnh thứ tư có nhiều nhạc sĩ và họa sĩ, họ làm việc một mình và không muốn dạy ai hay lúc này đã dạy xong rồi. Ta cũng có y sĩ nghiên cứu với một số những cách trị bệnh mới được khám phá ở cõi tình cảm. Nhiều nhóm các nhà nghiên cứu tụ lại với nhau trao đổi ý kiến, tuy họ không có thú vật để thí nghiệm nhưng lý thuyết của họ tới ngày giờ sẽ kiện toàn và thâm nhập vào trí tuệ cùng não bộ của y sĩ làm việc tương tự dưới trần. Nếu anh hỏi ai chuyên nghiên cứu về y khoa trong thế giới là có bao giờ họ thức dậy buổi sáng và nảy ra ý hay – điều họ có thể mất nhiều tháng để kiện toàn và đem thực hành, và sẽ thành một trong nhiều tiến bộ mới của y khoa – thì có lẽ họ nhìn nhận rằng có chuyện đó.

“Rồi có những tòa nhà, cả nhỏ và lớn, có vẻ là bệnh viện tâm thần. Tuy đời sống ở cõi tình cảm làm cho người bình thường nào cũng có thể hoàn toàn hạnh phúc, vẫn có một số đông người ao ước chuyện bất khả, muốn có mặt trời mặt trăng. Họ lo lắng, như đã lo lắng trong đời, và kết quả thường thấy là bệnh tâm thần. Thể tình cảm có cái tương ứng với não bộ xác thân mà còn chứa đựng thể trí. Người ta có thể bị rắc rối trí não sau khi qua đời, như hối hận về hành động hay lời nói nông nổi trong kiếp đã qua, chuyện mà nay họ ý thức là không bao giờ xóa bỏ hoàn toàn được. Cái đó làm họ đau khổ nhiều hay ít tùy theo mức nhạy cảm của mỗi người. Những trường hợp như thế thường được y sĩ chuyên về tâm thần chữa trị, mang lại lợi ích cho cả y sĩ và bệnh nhân.

“Ở cảnh thứ năm và sáu, anh sẽ thấy nhiều người nữa nghiên cứu, chẳng hạn như các nhà phân tâm học, hay các chuyên gia về tim, não v.v.. Chuyện thường xảy ra là y sĩ và các chuyên gia thuộc những ngành khoa học khác nhau, có nhiều kiếp liên tục làm cùng một loại công việc, anh có thể tưởng tượng chuyện sẽ có giá trị biết bao khi người như vậy gặp bạn đồng ngành ở cõi tình cảm, nơi mà tất cả kiến thức được tụ lại vì lợi ích của nhân loại. Có các nhóm triết gia muốn giúp đỡ thế giới theo cách riêng của họ, họ cảm thấy nếu khuynh hướng tư tưởng trên thế giới được thay đổi, theo đường tiến bộ hơn là chiến tranh và sự thống trị của quốc gia, thì cuộc sống sẽ thoải mái hơn rất nhiều và đáng ao ước hơn.

“Có những nhà thần bí tin rằng nhân loại có thể được giúp tốt nhất bằng cách tham thiền theo những đề tài như ‘Tín Duy Nhất của Sự Sống’. Rồi có người khác đầy lòng tin ngưỡng cảm thấy rằng con người chỉ tiến bộ được nếu tin vào tin điều này hay kia, người như thế nỗ lực tạo nên một tôn giáo toàn thiện, bằng cách lấy những điểm giáo lý trong tất cả những tôn giáo lớn từ xưa đến nay, trộn lại thành một triết lý mới. Các thiên thần quan tâm rất nhiều về tất cả những hoạt động này như anh sẽ thấy về sau.

“Ở những cõi đó các vấn đề kinh tế thế giới được thảo luận và xem xét nhiều tháng nhiều năm. Khi các chuyên gia ấy đi tới một kết luận nào, giải pháp được thử nghiệm bằng cách gây ấn tượng trong não bộ người trần về kết luận này, cho những ai ở trong vị thế mà lời cổ vấn của họ được quốc gia hay các nhóm cải cách đầy thế lực nghe theo, vì nhân loại phải được trợ giúp khi có khủng hoảng quá lớn lao và quá nghiêm trọng không thể giải quyết được với nỗ lực của riêng mình.

“Trong những phút nguy biến các nhà lãnh đạo tài ba của thế giới có vẻ như đứng trên đài cao và sáng chói, thường khi ai đó trước đây chỉ là chính trị gia hay nhà lãnh đạo ít tiếng tăm của một chính đảng, nay trở thành nhân vật nổi bật trong chính trường thế giới; kết quả ai cũng thấy là họ có sự khôn ngoan và tài lãnh đạo vượt mức bình thường mà người ta tưởng chính khách ấy có. Khi cơn khủng hoảng qua rồi và làm xong phần việc lớn lao, có vẻ như họ trở lại vị trí không tiếng tăm trước đây của họ.

“Những người ấy được chọn và được một trong các đẳng Cao Cả trợ giúp, những Vị luôn chăm chút trông nom thế giới và lo lắng cho con người. Trong khoảng thời gian được ảnh hưởng thì chính khách quả là siêu nhân, nhưng khi nguy biến giảm đi thì sự trợ lực phải rút về, vì mỗi người có tự do ý chí và chỉ có thể được giúp đỡ tới mức ấy mà không thể đi xa hơn. Winston Churchill biết về điều này và nói như sau vào năm 1942, ‘Thình thoảng tôi có cảm tưởng rất mạnh mẽ là có sự can thiệp. Tôi muốn nhấn mạnh là đôi khi tôi cảm thấy có bàn tay hướng dẫn đã can thiệp vào. Tôi có cảm tưởng là chúng ta có người hộ mạng vì chúng ta phục vụ cho chính nghĩa lớn lao, và chúng ta sẽ có được sự hộ mạng này bao lâu mà chúng ta phục vụ trung thành cho chính nghĩa ấy.’

“Cũng ở nơi đây có những người quan tâm đến việc thực phẩm cho nhân loại bị thiếu hụt, vì dân số địa cầu tăng hàng triệu mỗi năm. Thiên thần giúp vấn đề này bằng cách gợi ý những phương pháp canh tác mới, các đề nghị đó được gieo vào trí não của người sống trên trái đất, cho những ai có trách nhiệm về vấn đề này trong khu vực của họ. Bằng cách này, ý tưởng và phương pháp mới xuất hiện và dần dần được nhân loại dùng. Anh có thể dự vài hội nghị diễn ra ở những cảnh trên và tự chứng minh những gì tôi nói với anh là đúng, nhưng không chắc là anh có thể tiếp tục dự đến khi họ đi tới kết luận, vì chúng thường kéo dài nhiều tuần hay nhiều tháng tính theo ngày giờ cõi trần, và lẽ tự nhiên là anh phải trở về thân xác sau vài giờ thoát ra. Nhiều tiến bộ vĩ đại thường có được ở những hội nghị như vậy, và đề nghị được đưa ra cho người sống trên đời, cho phép nhân loại tiến triển về mọi mặt khác nhau.

“Có lẽ anh tự hỏi tại sao thế giới tiến bộ trong thế kỷ này hơn là thế kỷ kia. Được như vậy là vì không những ngày nay ta có phương tiện hàng không, vô tuyến, mà cũng là vì nói chung nhân loại quả chậm chạp, họ đang chú tâm dần đến việc giải quyết những vấn đề hiện có, và nhờ giải quyết ấy mà khối đông được hưởng lợi. Nói khác đi, nhân loại càng tiến hóa hơn thì càng bớt ích kỷ dần, nó chứng tỏ là ít nhất họ đã học được vài bài học mà cuộc sống dưới cội trần là nhằm để dạy cho tất cả chúng ta.

“Khó mà giải thích việc làm của thế giới thiên thần, vì phương pháp họ dùng rất khác biệt với điều anh đã quen. Muốn hiểu nó anh phải nhớ rằng thế giới thiên thần nắm quyền kiểm soát cái phần của sự sống ta gọi là Thiên Nhiên như biển cả, gió mưa, việc dùng ánh sáng mặt trời trong canh nông, và những chuyện như ngày giờ thích hợp trong năm để gieo các loại hạt khác nhau. Tất cả đều thuộc về việc quản trị của thiên thần. Họ dự vào những cuộc thảo luận với loài người khi hiểu biết chuyên môn và kinh nghiệm của họ có thể được sử dụng. Thường thường họ truyền tư tưởng theo cách suy nghĩ của trí não mà không bằng lời – nhưng họ có thể dùng lời khi cần phải làm vậy.

“Thỉnh thoảng anh nghe là giông bão, cuồng phong và động đất làm bao nhiêu người thiệt mạng, tàn phá lớn lao và hằng triệu người mất nhà cửa. Anh có thể tự hỏi làm sao ông Trời tốt lành lại để cho chuyện như vậy xảy ra, nhưng anh có tìm hiểu về nguyên nhân có thể có của những thảm nạn ấy không? Không phải là trước khi có tàn phá như vậy người ở các nơi ấy sống trong điều kiện dễ sinh ra tội phạm hơn là tiến bộ? Thảm nạn như tôi nói tới có thể dễ dàng là phương tiện để làm một chính phủ lười biếng thức tỉnh trước trách nhiệm của mình, và thường thì một kế hoạch tái xây cất được bắt đầu ngay lập tức, để ai sống sót có thể được cư ngụ trong điều kiện thích hợp hơn trước.

“Thiên thần kiểm soát bão tố, động đất và theo kinh nghiệm riêng tôi biết các ngài xót thương nhân loại rất nhiều, do sự mù quáng của nhân loại mà khiến phải có tai họa như thế. Các ngài phân bố một số lớn thiên thần để rước những người không may bị tử nạn trong các thiên tai đó, lúc họ chuyển từ cội trần sang cội trung giới, làm những gì thiên thần có thể làm để giảm bớt nỗi kinh hoàng của người bị thiệt mạng, và giúp họ làm quen với tình trạng mới.

“Chuyện cũng vậy khi các thế chiến xảy ra, vô số linh hồn bị thảm tử vì vũ khí tối tân. Không có đủ người thuộc hàng ngũ nhân loại ở cội trung giới để đối phó với mức độ tàn sát khi hai đoàn quân quyết chiến với nhau, thế nên hàng ngũ thiên thần sát cánh với người, làm tận lực trong quyền hạn của họ để giúp ai bị sợ hãi khủng khiếp vào lúc qua đời. Quả thực có những lúc người và thiên thần sánh vai nhau hợp lực, mỗi bên phục vụ Thượng Đế theo hết khả năng của mình.

“Nay tôi phải nói cho anh hay một chút về sự sống ở cảnh thứ bảy và là cảnh chói, cảnh cao nhất của cội trung giới. Việc đầu tiên đập vào mắt anh khi đến thăm nơi ấy là hoàn toàn không có nhà cửa, dinh thự. Không có dấu hiệu nào là có ai cư ngụ, nhưng anh sẽ thấy có người sống thường trực ở đó tuy họ làm đủ mọi cách trong vòng khả năng của mình để xua đuổi khi có ai khác đến gần. Người như vậy tin rằng việc tiến hóa của

họ chỉ có thể làm được bằng cách ở ẩn hoàn toàn và sống đời thanh vắng. Khi ở dưới trần họ là đạo sĩ, sống xa lánh người đời ở nơi thâm sơn cùng cốc, hay trên đỉnh núi chơ vơ ít có ai lên tới. Những người này dành trọn cả đời để tham thiền, nhịn đói và sống đời mà thế gian gọi là khổ hạnh.

“Người như vậy vẫn y thế ấy sau khi chết, và tới ngày giờ thì họ lên đến cảnh thứ bảy của cõi tình cảm, tiếp tục đời tham thiền ở đó. Anh thấy họ trong kiếp dưới trần là tu sĩ thuộc những dòng tu tịnh khẩu hoàn toàn giữ im lặng, và sống đời tách biệt với người thường. Những người này đã quen với cảnh sống một mình, cầu nguyện nhiều giờ trong ngày để giúp nhân loại, nên sau khi chết muốn có sự tĩnh lặng ấy bằng cách tiếp tục lối sống họ đã theo nhiều năm trên đời. Ở cõi trung giới họ không cần phải đi tìm hang hốc hay cất nhà để ở, cũng không cần thực phẩm để sống nên thường là họ sống giữa khoảng không, trong rừng và nơi xa xôi khuất nẻo, chỗ dễ dàng cho họ được ở yên không bị quấy rầy.

“Cộng thêm với người thuộc nhân loại, ở cảnh giới này anh sẽ gặp vô số thiên thần tiến hoá cao làm việc nơi đây, nhưng không có tiếp xúc chút nào với nhân loại. Anh cũng sẽ gặp những người mà thời gian sống ở cõi trung giới đã xong, họ cần đi ngang qua cảnh thứ bảy để lên cõi trí, trên đường trở về phần cao cả trong người họ là chân nhân hay linh hồn, nó cư ngụ ở những cảnh cao của cõi trí gọi là cõi thượng trí (tức ba cảnh cao của cõi trí). Những người này thường có người hướng dẫn đi cùng với mình lên cảnh thứ bảy, hướng dẫn viên cũng là người như họ nhưng tiến hóa hơn và là linh hồn già dặn hơn; phần việc đặc biệt của các hướng dẫn viên là giải thích chi tiết chuyện “Chết lần Thứ Hai” nghĩa là gì.

“Con đường từ cõi tình cảm sang cõi trí hoàn toàn không có gì đau đớn mà chỉ là việc bỏ rơi một lớp vỏ. Người hướng dẫn có phần việc là trình bày để những người này không có chút sợ hãi nào trong trí, vì tuy tất cả chúng ta đi cùng đường này nhiều lần trước đó mỗi khi xong một kiếp ở cõi trần, nhưng ta không nhớ lại đoạn đường đã qua, bởi mỗi lần tái sinh dưới trần ta có thể xác, tình cảm và trí hoàn toàn mới, chúng không mang theo ký ức chi tiết của những kiếp trước. Việc đi từ cõi tình cảm sang cõi trí là chuyện nằm ngoài tầm kiểm soát của người trung bình và khi tới lúc phải làm vậy, họ bắt buộc phải bỏ lại thể tình cảm vì lẽ giản dị là họ không còn kinh nghiệm nào phải học thêm ở cõi đó. Khi ấy họ bắt buộc phải sang cõi trí để củng cố sự phát triển trí năng mà họ đã hoàn tất trong kiếp dưới trần, và thêm nó vào khối hiểu biết chứa trong hạt nguyên tử trường tồn (Permanent Atom), tượng trưng cho tất cả những kiếp đã qua của họ.

“Sau khi nhận được tất cả chỉ dẫn cần thiết về việc đi sang cõi mới, người ta dần dần thiếp ngủ và gần như tỉnh giấc ngay tức thì ở cõi trí, và trong giấc ngủ ngắn ngủi họ thả bỏ hẳn thể tình cảm của mình. Bạn bè chào đón họ bên cõi trí y như khi bạn bè tiếp rước họ lúc qua đời và từ cõi trần bước sang cõi tình cảm. Họ bắt đầu cảnh sống hoàn toàn mới lạ, trong trường hợp người trung bình thì cảnh sống này thường ngắn hơn nhiều so với thời gian ở cõi trung giới, tuy ai tiến hóa thì sống ở cõi trí lâu hơn.

“Thể tình cảm mà người ta bỏ lại khi sang cõi trí sẽ tan rã sau một thời gian, hoàn trở về khối vật chất ở cõi tình cảm. Trong giai đoạn tan rã ấy, thể có hình giống y như chủ nhân sử dụng nó trước đó. Anh cần hiểu rằng nó chỉ là cái vỏ nhưng bởi chất liệu cõi tình cảm rất uyển chuyển, nó có thể di động tới lui và với ai chưa kinh nghiệm thì dường như nó còn sự sống. Tôi đã thấy người còn ở dưới trần mà lên thăm cảnh thứ bảy, ngạc nhiên khi thấy mình không thể bắt chuyện với mấy cái vỏ trôi vật vờ. Vỏ không phải là xác loại bỏ theo nghĩa thân thể là tử thi sau khi chết, bởi tuy cái vỏ không còn nối kết chút gì với con người thật hay chủ nhân đã bỏ nó, nhưng vỏ vẫn còn giữ lại một ít sức sống. Thực vậy bao lâu vỏ chưa tan rã hoàn toàn thì cái vỏ vẫn nghĩ nó là người đó, chỉ vì nó là một phần hay cái bóng của người đã đi khỏi.

“Trong những buổi cầu hồn đôi khi chúng ta thấy có hiện hình đủ loại, sự thực là thay vì người đồng tiếp xúc được với chính một ai, họ chỉ tiếp xúc được với cái vỏ của người ấy – điều này có thể xảy ra khi người ấy đã qua đời nhiều năm. Bạn của khách trong buổi cầu hồn có vẻ như trở lại cõi trần và nói chuyện với họ, nhưng về nhiều mặt không thấy bạn khôn ngoan như hồi còn sống, thấy như họ suy sụp. Ấy là chuyện bất khả, người ta không thể thoái hoá mà tiến bộ hơn khi sang cõi bên kia, vì vậy bất cứ khi nào gặp trường hợp như trên, có thể tin chắc rằng đó không phải là chính người ấy mà chỉ là cái vỏ, phần bị con người thật bỏ lại sau.

“Tuy cái vỏ không linh hoạt nhưng rất có thể là các sinh vật khác nhập vào đó, dùng nó làm thể tạm thời và giả dạng là chủ nhân hợp pháp. Ai quá vãng đang sống ở cõi tình cảm thường làm việc ấy để đùa cợt gạt gẫm người khác, hay các tinh linh rần rấn ưa phá khuấy, chiếm lấy một vỏ, tròng vào người như ta tròng áo khoác và giả dạng là chính họ. Ai giả dạng bên trong cái vỏ rất dễ đưa bằng chứng rằng mình là chủ, bởi những gì chứa trong não bộ của chủ nhân chính hiệu lúc còn sống sẽ truyền qua phản tương ứng của thể tình cảm, và sẽ được giữ lại trong đó cho bất cứ thực thể nào tới chiếm và giả dạng chủ nhân của vỏ lấy dùng. Có nhiều trường hợp người nghiên cứu có thông nhãn (clairvoyance) đủ để thấy đằng sau cái vỏ có thể khẳng định, nhưng bất cứ ai nghiên cứu phải hết sức cẩn thận, vì tuy cái vỏ không còn sự sống của chủ nhưng nó có thể được làm sinh động bên trong hào quang của người đồng. Anh có thể tiếp xúc với vỏ sau này, và có một điều anh biết chắc được là chúng không có gì nguy hiểm và không thể gây hại cho anh.

“Tới đây chấm dứt câu chuyện hôm nay của tôi. Chắc hẳn anh ý thức rằng nó hoàn tất việc trình bày rất ngắn ngủi của tôi về sự sống trong những cảnh khác nhau của thế giới kể cõi trần. Tôi muốn anh chuẩn bị một số câu hỏi để tôi trả lời vào sáng mai. Sau đó khi anh tự mình thí nghiệm nhiều ngày, tôi sẽ trở lại và cho anh hay đôi điều về cảnh sống nơi cõi trí. Tôi không thể cho nhiều chi tiết về cõi này giống như đã nói về cõi tình cảm, vì khó mà nói về những chuyện xảy ra ở cõi trí và so sánh chúng với cái giống vậy ở cõi trần.

“Sự sống ở cõi đó rất khác biệt so với đây vì mọi việc có liên hệ đến tư tưởng. Ở đây anh có bàn ghế, nhà cửa, ở cõi trí tư tưởng là bàn ghế, nhà cửa – thực vậy không có gì ở đó ngoài tư tưởng – nên anh có thể thấy rõ khó khăn của tôi. Chắc tôi cũng sẽ đưa anh đi một chuyến ngắn để thăm cõi trí, với hy vọng anh có thể nhớ đôi chút về điều cảm nhận hơn là thấy ở đó, nhưng sau này tôi sẽ nói nhiều hơn.

“Mai tôi sẽ trở lại vào giờ thường lệ và hy vọng bản câu hỏi của anh sẽ sẵn sàng.”

CHƯƠNG CHÍNH

Tối qua tôi ngủ thật ngon giấc, sáng dậy tôi thức vào giờ thường lệ hết sức tươi tỉnh, nhưng không nhớ lại chút gì chuyện đã xảy ra trong đêm. Bản câu hỏi của tôi đã sẵn sàng, và tôi mong Acharya sẽ thấy nó không dài cho lắm.

Tôi đang đọc lại những câu hỏi của mình thì cửa mở và Acharya chào tôi.

– Anh không cần phải xin lỗi về số câu hỏi của anh. Tôi có cảm anh đừng hỏi nhiều vì tôi biết là lắm chuyện sẽ trở nên sáng tỏ khi anh có kinh nghiệm riêng ở cõi tình cảm, và ngắt lời quá nhiều thì không có ích gì cho người nói lẫn người nghe. Tôi sẽ cố gắng hết sức để trả lời thắc mắc, dùng chữ sao cho giải thích rõ ràng những khó khăn của anh.

Hỏi (H): Trong những lần nói chuyện, thầy không đề cập chút gì tới quan niệm thông thường về Thiên đàng mà đại đa số người theo Thiên Chúa giáo được dạy nên ước ao. Có chỗ nào như vậy không, hay nó chỉ hiện hữu trong trí tưởng tượng của linh mục, mục sư thuộc giáo phái khẳng khái nói rằng có nơi như thế?

Đáp (Đ): Hoàn toàn không có nơi nào là Thiên đàng, mà có trạng thái tâm thức thường được ai ở trong tâm trạng ấy cho là Thiên đàng. Người thì nói rằng trạng thái tâm thức ấy gặp ở những cảnh cao của cõi tình cảm. Người khác thì nhất quyết rằng nó chỉ gặp ở cõi trí mà thôi. Có người bảo thiên đàng và cõi trời khác nhau. Thiên đàng (Paradise) là chữ của người Hy Lạp chỉ những cảnh giới cao của cõi tình cảm, còn cõi trời (Heaven) thì họ dạy rằng nằm ở cõi trí, sau khi con người đã rời cõi trung giới quay trở về nhà của chân nhân hay linh hồn. Ở những cảnh cao đó người ta bao quanh mình bằng hình tư tưởng của các thiên thần, có đẳng cấp y theo kinh sách xưa của Do Thái giáo. Họ thấy hình như thật, mà thực ra chuyện chẳng hại ai nếu họ tin đó là thật, vậy cải chính với họ để làm gì? Nhiều kẻ còn tạo ra hình tư tưởng của thượng đế hay thánh Peter, và anh có nói gì đi nữa cũng không thuyết phục được họ là đang sống trong ảo ảnh. Rồi sẽ có ngày họ phát triển trí tuệ hơn một chút, khi đó họ sẽ bắt đầu tìm cách phân biệt điều gì là sự kiện thật và điều gì là ảo ảnh.

Tôi để ý là tuy anh hỏi về thiên đàng theo quan niệm thông thường, nhưng anh không đề cập tới Địa Ngục theo niềm tin của dân gian. Lẽ tự nhiên là không có địa ngục cũng như không có thiên đàng. Thường thường người ta không thấy ai ở cõi trung giới tạo ra hình tư tưởng của địa ngục và sống trong cảnh ấy, vì ai tự xét mình khe khát thế mấy cũng không cho rằng Địa Ngục là chỗ đúng cho họ. Đa số ai sống trong hình tư tưởng của họ về Thiên Đàng theo nghĩa thông thường, cảm thấy rất hạnh phúc vì nghĩ rằng họ xứng đáng được ở trong cảnh đó, hoặc cho rằng mình hết sức may mắn ở được chỗ mà không chắc là đủ tiêu chuẩn để được nhận vào. Cảnh thiên đàng theo nghĩa dân gian hiểu và do người ở cõi trí tạo ra thì khác hẳn, tuy nó có cùng mục đích cho ai liên hệ.

H: Trong bài nói chuyện kỳ thứ ba, thầy cho hay sẽ giải thích sự khác biệt giữa cuộc sống của thú vật ở cõi trung giới và của người ở đó. Nó khác nhau ra sao?

Đ: Có sự khác biệt rất đáng kể giữa cuộc sống của thú vật và của người nơi cảnh ấy. Nói về thú thì nó ít khi ở cảnh cao hơn cảnh thứ ba (từ dưới đếm lên), vì cuộc sống của người ở những cảnh cao không thú vị mấy cho con thú, và chỉ trong trường hợp ngoại lệ ta mới thấy có người mang theo với mình con thú họ thương đặc biệt, khi họ tiến sang những cảnh cao hơn.

Khi qua đời ở cõi trần, con thú sẽ nghỉ ngơi một lúc ngắn ở cõi trung giới, thường lâu nhất là 10–15 năm. Tới ngày giờ cho hồn khóm đi tái sinh, cái thực thể tâm linh mà con vật thuộc về, những thú vật có tính chất riêng và sống riêng biệt nhau ở cõi tình cảm được thu hút trở vào hồn khóm, cá tính riêng của chúng lập tức không còn nữa. Kinh nghiệm của những sinh vật làm nhuộm màu hồn khóm, sinh lực của hồn khóm phân chia trở lại thành nhiều phần, mỗi phần trụ vào thân xác mới của các con vật học hỏi thêm kinh nghiệm. Như tôi đã giải thích trước đây, sự việc tái tục mãi cho tới lúc hồn khóm sẵn sàng cá nhân hóa, thoát kiếp thú thành người.

Con thú luôn luôn sống hạnh phúc trong những năm sống ở cõi tình cảm, ngay cả với trường hợp rất hiếm như khi con chó chết vì đau khổ do chủ đem nó cho người khác, hay bỏ nó lại với người lạ khi họ phải đi xa; con vật như thế mau lẹ tìm được gia đình khác nhận nó. Ở cõi tình cảm anh không hề thấy con chó nào xin ăn, trong khi anh đã chứng kiến nhiều người tiếp tục ăn uống sau khi chết, chỉ vì con người tạo thói quen như vậy. Chó hay mèo chỉ ăn khi đói mà ít khi ăn vì ham ăn ham uống. Sang cõi trung giới nó không đói nữa nên không bao giờ xin ăn. Chó sẵn khi còn sống được huấn luyện đi săn do đó sau khi chết nó tiếp tục làm thế. Bản năng của nó là tìm con mồi, sự tìm kiếm chính là hình tư tưởng nên con mồi hiện ra ngay và con chó lập tức cong đuôi phóng người rượt. Bất được mồi hay không chẳng quan trọng cho lắm, vì con mồi chỉ là hình tư tưởng và không thể bị giết chết như kiểu suy nghĩ bình thường, nhưng con chó thỏa thích với việc săn đuổi và tiếp tục sống đời hạnh phúc.

Con ngựa lúc sống từng là con thú cưng của ai thích ngựa sẽ mau lẹ có được chủ khác cũng thích ngựa, và việc thường lệ là cõi ngựa dạo chơi hay đua nay diễn ra mang lại lợi ích và niềm vui cho cả người và ngựa. Trong vài trường hợp khi con ngựa cưng chết đi, người chủ ở cõi trần nghĩ tới con vật tha thiết vào ban đêm lúc họ đi ngủ. Con vật cảm được 'lời kêu gọi' ấy và đôi khi có thể tiếp xúc lại với chủ, ở bên cạnh họ vài giờ. Tuy vậy đó không phải là việc nên làm, vì ngựa hay chó cảm được sự mất chủ khi người này trở về xác thân của họ, lúc giấc ngủ đã xong. Thành ra nếu thương con vật thì tốt hơn nên để nó quán quít chủ mới ở bên kia.

Vài trường hợp hiếm có là tình thương giữa người và vật quá mạnh mẽ tới mức hồn khóm mà con vật là một phần, lại ràng buộc với người này. Nó chỉ xảy ra vào giai đoạn cuối của hồn khóm, lúc chỉ còn hai linh hồn trong đó chờ tới lúc cá nhân hóa thành người. Vì người ấy đã làm quá nhiều cho hồn khóm, bằng cách giúp con vật ràng buộc vào họ xóa sạch được dấu vết của lòng sợ hãi, trọn hồn khóm gồm hai con chó hay hai con mèo thí dụ vậy, trong hai hay ba kiếp liên tục sẽ tái sinh vào cùng một gia đình. Theo cách đó

khi việc cá nhân hoá thành người xảy ra nó được thu ngắn rất đáng kể. Tôi có thể kể vài thí dụ là chuyện thật thuộc loại này cho anh nghe, nhưng tôi không có nhiều giờ.

Thời gian con thú ở cõi tình cảm thì quá ngắn, khiến cho những điều kiện nơi đây không ảnh hưởng sâu đậm sự tiến hóa của hồn khóm, nên khi hết ngày giờ con thú biến mất khỏi nhà mà nó tự ràng buộc vào, quay trở về hồn khóm để tái sinh nơi cõi trần học thêm kinh nghiệm.

H. Tại sao Charles không tiếp xúc với chúng ta trong cuộc du hành sang cõi tình cảm lần thứ hai? Có phải là hắn không còn quan tâm đến tôi, vì cuộc sống mới của hắn nay rất khác biệt và hứng thú hơn cuộc sống cõi trần, hay vì hắn không thể nhập bọn với ta nếu không được thầy giúp?

Đ. Tôi rất mừng là anh đã nêu những thắc mắc này, dù rằng tôi phải mất thì giờ để giải thích điều anh muốn biết, chuyện cần nhất là anh phải hiểu rõ ràng tại sao cơ hội di chuyển ở cõi trung giới lại thay đổi khác nhau, giữa khách đi chơi qua đó và thường trú nhân nơi đây.

Khi người ta sống ở cõi trần thì thể tình cảm là thể phụ, được anh dùng trong lúc ngủ để sinh hoạt ở cõi trung giới. Thể ấy làm bằng vật chất tình cảm, có những hạt tương ứng với những cảnh khác nhau của cõi này, và bao lâu mà anh còn thể xác thì các hạt này trộn lẫn cái nọ với cái kia. Anh có thể đi lên bất cứ cảnh cao hay xuống cảnh thấp nào của cõi này chỉ bằng cách sử dụng ý chí, và tùy theo cảnh mà anh đến, những hạt trong thể tình cảm của anh trở thành linh động làm anh đi được tới lui như thế.

Nói cho thật rõ thì khi anh ở cảnh thứ nhất (từ dưới đếm lên), hạt tương ứng với cảnh ấy linh hoạt vào lúc đó, nhưng thí dụ là anh đi từ cảnh thứ nhất lên cảnh thứ tư, có nghĩa là nay những hạt thuộc cảnh thứ tư trở nên linh hoạt còn hạt thuộc mấy cảnh khác ở trong tình trạng lặng yên, bao lâu mà sinh hoạt của anh diễn ra ở cảnh thứ tư.

Trong lúc anh còn thân xác vật chất thì sự việc diễn ra như thế, nhưng khi anh qua đời bỏ lại thể xác thì thể tình cảm, trước kia là một khối gồm những hạt di động không ngừng xen kẽ với nhau, nay xếp đặt thành hình khác hẳn. Để anh hiểu được trọn vẹn chuyện này, thử tưởng tượng thể tình cảm sau khi chết như một hình bầu dục, tựa như quả cam có tâm ở giữa và bảy lớp vỏ riêng biệt phân cách nhau bao quanh tâm ấy. Bảy lớp vỏ gồm vật chất tương ứng với bảy cảnh khác nhau ở cõi trung giới mà nay anh đã biết đôi điều. Vào lúc qua đời, thể tình cảm xếp đặt lại phần vật chất tạo nên thể, khiến cho lớp vỏ ngoài cùng là phần đậm đặc nhất, làm bằng những nguyên tử tương tự với những hạt mà anh cần để sinh hoạt ở cảnh thứ nhất, tức cảnh đậm đặc nhất của cõi ấy.

Sau một thời gian anh rời cảnh thứ nhất đi qua cảnh thứ hai, bỏ lại lớp vỏ ngoài đó khiến cho những hạt nguyên tử tương ứng với cảnh thứ hai trở nên linh hoạt, và trở thành lớp vỏ ngoài cùng của thể tình cảm của anh. Và chuyện cứ thế tiếp diễn khi anh đi qua những cảnh cao hơn, mỗi lần đổi cảnh thì lớp vỏ ngoài rút đi làm lộ ra lớp vỏ bên dưới, khiến nó linh hoạt cho phép anh có ý thức hoàn toàn ở cảnh này.

Nếu bây giờ muốn đi xuống dưới trở lại, thí dụ từ cảnh thứ tư xuống cảnh thứ nhất, người cư ngụ thường trực ở đó phải dùng những hạt nguyên tử nằm trong tâm của trái cam, tức hạt nguyên tử trường tồn, để thực hiện sự thay đổi này. Nó đòi hỏi nỗ lực ý chí lớn lao hơn so với trường hợp của người sống, tạm thời là du khách qua cõi tình cảm, vì người đã khuất phải thu hút để tạo một lớp vỏ mới bao quanh thể tình cảm của mình, tương ứng với vật chất tình cảm ở cảnh mà họ muốn sinh hoạt.

Charles không đi với chúng ta trong lần du hành thứ hai sang cõi trung giới, vì tôi không mời hắn nên hắn không biết là có dự định để đi. Nay anh có thể nhìn ra là nếu chúng ta có Charles đi cùng trong buổi du hành ấy, tôi sẽ cần phải giải thích chi tiết với hắn về cách thức phải làm để cho phép hắn trở lại cảnh thứ nhất là chỗ hắn đang sống. Không phải vì Charles bận rộn với đời sống ở cõi trung giới mà anh không gặp lại em trong mấy ngày qua, mà giản dị là người trung bình sống ở cõi tình cảm không náo nức muốn liên lạc với người cõi trần, không giống như anh muốn lập tức tiếp xúc với Charles sau khi hắn tử trần.

Anh hỏi là Charles có thể tới nhập bọn với chúng ta mà không cần giúp đỡ? Chắc chắn là hắn làm được, miễn là hắn nghĩ đến chúng ta đủ mạnh, làm cho ta biết ước muốn của hắn. Thí dụ hắn có thể chờ trong phòng ngủ của anh mỗi tối nếu muốn, tới lúc anh ngủ và thoát ra khỏi thể xác; khi đó hắn có thể cho anh hay là muốn theo bất cứ chỗ nào mà anh đi. Anh chàng không tỏ ao ước mạnh mẽ ấy nên gần đây anh không gặp lại hắn. Còn nếu anh lo ngại thì xin trấn an rằng vào lúc này Charles đang bận rộn với một người khác phái vừa qua đời; hắn rất vui thích chỉ dẫn cô về đời sống mới chung quanh cô, tỏ cho cô thấy hắn biết nhiều về cảnh sống bên này ra sao. Tôi đề nghị anh để hắn yên một thời gian, vì về sau tôi nghĩ anh sẽ liên lạc trở lại với hắn, có lợi cho cả hai người.

H. Thầy chưa nói gì về việc tại sao có người sinh ra tàn tật, khiếm thị, câm điếc. Có lý do nào chăng?

Đ. Chắc chắn là có lý do và nói đôi điều về luật Karma hay nhân quả sẽ trả lời thắc mắc của anh. Chuyện thiết yếu anh cần nhớ thật rõ trong trí là tất cả những điều bi thảm ấy hoàn toàn là do người liên hệ tạo ra, do hành động của họ trong những kiếp trước mà không do một Hóa Công độc ác nào thích chứng kiến con người bị đau khổ.

Trẻ nhỏ sinh ra bị tàn tật vì trong một kiếp trước, họ là nguyên nhân gây nên đau khổ tột cùng cho người khác hay con vật khác. Người say mèm vì rượu có thể đánh đập tàn nhẫn một đứa trẻ, làm thể xác bị tật mà y khoa không chữa được; điều ấy không nghi ngờ gì sẽ khiến họ sinh ra tàn tật ở kiếp sau, bắt buộc phải bị đau khổ theo cùng một cách. Người sinh ra bị câm và điếc thường khi do ở kiếp trước, họ là cha mẹ của trẻ câm điếc nhưng thay vì tạo cảnh gia đình vui vẻ cho con, cha mẹ lại tỏ ra thất vọng là có con khác thường, trút sự bức bối lên trẻ mà em không thể chống đỡ làm cuộc sống của em hóa tệ hơn.

Ngay cả người tiến hoá xa biết lý do trẻ sinh ra cam điếc hay bất bình thường về bất cứ mặt nào, thường khi không nhận thức rằng có con khác thường là một cơ hội vô cùng tốt đẹp để họ tạo nên karma tốt, bằng cách đối đãi con với nhiều thiện cảm và hiểu biết. Anh có thể nói rằng ngày nay rất khác với công lý đời xưa, nhưng các hành động không suy nghĩ trong kiếp trước của ta phải được trang trải, ngay cả khi ở những kiếp đã qua con người ít nhạy cảm với sự đau đớn hơn là so với ngày nay, và quen với cách đối xử tàn tệ hơn. Đừng quên rằng dụng ý là điều quyết định mức đau khổ.

Nhân quả cũng xảy ra tương tự đối với sự tàn nhẫn về tình cảm và trí tuệ. Chuyện rất hay thấy là bà mẹ nay là quả phụ, gây cản trở không cho con trai thành hôn, chỉ vì bà ích kỷ muốn giữ con lại trong nhà. Cha / mẹ biện luận rằng lập gia đình sẽ tạo nên chuyện bất lợi hay làm gia đình mất bớt lợi tức, hay họ quá đau yếu không thể sống một mình. Thế nên con trai / con gái cảm thấy có bồn phận, bỏ qua cơ hội có cuộc hôn nhân hạnh phúc và dành cả đời quên mình để chăm sóc cho mẹ / cha ích kỷ, trong khi những người khác đều thấy ngay ra điều này.

Kết quả của lòng ích kỷ đó là để cho công bình, nếu trong kiếp tương lai thiếu phụ này cảm thấy thương yêu ai thì người ấy qua đời, vì lý do này hay kia trước khi có cuộc hôn nhân. Sau nhiều năm cô lành vết thương lòng, gặp người khác thương yêu mình và xem ra không có lý do nào để chuyện không diễn tiến tốt đẹp, nhưng số mạng có thể can thiệp lần nữa với kết quả là một bên trong lứa đôi mắc bệnh nan y khiến cho hôn nhân không thành. Vì người đời không biết lý do nằm đằng sau chuyện xảy ra, họ tin rằng kẻ trong cuộc là trò chơi của con Tạo nhẫn tâm, nhưng nó không phải vậy, vì anh không thể bị đau khổ trừ phi chính anh đã sinh ra nguyên nhân của đau khổ đó.

H. Tại sao có người sinh ra dưới 'ngôi sao tốt' có tiền bạc dư thừa, sức khỏe đầy đủ và mọi điều xem ra là lợi thế, còn người khác sinh ra trong khu ổ chuột, không có lợi thế tự nhiên nào, và đôi khi mắc bệnh do cha mẹ truyền sang?

Đ. Môi trường mà mỗi người sinh ra là do họ tự tạo cho mình trong một kiếp trước, cũng theo luật nhân quả. Khi một ai sinh ra dưới 'ngôi sao tốt' như anh mô tả, có nhiều tiền và sức khỏe tuyệt hảo, tự nhiên là người đời xem họ đúng là được Trời thương, nhưng cơ hội có một đời sống dễ dàng chỉ đến với ai đáng được hưởng như vậy. Người sinh ra trong ổ chuột bị thua kém nhiều bề và có lẽ còn mắc bệnh di truyền bị xem là thiếu may mắn, nhưng tôi có thể bảo đảm với anh rằng người sau cũng nhận lãnh điều họ đã gieo.

Muốn xem thí dụ ai có quyền được sinh ra dưới ngôi sao tốt anh chỉ cần nhìn vào người nghèo trên thế giới để thấy trường hợp điển hình. Đã bao nhiêu lần anh thấy cảnh một người không có nhiều tiền của mà tỏ lòng rộng rãi, cố gắng giúp người khác kém may mắn hơn họ? Cảnh hay xảy ra là lắm khi họ bị người thiếu lương tâm lợi dụng. Hành động rộng rãi của người như vậy khiến họ được sinh ra trong điều kiện tương lai hết sức khác biệt, và ít khi họ mất cơ hội do tiền của dư dả tạo ra, vì họ tiếp tục giúp người đồng loại như đã làm trong quá khứ, mang lại lợi ích cho chính mình và thế giới. Nếu những

cơ hội này bị bỏ qua không dùng, con người tạo nhân quả xấu thay vì tốt và để họ sinh ra vào cảnh ít thuận lợi theo quan điểm của người thường thì hay hơn.

Sinh ra trong cảnh nghèo hèn không nhất thiết là bị kém may mắn lớn lao. Trong những trường hợp ấy, họ có cơ hội vượt qua những giới hạn của môi trường họ sinh ra bằng chính nỗ lực của mình. Ta hay thấy người như vậy khắc phục được trở ngại của hoàn cảnh và lớn lên thành đạt, ngay cả thành nhà lãnh đạo thế hệ của họ. Phải có can đảm mới làm được thế, nhưng nỗ lực thực hiện chẳng những cải thiện tâm tánh của họ, mà còn cho phép họ tạo nên nhân quả tốt trong kiếp đó. Sự gắng sức và việc họ từ chối không để cho các giới hạn tự nhiên cản đường mình, thường bảo đảm rằng trong kiếp sau môi trường của họ cải thiện nhiều lần hơn.

H. Thầy có thể giải thích tại sao có giống dân da màu và giống khác da trắng? Có phải người da trắng luôn luôn là người tiến hóa hơn ai da màu? Hôn nhân dị chủng có phải là điều tốt? Ai đã là người da trắng thì có bao giờ sinh làm người da màu không?

Đ. Theo quan điểm huyền bí thì không có lý do gì để nói là người da trắng nhất thiết tốt hơn người da màu. Màu da của một người không nói lên mức tiến hóa của họ, mà thường là do yếu tố khí hậu trong nước mà họ sinh ra. Việc sinh vào một quốc gia nào thường được quyết định cho họ, tuy rằng chân nhân được chọn lựa phần nào. Trước khi bắt đầu việc tái sinh nơi cõi trần, chân nhân được cho thấy những đặc tính mà nó thiếu, và bởi mỗi quốc gia có các đặc tính riêng của chúng, cái trên thực tế biểu lộ ra trong tất cả công dân của nước ấy, chân nhân thường sinh vào gia đình trong nước có những đức tính và tính chất tiềm tàng mà linh hồn còn thiếu, để các điều này được tạo ra trong bản tính tương lai của nó.

Mấy chục ngàn năm về trước người trên mặt đất có da màu. Tuy ngày nay Úc châu là nước da trắng nhưng người thổ dân tại Úc lại là người da đen. Ở Nam Phi người sinh sống ban đầu nơi đó là người da màu, và tuy một số lớn vẫn còn sống nơi ấy. Nam Phi hiện giờ (trong thập niên 1940) do người da trắng kiểm soát. Tất cả chúng ta trong những kiếp trước đều sinh ra làm người da màu. Khi văn minh tiến triển, những quốc gia nay là phương tây có người đến cư ngụ và để cho các nước ấy phát triển càng mau càng tốt, những đấng cao cả trông coi vận mạng các quốc gia đã dàn xếp cho một số linh hồn tiến hóa trên thế giới, sinh làm con cái của những người tiền phong cư ngụ ở các nước tây phương.

Bởi khí hậu tại các nước này thường lạnh hơn khí hậu các nước đông phương nói chung, mặt trời có ít ảnh hưởng hơn trên da của con người, với kết quả là giống da trắng sinh ra. Tiến bộ ngày nay phần lớn phát xuất từ các nước tây phương, vì điều ấy việc nên có là những người kinh nghiệm nhất trên thế giới, các linh hồn già dặn, sinh ra trong cơ thể của người tây phương. Anh quốc từng là nước thống lĩnh trong các thế kỷ qua, do đó nhận được số linh hồn xứng đáng với phần của nó, nhưng nay Hoa Kỳ đang nhận lấy trách nhiệm đi với vị trí khó khăn ấy. Chắc chắn không phải vì tình cờ mà một ai được quyết định sinh ra làm người Anh, Mỹ, Đức hay Trung Hoa.

Hiển nhiên anh thấy là tất cả người da trắng không phải đều tiến hóa hơn tất cả người da màu. Mỗi quốc gia trên thế giới cần có một số linh hồn đã tiến hóa cao và có kinh nghiệm hướng dẫn nó, giúp sự tiến hóa của nó, thế nên luôn luôn có một số linh hồn già dặn sinh trong mỗi quốc gia. Nói như vậy tôi không muốn hàm ý rằng có linh hồn già dặn sinh ra với thân xác là người thổ dân của Úc châu. Điều này không thể nào xảy ra vì họ không phải là một quốc gia mà là một giống dân đang tàn lụi dần, thế nên những ai sinh ra với thể xác ấy là người nguyên thủy thuộc về giống dân đó, nhưng không tiến kịp hay tiến xa bằng những người cũng ban sơ thuộc cùng giống dân mà đã tiến sang những giống khác từ lâu.

Hãy so trường hợp đó với Ấn Độ, trong nước này anh thấy có hằng triệu linh hồn chưa tiến hóa, mà anh cũng thấy một số lớn người trí thức tiến bộ và nhiều người hết sức thiên về mặt tinh thần. Ấn luôn là nước mà dân chúng quan tâm rất mực về việc phát triển tâm linh. Hãy tin tôi, nước này có một nền văn hóa lâu đời và nó cũng sẽ đóng một vai trò lớn lao cho sự tiến bộ của thế giới trong nhiều thế kỷ về sau. Chuyện rõ ràng là một nước như thế cần có những linh hồn sinh ra với nó có khả năng hướng dẫn vận mạng của hằng triệu người khác, để trong tương lai có thể thực hiện vai trò nó được giao phó.

Về câu hỏi người thuộc sắc dân khác nhau có nên thành hôn thì khó mà trả lời. Đôi khi chuyện xảy ra là người sinh vào những quốc gia khác biệt có liên hệ với nhau ở những kiếp trước, thí dụ như hôn nhân. Khi họ gặp lại trong kiếp này như là người thuộc hai nước riêng rẽ, sự thu hút mang họ lại với nhau ở kiếp trước có thể vẫn mạnh mẽ như xưa. Trong một số trường hợp thành hôn với nhau lần nữa có thể là điều lợi cho họ; chỉ bằng cách xem xét kinh nghiệm quá khứ riêng của mỗi người mới cho ra ý kiến có giá trị. Tôi nghĩ rằng thường thường người da trắng và người da màu không nên thành hôn với nhau, vì thói quen và văn hóa của các giống dân khác lạ khó mà hoà hợp tốt đẹp, vì vậy cuộc hôn nhân dị chủng diễn ra không thuận lợi cho cả đôi bên. Kết quả có thể là sinh ra con hai giòng máu và ai cũng thấy là trẻ như thế bị bất lợi.

Ai sinh ra làm người da trắng không nhất thiết kiếp sau cũng làm người da trắng trở lại. Đây cũng là việc do nhân quả mà ra, và có nhiều yếu tố chi phối nên không có câu trả lời tổng quát cho thắc mắc này. Trong trường hợp người da trắng nghĩ rằng mình cao hơn, và bóc lột người khác chỉ vì kẻ sau là người da màu, thì luật nhân quả sẽ tác động. Có thể họ bị sinh làm người da màu trong kiếp tới, hầu cho họ học được bài học khoan hòa và thông cảm, đặc tính mà họ thiếu sót thấy rõ trong kiếp qua.

H. Thầy không nói về chuyện gì xảy ra cho người tự tử. Đó có phải là tội phạm lớn lao không?

Đ. Việc chấm dứt đời mình không những là tội phạm mà còn là hành vi hết sức điên rồ. Anh không giải quyết những khó khăn của mình bằng cách chạy trốn chúng, làm vậy chỉ là trì hoãn việc giải quyết sang kiếp tới. Người ta có thể biện luận rằng hoàn cảnh mà họ phải đối đầu là nguyên nhân khiến họ đi tìm cái chết, trong khi những hoàn cảnh ấy

được xem là cần thiết cho sự tiến hóa của họ, và họ phải trải qua chúng chẳng sớm thì muộn.

Cũng y như đứa trẻ trốn học ở trường sẽ phải học lại lớp thấp thêm một học kỳ, cho tới lúc trẻ ý thức được rằng muốn lên lớp cao hơn ít nhất em phải có điểm tối thiểu của mọi môn học, khi ai tự tử trở lại cõi trần vào kiếp tới, một loạt nhiều cảnh ngộ sẽ hiện trở lại tạo ra các rối rắm và khó khăn y hệt mà họ đã trốn chạy khi xưa. Nay họ phải đối đầu và vượt qua chúng vì nếu bỏ chạy lần nữa, họ chỉ làm đình trệ cuộc tiến hóa của chính mình; bao lâu chưa trực diện và khắc phục những trở ngại này và nhờ vậy học được bài học mà khó khăn muốn dạy, thì họ không tiến bước chút nào trên đường tới sự toàn thiện.

Tự tử thường dẫn tới lòng hối hận tột cùng sau đó, và chỉ trong một thời gian rất ngắn sau khi sang cõi tình cảm, nỗi ao ước trên hết của đa số người tự tử là sửa được hành động của mình và sống trở lại. Chuyện không may là họ không thể trở về cõi trần mà phải chờ cho tới lúc tái sinh, họ cũng được cho biết rất rõ là bất kể kiếp tới ra sao, họ sẽ phải gặp trở lại những khó khăn y hệt như vậy lần nữa.

Vì người ta bị đau khổ do hối hận cực độ và vì thế họ sẽ làm bất cứ điều gì để nhập vào thể xác trở lại, ngay cả khi điều ấy có nghĩa là phải đối đầu với hậu quả, người tự tử thường từ chối không chịu có nỗ lực ý chí cần thiết để thải ra thể sinh lực, là thể mà anh nhớ là thấy quán chung quanh thể tình cảm vào lúc qua đời. Do sự bám víu này của thể sinh lực, người trần gọi họ là vong linh 'vất vưởng' chưa siêu thoát (earthbound), bao lâu mà họ còn khăng khăng từ chối không chịu bỏ thể sinh lực.

Bởi họ tự tử nên không được người cứu trợ vô hình thông cảm và giúp đỡ, như anh thấy tất cả ai qua đời theo cách bình thường đều được trợ giúp với lòng xả kỷ. Vì vậy họ tiếp tục bị vật vờ bởi không hiểu biết, không thể sinh hoạt đúng mức ở cõi trần cũng như cõi trung giới, cảm thấy cô đơn vô kể là cái tâm tình sinh ra trong trạng thái đó. Sau một thời gian dài như vô tận, nhờ thay đổi tư tưởng họ sẽ thu hút được người tới giúp đỡ, để sau đó có thể bắt đầu cuộc sống ở cõi tình cảm.

Đôi khi tình trạng hết sức khó chịu trong tình cảnh lưng chừng đó, làm con người chán ghét cùng cực Thượng đế và nhân loại nói chung, nên họ vờ vẩn quanh nơi đã tự tử, và tìm cách thúc giục người khác cũng tự hủy mình giống vậy. Lý do của hành động này là sự cô đơn kinh khủng trong cảnh sống hiện giờ của họ, họ cảm thấy là nếu xúi giục được người khác làm điều mà mình đã làm, họ sẽ không hoàn toàn cô đơn trong cảnh thâm cảm của mình. Trong những trường hợp rất hiếm, họ thành công với nỗ lực ấy, và nhân quả của việc làm đó là họ phải chịu đau khổ lớn lao ở kiếp sau. Tự tử không bao giờ là sự thoát nạn mà chỉ là việc đình hoãn, và không một cảnh ngộ nào trên đời lại tệ hại đến mức người ta phải dùng cách ấy để trốn tránh nó.

H. Nếu có Thượng đế hay thần thánh quản trị đời người thì tại sao ngài lại cho phép có chiến tranh, nhất là khi đa số nhân loại mong muốn có hòa bình?

Đ. Sao anh cho rằng chiến tranh là do Thượng đế sinh ra, hay cho phép xảy ra? Chắc chắn chiến tranh là kết quả của hành vi con người cũng như khuynh hướng hung bạo của họ. Chiến tranh sẽ còn hoài bao lâu mà còn những quốc gia phân biệt trên thế giới, và một số quốc gia muốn thống trị cùng bóc lột các quốc gia khác. Có nhân quả cho quốc gia cũng như nhân quả cho cá nhân, và nhóm người tụ họp với nhau thành một quốc gia nào đó xen vào chuyện của một quốc gia khác phải luôn luôn gánh lấy hậu quả của hành động như vậy, dù xấu dù tốt. Trong nhiều trường hợp một nước sẽ biện luận rằng nó muốn điều tốt lành cho dân tộc mà nó chế ngự, nhưng lịch sử thường chứng tỏ là nước bị trị không hề chịu nằm yên dưới gót giày của kẻ chế ngự, hay nó cũng không tiến hoá mau như khi được để yên tự tìm đường phát triển cho mình.

Chiến tranh sinh ra chiến tranh và cứ như thế mãi, cho tới khi nhân loại nhận thức rằng mọi người là thành viên của gia đình nhân loại, cần được đối xử với lòng thiện cảm và hiểu biết và được giúp đỡ như là chuyện tự nhiên. Tới ngày giờ ta sẽ không còn những quốc gia riêng rẽ vì mọi người sẽ sống chung hoà hợp, mỗi nhóm trao đổi với các nhóm khác đồ vật mà nơi họ ở dễ dàng sản xuất, cùng với những món chế tạo mà họ có thể làm ra tốt nhất. Các nước riêng biệt khi ấy sẽ trở thành những tiểu bang trong một quốc gia thế giới, và người khôn ngoan của mỗi nhóm sẽ cai trị, làm luật mang lại lợi ích cho tất cả.

Đúng là đa số người mong muốn hoà bình, nhưng không may là chiến tranh hay hoà bình lại thường do ai nắm quyền vào lúc ấy quyết định. Trách nhiệm của bất cứ quốc gia hay nhóm người nào khi mở cuộc chiến quả thật rất to lớn, và rất ít khi hay gần như không bao giờ một cuộc chiến tranh như vậy lại hữu lý, bất kể biện luận nào có thể được đưa ra nhằm chứng tỏ là không có cách nào khác. Chẳng bao lâu thế giới sẽ thấy rằng ngay cả những nước thắng cuộc chiến hiện đại (thế chiến thứ hai) cuối cùng vẫn bị thua, và sau cuộc chiến tình trạng thế giới trở nên khó khăn tới mức lợi điểm họ tưởng đã chiếm được, lại thua sút các vấn đề hậu chiến mà họ gặp phải. Đừng bao giờ nghĩ rằng những Đấng Cao Cả chăm lo cho cuộc sống muốn có chiến tranh. Những vị Toàn Thiện ấy làm hết mọi điều trong khả năng mình để dẫn dắt nhân loại theo đường hoà bình và tiến bộ, nhưng nỗ lực các ngài bị giới hạn vì con người được cho có Tự do Ý chí. Đó là tính chất riêng biệt của loài người.

H: Với ai rất tiến hóa thì họ có tự động đạt tới tâm thức liên tục, cho phép họ nhớ lại đã làm gì khi ra ngoài thể xác trong lúc ngủ không?

Đ: Câu trả lời của tôi tùy thuộc vào việc anh cho người tiến hóa là như thế nào. Người trung bình có từ năm đến sáu trăm kiếp trong những thân xác khác nhau, tính từ kiếp đầu tới kiếp chót làm người và đạt được chứng đạo (còn gọi là điểm đạo) lần thứ năm trở thành vị Đạo sư. Tuy trung bình sáu trăm kiếp là khoảng thời gian cần để học tất cả những bài học trên thế giới này, nhưng chỉ trong khoảng năm mươi kiếp chót thì con người mới phát triển về mặt huyền bí, và học cách dùng những quyền năng tiềm ẩn trong

tất cả mọi người, thí dụ như trực giác, thông nhãn và khả năng xuất hồn có ý thức khi nào cần.

Nói tổng quát thì anh có thể cho là người tiến hóa đã phát triển những quan năng này, nhưng ai chưa tiến hoá lắm cũng có thể được cho cơ hội để phát triển theo đường hướng đặc biệt ấy, và trường hợp riêng của anh là thí dụ. Còn anh có khoảng năm mươi kiếp trước mặt trước khi đạt tới vị thế là người Toàn Thiện, nhưng vì nhu cầu của anh lớn nên đã được cho chỉ dẫn đặc biệt, và đổi lại tôi hy vọng anh sẽ tỏ lòng biết ơn bằng cách truyền lại hiểu biết này cho những ai khác ít may mắn hơn chứ? Nếu anh tiếp tục làm việc như đang làm hiện nay, anh sẽ thấy là trí nhớ về chuyện gì xảy ra cho anh lúc ở ngoài thể xác sẽ càng ngày càng rõ lần, hiểu biết của anh về sự sống sau cái chết sẽ cho phép anh tiến mau lẹ hơn bình thường. Cùng lúc ấy nó sẽ mang lại cho anh nhiều sự bình tâm và an lạc. Đừng nghĩ rằng đã phát triển được khả năng này thì anh khác với hay cao hơn người khác, những người mong muốn có được cơ hội như anh. Lòng kiêu hãnh luôn luôn là điều nguy hiểm, vì nó thường khiến người ta không được trợ giúp nữa và kết quả là họ sẽ rơi trở lại vào hố chán nản.

H: Số lần của những kiếp làm người nữ có bằng với số lần làm người nam, hay phái tính chỉ là chuyện tình cờ?

Đ: Câu hỏi chót này dễ trả lời. Không, phái tính không phải là chuyện ngẫu nhiên, và số lần làm nam giới không bằng số lần làm nữ giới. Có những đặc tính mà chỉ thể xác nam hay nữ mới cho ta phát triển mà thôi. Tới lúc đạt được sự toàn thiện thì tất cả chúng ta đã phát triển tới mức tối thiểu mọi đức tính, hợp lại thành một người tuyệt hảo lý tưởng, và một số đức tính được nảy nở hơn mức tối thiểu. Tự nhiên là ai tiến hoá qua hành động sẽ có đặc tính khác với ai phát triển nhờ sống đời thánh nhân, nhờ tham thiền lâu dài nhằm nỗ lực giúp đỡ đồng loại.

Tất cả những loại người toàn thiện đều cần thiết, và có nhiều con đường cho chúng ta theo để làm tròn vận mạng của mình. Nếu ai thiếu can đảm và khả năng có quyết định hợp lý, tận tâm cai trị đồng bào của mình, điều ấy có thể muốn nói không chừng họ sẽ sinh ra làm người nam trong hai hay ba kiếp liên tiếp, để có đầy đủ cơ hội phát triển chuyện họ cần.

Ngược lại ai thiếu bản năng làm cha hay làm mẹ, và cũng không thể có sự tận tâm quên mình hay thương yêu người khác ngay cả khi tình yêu ấy bị chối từ, điều ấy có thể muốn nói là nên có một hay hai kiếp làm người nữ để học những bài học đó.

Trên lý thuyết người ta nên có số lần làm người nam và nữ bằng nhau trong tổng số kiếp sống của họ, nhưng trên thực tế chuyện không xảy ra giống vậy, vì có người phát triển dễ hơn trong loại thể xác này so với thể xác kia. Tới ngày giờ đạt được sự toàn thiện, con người sẽ có tất cả những đặc tính của cả hai phái được phát triển tương đối khả quan. Khi anh có cơ hội gặp gỡ vài vị Toàn Thiện như thế, anh sẽ thấy điều tôi nói với anh là đúng.

Acharya tiếp tục.

– Đến đây chấm dứt những câu hỏi của anh và sau khi viết lại từ bản tốc ký, đọc lại, tôi hy vọng anh sẽ thấy là câu đáp mà tôi đưa ra sẽ làm sáng tỏ những điểm anh nêu lên. Tốt hơn anh nên đi ngủ sớm vì hẳn anh phải mệt, đừng bận tâm đến việc tập trung tư tưởng trước khi ngủ để sáng nhớ lại anh đã làm gì ban tối. Tôi sẽ không đến thăm anh ít nhất là trong một tuần, vậy anh có nhiều cơ hội để tự kinh nghiệm như tôi đã nói với anh hôm qua; nếu gặp trục trặc thì tôi ở ngay cạnh để giúp anh. Cầu mong anh được bình an, tôi phải đi đây.

Một tuần sau.

Tôi có thể tả dài dòng nhiều chuyện xảy ra trong tuần này nhưng tôi không muốn làm bạn chán, nên sẽ chọn ra trong các chuyện sự việc nào xem ra là quan trọng hay lý thú.

Vào tối THỨ HAI tôi tới được nhà của Daphne, thấy nàng mời bạn bè đến giải trí. Tôi được giới thiệu với mấy người trong nhóm, chuyện trở nên hứng thú về thời sự trên thế giới, và thấy họ hiểu biết rất nhiều về các đề tài ấy. Họ chiếu phim cho tôi coi, mô tả những khu vườn nhà trong thung lũng này. Chúng đẹp hơn bất cứ gì tôi đã thấy trước đây. Khi được cho thấy khu vườn để tự nhiên không có tay người xấp đặt, tôi thấy tinh linh tí hon cao không quá 12 – 15 cm, nhảy nhót trong và ngoài phim. Khi chúng đáp xuống một bông hoa, cành hoa khẽ rung lên như có một con bướm lớn hay con ong đậu vào. Tinh linh có hình ảnh giống hệt những tiên nữ vẽ trong chuyện mà trẻ con mọi lứa tuổi ưa thích, ngoại trừ một khác biệt quan trọng là tuyệt nhiên chúng không có cánh. Điều này dễ hiểu vì nói cho hợp lý thì cánh không cần thiết chút nào ở cảnh mà tinh linh cư ngụ.

Sang tối THỨ BA, tôi ra khỏi thể xác dự tính lên cảnh thứ ba lần nữa, nhưng khi lơ lửng ngay trên giường nơi cơ thể đang nằm, chuyện đầu tiên tôi nghe là giọng của Charles theo kiểu nói đặc biệt của nhà binh. Em bảo:

– Tới lúc anh phải đi với em nghe. Kể từ đêm mà anh và ông bạn Ấn Độ của anh đi London với em, em đã tới đây ít nhất ba lần, lần nào thì xác cũng có đó mà anh đi đâu mất biệt. Em không biết anh bỏ đi đâu nên không thể theo. Lần này em quyết định tới sớm để bảo đảm là bắt kịp anh.

Tôi nói.

– Charles này, anh xin lỗi. Anh không biết là chú tìm anh, tại anh quá đổi bận rộn và những gì được thấy làm anh thích quá.

– Mình lên phòng trên lầu nhỏ của anh đi, em nhớ nó là chỗ anh thích nhất. Charles bảo, rồi ta sẽ nói chuyện dài như ngày xưa.

– Chú nói phải đó, mình đi.

Thế rồi chúng tôi cùng đi lên phòng kín của tôi, chuyện vãn về những ngày đã qua và tôi kể phần nào những gì đã xảy ra cho tôi cho đến ngày hôm nay.

Charles nói.

– Em rất mừng là anh may mắn gặp được Acharya, tại em lo lắng sau khi qua đời, thấy anh vô cùng rầu rĩ và thiếu ngủ. Em ráng hết sức mình để nói chuyện với anh nhưng không làm cho anh nghe được. Hai chúng ta thân nhau biết bao hồi còn nhỏ, dù rằng anh luôn luôn già khú để hơn em. Em thương anh biết chừng nào từ ngày anh chỉ em chơi đá banh, dạy cho em bài học đầu tiên cách nắm khúc côn cầu. Cuộc đời mới ngộ làm sao! Em thường nghĩ là sống để tìm thú vui và sống hết mình càng nhiều càng tốt, rồi về sau cưới cô nàng xinh đẹp nào đó, sinh con để cái tạo gia đình. Hồi mới gặp Acharya ông làm em chú ý về sự kiện rằng người ta vẫn y vậy sau khi chết, chỉ có cảnh sống là khác thôi và em thấy quả đúng như vậy.

– Phải, tôi đáp. Anh nghe Acharya thuật là em không buồn cho lắm. Ông nói em đã kết bạn với một cô vừa mới qua đời. Phải thế không?

Hắn có đồ mặt không hay là tôi tưởng tượng?

– Đúng, có chuyện đó, Charles nói. Em nghĩ có cô bạn để đi loanh quanh đó đây sẽ làm qua ngày giờ. Trong trường hợp cô này em chắc nó sẽ gọi lòng kiêu hãnh của em vì cô tưởng em tài giỏi lắm, chỉ vì em biết vài điều hơn cô. Hồi ở cỗi trần đời cô không vui mấy nên em nghĩ đi rong chơi chỗ này chỗ nọ, xem múa hát, ăn nhà hàng là chuyện thích thú lúc này.

– Ô, Charles. Tôi nói, có điều anh muốn hỏi em. Khi bỏ thể xác rồi và sang cảnh này thì có còn liên hệ tình dục được chăng?

Lần này tôi tin chắc là hắn đồ mặt nhưng hắn nói ngay:

– Có chứ, có việc đó và em nghĩ có đa số người làm nhưng nó không giống như cõi trần. Chuyện này dẫn tới chuyện kia y như vậy và trước kia lúc còn sống, nếu anh hỏi câu này em sẽ ngượng ngùng kể cho anh nghe chuyện tình yêu thầm kín của em, thì bây giờ cũng vậy, em vẫn cảm thấy ngượng ngùng khi nói về chuyện ấy.

Tôi bảo.

– Anh không có ý tò mò chuyện riêng tư, chỉ muốn có càng nhiều chi tiết càng tốt về sự khác biệt giữa cảnh sống cõi trần và cõi tình cảm, và ở những cảnh khác nhau của cõi sau. Anh có kể em nghe việc gặp lại Daphne ở cảnh cao nơi cô đang học nhạc. Hồi cô còn sống anh rất quý mến cô, và hắn sẽ hỏi cô làm vợ ngay vừa khi đủ sức cưới vợ. Tuy Daphne và anh chưa thành hôn với nhau, anh cảm thấy là tình thân trong sạch tiếp tục ở những cảnh cao này sẽ không những kéo dài trong suốt quãng đời ở cõi tình cảm của cô với anh, mà còn tạo nhiều lợi ích to lớn cho cả hai trong kiếp tới. Để tối nào đó em đi theo và anh sẽ giới thiệu em với Daphne nhé?

– Được, em thích lắm. Charles đáp.

Tôi đề nghị tối thứ năm và hẳn ưng thuận.

Charles cho hay hẳn vừa mới tiếp xúc được với ba của chúng tôi lúc gần đây, ông qua đời mấy năm về trước. Theo lời mô tả của hẳn tôi cho là ba tôi đang sống ở cảnh thứ hai. Charles kể là hẳn gặp ba ở chỗ trồng toàn hoa hồng, tôi nhớ hồi tôi còn nhỏ tính của ba là vậy; hẳn nói lần mới đây khi gặp lại ông, ba tỏ ra buồn rầu vì con chó nhỏ tự nhiên đến ở với ông nay đột ngột biến mất, ba cho là nó đi lạc. Tôi giải thích với Charles việc thực sự đã diễn ra nhưng hẳn không tỏ ra chú ý cho lắm. Hai chúng tôi tiếp tục trò chuyện cho tới khi có một cảm giác bồn chồn lạ lùng đến với tôi. Tôi chỉ có giờ bảo Charles đừng quên thứ năm và rồi tỉnh dậy trên giường, không nhớ mình đã về làm sao.

Tối THỨ TƯ tôi có kinh nghiệm đáng sợ nhất, có ác mộng với Daphne dự phần trong đó. Dường như Daphne và tôi ở trong một hang tối. Vì lý do nào đó chúng tôi không thể thoát khỏi một con vật giống như con khỉ đột dữ dằn, ngồi trên sàn gần chúng tôi, mắt long lên sòng sọc nhìn vào Daphne, thấy rõ là nàng hấp dẫn nó theo một cách ghê gớm chi đó. Tôi biết là trong giấc mơ tôi muốn bảo vệ Daphne, nhưng con khỉ đột to lớn mạnh mẽ khiến tôi biết là không sao chống cự lại. Có vẻ nó thấy ngộ nghĩnh chuyện chúng tôi muốn trốn lánh, vì nó la rống và cười hăng hắc khi chúng tôi bỏ chạy cuống cuồng trong hang, tìm đường thoát nạn.

Ngay cả trong giấc mơ tôi thấy mồ hôi trán nhỏ giọt và tôi ráng nghĩ tới Achrya, với hy vọng là thầy sẽ đến cứu, nhưng chẳng có gì xảy ra và làm chúng tôi phải chịu trận. Một lúc sau con khỉ đột đứng dậy tiến lại Daphne, đưa cánh tay lông lá chụp lấy nàng, và bắt đầu kéo nàng về phía đầu kia của hang. Daphne la hét chống lại hết sức mình, trong cảnh tuyệt vọng tôi đâm bổ vào con vật kinh khiếp và dù không có vũ khí, tôi cố gắng lấy tay bóp cổ nó với hy vọng làm con vật quay sang chú tâm vào tôi. Cho tới bây giờ làm như tôi vẫn còn ngủ được hơi thở hôi hám của nó, vì giữa chừng cuộc vật lộn thì tôi tỉnh dậy trên giường, mồ hôi đầm dề với chần mền quán rối quanh thân. Tôi không hiểu chút nào ý nghĩa của sự việc, tôi sẽ kiểm lại với Daphne càng sớm càng tốt với hy vọng biết đôi chút về chuyện này.

Sang tối THỨ NĂM tôi bắt đầu công việc của người cứu trợ nơi cõi trung giới. Đây là tối mà tôi đã xếp đặt để mang Charles lên cảnh thứ ba. Charles tới trễ và khi đến thì lộ vẻ lo lắng, vì hẳn bảo một người bạn của hẳn là Bill Fletcher bị bắn rơi, và tử nạn trong một vụ phi cơ địch thả bom ở London. Em kêu tôi đi cùng với em để giúp đỡ, chúng tôi lập tức đi London ngay. Charles biết chỗ để tìm Bill, và sự trợ giúp của chúng tôi được ba người cứu trợ hăng hái mà thiếu kinh nghiệm ở cõi tình cảm hoan nghênh. Sau khi cả bọn cố công hết sức trong hai tiếng đồng hồ, Bill chịu nghe và dùng ý chí thoát khỏi thể sinh lực, lập tức trở thành một người khác hẳn. Charles và tôi lo cho anh chàng, chúng tôi đi cùng với anh đến nhà và làm những gì có thể làm, để chuẩn bị người vợ trẻ của anh với tin báo tử mà cô sẽ nhận vào sáng hôm sau.

Kể đó Charles muốn ở lại với Bill, nói rằng hẳn biết rõ anh ta đang đau khổ như thế nào, tôi quay trở lại chỗ thả bom để xem còn có thể giúp điều gì khác nữa. Một xe cứu thương chạy ngang qua và tôi quyết định đi theo nó. Xe chạy về một bệnh viện lớn của London và một cái cồng được cẩn thận khiêng vào bệnh viện, trên đó một cô gái trẻ đang nằm. Cũng cô gái ấy nhưng trong thể tình cảm đang đi bên cạnh cái cồng, với dáng điệu hốt hơ hốt hể. Sau khi khám nghiệm, thể xác của cô được mang tới một khu đã đầy bệnh nhân mới vào lúc gần đây.

Việc diễn ra gọn gàng, không hồi hải và thật là hữu hiệu khiến tôi thán phục, cô gái được đặt vào giường và có thu xếp để tiếp máu cho cô. Cô cuống cuống tìm cách liên lạc với bác sĩ và y tá đang săn sóc thể xác bất tỉnh của mình, nhưng sau một lúc ngắn cô chịu nghe tôi nói. Tôi nói cô sẽ không sao đâu, vì trực giác tôi thấy vậy. Tôi bảo nếu cô bình tĩnh và đứng qua một bên xem chuyện diễn ra thì có ích cho cô hơn, cùng lúc hãy dùng ý chí của mình để phụ vào nỗ lực của bác sĩ và điều dưỡng viên. Bây giờ ngồi đây xem lại tôi không biết tại sao mình lại đề nghị với cô như thế. Tôi không hề biết là nói vậy sẽ có giúp gì được cho cô hay không, nhưng tôi thấy nên nói như vậy thế là tôi làm ngay.

Tôi có thể thấy rõ là có một sợi dây mỏng bằng chất ether, nối dài giữa thể tình cảm của cô với thể xác đang nằm trên giường ở bệnh viện, nên biết là cô chưa chết và tin chắc là cô sẽ không bị thiệt mạng. Tôi ở lại với cô nói chuyện suốt đêm, sau đó cô kể là căn nhà của mình nằm cạnh căn nhà bị trúng bom, và cô hết sức lo âu về số phận của bà mẹ lớn tuổi. Tôi bắt đầu chỉ cô đôi điều hiểu biết mà tôi vừa mới được dạy cho hay.

Có nhiều người cứu trợ cõi tình cảm đi lại trong khu, và một người trong bọn tôi chưa gặp bao giờ cho biết anh tên Jim và khen ngợi nỗ lực của tôi, anh bảo ước sao có thêm nhiều người có hiểu biết cần thiết để giúp trong những vụ cấp cứu tương tự.

Sang tới THỨ SÁU tôi có kinh nghiệm thật độc đáo tới mức phải tả lại chi tiết sinh hoạt trong đêm đó. Tôi gặp Daphne trong phòng của nàng ở Học Viện. Chuyện đầu tiên tôi hỏi là việc thấy nàng trong ác mộng của tôi, nhưng nàng đoán chắc là không có dự vào ác mộng đó. Hai chúng tôi quyết định thử tự mình đi lên cảnh kế là cảnh thứ tư, nhưng chúng tôi gặp vấn đề là không ai trong hai đứa tôi biết mốc điểm nào để tượng hình trong trí. Chúng tôi ngồi bên ngoài học viện và tập trung tư tưởng, tôi ráng nghĩ đến một bệnh viện tâm thần như Achrya đã nói mà không có gì xảy ra. Tôi ước sao có Acharya để giúp và hẳn tôi đã tạo ra hình tư tưởng của ông, vì khi nỗ lực lần sau của chúng tôi bị thất bại, tôi nghe có tiếng cười nhẹ sau lưng và thấy ông đứng ở đó. Ông bảo sẽ giúp chúng tôi và cho chúng tôi những mốc điểm ở từng cảnh mà chúng tôi phải nhớ nằm lòng.

Chúng tôi nắm tay thầy và khi mở mắt ra, thấy khung cảnh mà tôi không sao tả xiết, vì nó là một trong những thung lũng tuyệt đẹp mà tôi được biết. Một phần nơi ấy là rừng, đất phủ cỏ dày nhiều màu xinh đẹp như ở Nam Phi, sờ vào êm tay; mọc lẫn với cỏ là hoa đại tràn lan rực rỡ. Lẫn lộn vào có hoa chuông xanh, hồng đất, thủy tiên, uất kim hương, hồng đại, lưu ly, hoa anh túc (poppies) màu đỏ hết sức tươi khó mà tưởng tượng được.

Tôi không biết có còn thiếu loại hoa dại nào chẳng, vì mặt đất khắp nơi là một tấm thảm đầy màu sắc, điểm lệt tới độ làm ta nín thở, sửng người kinh ngạc.

– Tôi nghĩ hai bạn sẽ hài lòng với mốc điểm này. Acharya nói, vì nó có tên là Vườn Tiên (The Fairy Glen). Có thể tả nó như là cái nôi của thế giới thiên thần vì thung lũng này là nơi cư dân của đường tiến hoá đó trở về, sau khi làm xong phận sự giao phó cho chúng. Tôi đề nghị trong tương lai khi có dịp hai bạn lên xem xét thung lũng này một cách yên lặng và kín đáo, vì thiên thần có cách riêng của các ngài để giữ không cho người thiếu hiểu biết vào. Các ngài tạo nên bức tường dày bằng chất liệu cõi trung giới khiến cho không ai có thể nhìn xuyên qua, ngay cả khi họ biết là có chỗ như thế. Ở cảnh này tường như vậy có tác dụng giống như tường gạch ở cõi trần.

Chúng tôi lại nắm tay nhau lần nữa và dùng ý chí sang cảnh kế, cảnh thứ năm. Khi mở mắt tôi thấy hết sức lạ lùng là đứng ở giữa nơi như sa mạc, chỉ có điều cỏ mọc khắp nơi thay vì cát. Đàng xa là một thành phố vĩ đại có nhiều tháp nhọn và tháp canh, chung quanh tường cao lớn bao bọc. Bên trên thành phố có vật gì rơi xuống giống như mặt trời, vì nó tỏa ra ánh sáng cho mọi tòa nhà làm chúng chiếu rực rỡ vàng óng ánh.

– Đây hai bạn, đó là Kim Đô (Golden City), vị thầy hướng dẫn nói, và tôi khuyên các bạn nên tới thăm, tìm hiểu về nó. Bạn sẽ thấy trong đó có tất cả những gì mà người ta đã nghĩ ra, hay tưởng tượng về Thiên đàng theo sự hiểu biết của dân gian, và được các giáo sĩ, mục sư của Thiên Chúa giáo nói tới nhiều. Trọn cả đô thị là một hình tư tưởng vĩ đại, và bạn sẽ gặp trong đó hình tư tưởng của Thượng đế Chúa Cha, của Đức Chúa và 12 tông đồ của ngài, cùng nhiều vị thánh mà giáo hội giảng dạy.

Kế tiếp chúng tôi nắm tay nhau và dùng ý chí đi lên cảnh thứ sáu. Chỉ trong tích tắc chúng tôi đứng ở bờ hồ có tường đá cao bao bọc. Đàng xa bên trái có một khe thông rất nhỏ, tôi tự hỏi nó sẽ dẫn tới đâu.

– Hãy nhớ kỹ trong đầu hình ảnh này, Acharya khuyên. Hồ này được dùng chính yếu cho người muốn có sự yên tĩnh tuyệt đối để làm việc đặc biệt của họ. Có một môn phái trên thế giới tiến hóa hoàn toàn nhờ tham thiền. Trong lúc sống họ được dạy dỗ là có nơi này, tương tự như người Thiên Chúa giáo được dạy có chỗ gọi là Thiên đàng. Những thuyền con mà bạn thấy được người tới đây dùng, khi thuyền đi trên hồ thì chúng không qua mặt được nhau. Ấy là vì có những dòng nước ngầm bên dưới khiến thuyền đi vòng hết trọn hồ, mỗi thuyền trôi 24 tiếng đồng hồ (theo giờ cõi trần) thì quay về chỗ cũ, và cuộc tham thiền của những người này cần đúng bấy nhiêu thời gian để hoàn tất.

“Tôi thấy bạn để ý đến khe thông bên trái, nó dẫn tới một cái hồ tương tự nhưng nhỏ hơn, cũng có vách đá cao bao quanh. Hồ đó do một người tới đây ngụ tạo ra. Một hôm buổi tham thiền của họ bị phá rối vì nhiều người khác dùng hồ này cùng lúc. Hình tư tưởng mà họ sinh ra mạnh đến nỗi tạo thành một cái hồ cho riêng mình. Ở đây tôi nói khẽ với các bạn gần như là thì thầm, vì nếu nói với giọng bình thường bạn sẽ nghe nó vang dội quanh hồ như tiếng sấm. Người chung quanh biết về đặc tính này nên cẩn thận

không hề gây ra tiếng động nào. Vì tính chất lạ lùng ấy người ta gọi hồ là The Waters of Perpetual Silence. Giờ tôi phải rời các bạn, bạn có thể quay trở lại và không cần tôi giúp mà chẳng sợ gặp khó khăn nào.”

Như ông tiên đoán, Daphne và tôi trở lại những chặng đã qua không chút khó khăn, nhưng khi về cảnh thứ tư và thấy lại Vườn Tiên lần nữa, hai tôi quyết định nán lại chơi một lúc. Chúng tôi để ý thấy có dấu hiệu hoạt động rộn rịp trong thung lũng, làm như sắp có buổi lễ diễn ra. Dường như có đến hàng ngàn dân cư tụ tập trong thung lũng. Chúng tôi ngồi xuống nhìn, có vài ‘viên chức’ để ý đến chúng tôi và khi một người trong bọn tiến về hướng chúng tôi, chúng tôi nghĩ chắc là sẽ bị mời ra khỏi nơi đây, nhất là Acharya đã báo trước rằng loài người không phải lúc nào cũng được hoan nghênh tới chỗ này.

Một vị với dáng điệu thông thả và thật đường hoàng bay từ từ đến chúng tôi, ông có cái đầu thanh nhã rất trí thức và lộ phẩm cách tinh thần, làm chúng tôi tự động đứng dậy khi ông bay tới. Y phục của ông trông lạ mắt, nó giống như của một quan chức triều đình Trung Hoa. Màu sắc của chiếc áo khoác dài hết sức tuyệt mỹ, còn hình thêu trên áo thì rõ ràng là hình nhiều bông hoa đại nở trong thung lũng. Nét mặt ông không tỏ vẻ là chúng tôi sẽ gặp rắc rối nên hai tôi mỉm cười đáp lại, hy vọng là thái độ của mình sẽ trấn an ông. Việc xảy ra sau đó có hơi lạ lùng một chút vì nó là cuộc trò chuyện diễn ra mà không lời nào thốt lên, câu hỏi và câu trả lời theo nhau, cái nọ sau cái kia, mau lẹ hơn là khi phải dùng lời để diễn tả.

Tôi cảm nhận là ông hỏi có thể làm gì được cho hai tôi. Tôi đáp lại chỉ bằng cách tư tưởng tự nó lộ ra trong trí, rằng Daphne là người thường trú ở cõi tình cảm còn tôi vẫn còn thể xác ở cõi trần, và có mặt ở đây vào lúc thể xác ngủ yên. Có vẻ như ông hiểu hoàn toàn, và nói là ông được vị Chủ Lễ (Chief) sai mời gọi chúng tôi đi gặp ngài. Chúng tôi tỏ ý rất sẵn lòng theo ông và lập tức tiến về lễ đài ở trung tâm. Khi đến gần, tôi thấy là dân cư đứng ngồi chung quanh một khoảng trống lớn hình tròn. Hoa đại xỏ sâu lại với nhau thành dây được giăng ra để ngăn đám đông, và tôi không khỏi so sánh nét mỹ lệ của ‘hàng rào’ loại này với hàng rào ta dùng dưới thế.

Bên trong vòng tròn có một khán đài được dựng nên, làm hoàn toàn bằng những cụm rêu lớn màu lục với cây cột lớn ở mỗi góc, cột làm bằng hoa đại đủ màu đủ cỡ đan quấn vào nhau; ngay cả mái bên trên khán đài cũng làm bằng một loại dương xỉ rất thanh nhã, giống loại dương xỉ mỏng manh (maiden-hair) mọc ở cõi trần. Trọn cảnh cho ra hình ảnh hết sức thanh tú, rêu trên sàn của khán đài được sắp xếp thành nhiều ghế có lưng, trông rất dễ chịu làm người ta lập tức muốn ngồi vào. Phía trước có hai ghế lớn gần giống như hai cái ngai và tuy chúng cũng làm bằng rêu, nhưng lại có nét tinh xảo khéo léo hơn những ghế khác.

Trong khi chúng tôi chờ vị ‘Chủ Lễ’ xuất hiện, người hướng dẫn là ông vừa nói, cho hay vài chuyện sắp xảy ra. Ý chính của những chuyện này là đám đông tụ tập nơi đây để chứng kiến một lễ tốt nghiệp. Ông giải thích rằng ngày giờ tới cho một nhóm tinh linh tiến sang giai đoạn kế trong cuộc tiến hóa của chúng là trở thành thiên thần, chúng phải

chứng tỏ về khả năng thông thạo của mình tại một trong những buổi lễ như thế này. Khi 'Hội đồng Giám Khảo' hài lòng với sinh vật thì chúng biến đổi từ tinh linh sang thiên thần với nhiều trách nhiệm hơn. Ông cho hay các linh hồn trẻ tiến hóa theo một trong ba đường làm việc đặc biệt:

- 1– Đường quyền lực, làm việc bằng Âm nhạc và Màu sắc.
- 2– Hướng dẫn loài thảo mộc, cây cỏ biến đổi và tiến bộ nhờ thiên thần thí nghiệm ở cõi trung giới; và
- 3– Làm việc với loài người.

Ông giải thích là tinh linh chung đụng rất thường với người, nhất là với trẻ con. Chúng thường chơi đùa với trẻ nhỏ qua đời và lên cõi trung giới, dạy các em cách sử dụng chất liệu mềm dẻo ở cõi trung giới để giống như cho chúng sống với chuyện thần tiên của các em, bằng cách nếu các em muốn có hình ảnh của bất cứ nhân vật tưởng tượng nào, và hình này hiện hữu bao lâu mà tư tưởng của người dự chuyện vẫn duy trì vào đó.

Tôi được làm cho hiểu rằng cảnh này ở cõi trung giới là dành cho thiên thần, giống như cõi trần dành cho loài người. Chim chóc trở về nơi đây trong khoảng thời gian giữa hai kiếp sống, y như thú vật sau khi chết cư ngụ ở cảnh thứ sáu và thứ bảy, lúc chúng chờ đợi tái sinh xuống trần. Chim cũng như cá, bướm và nhiều sinh vật có cánh khác, cuối cùng chuyển sang làm tinh linh và là một phần của đường tiến hoá thiên thần. Chúng không hề là một phần của đường tiến hoá nhân loại.

Tới đây có một nhóm từ bìa rừng đi ra, nếu tôi có tưởng tượng về chiếc thảm thần trong chuyện thần tiên ra sao thì đây chính là nó! Nhóm gồm hai nhân vật chính, cả hai ngồi xếp bằng trên vật chỉ có thể tả là chiếc thảm nghi lễ, bay cách mặt đất chừng một thước, ở mỗi góc phía trước thảm những con chim ngậm trong mỏ nhiều sợi dây kết hoa đủ màu sắc tưởng tượng, và trong khi chúng bay đằng trước làm như kéo chiếc thảm đi, những thiên thần dự vào cuộc diễn hành bay uy nghi hai bên thảm. Nhiều con chim nhỏ hơn bay tới lui, thả rơi cánh hoa hồng trên đường mà đoàn diễn hành vừa đi qua; mỗi con chim bay sà xuống mặt đất, dùng mỏ nhón lấy cánh hoa hồng từ những bụi hồng mọc khắp nơi, rồi lập tức bay về vị trí của nó ở đằng trước cuộc diễn hành và từ đó thả cánh hoa rơi xuống. Trong lúc cuộc diễn hành chậm rãi tiến bước, bầu không khí tràn ngập tiếng ca hát véo von từ cổ họng của hàng ngàn con chim đủ mọi loại.

Đoàn diễn hành tới chỗ, hai nhân vật chính yếu được tiên hô hậu ủng bước lên hai chiếc ngai dành sẵn cho họ trên khán đài, vị đầu tiên là vị Chủ Lễ, ngài tỏ ý muốn hai tôi cũng ngồi tại khán đài. Daphne được cho một ghế bên tay phải của ngài, còn tôi ngồi một ghế ngay bên trái của vị Đạo Trưởng. Trước khi nghi lễ thực sự bắt đầu, một dàn hoà tấu lớn gồm toàn là thiên thần chơi nhạc, bản nhạc hết sức vui tươi và cung điệu nhịp nhàng. Khi ban hoà tấu chơi xong thì có yên lặng trở lại, ngay cả vô số chim cũng không phát ra bất cứ tiếng riu rít nào.

Thiên thần xưởng thanh tiến vào vòng trong và với chiếc kèn nhỏ bằng bạc, loan báo phần đầu của buổi lễ. Một nhóm nhỏ gồm các tinh linh đi vào khu lễ đài, và tuy không một lời nào thốt ra, câu hỏi đi từ vị chánh chủ khảo sang nhóm này. Nó liên hệ đến việc biểu lộ của âm thanh, tượng trưng bằng dòng sông lững lờ trôi, chậm rãi chảy qua rừng với cây cao ở hai bên bờ sông. Lập tức nhóm lấy ra các loại sáo, tiêu và một loại guitar trông lạ mắt. Chúng bắt đầu chơi và tôi thấy tư tưởng chậm chạp thành hình, vẽ ra chính xác điều chúng nỗ lực mô tả bằng âm thanh. Ngay sau phần này là một lệnh khác muốn chúng tạo ra nhạc diễn tả thời tiết. Tức khắc nhạc cụ thay đổi, chúng mang ra nhiều cái trống, một bộ chập chĩa và hai cái tiêu hay sáo lớn trông rất lạ, gần giống như kèn oboe.

Chúng chơi đàn và dù không nhìn vào hình tư tưởng với đường nét thật rõ ràng trước mặt, ta nhận ra không khó chủ đề của bài nhạc đang chơi là một trận bão biển. Ta gần như có thể nghe được tiếng rầm rắc của cột buồm và dây buồm, căng cứng lên vì sức gió. Sấm chớp cũng có phần của nó và khi nhóm này chơi xong, đám đông nhất loạt đứng dậy như một khối, giơ tay lên trời thay vì vỗ tay và reo hò như con người thường làm. Đó là tất cả những việc mà nhóm đầu được yêu cầu biểu diễn, và tôi tin chắc là chúng qua được kỳ thi.

Nhóm thứ hai này được loan báo vào sân, chỉ có năm người trong bọn. Chúng được yêu cầu trưng ra cho thấy kết quả của việc ghép cây, áp dụng cho cả hoa, bụi cây nhỏ và những loại trái cây khác nhau. Câu trả lời lập tức hiện ra như là hình tư tưởng, cho thấy rõ ràng sự thay đổi về kích thước và màu sắc. Chúng cũng được hỏi những loại hoa nào có thể được trồng chung với nhau trong một luống, và những loại nào diệt trừ một hay nhiều loại khác. Rồi câu hỏi liên quan đến việc luân canh (trồng hoa màu này sau hoa màu kia trong năm sao cho có lợi nhất) và tại sao nó lại cần thiết. Xem ra nhóm thứ hai này cũng làm vừa lòng cả ban giám khảo và đám đông.

Chiếc kèn bạc vang lên lần nữa, khi ấy nhóm thứ ba gồm một số tinh linh rất nhỏ tiến vào vòng tròn, và các vị giám khảo tạo ra hình tư tưởng là ba trẻ nhỏ. Chúng là hình tiêu biểu của trẻ con người Anh khoảng 5 cho tới 7 tuổi, liến thoắng với nhau về câu chuyện thần tiên Cô bé Lọ Lem. Lập tức các tinh linh nhập cuộc với ba em nhỏ, tranh cãi ai sẽ đóng vai chính, khi việc này được giải quyết xong tôi để ý là các tinh linh đóng những vai mà trẻ con thường không thích chơi, chúng trở thành hai cô chị xấu xí và ông bố khó chịu, nhường vai cô bé Lọ Lem, bà tiên là mẹ đỡ đầu và hoàng tử lại cho các em nhỏ. Câu chuyện thần tiên được diễn ra một cách ngắn gọn, nhưng khúc mà bà tiên hóa phép ra chiếc xe ngựa và y phục của Lọ Lem biến đổi thì diễn ra rất thực, thực hơn bất cứ cái gì đã từng diễn ra ở cõi trần. Tôi tưởng tượng là lòng không ích kỷ mà tinh linh biểu lộ là điều làm cho chúng đậu hay rớt kỳ thi.

Sau một lúc nghỉ ngắn với nhạc vui tươi, tất cả thành viên của ba nhóm dự thi được gọi trở vào sân, thiên thần xưởng thanh báo hiệu việc này với chiếc kèn bằng bạc của mình. Các giám khảo tụ lại quanh vị Chủ Lễ và vị Đạo Trưởng để họp với nhau như thể

bàn bạc về điều họ vừa chứng kiến, và sau vài phút vị chánh chủ khảo đứng trước mặt vị Chủ Lễ, được ngài ưng thuận cho các tinh linh thăng chức vào hàng ngũ thiên thần.

Kế đó vị Đạo Trưởng đứng dậy, cúi chào vị Chủ Lễ và trình trọng đi ra sân nơi các tinh linh đang đứng. Đây là lần đầu tiên lời nói được dùng, vị Đạo Trưởng giơ hai tay lên khỏi đầu, khấn nguyện bằng ngôn ngữ lạ tai mà tôi đã nghe ở sân cỏ thuộc cảnh thứ ba. Thiên thần xướng thanh khi đó trao cho ngài một thanh kiếm lớn, lưỡi chiếu sáng chói trong ánh sáng trong trẻo của cõi trung giới. Nâng kiếm lên trời, ngài nói thêm đôi lời và chậm rãi đi về tinh linh đầu tiên đứng trong một hàng dài trước mặt. Vị này đặt thanh gươm lên đầu tinh linh đó và nói hai chữ dường như có nghĩa ‘Thượng Đế phù hộ cho con’ (tại sao tôi nghĩ như vậy thì tôi không biết). Trong lúc tôi ngắm nhìn, hình dáng của tinh linh khi ấy như là một ông lão nhỏ bé biến thành hình một cô gái trẻ. Chuyện y vậy cũng xảy ra cho tất cả những tinh linh tốt nghiệp. Vài tinh linh nam trở thành nam thiên thần trong khi những kẻ khác đổi phái tính. Tất cả những hình hài mới tạo đều có bề ngoài non trẻ.

Tôi sắp nói lời cảm ơn vị Chủ Lễ đã cho chúng tôi cơ hội tuyệt diệu này thì bỗng nhiên tôi cảm biết cơ thể gọi về, và cảm thấy mình tỉnh dậy trên giường ở Colombo.

Sang tối THỨ BẢY khi ra khỏi thân xác, tôi thấy Jim, người cứu trợ ở cõi tình cảm mà tôi đã gặp ở bệnh viện tại London, đang chờ tôi. Anh tới để nhờ trợ giúp. Anh kể rằng anh rất tán phục cách tôi đối phó với trường hợp của cô gái tên Mary hồi tối ngày thứ năm, và nghĩ tôi có thể giúp nhiều hơn. Cô gái này nghe một người khách vô ý từ khi đến thăm nói mẹ cô đã thiệt mạng trong trận dội bom, cô sầu não quá tới mức không ai an ủi được. Bởi cô còn một em gái nhỏ tên Irene mới 7 tuổi, nếu Mary cũng qua đời nữa thì quả là thảm kịch. Tôi rất mừng được cho cơ hội này để thực hành những gì vừa mới biết. Khi chúng tôi đến bệnh viện, tôi thấy cơ thể nóng sốt của Mary lăn lộn qua lại trên giường, còn chính cô thì đi tới đi lui trong khu, hai tay vò đầu như đang suy nghĩ nát óc.

Thấy tôi đến cô mừng rỡ và khi tôi dỗ dành an ủi, cô bình tĩnh lại. Tôi dùng tư tưởng tạo ra cái ghế salon thoải mái và trong lúc hai chúng tôi ngồi ở đó, tôi giúp cô theo những gì tôi biết được nhờ Acharya chỉ dạy trước đây. Tôi hướng dẫn câu chuyện về Irene, và vạch ra là đứa bé sẽ bị đau khổ rất nhiều nếu cả mẹ và chị cùng mất đi. Tôi nói chắc với Mary – với thẩm quyền mà tôi không có – là cô sống sót nếu có nỗ lực, và nếu chịu làm vậy cô vẫn có thể tiếp xúc được với mẹ cô trong lúc ngủ. Cô hỏi là tôi sẽ giúp cô chăng, tôi hứa sẽ làm như lời và thế là nhận phần nào trách nhiệm vào người. Tôi bảo sẽ trở lại vào tối hôm sau.

Sang tối CHỦ NHẬT, Mary ngồi chờ tôi và rất bình tĩnh. Tôi đề nghị đi thăm mẹ cô. Tôi chỉ cho cô thấy việc di chuyển dễ dàng ra sao ở cõi trung giới và chẳng mấy chốc, cách đi lại này làm cô thắc mắc cũng như thích thú. Cô dẫn tôi tới toà nhà nhiều căn là chỗ cô cư ngụ. Chúng tôi thấy Irene trong một căn nhà của hàng xóm, bên cạnh giường em là bà mẹ đang ngồi, tìm cách dỗ dành đứa trẻ khóc nức nở không thể thấy được bà. Mới đầu bà mẹ thẳng thốt tường Mary cũng đã thiệt mạng, nhưng khi bà ý thức là chuyện không phải như thế và cô có thể săn sóc cho Irene, bà bình tĩnh trở lại. Tôi để ba mẹ con

nói chuyện và sau khi dần xếp để có thể gặp lại về sau này, tôi quay trở lại bệnh viện. Tôi nhìn Jim và những bạn đồng sự của anh làm việc, ghi nhớ cách thức của họ.

Khi Mary, mẹ cô và Irene đi vào, tôi dành trọn buổi tối ráng giúp họ theo cách mà Acharya đã giúp tôi. Bà mẹ là người chưa tiến hoá lắm, tôi nghe một người cứu trợ cỗi trung giới nói là phải mất hai ngày mới thuyết phục bà dùng ý chí tách mình ra khỏi thể sinh lực. Cuối cùng có vẻ như bà hiểu rằng dây ràng buộc với gia đình không bị cắt đứt, và bà vẫn có thể gặp các con vào buổi tối. Điều này làm bà vui vẻ nhiều hơn. Tôi nghĩ bà sẽ hài lòng trong một thời gian với cuộc sống ở cảnh thứ nhất. Chuyện chót tôi làm trước khi quay về thể xác, là dùng quyền năng ý chí mà tôi có để gây ấn tượng cho Irene rằng khi thức dậy, em phải nhớ đôi điều về những gì được chỉ dẫn trong khi ngủ.

CHƯƠNG MƯỜI

Acharya đến ngay vào lúc đồng hồ gõ 11 giờ như tôi nghĩ. Đầu tiên thầy bảo đưa ông xem bài ghi những kinh nghiệm tôi đã có trong tuần qua. Ông đọc chúng thật kỹ lưỡng trước khi nói. Trong lúc đọc, nét mặt của ông lộ ra càng lúc càng rõ nỗi vui vẻ đối với những nỗ lực của tôi, nên tôi không ngạc nhiên chút nào khi ông bảo:

– Tôi phải khen ngợi anh về tất cả những gì anh đã làm trong bảy đêm qua. Để anh làm một mình trong giai đoạn huấn luyện sớm sửa này là trò chơi may rủi, nhưng kết quả chứng minh là tôi không nghĩ sai khi tin rằng anh sẵn sàng nhận lãnh một chút trách nhiệm, dù chỉ được huấn luyện trong một thời gian ngắn. Tôi rất vui đã được chọn làm vận cụ để giúp giảm bớt mọi đau khổ thấy hết sức rõ khi chúng ta mới gặp nhau.

“Không có mấy điều cần nói về kinh nghiệm của anh vào đêm thứ hai. Xi nê được cư dân thường trú ở cõi trung giới sử dụng để cho thấy hình ảnh của những nơi chốn đặc biệt mà họ muốn trưng ra với bạn bè, mà chẳng cần làm nặng trĩu một cách không cần thiết về cảnh muốn diễn tả. Dùng phim bằng hình chụp ở cõi tình cảm lại là phương pháp giản dị hơn nữa, miễn là người chiếu phim khi qua đời có hiểu biết kỹ thuật, kết quả sẽ giống hệt với xi nê chiếu ở cõi trần.

“Tôi hài lòng là anh ý thức rằng khó mà Charles sẽ rời bỏ cảnh hân hiện đang sống ở cõi trung giới, và hân sẽ ở đấy một lúc khá lâu.

“Rồi còn kinh nghiệm của anh ở đêm thứ tư khi tất cả cái anh nhớ là ác mộng. Anh hỏi Daphne là cô có nhớ là đã dự phần vào giấc mơ của anh chẳng, và cô đoán chắc với anh rằng xem kỹ thì cô không can dự chút nào vào đó. Hãy an tâm đi vì cô nói đúng, vì ở cõi tình cảm không lúc nào cô đánh mất ý thức của mình để không chắc là mình đã làm gì. Để anh có thể hiểu lời giải thích của tôi về sự việc này, tôi muốn anh nhớ lại một buổi nói chuyện trước. Khi đó tôi bảo rằng các vị toàn thiện hay Chân sư chỉ dạy đệ tử trong một số trường hợp. Tôi sẽ cho anh biết thật vắn tắt việc làm của những đệ tử này.

“Có hai hạng đệ tử, một là cấp Dự bị (Probationary) và cấp kia là Thực thụ (Accepted), sự khác biệt duy nhất giữa hai cấp là một khi đệ tử được Chân sư thực thụ nhận thì anh thuộc về nhân viên thường trực, và được sử dụng vào công việc không phải chỉ trong kiếp hiện thời mà luôn cả sau khi chết và trong những kiếp tới. Người đệ tử dự bị được thử thách, chỉ sau khi anh đã làm việc với tư cách ấy có lẽ trong nhiều kiếp, anh mới được tiếp xúc thân cận hơn với vị Chân sư nào chịu nhận đệ tử (không phải tất cả Chân sư đều nhận đệ tử). Người ta không hề bị ép buộc phải qua thử thách, vì ngay cả vị Chân Sư cũng không có quyền can thiệp vào tự do ý chí mà mỗi một ai khi từ thú vật thành người được ban cho, tuy nhiên trước khi một người được dùng cho công việc bí truyền của những đẳng Cao Cả, họ phải chứng tỏ là đã loại trừ hết tính sợ hãi trong lòng, và lúc nào cũng sẵn sàng hy sinh thân mình cho lợi ích của công việc.

“Người đệ tử cần trải qua năm thử thách ở cõi tình cảm mà họ thường nhớ lại như là ác mộng hay giấc mơ. Tôi được cho phép nói với anh, là sự quyết tâm của anh nhằm khắc phục những khó khăn khi tìm hiểu cảnh sống ở cõi trung giới, đã được một trong các Chân sư để ý, và có thể là khi tới ngày giờ, anh sẽ được cho cơ hội phục vụ nhóm Huynh Đệ Chánh Đạo (White Brotherhood) mà Ngài thuộc về. Nó có nghĩa có thể anh sẽ được chọn thành đệ tử dự bị. Giấc mơ anh có vào đêm thứ tư thật ra là thử thách nơi cõi trung giới, và anh đã thành công.

“Thử thách nhằm chứng minh rằng quả thật anh kinh hãi quái vật giống như khi đột, thật ra nó là hình tư tưởng do vị Chân Sư vừa nói tạo nên, nhưng anh lại sẵn sàng quên mình và nếu cần sẽ có hy sinh tột cùng, để bảo vệ cái chỉ là hình tư tưởng về Daphne mà lại hết sức thật đối với anh. Nếu vào lúc đó anh từ chối không gắng sức cứu cô, hẳn anh sẽ trở về thể xác sớm hơn và cũng vẫn nhớ ác mộng; nhưng trong trường hợp ấy anh thất bại và chứng tỏ với vị Chân sư theo dõi anh lúc bấy giờ, là anh không thích hợp và chưa tiến hoá đủ cho mục đích mà ngài dự định trong trí.

“Trong vài năm tới có lẽ anh sẽ thấy nhớ nhiều giấc mơ hơn nữa, gặp thêm thử thách ở cõi trung giới mà anh phải qua hết tất cả trước khi có đủ khả năng làm công việc đề nghị cho anh. Phạm ngã của anh biết rất ít về những việc này, nhưng con người thật tức chân ngã thông suốt điều gì xảy ra và tôi được biết là nó rất mong muốn tiến bước, được sử dụng để giúp đỡ nhân loại.

“Vì anh tỏ ra thích thú đối với chỉ dạy tôi đưa ra cho anh, tôi sẽ cho anh một khái niệm sơ sài về chuyện gì anh sẽ hoàn thành trước khi đủ tư cách làm phần việc đặc biệt này. Anh cần biết cách di chuyển mau lẹ và hữu hiệu trong mọi cảnh của cõi tình cảm. Anh phải biết hết tất cả về những sinh vật ở các cảnh thấp nơi đây, kể cả sinh vật có thân xác bằng chất ether như các tinh linh anh gặp dưới đáy biển, và anh phải được huấn luyện sao cho ảnh hưởng thôi miên do mắt của những sinh vật này không có tác động gì đối với anh.

“Có một thử thách về lửa dưới hình thức trận cháy rừng dữ dội, anh phải đi băng qua đó không sợ hãi và không bước cuống cuồng. Nghe thì dễ mà khi làm thì không dễ. Sức nóng khủng khiếp mà anh cảm thấy trong thể tình cảm, thì y như sức nóng anh sẽ cảm thấy khi có trận cháy lớn tương tự ở cõi trần; nó sẽ dễ dàng làm anh kinh hoảng khiến anh nghĩ mình sẽ tiêu nếu tìm cách băng ngang qua đó. Một khi ý thức là đang ở trong thể tình cảm và không thể bị hại, anh sẽ bình tĩnh đi qua ngọn lửa như vậy và thành công với cuộc thử thách đó.

“Rồi có thử thách về nước, dạy cho anh cách du hành dưới đáy biển, anh sẽ ngạc nhiên thấy số học viên bị thất bại trong thử thách này. Họ bị lôi cuốn theo cảm giác sẽ bị chết ngộp, hoàn toàn do tưởng tượng, dầu vậy vẫn sinh ra sợ hãi; nó làm họ quay trở về thể xác và khi tỉnh giấc cho rằng mình có cơn mộng dữ. Anh phải làm cho vị Chân Sư chú tâm đến anh được hài lòng là anh có thể phân biệt giữa thường trú nhân ở cõi tình cảm và người chỉ qua đó trong lúc ngủ. Anh phải chứng tỏ mình đã phát triển lòng cảm

thông và hiểu biết, hai đức tính cho phép anh làm việc chung với ai thuộc đường tiến hóa thiên thần, hợp tác với họ thường là chuyện cần thiết trong loại công việc đó.

“Anh phải có thể phân biệt sự khác nhau giữa hình tư tưởng của một ai và con người thật của họ, vì nếu Chân Sư muốn anh mang tin để trao cho ai sống ở cảnh khác nơi cõi trung giới, cảnh mà lúc đó họ đang hoạt động, anh có thể bị một thực thể thù nghịch với vị Chân Sư ấy theo dõi, và để lừa gạt anh nó tạo ra hình dáng của người mà anh đi tìm (thực ra chỉ là hình tư tưởng giống hệt diện mạo họ), anh có thể đưa tin cho người này vì nghĩ đó là người thật; chuyện có thể sinh ra hệ quả nghiêm trọng cho công việc mà ngài đang làm lúc ấy.

“Cách giả hình như vậy là chuyện rất thường ở cõi tình cảm, và anh phải được huấn luyện để dùng một số dấu hiệu về quyền lực, cho phép anh kết luận rõ ràng là kẻ liên hệ là người thật hay giả mạo. Chắc anh có nghe chuyện người dơi hút máu (vampires). Họ có thật nhưng may mắn là hiếm thấy, họ sống trong tình trạng tương tự như người tự tử; cả hai đều vất vưởng ở cõi trần chưa siêu thoát và anh chẳng những phải biết cách giúp họ, mà phải biết luôn cách giải thoát họ khỏi trói buộc của mình.

“Tôi nghĩ nói đã đủ cho anh thấy còn rất nhiều điều phải học.

“Nay bước qua cuộc phiêu lưu của anh vào đêm thứ sáu, khi anh gặp khó khăn trong việc đi lên những cảnh cao hơn mà không có mốc điểm nào để tập trung tư tưởng. Tôi vẫn giữ liên lạc với anh trong tâm tưởng, vì nghĩ có thể anh sẽ thử làm chuyện đó vào một trong những đêm tôi để anh tự do thí nghiệm một mình. Như anh đã thấy, đi tới bất cứ nơi nào của cõi tình cảm là chuyện thật giản dị, miễn có mốc điểm đặc biệt để dùng cho mục đích ấy. Chắc tôi không cần phụ giúp anh lần nữa trong tương lai. Tôi không cho anh mốc điểm để chú tâm vào ở cảnh thứ bảy vì không có mấy chuyện ở đó hấp dẫn anh, mà cũng không nên để anh có tiếp xúc không cần thiết với những vỏ còn hiện diện nơi ấy vào lúc này.

“Quả thật anh rất may mắn có được cơ hội chứng kiến lễ tốt nghiệp (như anh gọi), trong đó tinh linh chuyển sang thành người non trẻ của thế giới thiên thần. Dĩ nhiên tinh linh là một thành phần của đường tiến hóa thiên thần, tuy có sự khác biệt rất đồi lớn lao giữa tinh linh và thiên thần. Tôi không thể cho anh thí dụ tương đương trong đường tiến hóa của loài người. Rất ít người dù sống ở cõi tình cảm hay cõi trần có đặc ân thấy điều mà anh chứng kiến tối hôm đó, và tôi hết sức vui khi từ những cảnh cao trở về anh đã ngừng một lúc ngắn ở cảnh thứ tư.

“Tôi không can dự gì vào việc tạo ra cơ hội cho anh thực hành đôi chút chỉ dạy mà tôi có đặc ân trao cho anh, trong kinh nghiệm có vào tối thứ bảy hay chủ nhật, vì thế tôi không ngần ngại nói rằng việc làm của anh chẳng những có giá trị hết sức, mà còn thực hiện rất tốt đẹp. Khi đề nghị truyền lại phần nào những hiểu biết mà anh có cho cô Mary, dĩ nhiên anh nhận lấy một phần trách nhiệm, và rất có thể là anh chàng cứu trợ cõi trung

giới mà anh gọi là Jim, sẽ nhờ anh giúp nữa bất cứ khi nào nhóm của anh ta có quá nhiều việc phải làm.

“Điều ấy chẳng những sẽ cho anh thêm cơ hội lớn lao để phụng sự, việc luôn luôn tạo ra karma tốt lành, mà anh sẽ thấy là sự quan tâm và hiểu biết của anh về người đồng loại sẽ gia tăng ngàn lần nhờ công việc đó. Phương cách mà anh sử dụng đối với cô Mary và gia đình cô đã đúng hết mọi mặt. Đừng thất vọng nếu Mary không đáp ứng với sự chỉ dạy của anh, và tỏ ra là học trò giỏi dang như anh đối với tôi, vì như tôi đã nói nhiều lần rằng ý định mới là chuyện đáng quan tâm mà không phải là kết quả.

“Nỗ lực của anh để em nhỏ Irene khi thức giấc sẽ nhớ lại phần nào điều anh dạy em trong lúc ngủ đã thành công hoàn toàn, và hôm nay em đã có cái nhìn khác hẳn về sự mất mát mà em phải gánh chịu. Tôi để anh tự quyết định là có cần trở lại thăm gia đình ấy hay không, vì nay họ là trách nhiệm của anh và người khác chỉ đảm nhận nó nếu anh không giúp họ như đã tự nguyện hứa.

“Nay tôi sẽ trình bày với anh về cõi trí còn gọi là cõi thượng giới. Tôi có nói là sau một thời gian, tất cả chúng ta cần bỏ lại thể tình cảm, rời cõi trung giới đi sang cõi trí. Thời gian ở cõi tình cảm lâu mau theo giai đoạn tiến hóa của ta, ai mới làm người chừng 50 kiếp sẽ ở lâu trong cõi trung giới và ở ngắn hơn trong cõi trí, so với ai đã sống 500 kiếp trong những thể khác nhau, và trong môi trường mà họ có cơ hội theo đuổi hoạt động trí tuệ. Trong một bài nói chuyện của tôi, tôi có so sánh những thể chúng ta sử dụng như là người mặc ba lớp áo quần là quần áo lót, y phục bình thường và áo khoác ngoài. Khi cái chết xảy ra ở cõi trần thì nó giống như bỏ cái áo khoác ngoài cùng là thể xác, sau đó cái chết ở cõi trung giới tương đương với việc cởi bỏ lớp y phục bình thường, khi ấy con người còn lại quần áo lót là thể trí và anh bước vào cõi trí trong thể này.

“Như tôi có nói, thể trí là thể đầu tiên mà chân nhân tạo nên quanh mình lúc nó từ cõi thượng thiên (ba cảnh trên của cõi trí) đi xuống, thể được tạo bằng chất liệu thanh bai hơn thể tình cảm. Nói cho đúng thì nó là hình tư tưởng của cá nhân. Bởi anh chưa thể hiểu lời mô tả về hình thể này, vật như sương khói, mỏng manh như mây có vẻ không đậm đặc chút nào, tôi chỉ đưa ra cho anh sự so sánh về mặt vật chất của thể trí của kẻ chưa tiến hóa, thí dụ mới trải qua khoảng 50 kiếp làm người, với thể trí của kẻ tiến hoá đã sống chừng 500 kiếp, bằng cách ví chúng với cái rối mây ở hai giai đoạn khác nhau khi đan rối, là lúc mới bắt đầu đan và lúc đan sắp xong.

“Trong những giai đoạn đầu anh thấy cái rối khởi sự có hình dạng nhưng nó chỉ có những sợi mây xoắn dính vào đáy. Cuối cùng tất cả những lỗ hổng được đan kín, rối mây hoàn tất với hàng trăm sợi mây riêng biệt tách rời cái nọ với cái kia nhưng hoà lại với nhau, mới nhìn thì tưởng như là một khối liền lạc. Mỗi sợi này có thể xem như là tượng trưng cho một đề tài đặc biệt trong sự phát triển tâm trí mà cá nhân ấy đã làm chủ được ít nhiều.

“Khi ai sống xong quãng đời của họ ở cõi trung giới, họ tiến sang cảnh thứ bảy của cõi ấy; lúc tới ngày giờ để rời nơi đây họ trở nên buồn ngủ, mất tri thức và tỉnh giấc gần như tức thì ở cõi thượng giới, và cảm nhận đầu tiên là thấy khỏe khoắn và có sức sống hăng hái. Nay sau cái chết ở cõi tình cảm, họ có được tri thức hoàn toàn ở cõi trí thì cảm nhận đầu tiên là niềm an lạc sâu đậm, thấy an hoà với mọi người. Trong những giai đoạn đầu tiên họ còn có thể không ý thức là mình đã sang cõi trí, vì cảm thấy vô cùng hài lòng hạnh phúc ở đó, nên họ để mọi việc tự nó trôi trong một khoảng thời gian. Tới lúc nào đó họ ý thức là khung cảnh chung quanh thay đổi, và một lần nữa họ phải được ai đang chờ đón họ chỉ dạy sự khác biệt giữa điều kiện ở chỗ bây giờ họ phải sống và chỗ mà họ vừa rời bỏ.

“Cõi trí là thế giới của tư tưởng. Tư tưởng là cái thực tại duy nhất ở đó, chúng là vật y như bàn ghế là vật, chỉ có điều – giống như thể trí tạo bằng chất liệu thanh bai hơn thể xác – tư tưởng cũng tạo bằng vật chất thanh nhẹ hơn. Điều sau không thể làm được nhưng hãy giả dụ là ta có thể đem vật chất cõi trung giới hay cõi trần vào cõi tư tưởng, thì chúng không hiện hữu cho người ở đó. Vật như thế không ít thì nhiều cũng y như hình tư tưởng ở cõi trần, chúng luôn luôn bao quanh chúng ta nhưng ta không thể thấy chúng, tuy rằng chúng ảnh hưởng tâm trí ta.

“Việc khó khăn lớn nhất của tôi khi giải thích cho anh hay về cách sinh hoạt ra sao ở cõi trí, là không có chữ cho phép tả chi tiết tình trạng của tâm thức, điều hoàn toàn xa lạ theo sự hiểu biết nơi cõi trần. Ở cõi trí anh không nhìn người khác như là cá nhân hay như là thể tình cảm tương ứng với thân xác cõi trần, mà như là hình tư tưởng của người liên hệ, và những hình này tương ứng với sự phát triển trí tuệ của mỗi người.

“Ai sinh hoạt ở cõi trí thì có thể ví như bộ máy vô tuyến vừa nhận vừa phát sóng. Số lượng tần số mà họ có thể dùng để phát và nhận hoàn toàn tùy thuộc vào số đề tài mà người đó quen thuộc. Họ có thể nhận được tư tưởng của người khác miễn là họ có thể vận được tần số đặc biệt ấy – nói khác đi nếu họ có đôi chút hiểu biết về đề tài ấy vì họ có thể trả lời lại hình tư tưởng đã nhận, bằng cách phát ra tư tưởng của chính mình, cái sẽ được người khác có hiểu biết tương tự và quan tâm bắt lấy.

“Ở cõi trung giới anh thấy người trí thức hay nghệ sĩ đại tài soạn ra nhạc tuyệt vời hay tạo ra bức họa tuyệt sắc v.v. và dạy người khác về nghệ thuật, khoa học. Khi từ cõi này sang cõi thượng giới, họ tiếp tục giúp những ai khác đang đi cùng đường mà họ đã đi, nhưng ở cõi trí sự chỉ dẫn của họ có hình thức là những bài giảng về kỹ thuật và lý thuyết, truyền đi như là dòng tư tưởng bất tận. Tất cả những ai quan tâm về cùng đề tài có thể bắt lấy những điều này.

“Anh chỉ bắt được những tư tưởng mà tri thức của anh trong quá khứ hiểu được, phần tư tưởng nào vượt ngoài tầm hiểu biết của anh thì anh không ghi nhận chút nào, vì bộ máy thu bị giới hạn vào mức hiểu biết của anh; nếu anh chưa hề học những môn như toán hay hoá học, anh sẽ không thể đáp ứng với tư tưởng về các môn này, là điều có thể đầy dẫy chung quanh anh, được ai thông thạo về những khoa học này tuôn ra.

“Nơi cõi trí cuộc sống nhiều phần vui thú cho người trí thức hơn là cho người có trí thông minh giới hạn. Lấy thí dụ người mà trong lúc sống ở cõi trần đã học hỏi một môn nào đó, khi lên cõi này họ sẽ tiếp xúc với những người trí thức khác thông thạo về môn của họ, chỉ bằng cách cảm biết và thấy hình tư tưởng mà các bậc thầy này biểu lộ ra. Vì người này bây giờ không còn bị não bộ giới hạn ngăn chặn, họ có thể hiểu rõ ràng không những tất cả những gì họ đã hiểu thấu đáo ở cõi trần, mà luôn cả nhiều điều khi sống trong thể xác họ chỉ mới bắt được nguyên tắc và chưa nắm hết trọn vẹn.

“Con người tiếp tục phát triển trí tuệ trong một thời gian đáng kể, không những làm họ được mãn nguyện lớn lao mà còn có lợi ích to tát cho những kiếp sau này. Do công việc mà họ đã làm, trong kiếp tới họ được quyền có bộ não thông hiểu trọn vẹn kiến thức đã củng cố trong khoảng thời gian ngụ ở cõi trí. Khi tôi nói rằng có trường hợp người mà trí tuệ nảy nở cao độ đã sống ở cõi trí từ 2– 3 ngàn năm nay, hẳn anh sẽ nhìn nhận là với người như thế cuộc sống không thể nói là nhàm chán.

“Mặt khác thời gian mà người chưa tiến hóa dành cho nơi này quả thật rất ngắn, vì họ không có gì mấy để củng cố, và chắc chắn là cảnh sống của họ ở đó không dễ chịu hay vui thú cho bằng cảnh sống của người mà trí tuệ phát triển nhiều hơn. Người chưa tiến hóa không ý thức được giới hạn của mình nên họ không đau khổ chút gì, ngay cả cho người có trí tuệ hết sức giới hạn mà anh có thể tưởng tượng được.

“Khi những linh hồn sống trong Kim Đô bước sang cõi thượng giới, họ vẫn chỉ có một tư tưởng chính yếu trong đầu là ý niệm của họ về ‘Cõi Trời’. Những giáo sĩ trong tôn giáo của họ dạy rằng một khi ‘lên cõi trời’ là họ sẽ ở đó mãi mãi. Họ tin chắc là mình đã vào đó, vì đã sống trong khung cảnh mà theo họ nó phù hợp với lời hứa hẹn về cõi an lạc đời đời, điều mà họ trông mong ao ước.

“Họ nghĩ là sẽ được mãi mãi ở trong cõi trời và vì niềm tin mạnh mẽ chế ngự này mà họ luôn luôn mơ tưởng, ảo tưởng về cõi trời được tạo ra cho họ, họ sống trong đó, trao đổi tư tưởng của mình với tư tưởng của ai khác tuôn ra vì cũng bị ảo ảnh đó chi phối. Thế nên trọn quãng đời nơi cõi trí của họ là sống trong hình tư tưởng khổng lồ.

“Tuy có hạnh phúc tột cùng người như vậy thường không được lợi mấy trong cảnh sống đó, so với ai khác dùng cõi trí chẳng những để củng cố sinh hoạt trí tuệ của mình, mà còn thêm vào hiểu biết trí tuệ đã có trước khi lên tới bầu tâm thức này. Người mà cuộc sống được bao quanh bằng ý tưởng về cõi trời thì tỏa ra hạnh phúc và sự hài lòng tột độ, nên ai nói được là họ thua sút kẻ đi con đường khác?

“Cõi trí hay thượng giới có bấy cảnh tâm thức tương ứng với những cảnh ở cõi trung giới, nhưng ở cõi trí đi lên hay đi xuống từ cảnh này sang cảnh kia không có gì là khó khăn. Tuy nhiên về thực hành anh sẽ thấy là cư dân thường trú nơi đây thực ra di chuyển rất ít. Người trung bình tìm được chỗ cư ngụ là cảnh nào thích hợp nhất cho họ, và nơi mà họ hạnh phúc nhất là trong bốn cảnh đầu tiên (từ dưới đếm lên). Chỉ có những cá nhân mà trí não ngoại hạng mới đi ra ngoài cảnh thứ tư. Thông thường ai từ cõi trung

giới lên cõi trí được người cứu trợ chỉ dẫn, sẽ gần như lập tức tìm được bầu tâm thức đặc biệt hợp với mức phát triển trí tuệ của họ, và họ ở đó cho tới ngày giờ bỏ thể trí, dành một thời gian ngắn ở cảnh cửa căn thể, là nơi cư ngụ vĩnh viễn của chân nhân.

“Trước khi nói thêm về đề tài này, tôi đề nghị mang anh lên cảnh thứ hai của cõi trí vào tối thứ tư, để may ra anh có hiểu biết rõ ràng hơn về những gì tôi đang cố gắng trình bày. Khi đó chẳng những anh ý thức được sự khó khăn tôi có hiện giờ, mà không chừng còn thấy là nếu cố công ghi lại hoạt động trong cuộc du hành ấy, anh không có đủ chữ để diễn tả những gì quan sát nơi đó. Tôi sẽ gặp anh trở lại vào sáng thứ sáu, như vậy anh sẽ có ba đêm để tiếp tục những thí nghiệm ở cõi trung giới, tuy tôi khuyên anh rất mạnh mẽ là đừng mong ước đặc biệt điều gì trong tối này, mà nên để trí óc được nghỉ ngơi. Hãy dành riêng tối thứ tư cho tôi.”

Acharya nói xong rời phòng và tôi ngồi lặng ở bàn, mê mẩn với trọn những chi tiết mới mẻ.

Tối THỨ HAI tôi ngủ yên lành và thức dậy sáng khoái, không nhớ có chuyện gì đã xảy ra trong đêm.

Tối THỨ BA tôi đến với Daphne một cách dễ dàng. Từ Vườn Tiên nàng đã về nhà không gặp khó khăn nào, chắc nàng đã phát triển đủ năng lực ý chí cho phép mình di chuyển tự do từ cảnh này sang cảnh khác. Nàng cho hay là sau khi tôi rời chỗ đó, một màn vũ đẹp không tưởng nổi đã diễn ra với thiên thần, tinh linh và ngay cả chim chóc cũng dự phần. Khi nàng chào từ giã vị Chủ Lễ, ngài nói rằng chúng tôi được hoan nghênh đến thăm thung lũng trở lại vào bất cứ lúc nào.

Tôi hỏi nàng có muốn đến gần Kim Đô để xem; bởi nàng tỏ ý thích tức thì ngay ở đó, chúng tôi nắm tay nhau đi tới mốc điểm ở cảnh thứ năm chỉ trong một khoảng rất ngắn, nửa đường có ghé qua Vườn Tiên. Cánh cửa nặng nề làm như làm bằng vàng đóng chặt, nhưng được một ông lão có vẻ như là thánh Peter huyền bí mở khóa và mở ra cho chúng tôi, ông hỏi chúng tôi muốn gì và bọn tôi giải thích mình là ai, cùng cho biết mục đích chính của cuộc viếng thăm chỉ là tính hiếu kỳ. Làm như ông không màng điều này cho lắm và đề nghị cho người hướng đạo dẫn chúng tôi đi xem.

Đường phố dường như lát bằng vàng ròng, nhiều cây trồng hai bên đường có trái trĩu nặng là đá quý. Hình tư tượng của kim cương, bích ngọc, hồng ngọc, ngọc trai...v.v. hết sức xinh đẹp, nhưng cho tác dụng là cảnh giống như hàng cây Noel rực rỡ chạy dài bất tận. Tôi để ý thấy mỗi con đường có ít nhất một nhà thờ, chúng tôi được dẫn vào nơi mà người hướng đạo nói là một trong những nhà thờ Công giáo nhỏ nhất. Cung thánh có kiến trúc rất đẹp, còn bàn thờ chính tòa làm như được tạc từ một viên ngọc trai khổng lồ, nhạc sĩ đang chơi phong cầm tỏ ra là tay thiện nghệ về nhạc.

Người dẫn đường mời chúng tôi thăm thánh đường của những chi phái khác, tôi hỏi có phải là những chi phái ở tách biệt với nhau, anh bảo nơi cõi Trời các chi phái tôn giáo khác nhau có cuộc sống riêng biệt và thực hành giáo lý riêng của họ, nhưng không hề có

bất hòa nơi đây, vì ai cũng ý thức là chân lý đằng sau tất cả những triết lý đều y như nhau, chỉ có hình thức biểu lộ là dị biệt. Để trả lời một câu hỏi của tôi, anh nói rằng ở đây Thượng đế là đáng trị vì tối cao, thỉnh thoảng đến thăm Kim Đô, người bình thường không thấy ngài nhưng làm như giọng nói của Thượng Đế vang lừng từ đám mây bao phủ ngài.

Anh khẳng định rằng Đức Chúa và mười hai tông đồ của ngài vẫn còn giảng dạy trên đường phố, và thuyết pháp trước đám đông. Tôi hỏi phải ý anh muốn nói mười một tông đồ, vì chắc chắn là Judas không được nhận vào cõi Trời. Tuy nhiên anh quả quyết với tôi là bởi Judas đã trả giá cho mọi tội lỗi của mình bằng lòng hối hận kinh khủng, và tự tạo cho mình một địa ngục thực sự, sự ăn năn của ông được ghi nhận và được phép cho nhập lại với những tông đồ khác.

Chúng tôi viếng thăm một nhà hát lộ thiên có ít nhất ba ngàn người tụ họp, ai cũng mặc y phục trắng, lắng nghe ban hợp ca xướng thanh có đàn thụ cầm và phong cầm với âm ngọt ngào phụ họa; họ có vẻ như là thiên thần tả trong kinh sách nhưng chúng tôi không thấy ai ngồi trên mây gầy thụ cầm. Chúng tôi quay trở về nhà Daphne và thảo luận về kinh nghiệm của mình, sau đó tôi được gặp một số bạn của nàng.

Tối THỨ NĂM tôi chờ Acharya thì ông bước vào phòng đúng lúc chuông gõ 10 giờ tối. Ông chào tôi với câu.

– Nếu anh sẵn sàng thì ta lên đường.

Và chúng tôi đi ngay.

Chúng tôi đi cùng đường như khi trước, qua làng ở cảnh thứ hai, Học Viện ở cảnh thứ ba, Vườn Tiên ở cảnh thứ tư, Kim Đô ở cảnh thứ năm và Hồ nơi cảnh thứ sáu. Tại điểm cuối cùng này tôi có thì giờ để nhìn thấy hai chiếc thuyền nhỏ được sử dụng, một ở bờ bên kia của hồ còn chiếc thứ hai gần khe mở sang hồ nhỏ hơn. Phải nhìn một lúc tôi mới có thể thấy thuyền chuyển động vì chúng đi rất chậm. Đây quả là chỗ lý tưởng cho người muốn sự cô tịch. Vì tôi chưa lên cảnh thứ bảy và không có mốc điểm nào để chú tâm vào, Acharya bảo tôi nắm tay ông. Khi khung cảnh chung quanh bắt đầu rõ trở lại, tôi thấy mình đang trên đỉnh cao nhất của một rặng núi mà Acharya gọi là ‘World’s View’ – từ đây người ta nhìn được khắp thế giới chung quanh là nơi họ cư ngụ cho đến lúc tái sinh.

Tuy vùng đồng quê có rừng dày với hoa nở rộ khắp nơi, nó lại không có nhà cửa chi cả và khung cảnh có vẻ đều hiu. Tôi được nghe dạy là một số nhà ẩn tu và đạo gia dành phần lớn đời mình trong chỗ như vậy; tôi mừng là con đường huyền học (mysticism) không hấp dẫn đối với tôi. Tôi để ý thấy hai người trông giống như một nam và một nữ đang lướt nhẹ trong thung lũng. Hỏi Acharya rằng họ là ai thì ông đáp:

– Ta đi xem cho biết.

Chúng tôi lướt đến, khi tới gần họ không đi chậm lại, dáng đi nhanh hơn thả bộ một chút và khi Acharya cất tiếng hỏi han, cả hai không chịu trả lời. Tôi hỏi người đàn bà một

câu, bà quay về phía tôi nhìn xuyên qua tôi không đáp lời nào; mắt bà vô hồn và gương mặt không có chút sống động. Họ lướt dọc trên đường xem ra như đi theo vòng tròn. Thầy bảo đó là những cái vỏ mà hai người bỏ lại sau khi sang cõi thượng giới.

Nay Acharya giải thích rằng để du hành qua cõi trí chúng tôi phải để lại thể tình cảm của mình ở đây. Để bảo đảm rằng chúng được chăm nom cẩn thận không bị các thực thể ở cõi trung giới chiếm đoạt, ông đề nghị giao chúng cho hai người bạn của ông trông chừng, đây là những người mà ông tin cẩn. Ông tập trung tư tưởng mạnh mẽ và sau chừng một phút, bảo rằng họ đang trên đường tới đây. Gần như lập tức có hai người đàn ông tây phương, diện mạo rất là trí thức và có nét tâm linh cao độ bay về phía chúng tôi. Sau khi chào hỏi, Acharya cho hay điều ông muốn nhờ cậy. Khi đó tôi được kêu nằm ngửa với hai tay gối đầu; Acharya cũng làm tương tự nhưng đặt bàn tay phải lên trán tôi. Thầy bảo tôi nằm thoải mái và rảnh để trí não trống không.

Như Acharya đã tiên đoán, tôi thấy gần như không thể tả bằng lời cõi trí giống như thế nào. Làm như hai hay ba phút trôi qua từ lúc tôi được dặn là giữ cho tâm thoải mái tới khi ý thức rằng Acharya đang nói với tôi, tuy ông không dùng lời hay phát ra bất cứ âm thanh nào. Tôi mở mắt và thấy một sự tĩnh lặng lạ lùng tràn khắp; có vẻ như chúng tôi bị ngưng đọng trong không gian, nhưng được bao quanh bằng đủ mọi loại vật thể mờ ảo, có thể mà cũng không có thể là cao ốc, cảnh sắc hay người ta. Một số vật thể này có màu nhưng chúng không có đường nét thật rõ rệt, tất cả, ngay cả hình có thể là người ta, xem ra thay đổi luôn luôn. Thực sự thì tôi không nhìn thấy chúng bằng mắt mình, mà cảm nhận theo cách khác hẳn với những gì đã kinh nghiệm trước đó.

Tôi có thể thấy hình tư tưởng trôi nổi sau lưng rõ như thấy hình trước mặt, vì vậy tôi không cần phải xoay đầu và đối diện với một hình đặc biệt để xem nó giống cái gì. Mọi chuyện hết sức lạ lùng và có lẽ tôi sẽ thấy sợ hãi một chút nếu không có người bạn đường tuyệt vời bên cạnh. Trong suốt những phút này Acharya gửi tư tưởng đến tôi và tôi nhận nó rõ ràng như ông đang nói chuyện vậy, thấy ngay là ông nhận câu đáp của tôi vừa khi chúng lộ ra trong trí. Ông bảo đây là cảnh thấp nhất của cõi trí và đa số người ở đây có trí tuệ rất thấp. Thầy chỉ cho xem hình tư tưởng của vài người cư ngụ ở cảnh này. Chúng là sinh vật mỏng manh như sương khói không có nét cứng chắc nào, nhiều cái khó mà nói là hình cụ thể vì chúng không khác gì khói hay mây có hình người, và bởi không đậm đặc chúng không giữ đường nét y nguyên của hình thể trong một thời gian dài, ngắn nào cả. Tôi đã thấy những hình dạng tương tự thành hình khi xem khói bốc ra từ đám lửa, và hình tức khắc tan loãng khi bay vào ống khói.

Trong khung cảnh cõi trí đó Acharya xem ra là người có vóc dáng lớn trội so với ở cõi trung giới và cõi trần, và ông làm như có đường nét sắc gọn hơn, cứng chắc hơn so với bất cứ thực thể nào khác có hình trôi nổi trong tầm mắt của tôi. Hình dạng của ông nơi đây cho phép tôi hiểu ra điều so sánh ông nói, về thể trí của người tiến hoá thấp và thể trí của người tiến cao, như cái rở mây đang đan dở và cũng rở ấy khi đã hoàn thành.

Acharya kêu tôi đứng lại gần ông, thầy đặt tay lên vai tôi dù tôi không cảm thấy có đụng chạm, và bảo nay chúng tôi đi sang cảnh thứ hai. Tôi không cảm thấy có sự di động nào như đã kinh nghiệm trước đây. Khung cảnh thay đổi theo cùng một cách như thay đổi trên màn ảnh xi nê. Cảnh trí mới không khác cho lắm nơi chúng tôi vừa rời bỏ, ngoại trừ việc những hình dạng trôi nổi chung quanh có đường nét rõ hơn.

Acharya bảo tôi chọn đề tài muốn thảo luận với một người thường trú, và kêu tôi gửi hình tư tưởng vào không trung, xin ai chú ý tới đề tài này tiếp xúc với tôi. Không suy nghĩ cho lắm tôi chọn đề tài so sánh các tôn giáo, ngay lập tức có hồi đáp bằng hình tư tưởng như là câu hỏi, hỏi tôi thuộc tôn giáo nào. Tư tưởng tôi trả lời là tôi thuộc Công Giáo La Mã tuy không sùng đạo cho lắm. Tư tưởng đáp lại nói rằng tất cả tôn giáo đều có công dụng của chúng, theo nghĩa chúng cho phép ai chưa đứng vững một mình có chỗ nương tựa, và trong đa số trường hợp, tôn giáo tác động như là mục thước hướng dẫn cho những quyết định mà con người phải làm trong đời.

Người đối thoại nói mỗi tôn giáo được khởi đầu cho một mục tiêu riêng biệt, nhưng nói về mặt căn bản thì chân lý trong mọi tôn giáo đều giống nhau. Anh xác định rằng cái cốt chính của Thiên Chúa Giáo là Tình Thương, và theo triết lý của nó thì con người chỉ có thể tiến hóa bằng cách thương yêu đồng loại, tỏ ra Khoan Hoà với quan điểm và hành động của người khác. Tôn giáo mà đức Phật lập nên thì cũng có triết lý vi diệu y như điều mà đức Chúa giảng dạy, và cốt chính của Phật giáo là Minh Triết; theo lời dạy của tôn giáo này thì điều quan trọng nhất trong đời là hành xử theo luật nhân quả. Nó nói rằng con người được khổ hay sướng tùy theo hành động, tư tưởng hay lời nói của mình, khuynh hướng của Phật giáo là loại trừ thất tình lục dục.

Một tôn giáo lớn khác là Ấn giáo do đức Krishna làm hồi sinh gần 2000 năm về trước, có cốt chính là Trong Sạch và Hành Xử Đúng Cách, tín đồ chính thống của đạo này thực hiện các nghi thức đặc biệt vào những thời điểm định sẵn. Đạo Hồi do giáo chủ Mohammed lập ra có cốt chính là Can Đảm, với tín đồ không thiếu đức tính ấy. Hỏa giáo, đạo của người Parsi (Ba Tư), do giáo chủ Zoroaster tái sinh nhiều kiếp vun trồng nó. Tôn giáo này dùng lửa làm biểu tượng vì lửa luôn luôn được xem là chất thanh lọc, và cốt chính của Hỏa giáo là sự Tinh Khiết. Tín đồ của Hỏa giáo còn đi xa tới mức nói rằng không được phép làm lửa mất tính thiêng liêng, bằng cách thổi lửa điếu thuốc lá hay ống hút.

Người đối thoại chỉ trích việc chiêu dụ người khác vào đạo dưới bất cứ hình thức nào, và thúc giục tôi chớ hề tìm cách thay đổi tôn giáo của một ai, trừ phi tôi biết chắc rõ ràng là họ muốn tìm điều mới lạ và đã mất tin tưởng vào tôn giáo họ được sinh ra trong đó. Anh bảo không sao hiểu được người vô thần, vì không ai có thể biết chắc là không có kiếp tương lai hay quá khứ; nhưng anh thông cảm với người theo phái Vô Thông (agnostics), họ là người thành thật sẵn sàng tin nếu lời biện luận làm họ thỏa mãn. Cái đáng tội là họ không ý thức rằng đa số các triết lý trong tôn giáo liên quan đến điều kiện phi vật chất, sẽ không hề chứng minh được bằng thí nghiệm ở cõi trần.

Tôi còn muốn tiếp tục với những đề tài khác nhưng vị thầy hướng dẫn bảo tôi chấm dứt cuộc trò chuyện, vì tôi đã có đủ cho một đêm và không chừng có nhiều hơn là tâm thức cõi trần chứa đựng được. Tôi hỏi cảnh này có âm nhạc chăng. Acharya trả lời bằng cách hỏi tôi ưa thích bản hoà tấu nào, tôi đáp chắc là bản hoà tấu số 9 của Beethoven. Ông nói: “Hãy tạo một hình tư tưởng về hành âm mà anh thích nhất và không chừng anh sẽ có ngạc nhiên.”

Lẽ tự nhiên là tôi nghĩ đến hành âm hợp xướng đẹp đẽ và còn đang suy nghĩ, tôi nghe tiếng nhạc mình rất đổi ưa thích làm như phát ra quanh chúng tôi. Tôi lắng nghe say sưa cho tới khi nó chấm dứt với những nốt cuối của tác phẩm tuyệt vời đó. Tôi nghĩ mình sẽ không bao giờ quên việc ấy, bản hoà tấu hay hơn bất cứ cái gì về mọi mặt có thể tưởng tượng được trong điều kiện dưới trần; giọng hát trong trẻo và tiếng đàn tuyệt diệu trội hơn là những gì có thể có được.

Acharya bảo rằng nhớ một mốc điểm để trụ tâm thức vào chỉ vô ích, vì tôi không thể nào viếng thăm cõi trí lần nữa với mức phát triển hiện thời của tôi. Chúng tôi khởi sự việc trở về theo cùng cách thức như khi đến, và sau một lát tôi cảm thấy như thức dậy trong thể tình cảm của mình, nó vẫn còn nằm trong tư thế khi tôi rời bỏ nó, có hai người cứu trợ ở cõi trung giới ‘canh giữ’. Cả hai mỉm cười khi thấy nét mặt ngỡ ngàng của tôi, nhưng tôi vẫn thấy hết sức lạ lùng rối trí với những gì đã chứng kiến. Họ cúi người lịch sự chào từ giã hai chúng tôi và đi dần ra xa. Một lúc ngắn sau tôi tỉnh giấc trong phòng ngủ của mình và thấy khi đó là 3:15 sáng. Tôi ngồi dậy ghi lại những gì vẫn còn rõ ràng trong trí mình.

Đêm THỨ NĂM trước khi đi ngủ tôi quyết định là sẽ xem Mary tiến triển ra sao, nhưng khi ra khỏi thể xác thì tôi gặp Charles trong phòng. Hắn không tính đi đâu tối nay nên tôi hỏi em rằng có muốn đi cùng với tôi đến bệnh viện ở London – nghĩ rằng kinh nghiệm sẽ có ích cho hắn. Charles đồng ý và chúng tôi ra đi. Tới khu ở bệnh viện thấy Mary còn thức, tôi mới đề nghị với hắn là trong lúc chờ cô ngủ và thoát ra khỏi thể xác, hai chúng tôi lên cảnh thứ ba thăm Daphne. Hắn không màng tới ý này chút nào nên chúng tôi đi tới đi lui trong khu, cho tới khi quay lại thì thấy Mary đã ngủ và đã ra khỏi cơ thể.

Mary bảo tôi sự việc đã tốt đẹp hơn cho cô từ lúc cô gặp tôi lần chót, và Irene nhớ nhiều hơn cô về những gì tôi nói vào dịp ấy. Ban đêm Mary về nhà cũ gặp mẹ và em, nhưng không nhớ mấy chuyện gì đã xảy ra. Tôi giải thích cho cô với hết khả năng của mình, lấy trường hợp của tôi làm thí dụ. Tôi dặn cô là trong tương lai bất cứ khi nào cần sự giúp đỡ của tôi, cô hãy nghĩ đến tôi thật mạnh mẽ và tôi sẽ ráng sức đáp lại.

Cảm tưởng duy nhất của Charles về chuyện này là Mary rất xinh xắn! Hắn đề nghị dành thì giờ còn lại của buổi tối để lái phi cơ chở tôi đi chơi, vì hắn luôn luôn tìm cách cho tôi thấy là ít nhất hắn cũng có chuyện nhiều kinh nghiệm hơn tôi. Tôi đồng ý rồi hắn tạo ra hình tư tưởng một phi cơ Pusmoth hai chỗ ngồi, cầm lái đưa tôi bay khắp nước Úc, giải thích cơ chế hoạt động của máy móc trong lúc bay. Lúc vẫn còn trong bầu trời ở

Úc, tôi cảm nhận cái gọi nay đã quen thuộc và rời phi cơ khi nó đang lượn tới lui, rồi thấy mình quay trở về xác thân ở Colombo.

CHƯƠNG MƯỜI MỘT

Acharya đến sớm hơn bình thường mười phút, trong lúc tôi chưa ăn sáng xong. Tôi phải mất một thời gian đáng kể để đánh máy chi tiết những gì diễn ra trong tuần, và tôi không dám cạo râu hay tắm trước khi làm xong việc đó, vì sợ lỡ ký ức về hoạt động tối qua phai mờ và mất đi phần nào. Có vẻ ông không quan tâm lắm về việc tôi chưa sẵn sàng với ông, thầy xin lỗi là đến sớm, ngồi xuống thắm vào chỗ thông thường của ông và hỏi xem có thể đọc bài tôi đã ghi lại. Tôi đưa cho ông mấy trang đánh máy, gồm chi tiết những kinh nghiệm tôi đã trải qua từ khi thầy đến thắm vào thứ hai trước. Tôi hỏi tại sao ông muốn xem chúng, và thêm rằng thầy biết rất rõ những gì tôi đã làm kia mà.

– Phải, tôi giữ liên lạc với anh vì tôi được phép liên kết với anh về trí não trong suốt giai đoạn đảm trách việc chỉ dẫn anh. Sau đó dây liên kết giữa thể trí của anh và của tôi bị đứt ngay tức khắc, vì chúng ta không được phép nhìn vào tâm trí người khác, ngoại trừ những trường hợp rất đặc biệt, tương tự như sự liên kết giữa hai chúng ta trong hai tuần rồi. Mỗi người chịu trách nhiệm về chính mình và với Thượng Đế về những gì họ đã làm và như anh biết, người ta được thưởng hay phạt tùy theo tư tưởng biểu lộ và hành vi thực hiện. Tôi hỏi xem bài ghi của anh vì tôi muốn biết anh nhớ lại bao nhiêu những gì đã làm – nếu không đọc bài viết của anh thì tôi không biết được.

Ông cẩn thận xem kỹ đến cuối và tiếp tục nói:

– Bài ghi của anh về tối thứ ba hay lắm, vì anh nhớ gần hết những gì xảy ra trong lúc đến thăm Kim Đồ. Tuy nhiên anh bỏ quên một điều quan trọng, là không đề cập tới việc người hướng dẫn đưa anh và Daphne ra vùng ven biên thành phố, chỉ cho thấy một đám đông đang lắng nghe hình tư tưởng mà họ tạo nên, là Đức Chúa đang nói chuyện với họ. Cả anh và Daphne nghe lời giảng một lúc ngắn. Anh ngộ ý với người hướng dẫn là tất cả những gì Đức Chúa đang nói đều đã ghi trong các phúc âm khác nhau của kinh Tân Ước.

“Chuyện ấy tự nó là bằng chứng đủ cho anh thấy đó không phải là đấng Cao Cả dưới trần ta gọi là Đức Chúa đang nói, mà chỉ là cái biểu lộ về vị Giáo chủ Thiên Chúa giáo, là một phần của tư tưởng và tâm trí các tín đồ ngoan đạo nhất của ngài. Tôi tin chắc nếu đó chính là Đức Chúa đang nói – mà ngài vẫn đang sống và trông coi sự phát triển tinh thần của địa cầu – cảm tưởng về những gì ngài nói sẽ không dễ dàng bị xoá sạch khỏi ký ức của anh. Lần tới gặp Daphne hãy hỏi cô về chuyện này. Chắc chắn cô còn nhớ nó.

“Tôi hài lòng về sự mô tả của anh về thí nghiệm tối thứ tư, vì nó khá hơn là tôi tưởng. Tôi có khuyến cáo anh về những khó khăn sẽ gặp phải khi tìm chữ để diễn tả sinh hoạt trí tuệ, nhưng tôi nghĩ rằng ai đọc bài ghi của anh sẽ hiểu một chút việc anh muốn diễn tả. Tôi rất hài lòng là anh nắm được phần lớn những gì tôi cố công trình bày với anh trong lần nói chuyện mới rồi.

“Chi tiết anh ghi tối qua không cần tôi cho ý kiến mấy. Nó có giá trị của nó vì nay anh hiểu là phải xem xét quan điểm của người khác, và ở một mức nào đó phải hoà hợp với họ ở cõi trung giới cũng như cõi trần. Tôi tin chắc là cô gái Mary được anh chăm sóc sẽ gọi anh lần nữa trong tương lai rất gần, và tôi biết anh sẽ gắng công giúp cô với nhiều vấn đề cô gặp phải. Nó sẽ là kinh nghiệm rất tốt đẹp cho anh.

“Hôm nay trong buổi nói chuyện cuối của tôi, trước hết tôi sẽ trình bày về ‘*cái chết thứ ba*’ và chuyện gì xảy ra cho chân nhân khi nó bỏ vận cụ còn lại của tâm thức là thể hạ trí, và sống một thời gian trong cơ thể vĩnh viễn duy nhất mà nó có là căn thể (causal body) hay thể thượng trí. Tôi muốn anh lắng nghe chuyện kỹ lưỡng, vì nhiều người xem ra gặp khó khăn với chi tiết này.

“Cái chết thứ ba rất giống với việc đi từ cõi trung giới lên thượng giới (hay cõi tình cảm sang cõi trí), vì con người chỉ từ từ mất tâm thức và sau khi trôi ra ngoài thể trí, thấy nay mình ở trong căn thể. Ta gọi đó là căn thể vì nó chỉ linh hoạt ở cảnh giới của nguyên nhân, gồm hai bầu thứ sáu và thứ bảy của cõi trí từ dưới đếm lên. Căn thể được biết là thể vĩnh viễn của người vì họ có nó từ khi cá nhân hóa, thoát kiếp thú làm người, và thành con người thực thể riêng biệt. Cảnh giới của nguyên nhân là quê hương định sẵn của linh hồn hay chân nhân, nó trụ ở đó trong các giai đoạn mà ta gọi là kiếp sống dưới trần, *khi một phần của nó biểu lộ* ở các mức thấp hơn của tâm thức, và thu thập kinh nghiệm cần thiết khiến cho linh hồn được tự do, thoát khỏi việc tái sinh tới lui nhiều lần trong các thể xác khác nhau.

“Mỗi kiếp sống căn thể thay đổi chỉ bằng cách thêm vào đó kinh nghiệm mà con người thu thập được trong kiếp vừa xong, vì lý do ấy thỉnh thoảng người ta gọi nó là ‘*kho kiến thức*’. Một ai tiến hóa có thể sử dụng kho này theo ý muốn, và rút ra ở cõi trần kinh nghiệm những kiếp đã qua, làm vậy cho phép họ tránh không phải học một số điều mỗi lần có não bộ mới, vì tự nó thì não bộ không có ký ức về kinh nghiệm xưa.

“Nhờ lý do này mà người tiến hóa có lợi thế to tát so với ai chưa tiến hoá bằng – nhưng mỗi chúng ta sẽ ở cùng vị trí khi đạt tới những giai đoạn phát triển đó. Bài học quan trọng nhất cho chúng ta là tiến bộ chỉ có nhờ công sức của riêng mỗi người.

“Những chuyện này sẽ được chú ý nhiều hơn nếu người ta hiểu chúng hơn, và được ai đang phụng sự nhân loại chỉ dẫn rõ hơn. Chỉ có ít người trong chúng ta đủ sức hiểu sự kiện là phạm ngã, phân biệt được ở cõi trần, lại chỉ là *một phần nhỏ của con người thật* hay chân ngã; mà chân ngã này hay *cá nhân* phù trợ và hướng dẫn phạm ngã theo hết khả năng của nó, trong giới hạn mà tự do ý chí cho phép, điều ban cho tất cả mọi ai khi họ đạt tới tiêu chuẩn thành người.

“Nơi cảnh của căn thể, quá khứ, tương lai và hiện tại là một trong thực tại. Tôi sẽ cho anh thí dụ nơi cõi trần để diễn tả ý đó. Hãy tưởng tượng một con sông cứ vài trăm thước lại uốn lượn quanh co. Một người đứng trên sàn chiếc tàu hơi nước chạy trên sông, đang phì phò trong lộ trình nó phải hoàn tất, chỉ có thể thấy khúc sông mà tàu đi lúc đó. Họ

không thấy được khúc sông nằm sau điểm uốn ở phía đuôi tàu, phần mà tàu đã đi qua, và cũng y vậy không thấy được khúc sông nằm quá điểm uốn ở phía trước mũi, nơi tàu đang dần đi tới.

“Ta hãy giả dụ là có một người khác đi cùng lộ trình ấy mà bằng phản lực cơ, họ sẽ thấy trọn con sông bằng cái nhìn quét mắt bao quát, phần đằng sau cũng như phần đằng trước của vị trí đang có đều được tầm nhìn của họ thấy rõ ràng. Với người này khung cảnh mà tàu đã qua thì rõ ràng y như cảnh mà hành khách thấy vào lúc này, hay trong tương lai sắp đến. Như thế đối với ai trên phi cơ chuyện không có quá khứ hay tương lai, tất cả thực ra nằm trong hiện tại. Người chưa tiến hoá so với người tiến hoá thì giống như hành khách trên tàu hơi nước so với người trên phi cơ.

“Ở cảnh của căn thể, chân nhân được cho thấy trọn hồ sơ của quá khứ của nó dưới dạng một loạt nhiều hình, giống như các tấm phim trong xi nê. Những hình này cho nó thấy chính xác đã thất bại ở kiếp nào và thành công ở đâu; chúng cũng cho thấy kiếp tới có dụng ý ra sao cho linh hồn, thay đổi nào trong cá tính phải đạt được trước khi có thể có tiến bộ thêm. Người chưa tiến hóa thấy hết những việc ấy, nhưng bởi trí tuệ còn giới hạn nên họ chưa nắm được ý nghĩa của nó như người phát triển trí năng đã hiểu. Họ giống như hành khách trên tàu.

“Mặt khác người tiến hoá thì như những người đi trên chiếc phản lực, thấy lập tức tại sao mình phạm lỗi trong quá khứ, và không phải chỉ thấy hậu quả những lỗi lầm này mà thôi. Họ nhất quyết rằng sẽ không thất bại như vậy nữa trong kiếp tới. Thế thì bài học đã học được từ những bức hình của kiếp đã qua được đem vào cấu trúc của ba hạt nguyên tử trường tồn – cái kho hiểu biết chứa đựng tinh túy của những kinh nghiệm trong mọi kiếp qua – và khi ngày giờ tới trong một kiếp tương lai phải quyết định vấn đề tương tự, tiếng nói lương tâm là lời khuyến cáo mà chân nhân gửi cho họ, từ cõi cao nơi kho dự trữ hiểu biết đang hiện hữu, giúp bảo đảm là sai lầm tương tự sẽ không tái phạm nữa.

“Họ ý thức tại sao kiếp tới mình nên sinh vào một nhóm đặc biệt hay một quốc gia nào đó, vì nhờ hoàn cảnh chào đời ấy họ có thể có được môi trường họ cần; vì lý do là chân nhân không hề thiếu hợp tác khi được cho thấy kiếp tương lai. Nó biết rất rõ là cuộc đời được dàn xếp cho nó là cái thích hợp nhất, để bảo đảm là có được tiến bộ nhiều nhất. Đạt tới tiến bộ này trong khoảng thời gian ngắn nhất là điều mà mỗi chân nhân đều ước ao.

“Tuy tất cả chúng ta vui hưởng thời gian sống ở cõi của chân nhân, ta phải rời nó lần nữa để tuân theo luật tiến hoá. Tất cả chúng ta đều muốn rời khỏi nơi ấy khi ngày giờ đến, vì cảm thấy trong tâm lòng ham muốn có tiến bộ và kinh nghiệm thêm; chúng ta biết tiến bộ trong cuộc tiến hoá chỉ đạt được qua vô số kiếp sống ở cõi trần. Ta ý thức rằng mình không thể đáp ứng trọn vẹn với làn rung động chế ngự ở cõi của căn thể, cho tới khi nào ta tiến hóa đến mức không cần phải tái sinh nữa.

“Thời điểm ấy sẽ tới khi ta học được tất cả những bài học mà cuộc sống ở cõi trần có thể dạy ta, và rồi sự chú ý của ta hướng về những bầu hoạt động khác, vượt ra bên ngoài cõi trần hay cõi tình cảm. Chân nhân nào đã tới mức toàn thiện này của con người, đôi khi quyết định theo ý muốn riêng của nó là vẫn tiếp xúc với những cõi tâm thức thấp, chỉ vì lòng Từ bao la đối với nhân loại, và mong muốn giúp đỡ nhân loại trong cuộc tiến hoá của nó. Tốt lành biết bao khi có những linh hồn cao cả như vậy, bằng không sự tiến bộ của con người sẽ chậm hơn so với hiện giờ.

“Nay lời mô tả của tôi về cách tái sinh hẳn sẽ không khó hiểu đối với anh, nếu anh nhớ lại thí dụ nêu ra trước đó. Chân nhân trần trụi nay phải khoác lấy những vận cụ của nó trở lại, nói khác đi là tạo ba thể mới để nhờ vậy có thể sinh hoạt ở những cõi tâm thức thích hợp với chúng. Thể đầu tiên nó phải tạo làm bằng chất liệu cõi trí (quần áo lót), và để làm việc này nó hướng tâm về hạt nguyên tử trường tồn mà như anh còn nhớ, nó đã giữ lại những phân tử tương ứng với mọi cảnh giới có ở cõi trí.

“Chân nhân lấy hạt nguyên tử cõi trí, làm nó linh hoạt và bắt đầu thu hút vào quanh hạt những nguyên tử khác từ chất liệu ở cõi trí, theo cùng cách thức như một tinh thể khi thả vào dung dịch sẽ khiến những hạt tinh thể khác tạo ra chung quanh nó. Vật chất được thu hút về chung quanh nó sẽ tạo thành hình của thể trí kiếp vừa xong, vật nó bỏ lại sau giai đoạn sống ở cõi trí, nhưng với một khác biệt nhỏ; đó là thể trí tốt đẹp hơn cái vừa thải ra, vì nó chứa đựng trong đó kết quả những nỗ lực trí tuệ trong kiếp vừa rồi.

“Chân nhân trở lại cuộc đời mới với thể trí chứa đựng tất cả hiểu biết nó đã thu thập trong bao kiếp đã qua, nhưng vẫn chưa có chút kiến thức nào về những môn mà tới nay nó vẫn chưa học. Điều này giải thích tại sao người trong thế giới lại khác nhau rất nhiều; trí tuệ của họ khác nhau vì họ có những thể trí thuộc các hạng khác nhau. Vì thế ai có trí tuệ nhạy bén, thu thập được qua kinh nghiệm nhiều kiếp sống, chớ bao giờ nên lợi dụng ai có ít kinh nghiệm hơn mình, mà phần việc của họ là giúp đỡ thay vì gây cản trở cho các linh hồn non trẻ hơn.

“Sau khi tạo cho mình một thể trí mới, chân nhân tiến sang bước kế. Nó hướng tâm về hạt nguyên tử tình cảm và khiến nó linh hoạt. Lập tức hạt này tụ tập quanh nó chất liệu cõi trung giới thuộc cùng loại như đã có trong thể tình cảm của kiếp vừa xong, vào lúc mà họ vứt bỏ nó. Chuyện có nghĩa là tất cả những tiến bộ về mặt tình cảm mà họ có được ở kiếp vừa rồi, được gồm trong thể tình cảm mới (y phục thông thường), vật sẽ giúp linh hồn sinh hoạt trong kiếp mới này.

“Thể mới ấy chứa đựng trong đó kết quả công việc họ làm trong những năm sống ở cõi tình cảm, thí dụ nếu họ học hỏi sâu rộng về nhạc thì trong kiếp sau ở cõi trần, họ có sự thúc giục muốn học nhạc như là một nghề hay để giải trí, và phát triển năng khiếu về nhạc là chuyện rất dễ dàng đối với họ. Thể tình cảm mới này nhạy cảm nhiều lần so với thể có trước đây, theo nghĩa nó có thể ghi nhận tình cảm mạnh mẽ hơn thể đã bỏ.

“Kế tiếp chân nhân phải có một thể xác (áo khoác ngoài). Vật này có được nhờ sinh ra theo cách bình thường vào một gia đình trên thế giới. Thể xác không nhất thiết phải là loại tốt đẹp hơn thể xác của kiếp vừa qua, mà phần nhiều tùy thuộc vào những bài học phải học trong cuộc đời mới, và thể xác có được là thể cần có vào lúc ấy. Quyết định đầu tiên phải làm là thực hiện các thay đổi về tính khí. Câu trả lời cho việc này ấn định nhiều chuyện khác nhau, đầu tiên là chân nhân sẽ sinh vào quốc gia nào vì mỗi quốc gia có những đặc tính nổi bật.

“Vì anh là người Anh, tôi sẽ lấy nước của anh làm thí dụ cho việc này. Lòng tận tụy với bổn phận có lẽ là tính chất trội hơn hết của người Anh. Nếu chân nhân sắp tái sinh, trong những kiếp vừa qua từ chối không chịu đương đầu với khó khăn – nó có thể còn hèn nhát đến mức tự tử trong một kiếp trước – thì hiển nhiên nó thiếu các đặc tính là một phần nổi bật của nước Anh; thế thì một kiếp làm con dân nước này chắc chắn sẽ tạo dựng cho đặc tính của họ điều cần có vào lúc ấy, để tới cuối đời tính khí của họ sẽ thay đổi đáng kể.

“Khi đã có quyết định về quốc gia đã sinh vào, nay chuyện cần thiết là chọn gia đình thích hợp trong nước ấy, đây là vấn đề phức tạp đòi hỏi chú ý đến chi tiết và là điều không hề do may rủi mà ra. Có thể có hàng chục gia đình cùng cho linh hồn môi trường mà nó cần, nhưng có thể nó không chọn được những gia đình ấy, vì hành động trong quá khứ của nó khiến nó không có đặc ân được sinh ra trong hoàn cảnh đáng ước ao. Gia đình phải được chọn sao cho linh hồn tiếp xúc được với một số dây liên kết mà cá nhân đã tạo trong quá khứ. Dây liên kết hay duyên sinh ra do tình thương, lòng thù ghét, hôn nhân, cha mẹ, là cha của trẻ ngoại hôn, bỏ rơi thiếu nữ lúc cô gặp lúc khó khăn, v.v..., và bất cứ karma nào tạo ra trong những trường hợp này đều cần được giải quyết.

“Quyết định khác phải làm là câu hỏi về tính di truyền, sự việc được xem xét là chân nhân có xứng được hưởng sức khỏe tốt lành hay phải chịu bệnh tật, mặt mũi xinh đẹp hay chỉ có diện mạo trung bình, trí não đáng được thông minh tới đâu. Việc khác được cân nhắc là linh hồn có được cha mẹ thích hợp ra sao, loại cha mẹ và cuộc hôn nhân giữa hai người có hòa hợp; chân nhân có nên sinh ra với bà mẹ muốn có con và do đó bà làm hết sức mình cho con có buổi đầu đời thuận lợi; hoặc nên sinh ra với cha mẹ đối đãi nó như linh hồn riêng biệt, xem xét những khả năng của nó lúc nhỏ như có thúc đẩy muốn học nhạc – điều mà không chừng linh hồn có được trong thời gian sinh sống vừa qua ở cõi trung giới –, hoặc có cha mẹ làm nó nản lòng vì không quan tâm đến ước muốn đó, và can thiệp vào sinh hoạt của con ngay cả khi nó đã trưởng thành; cha mẹ cũng được chọn là người có tính khoan hoà về tôn giáo hay không khoan hoà.

“Những xếp đặt ấy được thực hiện, ngày tháng thuận lợi theo khoa chiêm tinh được chọn và linh hồn chào đời. Nay công việc của chân nhân là vượt qua những trở ngại do hoàn cảnh lúc sinh ra tạo nên; đôi khi có người sau này là vị lãnh đạo quốc gia lại sinh ra trong cảnh nghèo hèn và khốn khó. Ai khắc phục được khó khăn trên con đường của

họ, chắc chắn sẽ liên kết với gia đình có nguyên tắc cao đẹp và trong hoàn cảnh đáng ước ao, khi trường hợp của họ lại được xem xét trong lần tái sinh tới.

“Trước khi kết thúc tôi phải đề cập tới đề tài hệ trọng là Dạy Con. Dựa theo những gì đã nói, hẳn anh có thể ý thức là do thái độ của cha mẹ đối với việc này, linh hồn được trợ lực hay ngăn trở rất nhiều trong cuộc tiến hoá của nó. Tương đối thì không có mấy người chú tâm vào nhu cầu của trẻ, nên hiện nay việc tìm gia đình thích hợp để hướng dẫn linh hồn đã tiến hoá theo đường của nó trở thành khó khăn. Để anh có thể nhận thức tầm quan trọng tốt bậc của việc dạy con, trước hết tôi sẽ nhắc tới vài điểm chính yếu liên hệ đến sự phát triển của con người.

“Sự phát triển của con người được chia thành giai đoạn từng bảy năm một, mỗi chặng đánh dấu bằng việc xuất hiện một khả năng hay tính chất mới. Những bước này liên hệ chặt chẽ với sự phát triển về sinh hoạt của tuyến nội tiết trong cơ thể. Chuyện mà ta gọi là ‘sinh ra’ thì thật sự chỉ là việc sinh ra hình hài thể chất, thân xác đạt được hiệu năng cao độ trong thời gian tương đối ngắn so với những thể vô hình của linh hồn. Thai nhi nằm gọn trong lòng mẹ, là cái che chở nó suốt thời kỳ thai nghén, cũng y vậy những thể thanh hơn là thể sinh lực, tình cảm và trí mà tôi cố gắng giúp anh hiểu chút ít trong những buổi nói chuyện trước, được bao bọc trong vỏ bằng chất ether, chất liệu cõi trung giới, thượng giới trong lòng vũ trụ hay thiên nhiên, cho tới khi nó phát triển đủ để chịu được tình trạng của cõi trần.

“Ta không thể thúc ép sự phát triển thể chất bên trong lòng mẹ thì cũng tương tự vậy, không nên có nỗ lực nào nhằm thúc ép sự nảy nở của những thể thanh lúc chúng còn nằm trong lòng thiên nhiên, mà phải để nó diễn ra tự nhiên theo sự hướng dẫn thích hợp cho trẻ. Bởi thế cha mẹ phải sẵn lòng làm người hướng dẫn, cố vấn và là bạn của con mình cho tới khi chúng được 21 tuổi, khi ấy thể trí của chúng phát triển đầy đủ và để cho con có thể thành người lớn tự tin, *mọi kiểm soát của cha mẹ phải ngưng hẳn*. Sau đó cha mẹ chỉ nên có lời khuyên nếu con hỏi xin, do việc họ có kinh nghiệm hơn. Ràng buộc con vào mình như cha mẹ ích kỷ hay làm, viện cớ này hay cớ kia, là gây tổn hại cho cả con và cha mẹ.

“Ba giai đoạn (mỗi cái dài bảy năm) đầu tiên trong sự phát triển của người được đánh dấu bằng việc sinh ra, việc hoàn tất thể sinh lực lúc bảy tuổi, thể tình cảm lúc 14 tuổi là tuổi dậy thì, còn thể trí chỉ hoạt động đầy đủ từ lúc 21 tuổi. Nơi trẻ sơ sinh, chỉ những tính chất tiêu cực của các thể này linh hoạt và trước khi linh hồn có thể sử dụng trọn vẹn các thể khác nhau, đặc tính tích cực của mỗi thể phải được chín muồi.

“Trong bảy năm đầu tiên của kiếp sống, lực sinh hoạt dọc theo cực âm của chất ether được linh động, nên trẻ trong lứa tuổi này có thông nhãn (clairvoyance) mang tính âm giống như người đồng cốt; ấy là lý do tại sao trẻ nhỏ có bạn vô hình chơi với chúng mà người lớn không thấy là điều hết sức tự nhiên.

“Về sau theo cùng cách thức, lực làm việc trong thể tình cảm chỉ khiến cảm giác có tính thụ động cho đến khi tính chất tích cực phát triển; tuy tình cảm tự do biểu lộ trong thời gian này nhưng chúng có tính thoáng qua mà không lâu bền. Thời gian giữa năm 14 và 21 tuổi khi bản tính ham muốn phát ra sôi nổi không kiềm chế, có lẽ là năm tháng phải đối phó khó khăn nhất cho cha mẹ, vì họ phải học tính khoan dung và hiểu biết hết mức trong lúc ấy.

“Trẻ con rất nhạy cảm với lực tác động theo cực âm của cái trí, ấy là lý do tại sao chúng rất dễ dạy, dễ bắt chước và ta phải thông cảm trong cách đối phó cho tới khi các đặc tính tích cực thắng thế. Khi điều này xảy ra thì linh hồn sẵn sàng và háng hái muốn độc lập, và nó phải được cho làm vậy. Nó sẽ phạm lỗi lầm, mà tất cả chúng ta đều đã làm lỗi, ấy là một trong những cách thức quan trọng nhất để học bài học của mình.

“Trong những ngày đầu dưới trần, con người không được cha mẹ giúp đỡ mấy vì chính cha mẹ không có đủ kinh nghiệm về tiến hoá để giúp ai khác, nhưng lúc này hoàn cảnh đã thay đổi tới mức thuật làm cha mẹ (parenting) cần phải xem là khoa học ai ai cũng phải biết. Cha mẹ nào thực hành việc kế hoạch hoá gia đình và chỉ có hai hay ba con để chăm sóc, có thì giờ cần thiết để học tập và sẵn sàng làm vậy, là có thể tự trang bị cho mình hiểu biết để trở thành người hướng dẫn thích hợp cho con.

“Cha mẹ cần ý thức rằng trẻ con không phải đòi hỏi được giao cho họ để muốn làm gì thì làm, mà họ là người đồng hành được thiên liêng tin cậy giao phó việc chăm sóc và hướng dẫn chúng. Cho trẻ có được hướng dẫn thích hợp là một trong những việc làm hệ trọng mà nhân loại được trao cho thực hiện; theo luật karma cha mẹ chịu trách nhiệm bằng cách họ thực hiện phần việc này, và theo đó mà cuộc tiến hoá riêng của họ diễn ra được mau hơn hay chậm lại.

“Trách nhiệm trong gia đình cần được chia sẻ đồng đều giữa cha và mẹ, mỗi người có phần việc phải làm và đóng góp vào việc nuôi dạy con. Thuật làm cha mẹ khôn ngoan chỉ thực hiện được với cha mẹ nào ít nhất đã học hỏi về sự phát triển con người, và sẵn lòng làm những hy sinh cá nhân. Để làm tròn phần việc giao phó cho mình, cha mẹ phải chuẩn bị để dạy bằng chính gương của họ. Bởi không có gì dễ bắt chước trong đời như một đứa trẻ, và thật ra bắt chước là phương pháp chính của nó để khôn lớn, thế nên cha mẹ phải tự luyện mình không bao giờ làm việc gì mà họ không muốn thấy con bắt chước.

“Để hướng dẫn sự phát triển tình cảm của trẻ, có hai đề tài cần được tự do thảo luận trong gia đình ngay từ những năm đầu tiên của trẻ, một là tính dục và hai là tôn giáo. Khi chuẩn bị làm cha mẹ, hai người đã học khoa sinh học về cây cỏ, thú vật và con người và do đó hẳn không gặp khó khăn trong việc giải thích cho các con nguyên tắc về sinh sản trong các loài khác nhau, theo cách hợp với tuổi và mức hiểu biết của chúng. Cho trẻ rất nhỏ thì cha mẹ có thể tưởng tượng ra chuyện thần tiên lý thú trong loài thảo mộc, cho con xem nhụy cái và ví nó với thiếu nữ, nhụy đực với thanh niên; cho thấy phấn hoa và túi đựng phấn hoa ở chân con ong.

“Cha mẹ có thể nghĩ ra chuyện về nam và nữ, như so sánh noãn sào bên trong nhụy cái là công chúa bị nhốt trong lâu đài mong ước được giải cứu thoát cảnh cô độc, và thanh niên như nhụy đực sẵn sàng làm kỵ mã mặc áo giáp lên ngựa (tức con ong) đi tìm công chúa mà khi gặp thì thành hôn, để tới phiên cả hai có gia đình sinh con trai và con gái. Nghe có vẻ quá đơn giản và sơ đẳng nhưng đầu vậy không kém phần quan trọng, vì nguyên tắc sinh sản giống y như nhau ở các loài trong thiên nhiên, thế thì khi trình bày theo cách đơn giản này, phương pháp truyền giống nơi loài vật và loài người sau đó sẽ theo đúng diễn tiến và là chuyện hết sức bình thường.

“Tôn giáo có thể được giảng giải theo cùng cách thức. Ta không thể mong một trẻ nào hiểu được triết lý và tín điều của những tôn giáo khác nhau, điều ấy có thể đợi tới khi trẻ đến tuổi biết tự suy nghĩ. Trong thời đại này việc dạy giáo lý nên là dạy về cuộc đời và lời giảng của Đức Chúa lúc ngài dưới thể sử dụng thân xác của Đức Jesus, hay Đức Phật và giáo chủ của những tôn giáo khác. Nếu ta không biết gì khác hơn thì bấy nhiêu đó cũng đủ là khuôn mẫu tuyệt diệu cho người noi gương. Vì vậy hãy dạy giáo lý cho trẻ nhỏ bằng cách kịch hóa cuộc đời các vị giáo chủ, chúng là những bài học tinh tế về nhiều mặt cho người.

“Cũng giống như khi dạy về tính dục, giáo lý cần được đưa ra dưới hình thức thích hợp cho mức hiểu biết của trẻ, như chuyện viết bằng ngôn ngữ giản dị và trên hết thấy lấy cha mẹ làm thí dụ. Nếu cha mẹ thực hành lời giảng trong kinh sách thì con cái sẽ làm theo, và chỉ dạy trong kinh sách tạo thành nền tảng vững chắc cho hiểu biết về Lòng Từ bao la và Tình Huynh Đệ đại đồng.

“Cha mẹ nào có được lòng khoan hoà và hiểu biết nhờ xem xét sự việc theo cái nhìn của con trẻ, theo quan điểm của chúng, nhận định theo cái trí của con, thì khi việc dạy con đã xong, họ ở trong vị thế thuận lợi nhất để biết chính mình và giúp người chung quanh một cách khoan hoà và khôn ngoan, đây chính là phần việc của cha mẹ vào giai đoạn phát triển của chính họ, phần việc mà tới phiên nó mang lại những đặc tính tích cực về mặt tinh thần cho cha mẹ.

“Tôi chỉ có thể cho anh nét đại cương rất ngắn gọn, về tầm quan trọng của sự hướng dẫn mà cha mẹ cho ra và làm gương trong việc dạy con, tôi không có giờ đi sâu vào câu hỏi về phương pháp giáo dục. Tất cả việc tôi có thể làm là vạch ra rằng chưa bao giờ nhu cầu đó lại to tát hơn, hay cấp bách hơn lúc này trên thế giới. Nếu cha mẹ tiếp tục từ chối bổn phận của mình, không muốn hy sinh ‘thú vui’ để nhận lấy việc làm cha mẹ, và nếu tiếp tục có đổ vỡ gia đình như hiện nay, khiến không còn tình thương và sự hiểu biết cần cho việc này, thì ta phải nghĩ đến câu hỏi là nuôi dạy trẻ trong viện và hợp nhóm theo tuổi, do người được huấn luyện và thông cảm trẻ, không chừng là giải pháp khôn ngoan nhất cho vấn đề. Ít nhất đây có vẻ là thắc mắc cần phải được thăm dò. Tự nhiên là có biện luận đưa ra biện hộ cho cả hai cách, nhưng nếu quyết định nghiêng về việc dạy trẻ ở nhà thì phải có những biện pháp để vun trồng, và dạy thuật làm cha mẹ cho khôn ngoan.

“Tôi hài lòng là anh hiểu rằng con người không ngẫu nhiên mà có mặt trên đời. Anh đã ý thức rằng cần có vô số kiếp ở cõi trần nếu ta muốn có đủ kinh nghiệm để thoát khỏi vòng luân hồi sinh tử cần thiết, tái đi tái lại mãi. Anh đã tự mình chứng nghiệm rằng cái chết mà nhiều người trần sợ hãi, chỉ là việc chuyển từ trạng thái tâm thức này sang tâm thức khác, và không ai nên kinh sợ sự thay đổi ấy, ngay cả khi trước đó dù rằng thỉnh thoảng có đau đớn thể xác một chút.

“Anh đã biết rằng sự bất bình đẳng trong đời không do Tạo hóa Thiêng Liêng gây ra, thương người này và ghét kẻ nọ, mà bất bình đẳng là do mức độ khác nhau của người trên đường tới sự toàn thiện, hoặc sinh ra do hành động thiếu khôn ngoan của cá nhân trong những kiếp qua. Tôi tin chắc nay anh hiểu rằng không việc gì anh làm ở cõi trần bị phí phạm, vì vào cuối mỗi cuộc đời anh mang thành quả theo mình, chúng trở thành một phần của hạt nguyên tử trường tồn, là kho chứa chứa hiểu biết của anh.

“Sau khi tôi rời anh hôm nay, một lần nữa anh lại là người duy nhất làm chủ vận mạng của mình. Tôi hy vọng là anh vẫn tiếp tục giữ mối liên kết đã nối lại giữa anh và Daphne, vì anh có thể giúp cô nhiều chuyện và đổi lại cô cũng giúp được anh. Định mạng xếp đặt cho hai người sẽ cùng nhau làm việc trong một kiếp tương lai, và hai bạn càng hiểu nhau thêm lúc này thì càng có tiến bộ khi tới ngày giờ cho hai người sống chung với nhau dưới thế.

“Trước khi qua đời không chừng anh sẽ gặp ở cõi trần một người anh cảm thấy bị thu hút, và có thể còn muốn lập gia đình. Nếu có việc ấy, hãy giải thích với Daphne điều anh muốn làm, vì sự dối gạt mang lại hậu quả của nó, ngay cả khi một người sống ở cõi tình cảm và người kia còn ở cõi trần. Dối gạt luôn luôn là chuyện không khôn ngoan vì nó tạo ra sự khó khăn, có thể sẽ mất nhiều kiếp mới giải trừ được hoàn toàn.

“Tôi không nghĩ là Charles sẽ làm anh bận tâm nhiều thêm. Bởi anh là linh hồn già dặn hơn hẳn, hẳn sẽ thấy khó mà theo anh trên con đường anh tưởng là thích hợp nhất cho hẳn, nhưng anh vẫn có thể giúp được cho em và nối kết với hẳn trong một kiếp mai sau, vì tình thương tạo nên dây ràng buộc rất mạnh. Đừng quên trách nhiệm anh đã nhận với Mary, vì tuy tôi không nghĩ là nó có gì nặng nhọc nhưng không thể lơ là vì anh đã nhận lấy cơ hội. Người cứu trợ ở cõi trung giới anh gọi là Jim có thể rất có ích cho anh và anh cho họ, vậy hãy vun trồng tình bạn đối với anh chàng khi nào có cơ hội.

“Hãy nhớ rằng hiểu biết được trao cho anh không phải để dành cho riêng mình mà thôi. Anh có trách nhiệm với những ai kém may mắn hơn anh, và tôi thật lòng tin rằng anh sẽ không bao giờ quên điều này. Mọi hiểu biết chân thật phải được chia sẻ mà không giữ làm lợi riêng cho người có nó; tôi có thể đoán chắc với anh rằng chẳng những anh sẽ hạnh phúc hơn khi chia sẻ hiểu biết với người khác, mà họ cũng vậy, họ sẽ có lợi nhờ sự giúp đỡ của anh. Anh có thể thấy là nhiều người khi được trao cho bánh hiểu biết này lại không muốn ăn nó. Kẻ như thế chưa sẵn sàng với hiểu biết mà anh trao tặng, nhưng điều ấy không nên ngăn anh cho họ cơ hội lắng nghe điều anh muốn trình bày.

“Nay tới lúc tôi chào từ giã. Nó không có nghĩa là chúng ta sẽ không bao giờ gặp lại nữa, bởi mỗi đây chúng ta tạo nên trong những tuần qua sẽ có hệ quả tất nhiên của nó. Duyên một khi sinh ra thì khó mà gầy đổ hoàn toàn. Sau khi rời anh tôi sẽ không còn biết anh làm gì, như đã từng được phép biết trong giai đoạn ngắn ngủi này hầu chỉ dẫn giúp anh, nhưng tôi tin chắc là tiến bộ anh đã có sẽ được duy trì.

“Nếu trong tương lai bất cứ khi nào thấy cần đến tôi, hãy tạo hình tư tưởng thật mạnh tượng hình của tôi, và phát ra vào không trung ước muốn tiếp xúc với tôi. Có thể tôi không tiện đáp lời kêu gọi của anh ngay tức khắc, nhưng anh có thể tin chắc là tôi đã nhận được nó, và sẽ tiếp xúc với anh ngay khi công việc cho phép làm như vậy. Tôi rất cảm ơn sự hiểu biết anh tỏ ra vào những lúc mà lời nói của tôi có vẻ chỉ trích anh và người khác trong đời. Xin hãy tin rằng tôi không có ý đó.

“Một trong những triết gia cao cả có lần nói rằng ‘Khi đệ tử sẵn sàng thì Chân Sư luôn có đó’. Điều ấy rất đúng vì dù khó khăn của anh có là bao đi nữa, anh vẫn không hề phải một mình đối đầu với việc. Các Ngài không bỏ rơi kẻ nào làm việc cho các Ngài. Nỗ lực của anh đã khiến anh tiếp xúc được với vài đấng Cao Cả đang gắng sức hướng dẫn bước chân của chúng ta, trên đường thích hợp cho tiến triển của ta. Phản ứng của anh đối với sự giúp đỡ của các Ngài đã khiến cho anh được tiếp xúc gần hơn với các Vị ấy. Các Ngài biết giới hạn và khó khăn của ta, các Ngài chỉ chờ đợi ta hỏi xin trợ lực tức cho phép các Ngài trợ giúp, và lập tức sự trợ giúp đó tới ngay.

“Mong sao sự Bình An mà các Ngài kiên nhẫn làm việc để mang lại cho thế gian, ở cùng anh và những ai tìm cách làm nhẹ bớt gánh nặng của nhân loại. Tôi xin tạm biệt anh, cho đến khi theo ý Trời ta sẽ gặp nhau lần nữa.”

Một tháng đã trôi qua kể từ khi tôi viết xong những ghi chú về cuộc nói chuyện sau cùng của Acharya, và ngay cả lúc này tôi thấy khó mà cảm nhận là thầy không còn đến thăm nữa. Tôi đã quen mong chờ những buổi gặp gỡ hàng ngày ấy theo cách mà tôi không thể tin được là có được hồi hai tháng trước đó, tôi vô cùng sung sướng thấy mình có vẻ nhớ vào mỗi sáng nhiều chuyện đã làm hồi đêm, vì ban đầu tôi tự hỏi khả năng nhớ lại chuyện sẽ có mất chẳng sau khi sự liên kết về trí não của tôi và Acharya bị cắt đứt.

Mấy đêm trước, khi tới thăm Daphne, tôi hỏi nàng về những phần tôi quên trong chuyến đi thăm Kim Đô của hai chúng tôi. Như Acharya đã nói thật đúng, nàng nhớ chuyện đức Chúa dường như hiện ra giảng trước đám đông đang tụ họp, nhớ rõ ràng những chuyện khác chúng tôi làm trong đêm ấy. Vì vậy tôi quyết định rằng những đêm nào mà tôi thí nghiệm cùng với Daphne, sau đó tôi phải nhớ kiểm lại với nàng. Tôi đã làm bạn với vài người sống trong thung lũng như Daphne, thấy rõ là họ không phản đối việc lâu lâu tôi đến chơi, dù vào lúc này tôi chưa phải là cư dân thường trực trong cộng đồng của họ.

Hai đêm trước tôi quyết định tự mình đi lên cảnh thứ sáu, vì trong một thời gian dài tôi từng mong ước có một chuyến đi trên một trong những chiếc thuyền nhỏ neo bên bờ hồ. Khi tới nơi tôi thấy hai chiếc còn trống, chiếc thứ ba có một người đơn độc dùng và đã đi gần phân nửa chặng đường. Tôi lấy một chiếc thuyền còn lại, gỡ dây buộc neo thuyền, nó lướt ngay đi không chờ tôi làm gì thêm, đi vòng quanh hồ theo hướng ngược chiều kim đồng hồ, và lúc nào cũng không xa bờ hơn 50 thước, y như tôi được nghe nói về thuyền.

Tôi cố công tham thiền và thấy rằng tuy dưới trần tôi chưa hề thành công về mặt đó, điều kiện ở cảnh này nơi cõi trung giới làm cho sự việc hóa dễ hơn. Tôi thử gieo ấn tượng về Hoà Bình cho những ai vào lúc này lèo lái vận mạng đất nước của họ, tôi thấy làm kẻ thù của ta muốn có hoà bình thì cũng quan trọng như làm chính phe ta muốn có. Chắc tôi không sao biết được nỗ lực của mình có lợi ích gì, nhưng ít nhất tôi đã sử dụng quyền năng tư tưởng, cái sinh ra kết quả hết sức kỳ diệu ở những cảnh cao. Tám giờ đồng hồ trôi qua, tôi cảm thấy có thúc giục phải trở về và dường như tôi không có hành động chi, lập tức tôi bị buộc phải rời thuyền quay về cõi trần. Từ đó tôi thắc mắc cái gì xảy ra cho con thuyền, nó vẫn còn trôi quanh hồ hay dòng nước ngưng không ảnh hưởng thuyền nữa khi vòng đi đã xong?

Tôi gặp Mary nhiều bận trong tháng qua, vì lời tiên đoán của Acharya rằng cô sẽ nhòe tôi nữa trong tương lai gần, hóa đúng trong vòng hai tuần sau khi tôi gặp cô lần cuối ở bệnh viện. Tôi ráng hết sức để cho Mary lời khuyên mà cô cần, và may mắn là bé Irene cũng có mặt trong đa số các buổi nói chuyện với chúng tôi. Em nhạy cảm hơn Mary rất nhiều nên tôi thấy là rất có thể em nhớ phần lớn những gì tôi chỉ dẫn, và sẽ nhắc lại cho chị nghe khi thức dậy buổi sáng.

Một đêm Jim trưng dụng tôi để phụ anh vì có nhiều người bỏ xác hơn. Công việc rất lạ lùng thích thú, tưởng tượng là diễn biến của những trường hợp thanh niên trẻ tuổi bị đẩy ra khỏi thân xác một cách đột ngột hẳn lúc nào cũng y hệt nhau, tuy nhiên tôi lại thấy cách thức thay đổi theo mỗi cá nhân. Dần dần tôi học được phải làm gì và cho Jim hay anh có thể gọi tôi bất cứ khi nào thiếu người; tôi nghĩ đây là cách khác để tỏ lòng biết ơn với sự giúp đỡ tôi đã nhận được, và hoan nghênh nó như bất cứ cơ hội nào đến với tôi.

Tôi không gặp Charles nữa, cũng như không có cách nào tiếp xúc được với em ngoại trừ gửi hẩn tín hiệu S.O.S khi cần. Có lẽ hẩn đang sống đời bình thường của mình ở cõi trung giới, và tôi thành tâm tin rằng chẳng những em hạnh phúc ở đó mà theo với thời gian, tôi sẽ có thể giúp đỡ ít nhiều cho em. Điều lý thú là nguyên nhân làm tôi vô cùng đau khổ và kết cục là khiến Acharya đến chỉ dạy, nay lại có vẻ không quan trọng bằng những duyên khác mà tôi tạo nên. Nó cho thấy dù hiểu biết chỉ có chút ít lại có thể thay đổi trọn cái nhìn của ta.

Việc sống trong hai cảnh giới này làm tôi vô cùng bận rộn và tự nhiên là cũng hết sức lý thú. Đôi khi tôi cảm thấy cuộc sống ngoài thân xác mới là chuyện thật, và cuộc đời tôi ở thế giới cõi trần không quan trọng bằng. Tôi phải giữ cho mình đừng mê muội tin như

thế, bằng không tôi sẽ thành người mơ mộng viễn vông, và có thể không thấy được tầm quan trọng của những bài học mà kiếp sống này sẽ dạy tôi.

Tôi không sao bày tỏ được hết lòng biết ơn đối với những đấng Cao Cả cai quản hành tinh này. Trọn kế hoạch của việc quản trị địa cầu thật hữu lý, mỗi bước ta có xem ra là hệ quả tự nhiên của bước trước đó, và khó mà tưởng tượng là làm sao chuyện có thể khác hơn được. Điều tôi không hiểu là tại sao những chỉ dẫn đưa ra cho tôi lại không có nhiều người hơn biết đến trong thế giới. Thỉnh thoảng tôi mong được gặp Acharya, nhưng tôi dần lại ước muốn phát ra ý kêu gọi thầy. Ông sống đời tuyệt diệu biết bao!

Đôi khi tôi tự hỏi ngày nào đó tôi có thể được dùng cho những mục đích tương tự chẳng; nếu ước nguyện của tôi thành sự thật tôi hy vọng sẽ phụng sự Chân Sư, bất kể đó là Vị nào, tận tụy như Acharya đang làm. Tôi vẫn chưa quên lời dặn là phải chia sẻ với người khác bất cứ hiểu biết nào thu thập được, và bằng cách ấy tỏ lòng biết ơn đối với sự giúp đỡ đã đến với tôi. Tôi sẽ tiếp tục ghi lại kinh nghiệm mà nếu thấy chúng lý thú với người khác, chắc chắn tôi sẽ nghĩ đến việc xuất bản cuốn tiếp theo cuốn này.

Bồn phận ghi lại những điều lạ lùng xảy ra cho tôi trong mấy tuần qua nay đã hoàn tất. Còn ai đọc lời thuật này có chấp nhận chuyện đã diễn ra là thật hay không, thì không phải là việc của tôi. Tôi hài lòng là khi ghi chép nó tôi đã làm tròn phận sự của mình. Tôi tin chắc là ai có tai để nghe sẽ nhờ vậy được lợi.

Ta chớ quên lời mà vị Chân Sư Cao Cả nhất đã hứa với chúng ta khi Ngài nói:

Hãy Mừng Vui Bởi Những Vị Canh Giữ Vận Mạng Thế Giới

Không Hề Ngại Nghĩ.

GHỊ CHÚ

Dưới đây là vài giải thích xét ra nên có để làm rõ nghĩa chuyện.

Căn thể (causal body, còn dịch là chân thân)

Thể không hề hư hoại (nên được dịch là chân thân), tồn tại qua bao kiếp trong khi những thể xác, sinh lực, tình cảm, hạ trí đều tan rã lúc qua đời, và mỗi lần tái sinh linh hồn được tạo bốn thể mới. Ba hạt nguyên tử trường tồn được lưu giữ trong căn thể lúc con người đã qua đời chưa tái sinh, nó chứa đựng tất cả quá khứ và tiềm năng con người, nên muốn biết rõ nguyên do sự việc hay mức tiến hóa một ai, cách chính xác nhất là nhìn vào căn thể (thể tàng trữ mọi duyên có). Rất ít người làm được như vậy, thường họ chỉ nhìn vào cõi tình cảm do đó có ít nhiều sai lạc.

Cõi tình cảm

Vũ trụ được chia làm nhiều cõi tùy mức độ nặng nhẹ của nguyên tử cấu tạo nên cõi ấy, càng lên cao chất liệu càng thanh. Có 7 cõi trong thái dương hệ:

Cõi Thiêng Liêng – Adi (Tối Đại Niết Bàn, Mahanirvana)

Cõi Chân Thân – Anupadaka (Đại Niết Bàn, Paranirvana)

Cõi Tinh Thần – Atma (Niết Bàn, Nirvana)

Cõi Trực Giác – Buddhi (Bồ Đề)

Cõi Trí (Mental plane), còn gọi là Thượng giới, chia làm hai:

- a/ ba cảnh trên ứng với óc trừu tượng gọi là cõi thượng trí hay thượng thiên, vô sắc giới (arupa, tư tưởng trừu tượng không diễn tả bằng hình rõ ràng như cái nhà, con mèo mà bằng biểu tượng và màu sắc; thí dụ ước nguyện thanh cao, lòng sùng tín biểu lộ bằng hình sao nhấp nháy màu tím hay xanh dương).

- b/ bốn cảnh thấp ứng với óc cụ thể còn gọi là cõi hạ trí hay hạ thiên, sắc giới (rupa, tư tưởng biểu lộ bằng hình, thí dụ ta thương mến và nghĩ tới ai thì tạo nên hình nhỏ bé của họ trong thể tình cảm của ta, người có thông nhãn thấy hình ấy và do đó ‘đọc’ được ý nghĩ của ta, hay tín đồ dự lễ tại chùa, nhà thờ nhưng lòng ao ước nữ trang, nhà cửa thì các ý này cũng thấy rõ trong thể của họ!). Đây là tây phương cực lạc, hay thiên đàng trong tôn giáo, chỗ ta ngơi nghỉ (Devachan) giữa hai kiếp sống chờ đợi tái sinh.

Cõi Tình Cảm (Astral plane) còn được dịch là Trung giới.

Chữ astral – astre: tinh tú – được dùng vì với người quan sát từ cõi trần, nó lấp lánh như ánh sao.

Cõi Vật Chất (Physical plane), còn gọi là hồng trần, Hạ giới.

Mỗi cõi lại chia làm 7 cảnh, ba cảnh thấp nhất của cõi trần là đặc, lỏng và hơi; bốn cảnh cao gọi là cảnh ether. Cõi và cảnh không phải là nơi chốn không gian riêng biệt, mà xếp chồng và thấu nhập vào nhau tựa như khí lan vào chất đặc, lỏng. Theo cơ tiến hóa, con người sau khi làm chủ một cõi sẽ tiến sang cõi trên nó để học hỏi tiếp; như vậy sau cõi trần, ta phát triển và kiểm soát tình cảm thay vì để chúng chế ngự, rồi kế đó học sử dụng lý trí, dùng óc thông minh tìm tòi học hỏi.

Chân ngã, hay Chân nhân (Ego, Higher Self).

Phần linh hồn thiêng liêng trường tồn qua bao kiếp sống so với phàm ngã là vật vô thường, tan biến sau mỗi kiếp. Còn gọi là con người thật.

Chân Sư (Master).

Bậc tiến hóa cao được năm lần chứng đạo trở lên và thấu nhận đệ tử. Đây là danh từ chúng ta gọi các Ngài, còn thì các Ngài tự xưng mình là huynh trưởng, người đi trước ta một đoạn trên đường tiến hóa. Một trong các Chân Sư quen thuộc là Đức Jesus, Vị đã cho Đức Chúa (Đức Di Lặc, thầy của Ngài) mượn xác trong ba năm cuối đời Ngài ở Palestine để giảng đạo. Thánh Paul, Ngài Long Thọ (Nagarjuna) là những Chân Sư khác, đức Khổng Tử cũng là một vị Đại Chân Sư.

Chứng đạo (initiation).

Sự tiến hóa của con người được đánh dấu bằng việc mở rộng tâm thức. Mỗi chặng như vậy được gọi là chứng đạo, chỉ mức độ phát triển tâm linh và nghi lễ xác định sự đạt tới mức độ ấy, còn được dịch là điểm đạo. Mục tiêu con người trong chu kỳ tiến hóa này là đạt tới lần chứng đạo thứ năm. La Hán là bậc được bốn lần chứng đạo.

Đạo đồ, đạo gia (initiate).

Có hai nghĩa, nghĩa rộng nói chung ai đã nhận được chứng đạo, nghĩa giới hạn chỉ người nhận chứng đạo ba lần trở xuống.

Đạo sư (adept).

Vị qua năm lần chứng đạo trở lên.

Đệ tử.

Khi thấy một người có khả năng và muốn giúp đời, Chân Sư thấu nhận họ và chỉ dạy, làm cho khả năng phụng sự của họ được gia tăng, còn việc người ấy cùng lúc được phát triển về tâm linh là chuyện phụ và không hề là lý do chính để được thấu nhận; nói cách khác, Chân Sư đi tìm và được hấp dẫn bởi lòng thành tâm giúp đời, mà không phải ước ao được tiến bộ tinh thần cho riêng mình. Hiện nay, việc Chân Sư thấu nhận đệ tử vẫn đang tiếp tục.

Giống dân (root race).

Sách ghi rằng trong đời sống của trái đất có 7 giống dân chính (mẫu chủng) xuất hiện, hai giống dân đầu đã mất tích hẳn, giống dân thứ ba còn lưu lại dấu vết là thổ dân ở Úc hay bushman ở sa mạc Kalahari của Nam Phi. Giống dân thứ tư đa số ở Châu Á, ngày nay là tầng lớp thấp nhất của Trung Hoa, Mông Cổ... giống dân thứ năm là người da trắng, còn hai giống dân chót chưa ra đời. Theo nguyên tắc vào một thời điểm chỉ có ba giống dân hiện diện cùng lúc trên địa cầu. Mỗi mẫu chủng lại có 7 chi chủng (sub-race, giống dân phụ), theo đó Nhật Bản là chi thứ 7 của mẫu chủng thứ 4, còn chi thứ 6 của mẫu chủng thứ 5 đang bắt đầu xuất hiện, và mỗi chi lại có 7 nhánh phụ (branches).

Mỗi giống dân chính có đặc tính riêng, có tính chất phải khai mở trong thiên cơ; giống dân thứ tư phát triển tình cảm, giống dân thứ năm phát triển trí tuệ và giống dân thứ sáu là trực giác. Ta chớ lầm cái chót với chi thứ 6 của giống dân thứ 5 có liên hệ với giống dân thứ sáu, nhưng đặc tính nổi bật của chi này sẽ là việc sử dụng óc trừu tượng mà không phải hoàn toàn hướng về trực giác. Lại nữa, nó không có nghĩa tất cả người Á châu đều thuộc giống thứ tư và người da trắng nào cũng thuộc giống thứ năm; các linh hồn tiến hóa đầu thai vào bất cứ nơi nào cần để phụng sự và cũng để trang trải nhân quả, hay học điều cần phải học.

Hạt nguyên tử trường tồn (permanent atom).

Mỗi thể xác, tình cảm, trí có một hạt nguyên tử trường tồn, cái vẫn tồn tại sau khi con người qua đời trút bỏ các thể khiến chúng tan rã. Hạt lưu trữ tất cả kinh nghiệm con người đã trải qua trong ba cõi. Khi tái sinh thiên thần dựa vào hồ sơ trong ba hạt mà tạo những thể thích ứng với nhân quả.

Hình tư tưởng (thought form).

Mỗi tư tưởng cụ thể hay trừu tượng, tình cảm con người phát ra đều tạo nên hình ở cõi thanh, chúng có màu sắc và hình dạng tương ứng với đặc tính của các ý. Nếu ý mạnh, hình có thể phóng tới đối tượng, mang theo năng lực của nó và đem chuyện lành hay chuyện dữ tới họ. Lời cầu nguyện của bà mẹ là một thí dụ, nó mang tình cảm thương yêu đến con bà cũng như lời cầu nguyện cho người chết có kết quả rất thực, giúp họ sớm thức tỉnh hơn với cảnh đời mới và thấy bình an trong những ngày đầu chuyển tiếp giữa hai lối sống.

Hồn Khóm (group soul).

Thực thể thấp hơn loài người như cây cỏ, thú cầm chưa có phần hồn riêng biệt mà có một linh hồn chung gọi là hồn khóm. Khi chết mỗi sinh vật quay trở về đây mang theo kinh nghiệm riêng của chúng, và thêm vào khối kinh nghiệm chung của hồn khóm. Vì có sự đóng góp và chia sẻ kinh nghiệm này mà mỗi loài (hoa hồng, chó v.v.) có những đặc tính chung, thấy biểu lộ nơi mỗi sinh vật thuộc về loài ấy bên cạnh đặc tính riêng của sinh vật.

Karma

Nhân quả.

Phàm ngã (Personality, ego, lower self, còn dịch là phàm nhân).

Cái ngã, cái tôi, cá tính, chỉ phần thấp của linh hồn trong mỗi kiếp sống ở cõi trần. Trong các sách về Minh Triết Thiêng Liêng, chữ Ego với E hoa chỉ chân nhân, cái tôi thiêng liêng bất diệt, phần linh hồn; còn chữ ego với e thường chỉ phàm nhân. Ý nghĩa hai chữ ego này khác với lối dùng của khoa tâm lý và cần phân biệt, cũng như đôi khi ego với e thường lại ngụ ý chân nhân!

Tinh linh (Elementals).

Là những sinh vật ở ba cõi vật chất, tình cảm và trí lo việc tạo dựng mặt hình thể của sự sống. Thường khi con người không thấy được chúng. Sinh vật chưa có ngã thức riêng, được sai khiến bằng thần chú để làm chuyện lành hay dữ tùy ý người sử dụng chú ngữ. Các phép thuật như hô phong hoán vũ chính là sự điều khiển các tinh linh này. Tinh linh đất như chú lùn tạo nên tinh thể đá, khoáng thạch, làm mùa màng chín, cây lá đổi màu; tinh linh không khí sinh ra gió, thủy tiên sống ở suối, thác, biển và sinh ra mưa bão v.v.. Tinh linh tiến hóa cao có được ngã thức và thành thiên thần. Chính thiên thần điều khiển tinh linh tạo nên các thể con người trong giai đoạn tạo hình khi tái sinh, nhân gian gọi các ngài là bà mẹ.

Tinh linh thấp kém ưa thích làm rung động nặng nề, thô kệch, hung bạo, nên có hiện tượng sát sinh để tế thần. Trên đường tiến hóa đi theo hình chữ V, tinh linh là sinh vật đang tiến hóa theo chiều đi xuống nên tuy có vị trí chính đáng trong thiên cơ, mục tiêu và đường lối hoạt động của chúng đối nghịch hẳn với người. Các tôn giáo lớn đều răn dạy tín đồ tránh xa cùng ham muốn việc tập luyện huyền thuật, vì huyền thuật sử dụng tinh linh mà với ai thân, tâm chưa trong sạch, chưa thông thạo huyền bí học, đó là việc làm tối nguy hiểm.

Thể Sinh Lực (etheric body, vital body còn gọi là thể phách).

Một thể thanh của con người, làm bằng chất ether của cõi trần, có nhiệm vụ luân lưu sinh lực prana từ mặt trời đi vào thể xác.

Nhóm Huynh Đệ Chánh Đạo (White Brotherhood).

Tổ chức của những đẳng Cao Cả chăm sóc sự tiến hóa trên địa cầu, còn được gọi là Thiên đoàn (Hierachy), Đại đoàn Chưởng Giáo, hay Đại đoàn. Trong sách về Minh Triết Thiêng Liêng, chữ Hierachy với H hoa được dịch như trên, với h nhỏ dịch là loài, thí dụ loài vật, loài người. Đức Phật, Đức Chúa và các Chân Sư đều thuộc về Thiên đoàn.

Thông nhãn, thông nhĩ (clairvoyance, clairaudience).

Khả năng thấy và nghe được sự việc ở cõi khác, còn được dịch là thần nhãn và thần nhĩ, nhưng xét ra chữ thần không đúng lắm vì ai cũng có thể luyện tập để có khả năng này (còn nên có hay không lại là chuyện khác), mà không phải chỉ thần thánh mới có; nó

cũng không phải là quan năng tinh thần mà trong nhiều trường hợp là biểu hiện của phần tâm linh thấp, chẳng hạn thú vật như chó, mèo, ngựa và người rất sơ khai ở các bộ lạc da đỏ hay ở Phi châu có khả năng ấy, nên chữ thông (clair: trong sáng) chính xác hơn.